

làng văn

99
Tháng 11.92



*Đã phát-hành rộng-rãi
khắp mọi nơi*

loạt tham-luận của Nguyễn Hữu Nghĩa về

- . Tiếp-tế thân-nhân tại quê nhà và du-lịch CSV
- . Hòa-hợp hòa-giải dân-tộc
- . Nhận-diện văn-nghe cõi trời
- . Viện-trợ cho Hà-nội
- . Giao-lưu văn-hóa với CSVN
- . Kinh-nghiệm Liên-sô và Đông Âu
- . Trường-hợp Dương Thu Hương
- . Phê-bình bản dự thảo sửa đổi hiến-pháp của CSVN

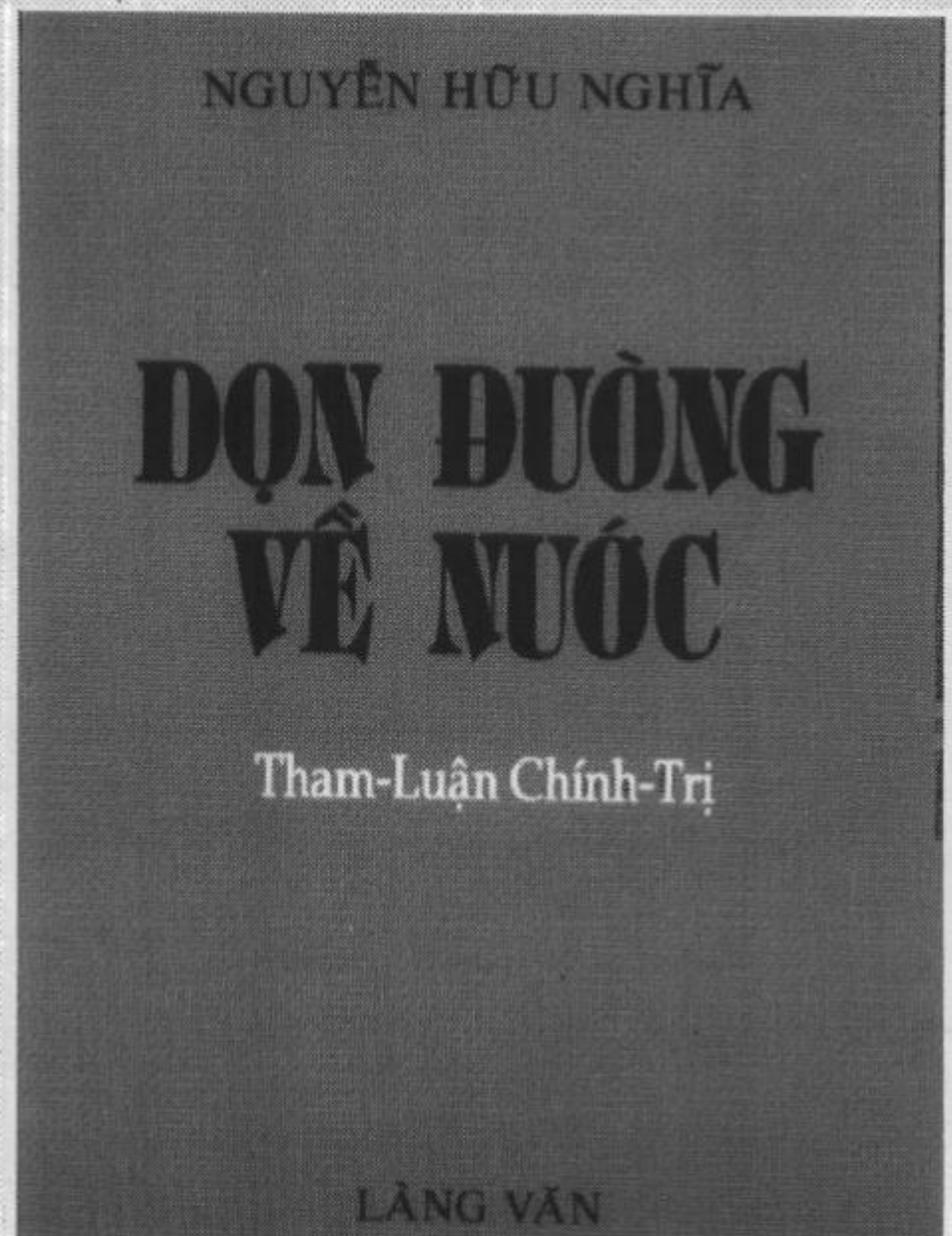
Sẽ phát-hành trong năm:

☀ **DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC**

tập 2:

- Vấn-đề Trịnh Công Sơn
- Vấn-đề chia cắt đất nước lần thứ hai
- Đấu-tranh trong lòng địch
- Giải giới quân-sự
- Tháo-gỡ chính-trị
- Chiến-tranh nổi dậy
- Điều-kiện tiến tới bầu-cử tự do
- Phác-họa một thể-chế tương-lai cho đất nước
- Các vấn-đề thời-sự

☀ **PHÊ-BÌNH
HIẾN-PHÁP 1992
CỦA CSVN**



làng văn



P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont., M6M 5B9, Canada
Tel. (416) 249-4195 / Fax: (416) 240-0342

Published 12 times a year
Second Class Mail Reg. No 8040
ISSN: 0832-1922 — LDN: 310578.

Volume 9 — No 99 — November 1992

TRONG SỐ NÀY :

Tin văn.....	2
Tin Việt-nam	3
Trong làng.....	7
Hội-đồng Việt-nam Tự-do tôn-vinh 60 người Việt.....	12
Tin tị-nạn.....	13
Cái mù của Đờ Chiếu, Lê Văn Lân.....	14
Thơ Cung Vũ.....	21
Thơ Phan Thịnh.....	22
Chén trà ngát hương thiền, Vi-An.....	24
Thơ Trần Ngân Tiêu.....	28
Qui-luật hòa-hài của một bonsai, Lê Thị Tâm & Đỗ Văn Luật.....	30
Phỏng-vấn ViệtPhương, Đào Huy Đán.....	36
Thơ Việt Phương.....	40
Thơ Trương Ái Minh.....	42
Thơ Trần Văn Lệ.....	45
Thơ Lê Đức Dũng, Vạn Giã.....	48
Ván cờ ma-quỷ, Hồ Ông.....	50
Thơ Cao Xuân Tứ.....	52
Thơ Cao Hoàng Nhân.....	55
Những thuở giao-thời, Phạm Long.....	56
Thơ Thụy Ý.....	59
Xóm hạc: Thơ Thúy Sơn, Cao Tiêu, Kinh Tân.....	60
Giải Nobel văn-chương năm 1992, Lê Tường Thụy.....	61
Chốn xa mù, Văn Nương.....	62
Chuyện sách, Trần Lang.....	63
Xóm Mãng: Tình đầu, tình cuối, Ngô Nguyên Dũng.....	66
Ô chữ Lê Minh Hiền, Thơ Hải Âu.....	68
Xóm cũ: Làng Đào Khê, Chu Văn Hiền.....	69
Thơ Hoàng Việt Thi.....	70
Thơ Nguyễn Bá Dĩnh.....	71
Ngọc sáng trong hoa sen, Nguyễn Phong.....	72
Thơ Xuân Bích, Thủy Quyên.....	74
Thơ Nguyễn Dũng.....	75
Thơ T.T. Máy Trên Ngàn.....	77
Cùng trên mảnh đất ấy, Hồ Trường An.....	81
Xếp Al Capone, Lê Xuân Nhị.....	80
Thơ Hà Huyền Chi.....	82
Thơ B.H.T.....	84
Thơ Lê Dã Sử.....	87
Quay trong cơn lốc, Nguyễn Ngọc Ngạn.....	90
Thơ ViVi.....	93
Thơ Hoài Việt.....	94
Thơ Nguyễn Quang Minh.....	99
Độc-giả thắc-mắc.....	101
Sau lớp phủ-mù, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	104
Góc thơ chùa: Nam Chi thượng-nhân, Trần Ngân Tiêu.....	108
Giới-thiệu - Nhân tin tị-nạn.....	109
Thư di tin lại.....	112

Ảnh bìa của Trần Cao-Linh

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà—Bút Chì—Cao Tiêu—Cung Vũ
Diệu Tần—Dương Thượng Ngã—Đan Quế
Đào Trường Phúc—Đào Huy Đán—Đỗ Khánh Hoàn
Hà Huyền Chi—Hoàng Chính—Hoàng Du Thụy
Lăng Nhân—Lâm Hảo Dũng—Lê Văn Lân
Ngô Nguyên Dũng—Nguyễn Phong—Nguyễn Bá Dĩnh
Nguyễn Đức Bại Ngàn—Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Ngọc Ngạn—Phạm Quang Ngọc—Phạm Thăng
Tự Tình—Thái Văn Kiêm—Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga—Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Tích

Cộng-tác:

Bắc Phong—Bào Chấn—Cao Bình Minh—Cao Xuân Lý
Cao Xuân Tứ—Đặng Thị Quế Phương—Đoàn Tam
Đỗ Quý Toàn—Đổng Nghi—Hàn Song Tường
Huỳnh Liễu Ngạn—Hoài Châu—Kha Huyền
Lê Thụy Vi—Mai Kim Ngọc—Ngọc Hân—Ngọc Khôi
Như Chi—Ngô Du Trung—Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng—Nguyễn Quốc Trụ—Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân—Nguyễn Việt—Nguyễn Tư
Nguyễn Trung Tâm—Nguyễn Thị Vinh
Nguyễn Hữu Nhật—Phạm Hoàng Hộ
Quỳ Hương—Phùng Nhân—Thái Tú Hạp
Thủy Trang—Tố Kiều Phương—Trần Mộng Tú
Trần Quang Hải—Trần Văn Lệ
Trịnh Gia Mỹ—Văn Nương—Võ Đình—Võ Phiến

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh:

Babui—Nguyễn Khai—Nguyễn Đồng—Nguyễn Tăng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Phạm Thế Trung
Thái Tuấn—Vệ—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh:

Lê Quang Xuân—Cung Vũ

- Văn-phòng đại-diện tại Âu-châu: Bạch Thái Hà
Anh: Hoài Châu Pháp: Bạch Thái Hảo
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim
- Văn-phòng đại-diện tại Á-châu: Đỗ Thông Minh
- Văn-phòng đại-diện tại Úc-châu: Phạm Quang Ngọc
- Đại-diện tại Hoa-kỳ:
Nguyễn Ngọc Thanh (Texas) Linh Phương (Florida)
Nguyễn Hùng (Bắc Cali) Võ Thắng Tiết (Nam Cali)

GIÁ BÁO BÁN LẺ

Gia-nã-đại & Hoa-kỳ: \$4 — Pháp: 30 quan
Anh: 2 bảng — Đức: 8 đức mã
Hòa-lan: 8 gulden — Đan-mạch: 25 krone
Úc: 8 úc-kim — Nhật: 600 yen

**Giá báo dài hạn và
giá biểu quảng-cáo: trang 112**

tin văn



NAM-TU BỊ TRỤC XUẤT KHỎI LIÊN-HIỆP-QUỐC

Đại Hội-đồng Liên-hiệp-quốc trong khóa họp ngày 22.9 đã quyết-định trục-xuất nước Nam-tu (cũ) khỏi tổ-chức này, với 127 phiếu thuận, 6 phiếu chống và 26 phiếu trắng. Nước Nam-tu mới chỉ còn lại hai tiểu-bang Serbia và Montenegro, sẽ phải làm đơn xin tái gia-nhập và đợi Đại Hội-đồng cứu-xét.

CÁC GIẢI NOBEL 1992

Giải Nobel Hoà-bình:

Giải Nobel Hoà-bình được trao cho bà Rigoberta Menchú, 33 tuổi, thổ-dân Mayan (Guatemala), hiện lưu-vong tại Mỹ-tây-cơ.

Quốc-gia này đang lâm vào cuộc nội-chiến chủng-tộc kéo dài 30 năm nay; và bà Menchú, người được coi là biểu-tượng cho hòa-bình của người Mayan, đã hội-kiến với Tổng-thống Jorge Serrano của Quốc-gia này để tìm cách chấm-dứt chiến-tranh.

Quốc-gia Guatemala rộng 42.000 dặm vuông, có gần 10 triệu dân, gồm hai giống dân Tây-ban-nha và Mayan (thổ-dân), ngôn-ngữ chính-thức là tiếng Tây-ban-nha.

Quốc-gia Guatemala cổ thuộc về thổ-dân Mayan, bị Tây-ban-nha thống-trị từ năm 1524. Hiện nay 45% dân-số là thổ-dân Mayan, 45% lai giống giữa Tây-ban-nha và thổ-dân, 5% Tây-ban-nha thuần-chủng, số còn lại là người da đen và Trung-hoa.

Giải Nobel Hóa-học:

Giải này trao cho ông Rudolph Marcus, 69 tuổi, sinh tại Gia-nã-đại, nghiên-cứu-gia của Viện Kỹ-thuật California, do phát-minh của ông vào thời thập-niên 50 và 60,

cho thấy các phản-ứng hóa-học sẽ xảy ra khác nhau ở các tiến-trình nhanh chậm khác nhau, căn-cứ trên phân-tích toán-học về sự di-chuyển của âm-điện-tử và nguyên-tử.

Giải Y-học:

Trao cho nhóm khoa-học-gia hai người, là Edmond Fischer, 72 tuổi và Edwin Krebs, 74 tuổi. Hai nhà khoa-học này đã làm việc chung với nhau trong 40 năm, và đều là giáo-sư của Đại-học Seattle, tiểu-bang Washington. Công-trình của họ là khám-phá tế-bào hữu-cơ hồi thập-niên 50, và tiếp-tục khai-thác ứng-dụng để tìm ra nhiều chứng bệnh khác nhau.

Khoa-học kinh-tế:

Trao cho ông Gary Becker, 61 tuổi, giáo-sư Đại-học Chicago, bình bút tờ *Business Week*.

Vật-lý-học:

Trao cho ông George Charpak, 68 tuổi, nghiên-cứu gia của Tổ-chức Nghiên-cứu Nguyên-tử của Âu-châu, gần Geneva.

- Văn-chương:

Giải Nobel Văn-chương năm nay về tay thi-sĩ Derek Walcott, 62 tuổi, người lai giữa các giống Phi-châu, Dutch và Anh, sống trong vùng biển Caribbean.

ĐỘNG ĐẤT TẠI AI-CẬP, 500 CHẾT

Đầu tháng 10 vừa qua, một trận động đất tương-đối nhẹ (5,9 độ Richter, kéo dài 40 giây) tại thủ-đô Cairo của Ai-cập, đã giết chết hơn 500 người, 6500 người bị thương.

SHEVARDNADZE THẮNG LỚN TẠI GEORGIA

Ông Edouard Shevardnadze, cựu Ngoại-trưởng Liên-sô cũ (thời TT Gorbachev) đã thắng lớn với 95% tổng-số phiếu bầu trong cuộc bầu-cử Chủ-tịch Quốc-hội tại nước Georgia vừa qua.

PHANH-PHUI TỘI-ÁC CỦA LIÊN-SÔ CŨ

Liên-bang Nga đã công-bố hai bằng-chứng tố-cáo tội-ác của Liên-sô cũ, trong đó có "hộp đen" thu bằng chuyến bay 007 của hãng Hàng-không Đại-hàn (bị Không-quân Liên-sô bắn rơi ngày 1.9.1983, giết chết 269 người), và thủ-bút của Joseph Stalin ký ngày 5.3.1940 (ra lệnh hạ-sát 25.700 sĩ-quan người Ba-lan).

TRUNG-CẦU DÂN Ý TẠI GIA-NÃ-ĐẠI

25.10.—Sau khi *Làng Văn* lên khuôn một ngày, toàn dân Gia-nã-đại bỏ phiếu về bản Hiến-pháp mới, trong đó có một chương công-nhận tỉnh-bang Québec là một xã-hội riêng biệt, luôn luôn được 1/4 tổng-số ghế tại Hạ-nghị-viện (3/4 còn lại chia cho 9 tỉnh-bang và 2 lãnh-địa).

Nếu bản Hiến-pháp mới không được toàn dân chấp-thuận, đảng Québécois (chủ-trương ly-khai) có thể sẽ thắng-cử và nắm chính-quyền tại Québec trong năm tới, rồi cho trung-cầu dân ý Québec để tuyên-bố độc-lập vào khoảng 1994.

THỔ-NHĨ-KỶ XUA ĐẠI QUÂN TẤN CÔNG NGƯỜI KURD TẠI IRAQ

Từ ngày 22.10, Thổ-nhĩ-kỳ đã xua 50.000 quân, với sự yểm-trợ của phi-cơ và pháo-binh, tấn-công sâu 20 cây số vào nội-địa Iraq để tiêu-diệt 10.000 du-kích-quân Kurd.

Thổ-nhĩ-kỳ hiện nay là quốc-gia có lực-lượng quân-sự mạnh vào hàng thứ nhì trong khối NATO, sau Hoa-kỳ.



tin việt-nam

VC TÌM CÁCH HẠ-NHỤC CHIẾN-SĨ LÝ TỔNG

Trước sự xao-xuyến của đồng-bào trong nước và phong-trào chống Cộng lên cao tại hải-ngoại, CSVN đã ra lệnh cho các cơ-quan tuyên-truyền của chúng tìm đủ mọi cách hạ-nhục chiến-sĩ Lý Tổng.

Báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 2.1 với bản tin hai cột ở trang hai, dưới tựa đề "Tên không-tặc trên chiếc

máy bay A-310 rơi xuống đâu?" tiết-lộ rằng chiến-sĩ Lý Tổng đã nhảy xuống phườn 1, quận 8 Sài-gòn và 4 giờ sau mới bị bắt.

Bản tin gọi chiến-sĩ Lý Tổng là "bộ mặt chống-phá điên-cuồng của bọn phản-động trong người Việt lưu-vong ở nước ngoài."

Ngoài những chi-tiết bịa-đặt để hạ-nhục đối-phương một cách bỉ-ổi theo phương-thức thông-tin của Nhà nước, CSVN mô-tả chiến-sĩ Lý Tổng "vốn là tên sĩ-quan ngục, đã từng lái máy bay đánh-phá, bị quân-dân ta bắn rơi và bị bắt, hấn trốn trại, vượt biên chạy ra nước

ngoài và tham-gia tổ-chức chính-trị phản-động..."

Lâu lắm, kể từ ngày "đổi mới" và "giao-lưu văn-hóa" với "khúc ruột ngoài ngàn dặm", kêu-gọi "hòa-hợp hòa-giải", xóa bỏ hận-thù, ngưng chống Cộng, v.v. cho tới nay CSVN mới để lộ cho thấy thái-độ hần-học và lòng oán-thù khôn nguôi của họ.

Qua thái-độ đối với "tên sĩ-quan ngục" Lý Tổng và bọn "phản-động lưu-vong ở nước ngoài", người ta thấy rõ, CSVN không hề mong muốn đoàn-kết, hòa-giải. Họ chỉ muốn người Việt lưu-vong đầu hàng chế-độ.

GỠ CẦU RA BÁN

Bất-chước công-binh VC tháo cầu sắt ra bán sắt vụn, một nhóm thanh-niên Hà-nội đã tổ-chức tháo gỡ một phần cầu sắt Chương-dương ở Gia-lâm ra lấy sắt mang đi bán. Công-an Hà-nội đã bắt được một thanh-niên tên Nguyễn Văn Thanh, 21 tuổi, quê ở quận Hoàn-kiểm (Hà-nội). Thanh khai đã tháo được 40 thanh sắt giằng cầu, thuộc các nhịp 3, 4, 5, 6 và 7 từ phía Gia-lâm sang, bán với giá 1400 đồng

GIÁ BÁO LÀNG VĂN NĂM 1993

Để có thể sống-sốt phục-vụ độc-giả trước tình-trạng leo thang phi-mã của cước-phí bưu-điện, giá giấy, giá in và bao nhiêu chi-phí khác, Làng Văn buộc lòng phải tăng giá bán sau hai năm cầm-cự.

Giá báo mới, hiệu-lực từ số 101, tháng 1.1993, như sau:

1) BÁO BÁN LẺ, TẠI:

- Gia-nã-đại: \$4.50 gia-kim
- Hoa-kỳ: 4.50 mỹ-kim
- Pháp: 30.00 quan
- Úc: 8.00 úc-kim
- Na-uy: 30.00 krone
- Nhật-bản: 600.00 yen
- Các nước khác: 4.50 mỹ-kim

2) GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Gia-nã-đại: 50 gia-kim (cả GST)

Hoa-kỳ: đường bộ: 50 mỹ-kim

máy bay: 70 mỹ-kim

Các nước khác:

đường thủy: 50 mỹ-kim

máy bay: 80 mỹ-kim

Lưu ý:

Độc-giả dài hạn chưa hết hạn và độc-giả bắt đầu mua dài hạn, được quyền tái hạn sớm, hoặc bắt đầu mua dài hạn theo giá cũ (xem trang 112),

tối-đa 5 năm,

chi, ngân-phiếu hoặc tiền mặt mua báo, xin gửi về tòa-soạn, hạn chót ngày 31.12.1992

một kí sắt vụn.

Sống dưới chế-độ Cộng-sản, lớn ăn cắp, nhỏ ăn cắp nhỏ. Hiện thắng ăn cướp đang nhóm tòa-án nhân-dân để xử thắng ăn cắp.

BÌNH CŨ, RUỢU CŨ ... NHÃN MỚI

Quốc-hội khóa 9 của CSVN, trong khóa họp thứ nhất, đã theo lệnh Đảng, "bầu" ra thành-phần lãnh-đạo Hội-đồng Nhà nước và Quốc-hội, thay thế hai cán-bộ già nua Võ Chí Công và Lê Quang Đạo, đồng-thời đổi tên gọi của một số chức-vụ nhà nước.

Trong bài diễn-văn khai-mạc khóa họp của Quốc-hội, Đỗ Mười, Tổng Bí-thư đảng Cộng-sản ban huấn-dụ: *"Trong điều-kiện đổi mới nói chung và đổi mới hệ-thống chính-trị hiện nay, chúng ta phải ra sức phát-triển và không ngừng hoàn thiện chế-độ đại-diện, làm cho nó thực-sự thể-hiện bản-chất nhân-dân của Nhà nước ta."*

Tuân hành chỉ-thị đổi mới của Đỗ Mười, Quốc-hội VC đã đổi chức "chủ-tịch Hội-đồng Bộ trưởng" của Võ Văn Kiệt thành ra "thủ-tướng."

Về nhân-sự, Lê Đức Anh 72 tuổi đời, 54 tuổi Đảng, ủy-viên bộ Chính-trị Trung-ương Đảng, thay Võ Chí Công làm chủ-tịch nước. Lê Đức Anh người Phú-lộc, Thừa-thiên. Năm 1945, Anh làm tỉnh-ủy Thủ dầu Mọt; 1948 làm Tham-mưu trưởng Quân-khu 7, rồi Tham-mưu phó bộ Tư-lệnh Nam-bộ. Từ 1955, làm Cục phó Cục Tác-chiến rồi Cục trưởng Cục Quân-lực bộ Tổng Tham-mưu, mang quân-hàm đại-tá. Từ 1963, Phó Tổng Tham-mưu trưởng Quân-đội Nhân-dân VN, rồi Tham-mưu trưởng bộ Tư-lệnh miền Nam. Năm 1969 mang quân-hàm trung tướng. Năm 1975 làm Phó Tư-lệnh Chiến-dịch Hồ Chí Minh (xâm-lăng miền Nam). Năm 1976 làm Tư-lệnh kiêm Chính-ủy Quân-khu 7. Năm 1980, mang quân-hàm thượng tướng, Thứ trưởng Quốc-phòng, chỉ-huy

chiến-dịch xâm-lăng Cao-miên. Năm 1982 làm bộ-trưởng Quốc-phòng, phó Bí-thư Đảng-ủy Quân-sự Trung-ương. Năm 1984 mang quân hàm đại tướng.

Phó chủ-tịch nước là Nguyễn Thị Bình, cựu bộ-trưởng Ngoại-giao chính-phủ (bù-nhìn) Cánh-mạng lâm-thời Cộng-hòa Miền Nam VN (GPMN).

Nông Đức Mạnh, 52 tuổi đời, 29 tuổi Đảng, kỹ sư lâm nghiệp, được bầu làm chủ-tịch Quốc-hội, thay Lê Quang Đạo. Mạnh người Tày, Cường-lợi, huyện Na Rì, tỉnh Bắc-thái. Nông Đức Mạnh làm tỉnh-ủy Bắc-thái từ 1985, được bầu vào ban Chấp-hành Trung-ương Đảng năm 1989.

Về ban Thường-vụ Quốc-hội, ngoài Nông Đức Mạnh làm chủ-tịch, còn có 3 phó chủ-tịch là Nguyễn Hà Phan (bí-thư ban Chấp hành Trung ương), Đặng Quang Thụy (trung-tướng, tư-lệnh Quân-khu 2) và Phùng Văn Tửu (Tổng Thư-ký hội Luật-gia VC). Các ủy-viên gồm Vũ Đình Cự, Trần Thị Tâm Đan, BS Y-ngông Niếc K'đam (người Ê-đê), Mai Thúc Lân, Vũ Mão, Hoàng Bích Sơn (Chủ-tịch Ủy ban Việt-kiều Trung-ương), Phan Minh Tánh, Nguyễn Thị Thân và Hà Mạnh Trí.

Võ Văn Kiệt, 70 tuổi đời, ủy-viên bộ Chính-trị Trung-ương Đảng, từ chủ-tịch Hội-đồng Bộ-trưởng, chuyển chức danh thành thủ-tướng. Kiệt người Vĩnh-long, tham-gia phong-trào cộng-sản trong chiến-dịch Nam-kỳ khởi-nghĩa năm 1940. Sau 1975, Kiệt làm phó Bí-thư rồi Bí-thư Thành-ủy TP/HCM. Năm 1982 làm Chủ-nhiệm Ủy ban Kế-hoạch Nhà nước, phó Chủ-tịch rồi Chủ-tịch Hội-đồng Bộ trưởng, và được bầu vào bộ Chính trị Trung ương đảng từ 1982.

Ngoài ra, Quốc hội VC còn bầu Phạm Hưng vào ghế Chánh-án Tòa án Nhân-dân Tối-cao và Lê Thanh Đạo làm Viện-trưởng Viện Kiểm-sát Nhân-dân Tối cao.

TÂN NỘI-CÁC CỦA VÕ VĂN KIẾT

Quốc-hội CSVN (với 1/3 là ủy-viên Trung-ương Đảng và 2/3 là cán-bộ trung cao) đã bỏ phiếu phê-chuẩn thành-phần nội các của Võ Văn Kiệt, như sau:

Thủ-tướng: Võ Văn Kiệt

Phó Thủ-tướng:

- Phan Văn Khải

- Tướng (VC) Nguyễn Khánh

- Trần Đức Lương

Các bộ-trưởng:

- Quốc-phòng: Tướng Đoàn Khuê

- Nội-vụ: Tướng Công-an Bùi Thiện Ngộ

- Ngoại-giao: Nguyễn Mạnh Cầm

- Tư-pháp: Nguyễn Đình Lộc

- Tài-chính: Hồ Tế

- Thương-mại: Lê Văn Triết

- Khoa-học, Công-nghệ và Môi-trường (môi-sinh): Đặng Hữu

- Lao-động, Thương-binh và Xã-hội: Trần Đình Hoan

- Giao-thông Vận-tải: Bùi Danh Lưu

- Xây-dựng: Ngô Xuân Lộc

- Công-nghiệp nặng (kỹ-nghệ): Trần Lum

- Công-nghiệp nhẹ: Đặng Vũ Chư

- Năng-lượng: Thái Phụng Nê

- Nông-nghiệp và Công-nghiệp Thực-phẩm: Nguyễn Công Tan

- Thủy-lợi: Nguyễn Cảnh Dinh

- Thủy-sản: Nguyễn Tấn Trịnh

- Văn-hóa, Thông-tin: Trần Hoàn

- Giáo-dục và Đào-tạo: Trần Hồng Quân

- Y-tế: Nguyễn Trọng Nhân

Bộ-trưởng của các cơ-quan ngang hàng với một bộ trong chính-phủ, gồm có:

- Chủ-nhiệm Ủy-ban Kế-hoạch Nhà nước: Đỗ Quốc Sam

- Chủ-nhiệm Ủy ban Dân-tộc và Miền Núi: Hoàng Đức Nghi

- Chủ-nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp-tác và Đầu-tư: Đậu Ngọc Xuân

- Tổng Thanh-tra Nhà nước:

Nguyễn Kỳ Cẩm

- Thống đốc Ngân-hàng Nhà nước: Cao Sỹ Kiêm

Trưởng ban Tổ-chức Cán-bộ Chính-phủ: Phan Ngọc Tường

- Chủ-nhiệm Văn-phòng Chính-phủ: Lê Xuân Trinh

- Phụ-trách công-tác Dân-vận và Kế-hoạch-hóa Gia-đình: Mai Kỳ

- Phụ-trách công-tác Bảo-vệ và Chăm-sóc trẻ em: Trần Thị Thanh Thanh

- Phụ-trách một số công-tác của chính-phủ: Phan Văn Tiêm và Hà Quang Dự.

HÀNG TRIỆU THỢ THỦ-CÔNG LÀM HÀNG MÂY, TRE THẤT-NGHIỆP

Sau khi khối Liên-sô cũ và

Đông Âu chấm-dứt chế-độ cộng-sản, ngành thủ-công hàng làm bằng mây tre của CSVN bị phá-sản gần như hoàn-toàn.

Công-ty quốc-doanh xuất-cảng hàng thủ-công mây tre Barotex trước kia bán cho Liên-sô và Đông Âu 90% lượng hàng sản-xuất, có năm thương-vụ xuất-khẩu lên tới 54 triệu rúp.

Theo báo *Tuần tin-tức* xuất-bản tại Thành Hồ ngày 3.10, "từ năm 1991 cho đến nay, trước biến-động lớn và phức-tạp của thị-trường thế-giới, đặc-biệt là ách-tắc về 'đầu ra', qua thị-trường Liên-xô cũ và Đông-Âu, trên 5000 cơ-sở sản-xuất, gồm các tổ-hợp, hợp-tác-xã, xí-nghiệp và gia-đình gặp khó-khăn chồng-chất."



Vẫn theo bản tin của báo này, 1,8 triệu thợ thủ-công thuộc 38 tỉnh và thành-phố đã thất-nghiệp thường-xuyên.

NẠN "HOA TIÊU BẾN BÃI" TẠI BẾN XE LONG BIÊN

Theo báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 3.10, hành-khách ở Hà-nội khi có việc cần đi qua bến xe Long-biên, đều bị một toán du-đăng "xin đều" và "trấn-lột" tiền bạc.

Gọi là "xin đều", vì tuy là một lời xin tiền, nhưng giọng điệu đầy thách-đố và đe-dọa, hành-khách nào không cho sẽ bị "trấn lột", nghĩa là bị cả bọn xúm lại lục ví tiền, túi trên túi dưới, thậm chí còn sờ-soạng khắp người, cướp sạch tiền bạc không chừa một xu, ngay cả bộ-đội cũng bị lột sạch như mọi người.

Sau đây là một đoạn nguyên-văn bài báo:

"Từ sáng sớm đến đêm khuya, băng "xin đều" không rời bến bãi. Nhiều người tưởng chúng như một dịch-vụ có tổ-chức.

"— Nào ông bà, cô bác đi đâu, về đâu, Phúc-yên hay Vĩnh-yên... mời ra xe đang chờ khách.

"Chúng sốt-sắng đón đưa khách lên xe và chỉ ghế ngồi. Xe đủ khách, chúng đưa vé cho từng người và thu tiền.

"Nhận bao nhiêu vé, chúng trả đầy-đủ số tiền theo giá ghi trên vé cho chủ phương-tiện (chủ xe).

"Xe chuẩn-bị khởi-hành, chúng lên tiếng:

"— Nào ông bà, cô bác chuẩn-bị tiền, chúng em xin mỗi vé 5000 đồng.

"— Ó hay — một hành-khách lên tiếng — giá tiền ghi trên vé là 2500 đồng, sao các anh lại thu 5000 đồng?

"Từ cuối xe có tiếng đáp lại:

"— Thắc-mắc hử, anh bạn có thấy bọn em gần 10 đứa đây này, ngày đêm phục-vụ vất-vả các ông anh, bà chị đi xe, hoa-tiêu bến-bãi, bọn em không sống bằng không-khí và nước lã được, ông anh, bà chị thông-cảm cho..."

"Rồi mỗi đứa một lời nói như đe-dọa. Nhìn bọn chúng toàn thanh-niên, áp-đảo trên xe, với bộ mặt dữ-tợn và lời-lẽ thách-đố, sẵn-sàng gây chuyện, không ai bảo ai nhưng đều 'tự-giác' móc túi trả đủ số tiền chúng thu cho yên chuyện..."

Với cái nghề "xin đều" như vậy, hàng ngày chúng thu của mấy chục chuyến xe một khoản tiền khá lớn. Tối đến tên Hậu Kền (chúa đảng) 'chia quả' cho đồng bọn.

"Trên xe khách Thống-nhất mang số 29E-77-12 đã đủ khách do chúng đưa-đón, xếp-đặt.

"Hậu Kền đứng trước hai hành-khách trẻ tuổi, hất-hàm nói:

"— Xin hai anh bạn trẻ 10.000 đồng. Biết chúng thu quá chèn-lệch, nhưng thấy đông bọn đông-đảo vây quanh, nên hai anh cũng phải đưa đủ tiền cho chúng.

"Cầm 10.000, Hậu Kền đưa tay nói:

"— Hai anh còn 50.000 hoa-tiêu bến-bãi cho xin nốt.

"Lúc này một hành-khách trẻ khấn-khoản:

"— Bọn chúng em là bộ-đội về phép lên đơn-vị, không còn tiền, các anh cho chúng em xin.

"Lập tức Ngô Văn Toàn — tức Toàn râu — đáp lại:

"— Bộ-đội à, để cho tao!

"Thế rồi Toàn râu vỗ vai anh thanh-niên xưng là bộ-đội và đàng-hoàng lục-lợi túi của hai anh, vơ-vét được 20.000 đồng. Hai hành-khách trẻ yên-lặng sợ-hãi.

"Bỏ túi 20.000 đồng, Toàn râu quay sang lấy tiếp của hai hành-khách đi Bãi Bằng 20.000 đồng. Chúng cũng bảo đó là thu 'phí' hoa-tiêu bến-bãi."

Bài báo trên chỉ mới kể chuyện dân Hà-nội "trấn-lột" lẫn nhau, không đề-cập tới chuyện các Việt-kiểu du-lịch, từ Hà-nội đáp xe đi

các tỉnh, ra sao.

Đối với bộ-đội đi lẻ, và những người dân đã có nhiều kinh-nghiệm sống dưới chế-độ "cả nước ăn cướp", bọn du-đăng còn dám lộng-hành như vậy, gặp Việt-kiểu về nước chắc-chắn chúng sẽ lột sạch chỉ còn bộ đồ lót che thân.

167 VIỆT-KIỀU BỊ BẮT TẠI TÂN SƠN NHẤT

Kể từ ngày 5.9.92, sau vụ Lý Tống rải truyền-đơn kêu-gọi tổng nổi dậy và nhảy dù xuống Sài-gòn, công-an CSVN đã bủa lưới khám-xét gắt-gao các Việt-kiểu về du-lịch.

Hầu hết các nam hành-khách từ thiếu-niên tới các lão-niên còn tráng-khiến, đều bị giữ lại tại phòng an-ninh phi-trường hàng ba bốn giờ để thẩm-vấn và lục-soát.

Tất cả hành-lý, túi xách tay, máy ảnh,.. đều bị tháo tung. Công-an khám cả trong người, lần từng vạt áo để kiểm truyền-đơn (hay đồ-la?)

Theo con số ghi-nhận vào ngày 15.10, đã có 167 người bị bắt dẫn đi biệt-tích trước mặt thân-nhân ra đón, và không được thông-báo lý-do. Trong số những người bị bắt, có 3 phụ-nữ và 140 người đàn ông tuổi dưới 50 và 24 người tuổi trên 50. Hai thanh-niên thuộc binh-chủng Không-quân VNCH đã bị còng tay và bịt mắt ngay tại chân thang máy bay, sau khi công-an nhận-diện được trong tập ảnh hồ-sơ an-ninh.

Mạng lưới an-ninh sắt-thép này đã khiến nhiều hành-khách, kể cả Việt-nam lẫn ngoại-quốc, khiếp-sợ. Gia-đình ông Trần Đình B. gồm 5 người, hai vợ chồng và ba đứa con từ California về, tuy không bị cật-vấn gay-gắt như những người đi lẻ-loi, nhưng sau khi bị lục-soát và trông thấy cảnh-tượng bắt người, cảm thấy mất an-ninh, đã xin trở lại máy bay để ra khỏi Việt-nam ngay. Công-an phi-trường đáp-ứng lời yêu-cầu, nhưng thay vì dẫn gia-đình ông tới quầy vé, đã bắt ông và người con trai lớn mới 16 tuổi vào phòng An-ninh để điều-tra gần 5 giờ đồng hồ, khiến vợ con và thân-



nhân ra đón hoảng-sợ gần như chết đứng.

Cuối-cùng công-an đã yêu-cầu họ hãy ở lại "tham-quan tình-hình đối mới của đất nước", chờ vội ra về. Gia-đình ông B. không làm sao khác hơn được, đã cùng thân-nhân lên xe rời phi-trường.

MƯA LỤT TẠI MIỀN TRUNG

Từ ngày 5 tới 10.10 vừa qua, một trận mưa dầm đã gây lũ lụt trầm-trọng năm tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-trị, Thừa-thiên Huế và Quảng-nam Đà-nẵng.

Vũ lượng tại Vinh lên đến 777 ly, Nam-đàn 475 ly, Linh-cảm: 772 ly; Hòa-duyet: 448 ly, Huế: 680 ly, Quảng-trị: 578 ly. Riêng tại xã Trường-sơn, Quảng-bình, lượng mưa lên tới 1073 ly (tức hơn 1 thước nước).

Các triền sông ở Nghệ-an, Quảng-nam Đà-nẵng đều bị lũ. Trên sông Kiến-giang (Quảng-bình), đỉnh lũ lên cao tới 16,62 mét, vượt mức báo-động tới 3,62 mét. Trên sông Gianh (ở Mai-hóa), đỉnh lũ cao 7,06 mét.

Tin sơ-khởi cho biết, 89 người chết, 34 người mất-tích, 422.000 căn nhà ngập nước, 637.089 người không nơi cư-trú; 45.000 mẫu lúa và hoa màu hư-hại hoàn-toàn; 670 cây số đường sắt hư-hỏng.

CÁO LỖI

Vì bận-rộn công-tác chuẩn-bị dời tòa-soạn, số báo tháng này ra trễ mất một tuần.

Ngoài ra, *Làng Văn* số kế (100) sẽ tới tay quý độc-giả chậm hơn thường-lệ hai tuần, vì thư-tủ và bưu-phẩm ứ-đọng tại sở bưu-điện trong dịp lễ Giáng-sinh.

Xin trang-trọng cáo lỗi.

Làng Văn



trong làng

SÁCH MỚI CỦA LÀNG VĂN

Trong tháng 10 vừa qua, *Làng Văn* đã lên khuôn hai cuốn sách mới, gồm:

- *Thạch kiếm*, tập IV (tập chót), tiểu-thuyết thiên-học kiếm-đạo Nhật-bản, Tự Tình (Nguyễn Nhật Tân) phóng-tác. Bộ truyện này đã đăng liên-tiếp trên *Làng Văn* trong 8 năm, kể từ 1984. Sách trình-bày quan-niệm về đời sống cũng như khuyến khích trau dồi nghị lực nội tâm, phát huy tình yêu thiên nhiên của một đại kiếm khách Nhật, Miyamoto Musashi, người đã trở thành mẫu mực cho các nhà kinh tế thời đại của quốc gia này theo đuổi và áp dụng thành công trên thương trường ngày nay.

- *Cặp mắt quay lại*, tuyển tập truyện ngắn, tác-phẩm thứ 9 của Nguyễn Đức Lập. Tác-giả là cựu luật-sư ở Việt-nam, con trai của nhà văn Tùng Long, đã góp mặt trong làng văn gần mười năm qua, với các cuốn *Những đêm không ngủ* (thơ), *Cuộc chiến tàn chưa* (truyện), *Kiểm-đạo I, II* (truyện), *Ngẩn cổ khó kêu* (truyện), *Nhút biết nhì quen* (truyện), *Phong vũ tiêu tiêu loi vũ động* (truyện), *Khung rào hẹp* (tập truyện) và *Giàn*

đậu mưa rung (truyện).

Nguyễn Đức Lập là người vững lập-trường, dụng văn để xây-dựng xã-hội, góp sức đấu-tranh cho tự-do dân-chủ tại quê nhà. Truyện của ông đào sâu tâm-lý nhân-vật, vượt lên trên cái tầm thường khô cứng của văn-chương luận-đề.

Sách dày 236 trang, giá 12 mỹ-kim (15.5 gia-kim).

Trong tháng 11, *Làng Văn* sẽ in hai cuốn *Kỹ-thuật bonsai* của Nguyễn Nhật Tân và *Từ Khám lớn tới Côn-đảo* của An Khê.

Tháng 12, *Làng Văn* in cuốn *Tuyển tập truyện ngắn Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991-1992*.

"TÌNH NGƯỜI" CỦA DƯƠNG KIM

Dương Kim, sinh-viên, là một khuôn mặt mới trong văn-chương Việt-nam, con trai của nhà văn Dương Kiên, cháu ngoại của nữ-sĩ Nguyễn Thị Vinh, hiện là Đại-diện *Làng Văn* tại Na-uy.

Tình người là một dịch-phẩm, do Dương Kim tuyển dịch từ 16 danh-tác của 15 nhà văn Na-uy, Nguyễn Hữu Nhật vẽ bìa và phụ-bản, Nguyễn Thị Vinh viết bạt để nói thêm về nội-dung từng tác-phẩm, cơ-sở Anh Em (Na-uy) xuất-bản, *Làng Văn* ấn-loát và tổng phát-hành.

Ngoài bài dịch, Dương Kim còn viết phần tóm-lược tiểu-sử và văn-nghệ nghiệp tác giả, kèm theo minh họa chân dung từng nhà văn (với nét vẽ của Nguyễn Hữu Nhật), tạo cho độc giả ấn-tượng sâu-đậm về các khuôn mặt văn-chương của quốc-gia này.

Sách dày hơn 200 trang, giá 10 mỹ-kim (13 gia-kim), liên-lạc: *Làng Văn*.

NHÀ BÁO TUẤN QUỲNH ĐÃ TỚI THỤY-ĐIỂN

Nhà báo Tuấn Quỳnh Đặng Tú Lương đã rời trại tị-nạn, sang định-cư tại Thụy-điển từ hôm 21.9.92 vừa qua. Ông đã viết thư nhờ *Làng Văn* chuyển lời cảm tạ của ông tới

Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại (nhiệm-kỳ Nguyễn Ngọc Ngạn) cùng báo-chí hải-ngoại đã tích-cực vận-động các cơ-quan tị-nạn, nhân-quyền, luật-gia và bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ can-thiệp, giúp-đỡ các anh em cầm bút còn kẹt lại tại các trại tị-nạn, trong đó có ông, được chấp-nhận quyền tị-nạn.

RA MẮT SÁCH MỚI VÀ ĐẠI-HỘI THƯỜNG-NIÊN VĂN BÚT VN/ONTARIO

Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam / Ontario (Gia-nã-đại) đã tổ-chức xong Đại hội thường niên hôm 11 tháng 10 vừa qua tại Toronto. Chương-trình Đại-hội gồm có ra mắt sách, tổng-kết hoạt-động trong năm và cơm tối.

Trong phần ra mắt sách mới, Trung-Tâm Văn Bút VN/Ontario đã giới-thiệu hai thi-phẩm *Hoa tâm-tư* của nữ-sĩ Song Hường và *Hương quê* của nữ sĩ Lê Bạch Lưu.

Tác phẩm của hai nhà thơ đẹp lão đã được đón-nhân nồng-nhiệt.

Nữ-sĩ Lê Bạch Lưu cư-ngụ tại Montréal, hội-viên Trung-Tâm Văn Bút VN/Québec, là một trong những người giữ vững lập-trường, sẵn-sàng hi-sinh quyền-lợi cá-nhân cho quyền-lợi tối-thượng của dân-tộc. Tuy không cùng trung-tâm, nhưng Văn Bút Ontario quý-trọng sự khảng-khái của bà, đã mời nhà thơ về Toronto ra mắt sách để đề-cao tinh-thần tranh-đấu của những chiến-sĩ quốc-gia cùng chí hướng.

Khuôn mặt thứ hai là nữ-sĩ Song Hường, với tác-phẩm đầu tay còn thơm mùi giấy mực. Bà Song Hường là khuôn mặt thi-ca quen-thuộc của cộng-đồng Việt-nam tại Toronto, chuyên về thơ Đường, đã đóng-góp nhiều cho sinh-hoạt cộng-đồng.

Nhìn chung, buổi ra mắt sách rất trang-trọng nhưng không kém phần thân-mật.

Trong phần họp, nhà văn Trà Lũ, chủ-tịch Trung-tâm, đã tường-trình về hoạt-động của Trung-tâm trong năm qua, và đại-hội đã bàn về

chương-trình sinh-hoạt trong năm tới.

Trung-tâm Ontario hiện có 55 hội-viên, gồm nhà văn, nhà thơ và nhà báo, trong đó có 48 người cư-trú trong tỉnh-bang Ontario và 7 hội-viên viễn-cư (Lâm Hảo Dũng, BC; Nguyễn-Đức Bạt Ngàn, Hoàng Du Thụy và Phạm Thăng, AB; Nguyễn Văn Tinh, PQ; Nguyễn Thị Vinh và Nguyễn Hữu Nhật, Na-uy).

Về hoạt-động trong năm, Trung-Tâm đã tổ-chức ra mắt sách cho 11 thi-sĩ: Hoàng Xuân Thảo, Khải Chính, Hoàng Chính, Phương Nhật Nam, Song Hường, Nguyễn Hữu Nhật (Na-uy), Đắc Trung (Hoa-kỳ), Hoàng Phong Linh (Úc), Nguyễn Bá Đình, Thủy Trang và Lê Bạch Lưu (ba người sau ngụ ở Québec).

— Tổ-chức nói chuyện cho nhà văn Nguyễn Thị Vinh

- Tổ-chức buổi nói chuyện cho GS Nguyễn Hữu Quang.

- Tổ-chức chương-trình công-du 10 ngày cho ông Võ Đại Tôn tại Gia-nã-đại.

- Tổ-chức chương-trình ca-nhạc dân - tộc và quốc-tế cho nhà dân-tộc nhạc học Trần Quang Hải và ca-sĩ Bạch Yến (chương-trình này làm chung với hội Chuyên-gia VN/Ontario).

Về xã-hội, Trung-Tâm đã góp sức ủng-hộ Hội Sinh-Viên VN ĐH Toronto tổ-chức giải Văn-hóa; giúp-đỡ các văn-ngệ-sĩ bị cầm tù như Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Chí Thiện, v.v.

Chủ-tịch Trung-Tâm Văn Bút VN/Ontario hiện nay là nhà văn Trà Lũ, cùng với một ban chấp-hành gồm những người có tinh-thần quốc-gia dân-tộc, luôn luôn có mặt để lên tiếng trong những trường-hợp cần bảo-vệ thanh-danh và lập-trường chính-trị của Văn Bút.

SINH-HOẠT VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT TẠI FLORIDA

Nữ nhạc-sĩ Linh Phương, giáo-sư dương-cầm tại Florida và nhà



Từ trái: Thi-sĩ Lê Bạch Lưu, Thi-sĩ Song Hường

văn Trà Lũ, thuộc Trung-tâm Văn Bút VN/Ontario nói chuyện và trình-diễn âm-nhạc tại nhà hàng Hongkong, 921 N. Mill Ave., Orlando, lúc 7 giờ 30 tối thứ bảy, ngày 7.11.1992 này. Phần ăn tối do nhà hàng cung-cấp, đóng-góp chi-phí tổ-chức: 10 mỹ-kim, tiền nước tính riêng.

Trong buổi sinh-hoạt này, nhà văn Trà Lũ sẽ ra mắt hai tác-phẩm *Miền đất hạnh-phúc* và *Đất mới* của ông, tất cả đều do *Làng Văn* xuất-bản.

Phần văn-nghệ do nhạc-sĩ dương cầm Linh Phương thực-hiện, với sự góp mặt của Vân Khanh, Antony Nguyễn, Kim Uyên, Hải Thủy và Thanh Phương. Vinh Đào điều-khiển chương-trình đi-điều-khiển Liên-lạc: Linh Phương (407-895-6387), Phạm Bội-Điệp (813-933-7988), Lê Nhật Thăng (912-233-3745), Minh Khoa (407-239-3846) và nguyệt-san *Việt-nam* (407-354-2165).

HỌC-GIẢ LÊ HỮU MỤC NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI-HỌC MONTREAL

Học-giả Lê Hữu Mục đã được Đại-học Montréal mời thuyết-trình tại Đại-học Montréal hôm 23.10 vừa qua, đề-tài "*Les conceptions vietnamiennes de l'intellectuel*" (*Quan-niệm Việt-nam về người trí-thức*).

Đây là một học khóa của đại học Montréal về vấn-đề dân-chính xã-hội tại các nước Đông Á. Đại học Montréal đã mời mấy chục giáo-sư đại-học khắp thế-giới và các nước Đông Á (trừ CSVN). Thay vào đó là 1 học-giả (GS đại-học tại VN trước 1975) và 2 giáo-sư người Việt tại hải-ngoại.

Ngoài học-giả Lê Hữu Mục, còn có GS Nguyễn Thế Anh (từ Paris sang) và giáo sư Vĩnh Sính, từ đại học Edmonton.

15 THÁNG 11, NGÀY VĂN NGHỆ SĨ BỊ CẦM TÙ

Văn Bút quốc-tế vừa thông-báo chọn ngày 15.11 làm *Ngày văn-nghệ-sĩ bị cầm tù*. Trong ngày này, các trung-tâm hội-viên sẽ tùy-nghị tổ-chức sinh-hoạt, hội-thảo hay làm lễ kỷ-niệm.

Nhân dịp này, Văn Bút quốc-tế đưa ra một bản danh-sách các văn-nghệ-sĩ hiện bị giam-giữ, trong đó, tại Việt-nam, có Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Duy, Lê Thị Khương, Nguyễn Đăng Mạnh, Đất Mới (?), Nguyễn Trọng Oanh, Hoàng Sa, Hương Trà và Đinh Chí Viễn. Riêng ông Trần Duy Hình (Thảo Trường), bản tin nói rằng "theo báo-cáo của Ân-xá Quốc-tế, đã được trả tự-do hồi tháng 4.92."

THI-SĨ XUÂN TƯỚC CAN-THIỆP GIÚP 3 THUYỀN NHÂN BỊ NÉM XUỐNG BIỂN BA-TÂY

Thi-sĩ Xuân Tước, trong văn-thu gửi cho bà Sodako Ogata, Cao-ủy Liên-hiệp-quốc Đặc-trách Tị-nạn (UNHCR) tại Thụy-sĩ, đã nhân-danh Chủ-tịch Hội Trao-đổi Văn-hóa Việt—Mỹ Colorado, trình-bày hoàn-cảnh khốn-cùng của 3 thanh-niên tị-nạn Việt-nam bị tàu Ý ném xuống biển Ba-tây (xem tin *Làng Văn* số trước). Ông yêu-cầu Cao-ủy LHQ liên-lạc với chính-phủ Ba-tây, xin quốc-gia này chấp-nhận cho họ được tái định-cư càng sớm càng tốt.

Ngoài ra, thi-sĩ còn lấy tiền riêng, gửi cho ba bạn trẻ này một món tiền nhỏ để tạm chi dụng.

Tòa-soạn tiếp-tục theo-dõi trường-hợp tị-nạn bi-thảm này, và sẽ tiếp-tục loan tin trên các số kế.

NHẠC-SĨ HUỲNH CÔNG ÁNH NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI-HỌC HARVARD

Nhạc-sĩ Hưng Ca Huỳnh Công

Ánh, Chủ-tịch Tổng Hội Cựu Tù-Nhân Chính-Trị CSVN, đã đáp lời mời của GS James Webb, tới nói chuyện với 500 sinh-viên ban tiến-sĩ và cao-học tại Đại-học Harvard hôm 3.11 này.

Đề-tài nói chuyện liên-quan tới chiến-tranh Việt-nam, thực-trạng tù cải-tạo dưới chế-độ CSVN, cuộc vượt-ngục của ông và sự thành-công của ông trong thương-nghiệp khi tới Hoa-kỳ (tay trắng trở thành triệu-phú).

Trước đây, ông Huỳnh Công Ánh đã được đài ABC phỏng-vấn về nhiều vấn-đề liên-quan tới tình-hình Việt-nam. Ông cũng được Quốc-hội Hoa-kỳ mời làm tân khách trong buổi tiếp-tân Nhân-quyền tại trụ-sở Quốc-hội; và được ông Thị-trưởng Boston tuyên-dương về thành-tích đấu-tranh cho Nhân-Quyền của ông.

ngoài ngõ



PHONG-TRÀO PHÁT-HUY TINH-THẦN LÝ TỔNG LÊN CAO

Sau khi chiến-sĩ Lý Tổng cướp phi-cơ, rải truyền-đơn kêu-gọi tổng nổi dậy và nhảy dù xuống Sài-gòn, phong-trào phát-huy tinh-thần Lý Tổng đã lên cao trong cộng-đồng người Việt lưu-vong.

Tại Houston, Texas, bán nguyệt báo *Dân-ta* do ký-giả Phan Hoàn Sinh chủ-biên, đã tổ-chức cuộc thi

thơ vinh danh Lý Tống, với giải nhất 500 mỹ-kim, nhì 300 mỹ-kim, ba 200 mỹ-kim, hạn chót nhận bài là ngày 12.12.1992 này. Các bạn thơ có thể gửi bài về địa-chỉ: Dân Ta, 3333 Fannin, Suite 203, Houston, TX 77004, USA.

Ngoài ra, trong tháng qua, phong-trào làm thơ ca-tụng hành-động can-đảm và quyết-liệt của Lý Tống đã lan rộng rất nhanh. Riêng các bài thơ gửi về *Làng Văn*, tòa-soạn sẽ chọn đăng một phần, và chuyển tất cả bài đăng cũng như không đăng sang Texas cho nhà báo Trương Sĩ Lương để in vào tuyển-tập Lý Tống.

Về mặt vận-động cho Lý Tống, Ủy ban Quốc-Tế Yểm-Trợ Việt-Nam Tự-Do đã đến Quốc-hội Gia-nã-đại, yêu-cầu can-thiệp cho chiến-sĩ Lý Tống:

- Được xét-xử trước công-luận quốc-tế, được quyền chọn luật-sư quốc-tế và việc xét-xử phải công-minh, dưới sự giám-sát của Ủy Ban.

- Được đối xử như một tù-nhân chính-trị, không bị đánh đập, tra-khảo hay có hành-động vô-nhân-đạo.

- CSVN phải bảo-đảm an-toàn tánh mạng của Lý Tống.

ĐOÀN THANH-NIÊN QUYẾT TỬ LÝ TỐNG

Một tổ-chức cảm-tử Việt-nam đã được thành-lập tại tiểu-bang California, Hoa-kỳ, lấy tên Lý Tống làm danh-hiệu của tổ-chức.

Tổ-chức này gồm những thanh-niên không phân-biệt quê-quán, tôn-giáo, học-vấn, nghề-nghiệp, chấp-nhận hi-sinh thân-mạng, đời sống riêng tư, hạnh-phúc cá-nhân và quyền-lợi vật-chất cá-nhân cho tổ-quốc Việt-nam.

Đoàn tôn-trọng trật-tự xã-hội và pháp-luật của các quốc-gia, trừ CSVN.

Mục-tiêu đấu-tranh trước mắt của Đoàn là vận-động quốc-tế buộc nhà cầm quyền Hà-nội phải trả tự-do cho Lý Tống trong một thời-

gian ngắn. Nếu chiến-sĩ Lý Tống bị hạ-sát hay tù-đày tra tấn, thì máu của anh sẽ được trả bằng máu của bọn cán-bộ gián-điệp, tình-báo chiến-lược của VC ở bất cứ nơi nào trên trái đất này.

Các thanh-niên Việt-nam giàu lòng yêu nước, sẵn-sàng hi-sinh vì chính-nghĩa, có thể liên-lạc với Đoàn Thanh-Niên Quyết Tử Lý Tống để được tuyển-chọn gia-nhập.

Liên-lạc: Nguyễn Văn Hóa, 1045 Michigan Ave., San Jose, CA.

ĐẠI-HỘI KỶ VII LIÊN HỘI NGƯỜI VIỆT TẠI CANADA

Đại hội-đồng Liên Hội Người Việt tại Canada đã nhóm tại Ottawa vào các ngày 10, 11 và 12.10 vừa qua. Chương-trình Đại-hội gồm có tổng-kết hoạt-động hai năm qua, đề ra phương-án hoạt-động trong tương-lai, hội-thảo, văn-nghệ và bầu thành-phần lãnh-đạo nhiệm-kỳ mới.

Trong phần hội-thảo, các đề-tài hội-nhập: xã-hội (diễn-giả Trần Lương Ngọc), chính-trị (bà Lê Thị Hoàn), kinh-tế và phát-triển (các ông Trịnh Quốc Thịnh, Nguyễn Văn Danh và Trương Hồng Lợi). Phần tham-luận có bà Marion Dewar, cựu đô-trưởng Ottawa, lên diễn-đàn đóng-góp ý-kiến.

Trong phần bầu-cử, ông Dương Văn Thụy, chủ-tịch Cộng-Đồng Người Việt Quốc-Gia Vùng Montréal đã được Đại-hội bầu làm Chủ-tịch Chủ-tịch đoàn.

Thành-phần tân ban Chấp-hành gồm có:

- Tổng Thư-ký: ông Vũ Xuân An.

- Phó TTK: ông Nguyễn Quyền.

- Thủ-quỹ: ông Hoàng Minh Trí.

Ban kiểm-soát gồm có các ông Lữ Thế Hùng, Nguyễn Văn Nhân.

Trong phần thảo-luận về đường lối của Liên Hội, Đại Hội-đồng đã thảo-luận và thông-quá một số điểm quan-trọng, trong đó có:

- điểm 3: Liên Hội cương-quyết yểm-trợ đấu-tranh cho tự-do và nhân-quyền tại Việt-nam;

- điểm 6: phổ-biến tuyên-cáo ủng-hộ cuộc đấu-tranh của Phật-giáo Việt-nam trong nước và bản yêu-cầu 9 điểm của Hòa-thượng Huyền Quang, đồng-thời đòi-hỏi nhà cầm quyền CSVN chấm-dứt mọi hành-động vi-phạm nhân-quyền trong nước;

- điểm 7: vận-động bộ Ngoại-giao Canada đòi-hỏi CSVN phải giải-quyết vấn-đề nhân-quyền trước khi viện-trợ cho Hà-nội.

Với thành-phần nhân-sự lãnh-đạo mới như trên, Liên Hội Người Việt tại Canada chắc-chắn sẽ có những đóng-góp tích-cực và thực-tiễn trong sinh-hoạt đấu-tranh cho một nước Việt-nam tự-do dân-chủ thực-sự, phù-hợp nguyện-vọng của toàn dân.

HỘI Y-SĨ VIỆT-NAM TẠI QUÉBEC BẦU BAN CHẤP-HÀNH MỚI

Hơn 100 y-sĩ Việt-nam tại Québec đã họp Đại-hội hôm



Đại-hội Liên Hội Người Việt Canada tại Ottawa

18.10.92 vừa qua tại Auberge Universel, Montréal để bầu ban chấp-hành mới, nhiệm-kỳ 1992-1994.

Đại-hội đề-cử BS Thân-trọng An ra ứng-cử chức Hội trưởng. Trong phần phát-biểu, BS An chấp-nhận sự đề-cử với điều-kiện Đại-hội Y-sĩ phải phân-biệt rõ-ràng lần ranh Quốc — Cộng, dứt khoát theo đuổi lập trường quốc-gia dân-tộc, không “chơi” với cộng-sản, và hội y sĩ phải dẫn thân. Toàn thể cử tọa đã nhiều lần đồng loạt vỗ tay ủng hộ lời phát biểu của ông.

Sau đó Đại hội bỏ phiếu bầu, và thành-phần ban chấp-hành mới của hội Y-sĩ Việt-nam tại Québec như sau:

- Hội-trưởng: BS Thân-trọng An
- Phó Hội-trưởng Nội-vụ: BS Trần Văn Dũng
- Phó Hội trưởng Ngoại-vụ: BS Phạm Đăng Hương
- Tổng Thư-ký: BS Trần Đình Thắng
- Thủ-quỹ: BS Phan Văn Thành.

Ngoài ra, ban chấp-hành còn có 15 ủy-viên, trong đó BS Phạm Hữu Trác làm Ủy viên Báo-chí, Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút tập-san Y-sĩ.

Cũng nên nhắc lại, trong thời-gian gần đây cộng-đồng Việt-nam tại Montréal đã nhiều lần chứng-tỏ lập-trường quốc-gia dân-tộc, dứt khoát không mắc bẫy “giao lưu”, “hoà hợp hoà giải” với Công sản Việt Nam và những kẻ theo đuôi, mà hội Y-sĩ Việt-nam tại Québec là một trong những thành-phần nòng-cốt của cộng-đồng.

KHÔNG DÍNH-DÁNG TỚI “SEN TRẮNG”

Ông Trần Ngọc Xương, Phó Chủ-tịch ban Thường-vụ Cộng-Đồng Người Việt Quốc Vùng Toronto đã chính-thức nhờ các báo tại Toronto thanh-minh rằng ông không dính-dáng gì với tờ *Sen Trắng* của một nhóm tự nhận là “Phật-giáo đồ”.

Lá thư đính chánh có đoạn viết:
“*Báo Sen Trắng* số 1 phát-hành

tháng 10.1992 tại Toronto, Gia-nã-đại, đã ghi tên chúng tôi vào chức-vụ “thủ-quỹ”, trong khi trên thực-tế, không hề có sự đồng ý của chúng tôi.

“Chúng tôi xin đính-chánh và nói rõ là chúng tôi không chịu trách-nhiệm về tài-chánh hay liên-hệ với tờ báo này.”

Tướng nói rõ thêm là trong thời-gian gần đây, tại nhiều nơi trên thế-giới đã mọc ra một phong-trào núp bóng Phật-giáo, quyền tiền Phật-tử lấy cớ là để xây chùa tại Việt-nam.

Thực-sự, chùa-chiền tại Việt-nam không thiếu, nhưng phần lớn đã bị Nhà nước CSVN trưng-dụng vào việc khác. Thiết nghĩ, thay vì xây thêm chùa mới (cho CS tịch-thu), Phật-tử nên đoàn-kết gây áp-lực buộc CS trả lại các chùa cũ, trả tự-do cho tăng ni và tôn-trọng quyền tự-do tín-nguỡng. Đó mới là cách hoằng dương và bảo-vệ đạo-pháp một cách chính-đáng và minh-bạch.

Trường-hợp tờ *Sen trắng*, có dính-dáng (có thể cùng một chủ) với một tờ báo giao-lưu văn-hóa với CS, đã bị cộng-đồng người Việt tại Montréal cấm cửa hồi tháng 6 vừa qua, chúng tôi đang theo dõi để tường-trình lên các tổ-chức Phật-

giáo để tìm hiểu căn-nguyên.

Tòa-soạn phổ-biến bức thư đính-chính của ông Trần Ngọc Xương như tiếng chuông thứ nhất của nội-vụ.

TRUYỀN HÌNH VIỆT-NAM TẠI TORONTO

Kể từ ngày 3.1.1993, chương-trình *Saigon TV* sẽ xuất-hiện trên Roger Cable 10 hai lần mỗi tuần, mỗi kỳ 30 phút, giám-đốc điều-hành là bà Trần Kim.

Địa-chỉ liên-lạc: Saigon TV, P.O. Box 609, Station “P”, Toronto, Ontario M5S 2Y4, Canada. ĐT: 416-690-4042 (ông Mai) và 416-690-0986 (Trâm Anh).

ĐẠI-HỘI THỐNG-NHẤT PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM TẠI GIA-NÃ-ĐẠI

Khâm-thừa giáo-chỉ của Hội-đồng Lương Viện Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất (viện Tăng-thống và viện Hóa-đạo), nhằm đáp-ứng nhu-cầu bức-thiết trước thời-cuộc tại quốc-nội, một kỳ đại-hội nhằm thống-nhất tất cả các hệ-phái Phật-giáo VN tại Gia-nã-đại đã được triệu-tập tại chùa Quán-âm, Montréal từ 10.10.92 vừa qua.

Đón xem

làng văn

XUÂN QUÍ DẬU 1993

trần-ngập bài-vở bổ-ích, vui lạ, hấp-dẫn
hình-thức trang-trọng, đượm màu sắc dân-tộc
PHÁT-HÀNH ĐẦU THÁNG 1.1993

tặng trang

giá bán: 5 mỹ-kim (5 gia-kim)
(độc-giả dài hạn không phải trả thêm tiền)

Hội-Đồng Việt-Nam Tự-Do

Làm Lễ Tôn-Vinh

60 Người Việt

Tại Trụ-Sở Quốc-Hội Mỹ

Tuyên-dương các nhà văn, nhà thơ, nhà biên-khảo, họa-sĩ, nhạc-sĩ, kịch-tác-gia và nghệ-sĩ sân-khấu, những người có lập-trường quốc-gia dân-tộc và có công-trình đóng-góp.

Lễ tuyên-dương kỳ tới: tháng 1.1993.

Tại trụ-sở Quốc-hội Hoa-kỳ hôm 1.10.92 vừa qua, Hội-đồng Việt-nam Tự-do đã làm lễ tôn-vinh 60 người Việt-nam tha-thiết với công-cuộc đấu-tranh cho một nước Việt-nam tự-do, dân-chủ và nhân-quyền được tôn-trọng.

Buổi lễ tôn-vinh do TS Lê Phước Sang, Chủ-tịch Hội-đồng Việt-nam Tự-do, chủ-tọa. Trên bàn chủ-tọa còn có hai dân biểu Wayne Gilchrest (Cộng-hòa) và Tom Lantos (Dân-chủ) — hai vị này là đồng chủ-tịch Lực-lượng Đặc-nhiệm Hồn-hợp Hoa-kỳ về Vấn-đề Việt-nam. Ngoài ra còn có ông William Colby, cựu đại-sứ Hoa-kỳ tại Việt-nam, hiện là Chủ-tịch Hội-đồng Hoa-kỳ Cho Một Nước Việt-nam Tự-do, cùng Đô-đốc Mathews và cựu đại-sứ Wolf Lehmann.

Trong bài diễn-văn khai-mạc, Chủ-tịch Lê Phước Sang đã cảm ơn các tổ-chức của nước bạn Hoa-kỳ đã đến chứng-kiến buổi lễ, và đồng-thời nhấn mạnh đến mục-tiêu của việc tôn-vinh, là xây-dựng điều-kiện nội-bộ đoàn-kết Việt-nam, đẩy mạnh khí-thế đấu-tranh cho đại cuộc và xiển-dương tinh-

thần yểm-trợ chính-nghĩa chống Cộng-sản Việt-nam, từ phía cộng-đồng quốc-tế.

Trong phần phát-biểu, các người bạn Hoa-kỳ đã nhân-danh lý-tưởng tự-do, ca-ngợi các chiến-sĩ anh-hùng trong lãnh-vực đấu-tranh, góp phần xây-dựng một nước Việt-nam không cộng-sản. Các ông Colby và Mathews kêu-gọi Quốc-hội và Hành-pháp Hoa-kỳ không bang-giao với Hà-nội và không giải-tỏa lệnh bao-vây kinh-tế cho đến khi nào nhân-quyền và tự-do dân-chủ chưa thực-sự thành hình tại Việt-nam.

Danh-sách 60 người Việt-nam được Hội-đồng Việt-nam Tự-do cùng Quốc-hội Hoa-kỳ tôn-vinh và ghi vào hồ-sơ Quốc-hội, chia ra nhiều ngành và nhiều địa phương khác nhau.

Về văn, có các nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn (Gia-nã-đại), An Khê (Pháp), Trương-sơn Lê Xuân Nhi (Hoa-kỳ), Nguyễn Đức Lập (Hoa-kỳ), Nguyễn Nghĩa (Gia-nã-đại), Ngô Du Trung (Hoa-kỳ), Nguyễn Mạnh An Dân (Mã-lai).

Về ngành biên-khảo, có các học-giả Trần Văn Tích (Đức), Lê Hữu

Mục (Gia-nã-đại).

Về thơ, có các thi-sĩ Cao Tiêu (Hoa-kỳ), Xuân Tước (Hoa-kỳ), Vi Khuê (Hoa-kỳ), Hà Huyền Chi (Hoa-kỳ), Văn Nương (Pháp), Nguyễn Hữu Nhật (Na-uy), Hoàng Bảo Việt (Thụy-sĩ), Hồ Công Tâm (Hoa-kỳ), Kha Huyền (Hoa-kỳ), Việt Phương (Hoa-kỳ).

Về hội-họa, có họa-sĩ Hà Cẩm Đường, Nguyễn Nhật Tân (Gia-nã-đại), Vi Vi Võ Hùng Kiệt (Gia-nã-đại), Babui Nguyễn Tấn Phú (Hoa-kỳ).

Về báo-chí, có các nhà báo Nguyễn Hương (Làng Văn, Gia-nã-đại), Lê Hồng Long (Ngày Nay, Hoa-kỳ), Nguyễn Bá Đình (Chiến-Sĩ Tự-Do, Gia-nã-đại), Trương Sĩ Lương (Thế-giới, Hoa-kỳ), Vũ Văn Hoa (Việt-nam mới, Hoa-kỳ), Việt Dzũng (Hồn Việt, Hoa-kỳ), ký-giả Sơn Tùng (Hoa-kỳ).

Về soạn-giả và kịch-tác-gia, có Trần Văn Hương, Nguyễn Đông Á, Dạ Lý.

Về âm-nhạc, có tiến-sĩ Trần Quang Hải (Pháp), các nhạc-sĩ Nguyễn Quyết Thắng (Hòa-lan), Phạm Quang Ngọc (Úc), Huỳnh Công Ánh (Hoa-kỳ), Châu Đình An (Hoa-kỳ).

Về nghệ-sĩ sân-khấu, có Trần Văn Trạch (Pháp), Hồ Văn Sinh (Hoa-kỳ), Hùng Cường (Hoa-kỳ), Jimmy Tòng, Quang Bình, Trang Thanh Lan, Ngọc Diệp, Kim Tuyền, Diễm Hương, Erret Hoa, Nguyễn Ngọc Cang.

Về xã-hội có nữ-tu Christine Trương Mỹ Hạnh (Hoa-kỳ).

Về quân-nhân và chiến-sĩ cách-mạng, có thiếu-tướng Phạm Văn Đồng (Hoa-kỳ), các ông Đặng Văn Nhâm (Đan-mạch), Trần Văn Y (Úc), Đoàn Thế Khiêm (Úc), Lê Đình Hồ (Úc), Võ Cồn (Úc), Lê Thiện Phúc (Úc), Võ Bá Dũng, Đoàn Ngọc Ẩn, Võ Hào, Trương Quang Lý, Nguyễn Tấn Đức, Nguyễn Mậu, Phạm Đức Thành, các bà Liêu Nguyệt Lan, Nancy Bowyer (Hoa-kỳ), Mekong Bạch Lựu (Hoa-kỳ) và Minh Kalas (Hoa-kỳ).

tin tị-nạn

TẾT TRUNG-THU TẠI TRẠI-NẠN SIKIEW

Nhờ sự góp sức của các ân-nhân, qua anh Trần Văn Nhã, đầu cầu liên-lạc của Cộng-đoàn Công-giáo trại tị-nạn Sikiew tại hải-ngoại, tổ-chức này đã thực-hiện Tết Trung-thu dành cho gần 1700 thiếu-nhi trong trại.

Tổng-số tiền do các ân-nhân, cùng thân-hữu, độc-giả *Làng Văn* gửi cho Cộng-đoàn Công-giáo (qua địa-chỉ anh Trần Văn Nhã) là 625 mỹ-kim. Tại Montréal, quý ân-nhân sau đây đã góp công: Trần Anh Tuấn, 20gia-kim; Vương Thị Tâm, 50GK; Nguyễn Văn Quế, 10GK; Nguyễn Tăng Hùng, 10GK; Linh-mục Dominici, 466GK; Trần Bảo Long, Sherbrooke, 10GK. Tại Hoa-kỳ, Lê Thị Diễm Ái và các bạn, 15MK; Quang, 10MK; Đức, 30MK và Trương Vinh Phước, 20MK.

Các thầy Hoàng Gia Thành, Nguyễn Văn Thi và Linh-mục Peter Namwong cùng Cộng-đoàn Công-giáo Sikiew đã mua vật-liệu, làm được 1600 lồng đèn các loại, mua được 1200 cây nến, cùng kẹo, bánh, bong bóng, kem đánh răng, xà-bông tắm, giặt.

Chương-trình Trung-thu gồm có



múa lân, biểu-diễn võ-thuật, xiếc, rước đèn và văn-nghệ với sự tham-gia của Gia-đình Phật-tử, thiếu-nhi Công-giáo cùng các trường Việt-ngữ, Hoa-ngữ và Miên-ngữ.

Cộng-đoàn Công-giáo Sikiew nhân dịp này, thay mặt thiếu-nhi tị-nạn tại Sikiew, gửi lời cảm ơn tới quý vị ân-nhân nêu trên.

TÌNH-HÌNH TỊ-NẠN TẠI ĐÔNG NAM Á

Hàng chục ngàn người tị-nạn Đông-dương đã bị khước-từ tình-trạng tị-nạn vẫn cố bám-víu vào niềm hi-vọng momg-mạnh về một phép lạ. Họ không chấp-nhận làm đơn tự nguyện hồi hương, và tiếp-tục sống vất-vưởng trong các trại tị-nạn chật-hẹp, thiếu-thốn, được ngày nào hay ngày nấy, thay vì trở lại làm dân dưới chế-độ cộng-sản.

Hiện còn 43.000 người Lào tại Thái-lan và khoảng 90.000 người Việt-nam ở các trại Thái-lan, Mã-lai, Tân-gia-ba, Nam-dương, Phi-luật-tân, Hương-cảng, Đại-hàn,

Đài-loan và Nhật-bản.

Tại Hương-cảng, 52.000 người tị-nạn sống chật trong các trại tù. Chính-phủ Hương-cảng chuẩn-bị bãi-bỏ chính-sách chấp-nhận người tị-nạn (asylum seekers).

Trại Phú-san ở cố-đô Đại-hàn hiện vẫn còn 82 người Việt-nam, do Hồng-thập-tự trông-coi. Chính-phủ Đại-hàn tìm cách tuyệt-phục họ tự nguyện hồi-hương, và đối-xử tử-tế với họ.

Đồng-bào sống ở trại tị-nạn Nhật-bản tung-đổi thoải-mái, được học tiếng Anh, tiếng Nhật, học nghề và ra vào trại thoải-mái, không bị giam-cầm.

Đồng-bào sống tại Phi-luật-tân cũng được cư-xử tốt, một số được học ngoại-ngữ và học nghề.

Tại Nam-dương và Thái-lan, đời sống người tị-nạn có phần thất-chật hơn trước, vì ngân-sách Liên-hiệp-quốc không được dồi-dào như xưa.

Tại Mã-lai, sách báo do CSVN xuất-bản được tràn-ngập thư-viện trại, trong khi báo-chí hải-ngoại bị hạn-chế phổ-biến.

Nhìn tới tương-lai gần, người ta thấy rõ nhiều quốc-gia đang chuẩn-bị dẹp trại tị-nạn, nhất là Hương-cảng. Làn sóng vượt biên gần như đã chấm-dứt hẳn, trong khi làn sóng chính-trị trong nước càng ngày càng lên cao. Đã đến lúc người Việt trong nước phải bắt tay vào việc, mạnh-dạn đứng lên làm cách-mạng thay-đổi chế-độ, tranh-đấu để tạo-dựng tự-do dân-chủ ngay trên quê-hương mình, chứ không còn phải liều chết ra đi tìm kiếm đâu xa.



Thiếu-nhi tị-nạn tại trại Sikiew Thái-lan vui Tết Trung-thu nhờ sự giúp-đỡ từ hải-ngoại

ĐÓN XEM
SỐ TÂN-NIÊN LÀNG VĂN 1993
phát-hành đầu tháng 2.1993,
ngay sau số Xuân
Chủ-đề:
Tục-ngữ, ca-dao, câu đố, câu hò
Việt-nam
Một tác-phẩm sưu-khảo giá-trị
(góp bài: trước ngày 1.1.1993)

Cái Mù Của Đồ Chiểu

Lê Văn Lân



Tháng 7 dương lịch năm nay đã trôi qua, tôi đã bỏ lỡ dịp viết về một nhân vật lớn của Việt Nam. Ông bạn Trần Văn Tích cách đây ba năm đã viết:

“Nếu muốn in một cuốn lịch mà mỗi tháng trình bày chân dung một danh nhân văn học Việt Nam thì tôi xin “giành” tháng bảy cho Nguyễn Đình Chiểu vì tháng bảy dương lịch vừa là tháng sinh vừa là tháng mất của cụ Đồ” (*Cho tròn một tiết — Trần Văn Tích, Làng Văn số 59 tháng 7.1989*)

Phải, Nguyễn Đình Chiểu — con người trứ danh mà dân miền Nam thường kính mộ gọi bằng hai chữ mộc mạc: Đồ Chiểu — đã sanh ngày 1 tháng 7 năm 1882 (tức 13 tháng 5 năm Nhâm Ngọ) và mất ngày 3 tháng 7 năm 1888 (tức 24 tháng 5 năm Mậu Tý).

Sở dĩ tôi kháng khít thiết tha muốn viết về Đồ Chiểu vì tôi muốn tìm lại ngọn lửa nội tâm đã bùng bùng cháy trong con người mà học giả Nhượng Tống nhận xét là một “anh hùng mạt lộ”.

Đồ Chiểu sinh ra trong giai đoạn quốc phá gia vong của nước nhà vào cuối thế kỷ 19, như hoàn cảnh

chúng ta hiện đang tị nạn tha hương vào cuối thế kỷ 20. Về đời sống cá nhân, Đồ Chiểu liên tiếp gặp cảnh không may: công danh lập thân bị đứt đoạn vì phải bỏ thi ở Huế về Nam cư tang mẹ; chứng mù loà biến cụ thành phế nhân; cuộc đời lánh cư tị nạn long đong khi Pháp chiếm miền Nam; sự bất lực về mục tât khiến không thể tham gia kháng chiến cần vương... Nhưng trước những nghịch cảnh ấy, Đồ Chiểu đã phản ứng ra sao?

Nhượng Tống khi đề tựa cho cuốn di cảo *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* của cụ do Phan Văn Hùm hiệu đính và chú thích, đã nhận xét:

“Không biết ở thời nào, những người anh hùng mạt lộ hay trốn vào cửa Phật: *Anh hùng mạt lộ bán vi tăng!*”

“Nhưng ở đây, người anh hùng mạt lộ không nỡ trốn đời.

“Sống giữa cảnh ngộ khắt khe gây ra bởi người và bởi trời, người anh hùng của chúng ta vẫn dám sống. Và vẫn không một giây phút nào lìa đạo.

“Nghĩa là với cuộc đời biến đẫu, với cặp mắt mù loà, cụ Đồ Chiểu vẫn thấy mình là một người vui với

đạo, vẫn cố tìm cách đem chút hơi sức tàn mà giúp ích cho đời. Và một hơi thở hãy còn, thì trái tim nóng ấy vẫn chưa chịu nguội”.

Mù loà là một thảm hoạ lớn trong đời Đồ Chiểu, nhưng qua cái mù ấy, chúng ta, những kẻ hậu thế, đã khám phá ra được cái ánh sáng soi rọi vào tâm sự đau thương nhưng cực kỳ bi tráng của một đấng anh hào.

Nguyên nhân về sự mù loà nhanh chóng, đột ngột của cụ Đồ là một đề tài đặc biệt cho nhiều luận đoán. Người ta thường tóm lược bằng vài chữ sơ sài: “Cụ đã mù vì khóc mẹ”. Trong phần tiểu sử Đồ Chiểu của cuốn *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*, Phan Văn Hùm đã viết dài hơn: “Năm hai mươi bốn tuổi, Đình Chiểu ra Huế chờ khoa Ất Dậu, quyết chí thi cho đỗ cử nhân để vào xuân vi, đình thí. Nhưng kỳ thi chưa tới, lại được tin mẹ đã mất tại Sài gòn ngày rằm tháng mười một năm Giáp Thân (10.12.1948), Đình Chiểu phải trở về cư tang.

“*Lòng hiếu tử, dậm quan hà, trác Dĩ vời trông, khôn ngăn huyết lụy. Nội thương đã công phạt, ngoại cảm lại xâm lăng, bệnh xung hai*

mắt. Dọc đường Đình Chiêu nghe danh một ông thầy thuốc tên là Trung, vốn giòng ngự y, đến xin tạm trú cầu điều trị. Bệnh tình quá nặng, dầu lương y cũng vô khả nại hà: hai mắt Đình Chiêu đành phải mù luôn đến chết!”

Nếu đọc *Lục Vân Tiên*, một loại tự truyện của Đồ Chiểu, thì ta thấy qua cửa miệng của thầy thuốc Ngang, Đồ Chiểu đã tự chẩn đoán cho nguyên nhân cái mù của mình theo lý luận về kinh mạch của Đông y:

*Ngang rằng: Lục bộ đều suy,
Bộ quan bên tả mạch đi phù hồng
Cứ trong kinh lạc mà thông,
Mạch môn tướng hoá đã xông lên đầu*

*Tam tiêu tích nhược đã lâu,
Muốn cho giáng hỏa phải đầu tư-âm.*

Đối với chúng ta ngày nay, lối tự chẩn đoán của cụ Đồ Chiểu quả thật khó hiểu với những danh từ Đông y uyên áo. Dựa vào kiến thức thu thập qua cuốn *Ngư Tiểu vấn đáp y thuật* của cụ, chúng tôi xin tạm dịch như sau: Thầy thuốc Ngang nói rằng: “Tôi thấy sáu bộ vị mạch của bệnh nhân bắt được ở hai cổ tay đều suy nhược. Nhưng riêng về bộ vị ‘quan’ bắt được ở mạch tay trái, thì mạch nhảy phồng lên và chạy lồng lộn như dòng nước lụt. Dựa theo thuyết kinh lạc mà đoán cho thông, đó là cái tượng hỏa ở mạch môn (nằm giữa hai thận) của bệnh nhân bốc lên đầu; điều này chứng tỏ ở ba lò lửa giữa châu thân (tam tiêu) của bệnh nhân đã chứa nhiều lửa từ lâu... Muốn làm hạ ngọn lửa đó, phải cho thuốc mát để nuôi dưỡng phần âm thủy...”

Nhưng như thế có liên quan gì đến chứng mù mắt? Đông y vốn chủ trương cái nhìn tổng thể (holistic), trái ngược với tây y tìm cái nguyên nhân cục bộ. Thầy thuốc Tây thì đau đầu trị đó, còn thầy thuốc Đông thì:

Đau nam chữa bắc mà thuyên mới tài.

Theo Đông y, lối chẩn bệnh quan trọng nhất là ấn mạch, tức là nhận

định đường lối mạch máu ở hai cổ tay trái phải để đoán biết bệnh trạng trong lục phủ ngũ tạng. Sau đây là câu khẩu quyết “thiết mạch tạng phủ định vị quyết” trong cuốn *Y học nhập môn* của Trung Hoa:

Tả: tâm, tiểu trường, can, đởm, thận.

Hữu: phế, đại trường, tỳ vị, mạng. (Tay trái là tâm, ruột non, gan, mật, thận.

Tay phải là phổi, ruột già, lá lách, dạ dày, mệnh môn).

Trên mạch của mỗi cổ tay chia thành ba định vị tức là Thốn, Quan, Xích. Khi ấn mạch, lấy ngón giữa đặt vào bộ Quan; rồi đặt ngón trỏ vào phía trong bộ Quan, ấy là bộ Xích; ngón tay vô danh ra ngoài bộ Quan, phía ngoài bàn tay, ấy là bộ Thốn (lời chú giải của Nhưộng Tống)

*Tâm dĩ tiểu trường cư tả thốn
Can đởm đồng qui tả quan định.*

Câu khẩu quyết trên nói rằng:

Tâm và ruột non ở bộ thốn tay trái.

Gan, mật đều cùng đứng ở bộ Quan tay trái.

Như vậy xem mạch, ta biết cụ Đồ Chiểu bị đau gan và mật: *Bộ Quan bên tả mạch đi phù hồng*. Theo bài ca nói về thể trạng của các mạch thì:

Phù: ấn bất túc, cửu hữu dư.

Hồng: tự hồng thủy dùng ba khởi

(*Chủ mạch thể trạng ca*)

(Mạch phù: ấn xuống thấy yếu, nâng lên thấy mạnh.

Mạch hồng: tựa như nước lụt nổi sóng lên).

Nếu mạch nhảy phù và hồng thì bệnh do tại đâu?

Phù: phong; âu: huyết; hoạt: đa đàm

Hồng: nhiệt; vi: hàn; tề: hạ tích

(*Chủ mạch chủ bệnh*)

Như thế: phù là bệnh do phong; hồng là bệnh do nhiệt.

Đồ Chiểu tự định bệnh, cho rằng lá gan của mình bị bệnh, do đó xung lên hai mắt. Theo Đông y, con mắt là lỗ trổ ra ngoài của buồng gan (can), gan là nơi chứa hồn, phát ra ngoài bằng tiếng kêu la và bằng nước mắt. Buồng gan là một cái cây

(mộc). Cây bị khô sẽ bốc cháy nếu thiếu nguồn nước tiếp tế. Bệnh đau mắt cấp tính của Đồ Chiểu là do hỏa bốc quá mạnh làm khô kiệt nước trong người, khiến cho buồng gan bị cháy nóng và con mắt bị loà. Đặc tính của tạng Can đã được Đồ Chiểu diễn tả bằng thơ nôm như sau:

Tạng Can thuộc mộc, cây rào, mùa xuân.

*Sắc xanh, con mắt là chùng,
Hoa ra giáp, móng, dây gân buộc lèo.*

*Giấu hồn, đựng máu, tiếng: kêu,
Vị toan, nước mắt, mạch nêu chữ Huyền.*

*Quyết âm kinh túc, ấy truyền,
Hiệp cùng phủ đởm, ngói liền ngoài, trong.*

Buồng gan của Đồ Chiểu đã bị công phạt rất nặng nề qua biến cố tang mẹ xảy ra đột ngột. Hoàn cảnh cực kỳ thống khổ đã làm cụ chết điếng tâm hồn, phát ra bằng những tiếng kêu thống thiết và những dòng nước mắt chan hòa:

*Vào tràng phút lại gặp tang,
Ngẩn ngơ người ở, ngổ ngang kẻ đi.*

*Việc trong trời đất biết chi,
Sao dời vật đổi còn gì mà trông.
Hai hàng lụy ngọc ròng ròng,
Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.*

*Cánh bướm bao quân gió xiêu,
Ngàn trùng biển rộng, chín chiều ruột đau.*

*Thương thay chín chữ cù lao,
Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình.*

*Quán rằng: “Trời đất thình linh,
Gió mưa đâu phút gãy nhành thiên hương.*

*Ai ai trông thấy cũng thương,
Lỡ bề báo hiếu, lỡ đường lập thân.”*

*Dầu cho chước quỷ mưu thần
Phong trần ai cũng phong trần như ai.*

*Éo le ai khéo đặt bày,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.*

Chúng ta cũng thấy quan niệm lá gan tượng trưng cho tâm hồn được biểu lộ trong nhiều thơ văn Á Đông

qua chữ *tâm can*, chẳng hạn hai câu sau của Thượng Tân Thị:

*Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.*

Cái phiền muộn khổ đau được coi như ngọn lửa thiêu đốt *tâm can* bốc xung lên đỉnh đầu. Chữ *phiền* trong Hán tự được viết với chữ *hỏa* 火 và chữ *hiệt* 𤇀. Chữ *hiệt* là cái đầu, vẽ ra hình chữ *thủ* 首 — cái đầu với tóc rẽ và mắt — được đặt trên dáng người đi 人.

Phan Văn Hùm đã nhận định rằng: bệnh trạng của Đỗ Chiêu là do từ cả hai phía trong và ngoài: “Lòng hiếu tử dậm quan hà, trác dĩ vời trông, khôn ngăn huyết lụy. Nội thương đã công phạt, ngoại cảm lại xâm lăng, bệnh xung hai mắt”.

Chính cụ Đỗ Chiêu cũng giải thích rõ qua lời thầy Nhập Môn trong *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*:

Môn rằng: Sách có biện rằng

Nội thương, ngoại cảm, hai hồi phân minh

*Nội thương đều bởi thất tình
Đau từ năm trạng trong mình gây ra*

*Ngoại thương đều bởi xông pha,
Khiến nên sáu phủ chịu tà lục dâm.*

Thất tình là bảy mối tình cảm trong lòng người: mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn. Còn lục dâm là sáu sự biến đổi của điều kiện khí hậu bên ngoài: phong, hỏa, thổ, thủy, táo, hàn.

Mạch của Đỗ Chiêu là mạch *phù*,

chứng tỏ ngoại cảm đã góp phần xâm lăng trong việc gây bệnh cho cụ. Cơ thể của chàng thanh niên 26 tuổi Nguyễn Đình Chiêu đã bị suy yếu vì rất nhiều nguyên nhân ngoại lai như: thức khuya dậy sớm, lao tâm tổn trí để ôn tập kinh sách trước kỳ thi; đau buồn khóc mẹ; chịu say sóng ới mưa trên chuyến ghe bầu về Nam cư tang...

*Cánh buồm bao quân gió xiêu
Ngàn trùng biển rộng, chín chiều ruột đau.*

Dù với sức trai, chàng thanh niên Nguyễn Đình Chiêu năm ấy cũng đã như cái cột buồm oằn oại vì những đợt cuồng phong. Bệnh của hai kinh túc Can và Đâm thuộc khí Quyết âm phong mộc đã đến một cách bất thành linh khiến bệnh nhân cảm thấy đau gấp rút khắp chân tay, gân cốt co lại rồi lỏng ra. Tính chất đột ngột của bệnh đã tỏ rõ ràng:

*Quán rằng: “Trời đất thành linh
Gió mưa đâu phút gây nhành thiên hương”.*

Nơi người nho sinh đáng thương này đã chứa quá nhiều nhiệt huyết. Chính bầu nhiệt huyết ấy đã làm chàng lâm vào nghịch cảnh bị mục tạt cấp tính, mà cũng chính nó, không bao giờ nguội tắt, đã giúp chàng kiên quyết sống, sống một cách xán lạn trong cảnh mù lòa đen tối. Nét vĩ đại của Đỗ Chiêu là ở điểm này, và tâm sự của Đỗ Chiêu cũng ở điểm này tỏ rõ...

Người Á Đông xưa chia cái hoả trong người làm hai: Quân hỏa ở tim, tướng hỏa ở can và thận. (Quân hỏa thuộc hậu thiên, tướng hỏa thuộc tiên thiên). Và cũng nhận định rằng có ba lò lửa nằm trong thân, từ ngực xuống đến bụng dưới, gọi là tam tiêu.

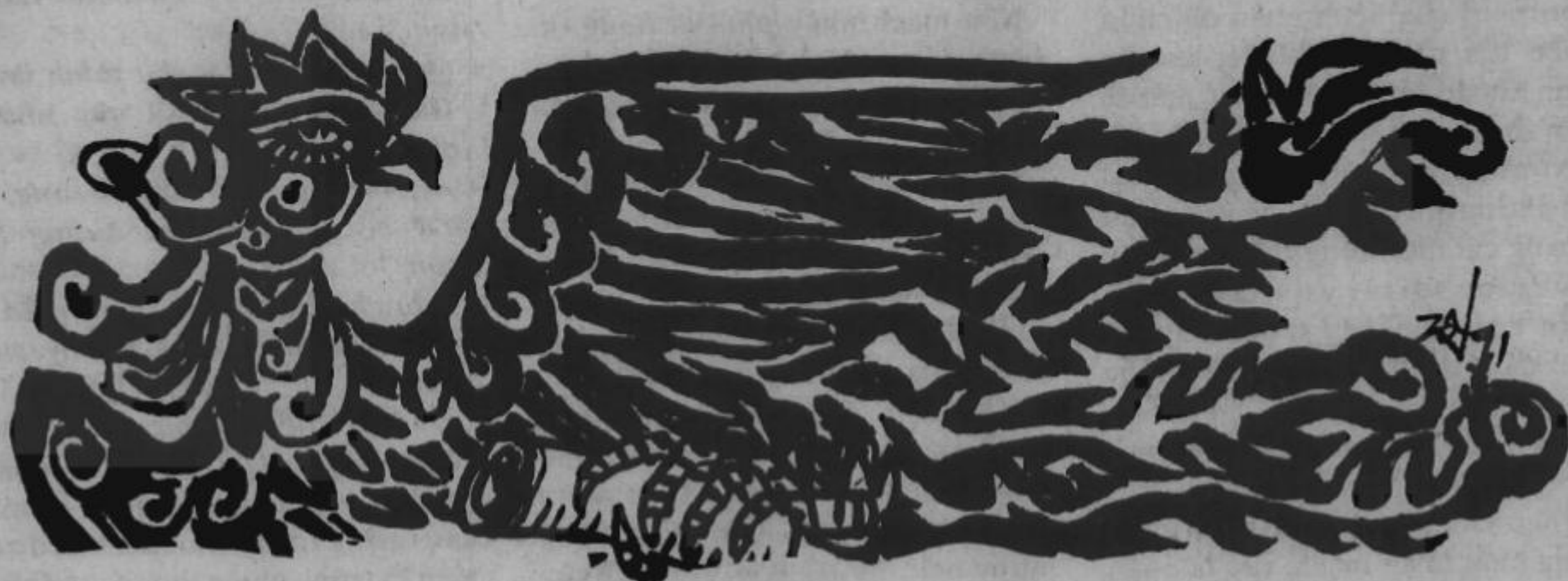
Trở về với câu tự chẩn đoán thể trạng mình của Đỗ Chiêu:

*Cứ trong kinh lạc mà thông,
Mạng môn tướng hỏa đã xông lên đầu*

*Tam tiêu tích nhiệt đã lâu,
Muốn cho giáng hỏa, phải đầu tư âm.*

thì nơi con người của chàng nho sinh mới bước vào đời, ngọn lửa đã ngùn ngụt cháy qua cái tên cũng như qua ý chí, lý tưởng.

Ông thân sinh ra Đỗ Chiêu là Nguyễn Đình Huy, chữ Huy viết với bộ Hỏa có nghĩa là sáng như trong chữ *huy hoàng*. Ông Huy người xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, vào Nam làm thơ lại nơi Văn Hàn Ty của Tả quân Lê Văn Duyệt. Văn Hàn Ty là cơ quan phụ trách soạn thảo văn thư, chứng tỏ ông Huy là một tay cự phách về chữ nghĩa so với phần lớn dân miền Nam thuở đó. Ông lấy bà Trương Thị Thiệt người làng Tân Thới, và Nguyễn Đình Chiêu là con đầu lòng. Ý nguyện của ông Huy có lẽ là mong cho con có một tương lai tươi sáng nên đã lấy bộ Hỏa mà đặt tên chàng, vì Chiêu 招, còn đọc là Chiêu, nghĩa là



ngọn lửa bốc sáng.

Vào tuổi thanh xuân, Nguyễn Đình Chiểu vóc dáng cao lớn đẹp đẽ. Theo ghi nhận của ông Pillet, một nhà thực nghiệp người Pháp ở Bến Tre, khi đến thăm Đồ Chiểu lúc cụ đã 61 tuổi thì: *"Il se fait remarquer par sa grande taille, sa forte corpulence et sa magnifique chevelure noire à l'on voit à peine quelques rares mèches de cheveux blancs"* (Ông khiến người ta chú ý vì tác người cao, vóc dáng khỏe, mái tóc đen đẹp tuyệt, chỉ lơ thơ vài làn tóc bạc). (Báo *L'Indépendant de Saigon*, 8 Novembre 1883).

Ông Michel Ponchon, tỉnh trưởng Bến Tre thời đó, đến nhờ cụ Đồ Chiểu nhuận chính bản *Lục Vân Tiên*, lúc về cũng ghi vào báo *L'Indépendant de Saigon* (17 Novembre 1883): "Cụ Đồ là một ông già cao lớn đẹp đẽ, gương mặt trầm tĩnh xanh xao đầy vẻ cao nhã, lời nói của cụ rất thanh tao, trôi chảy... (Mặt xanh xao là vì lúc ông này đến thăm, cụ đang bệnh nặng nhưng rán trời dậy tiếp khách).

Chàng Chiểu, vào cái thuở thanh niên, đã tự vẽ mình qua hình ảnh Lục Vân Tiên, một nhân vật hư cấu với nhiều vẻ cao sang. Nếu ở Nguyễn Du, cái hình ảnh bản thân song quý thuộc "mạch thư hương" hay "văn chương nết đất" là:

Thông minh tài mạo tốt vời,

Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa

thì chàng Nguyễn Đình Chiểu, qua hình ảnh Lục Vân Tiên, cũng có cái sang quý theo lá số tử vi:

Số con hai chữ khoa kỳ

Khôi tinh đã rạng, tử vi thêm lòe...

Sao Khôi tinh chủ thành công về văn chương khoa bảng, còn sao Tử vi là sao cực tốt đem lại sự hiển vinh, loà chiếu như tên của người mang lá số vậy.

Số thì có Khôi tinh, Tử vi chiếu vào; còn về mệnh cũng đẹp không kém:

Mạng Kim lại ở cung Càn

Tuổi này là tuổi giàu sang trên đời.

Kim là những mảnh vàng sinh từ

kẽ đất, lại nằm ở vượng địa tức là cung Càn (tượng trưng cho trời) thì sức chiếu sáng của nó rực rỡ như vàng phôi dưới ánh thái dương.

Qua dự phóng tương lai cho bản thân mình như vậy, ngọn lửa tâm tư của Đồ Chiểu còn un đúc nhiều mộng ước huy hoàng:

Chí lăm bắn nhận ven mây

Danh tôi đặng rạng, tiếng thầy bay xa

Làm trai trong cõi người ta

Trước lo báo bổ, sau là hiển vinh.

Ấy thế mà trời chẳng chiều người:

Việc trong trời đất biết chi

Sao đời vật đổi còn gì mà trông.

Hai hàng lụy ngọc rờn rờn,

Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.

....

Ai ai trông thấy cũng thương,

Lỡ bề báo hiếu, lỡ đường lập thân

Dầu cho chước quỷ mưu thần

Phong trần ai cũng phong trần như ai

Éo le ai khéo đặt bày

Chữ tài liền với chữ tai một vần!

Tâm sự chất chứa nhiều nỗi bi thương như vậy quả đã ứng với câu: *Tam tiêu tích nhiệt đã lâu!*

Cái ngọn lửa Thiệu dương tương hỏa được dịp nội thương ngoại cảm công phạt đã ngùn ngụt bốc lên từ mạng môn, khiến bệnh xung lên hai mắt. Nhượng Tống, một học giả uyên thâm cả về Nho học lẫn y lý, đã mô tả: "Các chứng nóng, mê man, vật vã, gân giật nhay nháy, hồi hộp, co giật, thỉnh thoảng cắn khẩu, hôn mê, trằn trọc, điên cuồng, chửi la, sợ hãi, hơi xông ngược, đui sưng, đau ê, hắt hơi, lộn mửa, phát lở, cổ sưng, tai ù tưởng chừng điếc đặc, ăn không sao xuôi được, mắt mờ nhìn không rõ, kéo màng, máy thịt, phát run, ngọng miệng như mất hồn, đau thỉnh thoảng, chết tươi, tả phũ... đó là do khí Thiệu dương tương hỏa của hai kinh thủ: Tam tiêu cùng Tâm-bào-lạc (màng tim)".

Nếu sự miêu tả bệnh trạng trên ứng vào thực trạng của Đồ Chiểu thì từ "mắt mờ nhìn không rõ, kéo

màng, máy thịt, vật vã", để rồi "bệnh tình quá nặng, dầu lương y cũng vô khả nại hà: hai mắt Đình Chiểu đành phải mù luôn đến chết" (Phan Văn Hùm).

Cái chân tướng bẩm sinh về thể chất của Đồ Chiểu là một ngọn lửa cháy hừng hực. Sau khi cuộc đời "dù khuất đôi trông thịt" vì màn tối che mịt mờ, ngọn lửa thể chất nơi người thanh niên ấy vẫn cháy mãnh liệt và biểu lộ bằng nhiều sự thăng hóa về sau.

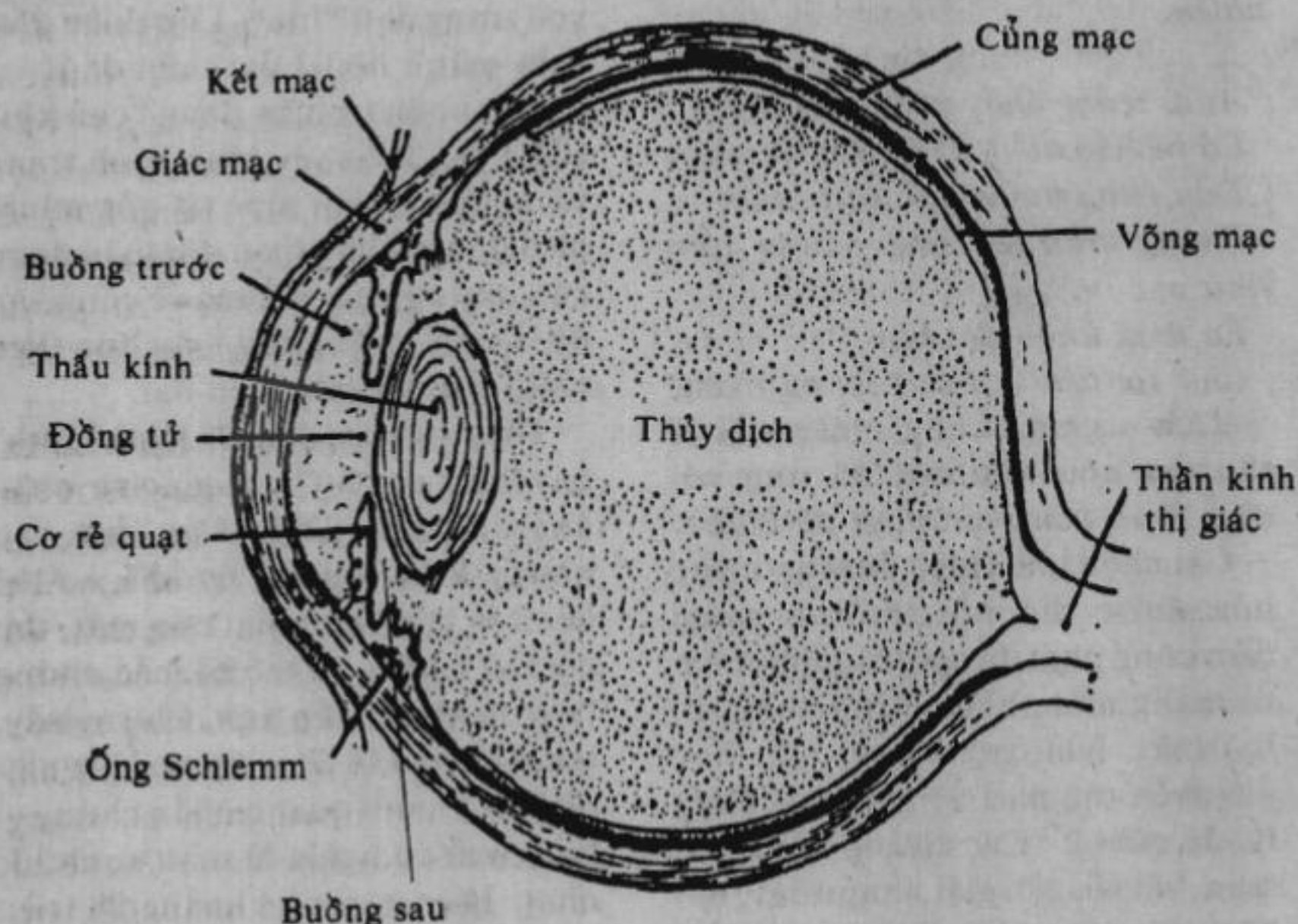
Những nét vĩ đại trong đời Đồ Chiểu đều chỉ hiện rõ qua những hoạt động của giai đoạn sau khi bị mù, từ sáng tác thi văn đến những hoạt động cần vương kháng Pháp. Đời của Đồ Chiểu được gom trọn vẹn trong chữ "lửa". Lửa thiêu đốt! Lửa mãnh liệt! Lửa phấn đấu!

Sau phần tự luận đoán "chủ khí" của Đồ Chiểu về chính bệnh trạng và nguyên nhân mục tật của mình, mời độc giả hãy theo dõi luận đoán của những người khác về cùng vấn đề. Đó là những suy luận dựa theo nhãn quan y học hiện đại.

Theo sự luận đoán "chủ thể sinh" hay "chủ cục bộ" của giáo sư nhãn khoa Nguyễn Đình Cát, dựa vào những kiến thức về cơ chế, cơ thể bệnh lý của chính hai con mắt, thì: cụ Đồ Chiểu có thể bị mắc chứng "cườm xanh" cấp tính. Chứng này, tên Anh ngữ là *Glaucoma*, Hoa ngữ dịch là Thanh quang nhãn chứng vì *glaucous* có nghĩa là màu xanh lục nhạt. Hiện nay có khoảng 28 triệu người trên thế giới bị mù vì chứng này. Nguyên nhân gây mù rất nhiều, như chứng mắt hột (Trachoma); chứng ký sinh trùng (Oncho Cerciasis) do con ký sinh trùng hay con sâu tròn nhỏ, truyền nhiễm qua loài ruồi đen Simlium; chứng khô nhãn do củng mạc mắt bị khô vì thiếu sinh tố A... Các chứng trên đều có thể ngăn ngừa được theo cơ quan y tế quốc tế (W.H.O). Ở Hoa kỳ, nguyên nhân thông thường cho sự mù lòa thụ đắc là chứng cườm xanh Glaucoma, sự thoái hóa của điểm mù do tuổi già (Senile macula

degeneration), bệnh võng mạc do đường niệu (diabetic retinopathy). Có những nguyên nhân gây mù hiểm xảy ra hiện nay ở Mỹ là chứng viêm giác mạc do siêu khuẩn Herpes, chứng cườm trắng (Cataracts), và sự bong tróc võng mạc (Retinal detachment). Vi trùng bệnh lậu mủ (Gonorrhea) hồi trước khi trụ sinh được phát minh, đã từng là nguyên nhân làm viêm giác mạc cấp tính gây ra mù.

Chứng cườm xanh Glaucoma gây ra mù vì sự gia tăng áp lực trong nhãn cầu do chất thủy dịch. Muốn hiểu cơ chế bệnh nguyên của chứng cườm xanh, thiết tưởng ta cần xem qua vài nét cấu tạo cơ thể của nhãn cầu.



Mắt là một cơ quan hình cầu, ở giữa chứa một chất trong suốt gọi là *thủy dịch*. Nhãn cầu có phần hiện ra trong hốc mắt trên mặt gồm tròng trắng (củng mạc, sclera) và tròng đen (giác mạc, cornea) trong suốt, trên có phủ lớp kết mạc (conjunctiva). Tròng đen chứa buồng trước (anterior chamber) của nhãn cầu. Buồng này ngăn cách với buồng sau (posterior chamber) ở chính giữa bằng một thấu kính (lens). Chung quanh thấu kính mắt

có một tấm chắn hình rỏ quạt gọi là cơ rỏ quạt (iris). Màu của cơ rỏ quạt thay đổi theo chủng tộc: đen, nâu, xanh.v.v.. Toàn bộ nhãn cầu giống như một máy chụp ảnh với ống thấu kính và một màn chắn có thể điều chỉnh độ mở lớn nhỏ mà người ta gọi là sự điều tiết.

Thủy dịch (aqueous humor) là một chất nước trong suốt tiết ra do lớp thượng mô (épithelium) của một cơ quan có tiem mao nằm quanh tròng đen gọi là mi thể (ciliary body). Thủy dịch tiết ra từ mi thể chạy từ buồng sau (posterior chamber) ra buồng trước (anterior chamber) qua lỗ nhỏ ở giữa cơ rỏ quạt mắt gọi là con người hay đồng tử. Ở đây, thủy dịch chạy ra chung

sức giảm thiểu của việc tiếp máu cũng như các chất dinh dưỡng đến nuôi võng mạc.

Chứng cườm xanh có thể xảy ra mạn tính hay cấp tính. Trên phương diện cấu tạo của cơ chế bệnh nguyên, người ta phân biệt hai trường hợp tiêu biểu sau:

* Cườm xanh mạn tính có góc mở (Chronic open angle glaucoma): Trường hợp này do sự phát sinh thái quá của thủy dịch hay sự tắc nghẽn lưu thông của thủy dịch qua mạng lưới thớ sợi, ống Schlemm, và tuần hoàn tĩnh mạch ở mắt. Bệnh thể này có nguyên nhân gia truyền, thông thường xảy ra cho 90% bệnh nhân bị cườm xanh.

* Cườm xanh cấp tính có góc đóng (Acute closed angle glaucoma): Trường hợp này do sự tắc nghẽn thải lưu chất thủy dịch. Chất này vì phải chảy qua những kẽ góc quá hẹp nằm giữa mặt trước của cơ rỏ quạt và mặt sau của giác mạc, hoặc vì buồng trước của mắt quá cạn, hoặc là cơ rỏ quạt của mắt quá dày hay nhô về trước khiến cho những góc thoát thủy dịch phải đóng lại khi con người mở lớn.

Chứng cườm xanh mạn tính góc mở xảy ra chậm chạp nên chỉ gây đau đớn nhẹ nơi mắt, mắt thị giác ở ngoại biên, thị ảnh, thường có quầng đen và giảm thiểu nhuệ độ thị giác, dù có đeo kính cũng không chữa được.

Còn chứng cườm xanh cấp tính góc đóng xảy ra cấp kỳ khiến bệnh nhân phải đau đớn rên la vì áp lực nơi mắt tăng lên đột ngột. Con người chỉ mở vừa phải, rọi đèn vô, con người không có phản ứng đóng khép lại như cũ, giác mạc đục mờ, bệnh nhân rất sợ ánh sáng và thấy đèn sáng có quầng. Bệnh nhân ói mửa vì áp lực gia tăng khiến dễ làm tưởng là bị trúng độc về tiêu hóa. Cườm xanh cấp tính gây ra chứng mù trong thời gian ngắn, chỉ từ 3 đến 5 ngày nếu không được trị liệu khẩn cấp để làm giảm áp lực của thủy dịch trong mắt.

Giáo sư Nguyễn Đình Cát nghị

quanh và thẩm lọc qua một mạng lưới thớ sợi vi ti (trabecular meshwork) đổ vô lưu đạo hay ống Schlemm (canal of Schlemm) để cuối cùng chui vào sự lưu thông tuần hoàn của các tĩnh mạch nơi mắt. Nếu vì một lý do nào mà sự lưu thông trên bị cản trở hay tắc nghẽn, thủy dịch sẽ ứ lại trong nhãn cầu, đẩy ép vào võng mạc ở đáy nhãn cầu. Sự o ép này làm các tế bào của thần kinh thị giác và các mô sợi trên võng mạc bị hủy hoại do

rằng Nguyễn Đình Chiểu vì khóc mẹ quá nhiều, càng khóc lại càng chậm mắt đến nỗi mắt sưng húp lên, đỏ xốt, do đó rơi vào trường hợp tắc nghẽn sự lưu thông thủy dịch cấp tính. Sự phù viêm của cơ rỏ quạt khiến cho cơ này càng đưa ra trước, tạo cơ hội dính vào mặt sau của giác mạc và đè vào mạng lưới thớ sợi có nhiệm vụ thẩm lọc và thoát lưu thủy dịch đang ứ trong nhãn cầu. Theo giáo sư Cát, chỉ có chứng cườm xanh cấp tính trên mới giải thích được cái mù đột ngột của cụ Đồ Chiểu. Mãi về sau, hai đồng nghiệp khác của tôi, các bác sĩ nhãn khoa Huỳnh Hữu Cửu và Nguyễn Mậu Hoàng, cũng đồng ý là giả thuyết cườm xanh cấp tính có thể rất đúng với trường hợp mù của Nguyễn Đình Chiểu. Bác sĩ Cửu còn cho biết đã có trường hợp một bệnh nhân Việt Nam trước đây đi coi một vở tuồng cải lương có cốt truyện bi thương đã khóc mù mất... một đêm để bị mù.

Đọc các sáng tác phẩm của Đồ Chiểu, ta thấy tác giả tuy tác người to lớn vạm vỡ, tính tình cương trực nhưng rất dễ xúc động, khóc nhiều và dễ lệ dễ dàng. Xin trích dẫn vài câu tiêu biểu:

*Trời đông sùi sụt gió mưa tây
(Y sư tự thuật)*

*Miệng cười mà nước mắt trào
Mừng thương giao cách, biết bao
nhiều tình.*

(Ngư Tiều vấn đáp)

*Nhớ thuở khóc lân treo bút đạo
Mặc tình trời đất với quân vương.*

(Ngư Tiều vấn đáp)

*Nói ra thì nước mắt trào
Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi.*

(Ngư Tiều vấn đáp)

*Nước mắt anh hùng lau chẳng
ráo, thương vì hai chữ thiên dân
(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc).*

*Nhắc đến đoạn nào, anh hùng rơi
lụy mãi (Văn tế Trương Định).*

Đồ Chiểu đã khóc tới ngất xỉu khi đọc bài văn tế Lục tỉnh nghĩa sĩ trận vong.

Đồ Chiểu không hề “khéo dư nước mắt” như nàng Kiều của Nguyễn Du khóc trước mã Đạm

Tiên vì nỗi thương người cảm cảnh. Cụ khóc trước cảnh quốc phá gia vong, khóc cho bao bậc hiền tài thuở trước, cho Trương Công Định, cho sĩ dân miền Nam... Đối với người mẹ “ba năm nhũ bộ” đột ngột từ trần thì hiếu tử Nguyễn Đình Chiểu đã khóc ngất đòi con:

Hai hàng lụy ngọc ròng ròng

*Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy
nhiều.*

Con khóc mẹ này là con khóc lịch sử duy nhất vì sau con khóc này là bóng tối thiên thu cho nho sinh Nguyễn Đình Chiểu.

Đối chiếu hai luận đoán “chủ khí” của cụ Đồ và “chủ thể sinh” do cườm xanh cấp tính của giáo sư Nguyễn Đình Cát, ta thấy bệnh chứng có nhiều điểm tương đồng.

Mạch phù hồng chứng tỏ bệnh phong nhiệt của bệnh nhân do các tác nhân ngoại lai xảy đến cấp kỳ. Còn chứng mạng môn tương hỏa cấp tính đã xông lên đầu với sự hiển lộ: lộn mửa, mắt mờ nhìn không rõ, máy thịt, đau bất thành linh khiến phải trần trọc điên cuồng v.v.. trong một thời gian rất ngắn trước khi mù hẳn, có thể tìm thấy trong sự biểu lộ của chứng cườm xanh cấp tính miêu tả ở trên. Những triệu chứng này rất chủ quan, lẽ tất nhiên chỉ có giá trị tương đối, gián tiếp cho một luận đoán có chứng cứ từ nhân đến quả.

Ngược lại, bác sĩ Trần Văn Tích đi vào một lối suy luận khác gọi là luận đoán “chủ tâm sinh” (Psychogenic). Ông đã phân tích trong một bài viết rất công phu trên cùng mặt báo này hơn ba năm về trước (số 59, tháng 7.89) nhân dịp tưởng niệm 100 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu:

“Nguyên nhân gây bệnh thuộc lĩnh vực tâm lý, kết quả tổn thương thuộc lĩnh vực thể chất, tại sao chúng ta không qui đôi mắt mù lòa của Nguyễn Đình Chiểu — Lục Vân Tiên vào hệ thống những chứng trạng y khoa tâm thể?”

“Tất cả chúng ta đều quen thuộc với nguồn gốc của điển tích đoạn trường, đứt ruột. Một con vật mà

còn có thể đứt ruột vì mất con, thì một con người chí hiếu hổng mắt do mất mẹ phải đâu là chuyện chẳng thể xảy ra? Trong khoa tâm thần học, có thể loại bệnh chứng đui mù tâm sinh (psychogenic blindness). Dưới ánh sáng phân tâm học, người bệnh bị rối loạn tâm lý có thể có những triệu chứng cơ thể mang ý nghĩ biểu tượng, và lắm khi ý nghĩ biểu tượng đó lại gắn liền với ngôn ngữ — vốn cũng mang tính cách biểu tượng, ước lệ — hay với tư duy — vốn xây dựng trên biểu tượng, hình tượng. Cho nên một tình trạng bại liệt hai hạ chi chẳng hạn ở một bệnh nhân gặp thất bại nặng nề trong cuộc đời có thể mang ý nghĩa biểu tượng “không được rồi, hổng mắt rồi” nếu bệnh nhân thuộc một số hệ ngôn ngữ Âu châu, vì tiếng Pháp sẽ bảo “ça va pas du tout”, tiếng Anh sẽ nói “things go not at all”, tiếng Đức sẽ diễn tả “es geht nicht mehr weiter”; mà cả ba động từ *aller*, *to go* và *gehen* đều có nghĩa đen là “đi” (bằng hai hạ chi).

“Trong trường hợp bệnh nhân có rối loạn thị giác, thì nghĩa lý ẩn tàng sâu kín trong tâm thức là đương sự không còn có thể hay biết hay làm gì được nữa. Tâm thức đó phải chăng là tâm thức của Vân Tiên — Đồ Chiểu khi đứng trước ngày thi hương rồi thi hội, thi đình, nghĩa là cử nhân, tiến sĩ, trạng nguyên đối với Lục Vân Tiên; và cử nhân, tiến sĩ, bảng nhãn đối với Nguyễn Đình Chiểu vì triều đình nhà Nguyễn không lấy trạng nguyên? Mà bỗng dưng sét đánh lưng trời, thư nhà đến báo tin mẹ mất. Mẹ, người đã ban cho mình hình hài, cơ thể mà người con hiếu có bốn phận phải bảo vệ, phải giữ nguyên, không được làm thương tổn vì đạo lý thánh hiền đã dạy “Thân thể phát phu thụ ư phụ mẫu, bất cảm hủy thương” (thân thể tóc da đều là của cha mẹ, không được hủy phá). Cho nên giới nho sĩ mới để móng tay dài, mới búi tóc. Tóc, móng còn không được động đến nếu là người con hiếu, nhưng

Nguyễn Đình Chiểu đã vì hiếu mà hỏng mắt.

"Hơn thế nữa, trong *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*, nhân vật trí thức Kỳ Nhân Sư, đại biểu cho giới sĩ phu lý tưởng, hiện thân của nhà giáo dục học y khoa Nguyễn Đình Chiểu, còn tự mình xông cho mù mắt để khỏi phải cộng tác với kẻ thù. Ngoài đời thì tác giả do mất mẹ mà mất thị giác, trong truyện thì nhân vật do mất nước mà hủy nhân quan: hai tình huống, một thực tiễn và một hư cấu, phải chăng đều cùng có một mẫu số chung: sự kiện bị hỏng mắt là một hình thức báo hiệu, một dạng thể tận trung biểu hiện như là một phản ứng tự hủy tâm thần học, mà nguyên ủy xa xôi, nguồn gốc sâu kín là nền giáo dục Khổng học, chủ xướng nho gia phải bảo vệ hình hài do cha mẹ ban cho? Vì những rối loạn tâm thể thường khi mang đặc tính như là những đáp ứng nghịch chiều, chống báng lại môi trường, xã hội, giáo dục".

Luận đoán của bác sĩ Trần Văn Tích rất tân kỳ, dựa trên những kiến thức mới của ngành y học tâm thể. Sự kiện bệnh lý mù loà của cụ Đồ Chiểu xảy ra trong dĩ vãng hoàn toàn không có hồ sơ bệnh án làm chứng cứ, nhưng sự suy diễn của ông bạn Trần Văn Tích được kể là lý thú, nếu không nói là khá khúc mắc, qua sự đi vào những luận cứ của lãnh vực phân tâm học. Ông bạn họ Trần dù sao cũng đã rất cẩn thận và dè dặt khi nói: "Tất nhiên đây là một cách nhìn lấy cái mới đánh giá cái cũ, với tất cả những hạn chế, những dè dặt của lối nhìn liên hệ, nhưng dầu sao thì cũng có thể chọn nơi cái mới một điểm tựa, một chỗ bám để thử nhìn cung cách đáp ứng bệnh học vào trường hợp Văn Tiên — Đồ Chiểu trong lãnh vực tiềm thức, trong hố thẳm vô thức".

Tóm lại, dù là luận đoán "chủ thể sinh" như giáo sư Nguyễn Đình Cát hay "chủ tâm sinh" như bác sĩ Trần Văn Tích, đều là những cách "thử nhìn", lấy "cái mới" tìm hiểu "cái

cũ" với các hạn chế của vấn đề và sự dè dặt của người nhìn.

Tìm hiểu nguyên nhân cái mù của Nguyễn Đình Chiểu là một sự tò mò lý thú của người đời sau, nhưng có lẽ không quan trọng bằng sự tìm một bài học qua việc phân tích tâm lý cụ sau lúc mù.

Đồ Chiểu bị mù lúc 26 tuổi (1848), sống đến năm 66 tuổi (1888) mới mất. Suốt 40 năm còn lại, dù là "mang tật đui ngời" và trải qua bao nhiêu biến loạn, cụ đã chứng tỏ được sự phi thường trong lối hành xử của thân thể và sự nghiệp lập ngôn.

Ở Đồ Chiểu, ánh sáng chói lọi đã phát sinh ra từ một nghịch cảnh tối tăm. Trường hợp của cụ là một sự thăng hoa hoá điển hình (sublimation) qua sự phấn đấu chống lại nghịch cảnh, biến cái năng động lực ở bầm chất "dương hoá thiên thắng", cái bất lợi, tàn phế của mình thành lợi khí.

Trước hết, hãy nhìn vào việc học thuốc của Đồ Chiểu như một phản ứng tích cực. Dọc đường đi ghe bầu vô Nam cư tang mẹ, chàng nho sinh tên Chiểu bị đau mắt bèn ghé lại Quảng Nam nhờ thầy thuốc ngự y tên Trung điều trị. Bệnh không chữa được, bị mù, đành phải chờ mùa gió năm sau mới đáp ghe về lại Sài gòn. Với bầu nhiệt huyết hiếu động, Đồ Chiểu không chịu ở không kêu la than vãn cho số kiếp hẩm hiu, mà xin theo học thuốc để:

Người xưa ba chuyển gãy tay,

Tức mình học thuốc mới hay làm thầy.

(*Ngư Tiều vấn đáp*)

Việc nghiên cứu y lý của Đồ Chiểu là một hành động làm cho "lợi gian", bổ tức; và chí khí của Đồ Chiểu tuy rằng đui tối nhưng là:

Chí lăm ra sức vén mây xem trời.

Cái chí khí cao ngạo "vén mây xem trời" này được bày tỏ nhiều lần, qua những câu thơ mà Đồ Chiểu đã ký thác.

Bị đui tối là một sự thua thiệt hiển nhiên, nhưng Đồ Chiểu luôn luôn tìm kiếm những ưu điểm trong nghịch cảnh đó. Hành động này

không phải là sự chối bỏ (denial). Trong sự chối bỏ, thực tế chua cay bị gạt ra khỏi sự chú ý một cách vô thức, chẳng hạn trường hợp con đà điểu gặp nguy thì rúc đầu vào cát để khỏi thấy tai họa. Ở Đồ Chiểu, đây là sự cố tình khử bỏ (suppression) với đầy đủ ý thức. Đồ Chiểu mù nhưng cho rằng mình nhờ mù mà học được nghề thuốc, nghề bói dịch. Đồ Chiểu muốn noi gương Sư Khoáng người nước Tấn thời Chiến Quốc, xông mắt cho mù để sự thẳm âm được tinh tế.

Há lo tiếng nhạc khó thông

Như ông Sư Khoáng mà xông cho mù

(*Ngư Tiều vấn đáp*)

Cái khí phách cao ngạo này còn biểu lộ nhiều lần nữa:

*Khỏi vòng hối, thực thấy ra mình
Đời tối trông ta một chữ minh.*

Đồ Chiểu rất ý thức về mục tật của mình, nhưng trước sự khinh rẻ của người đời, Đồ Chiểu bất cần, thấy kệ. Đó đúng là hành động cương quyết khử trừ (suppress), gạt bỏ ngoài tai:

Tập theo nghề thuốc cứu người

*Cười đui, cười ngọng ai cười trời
thấy.*

.....

Kêu trâu, kêu ngựa mặc người

*Cánh trùng, gan chuột theo trời
phủ cho.*

(*Ngư Tiều vấn đáp y thuật*)

Ngoài đời, thực tế Đồ Chiểu đã bị từ hôn sau khi mù, gặp nhiều bạn xấu loại Bùi Kiệm, Trịnh Hâm như nhân vật Lục Vân Tiên gặp phải. Nhưng cũng như bao thi văn nhân khác, Đồ Chiểu đã mượn nghệ thuật hư cấu để trả thù thực tại. Nghệ thuật hư cấu của Đồ Chiểu rõ ràng có chủ đích làm hoá giải sự bức dọc, tức giận và tỏ một ý nghĩa biện minh để chịu cho cuộc sống thực tại. Những đoạn thơ bắt đầu bằng chữ "thà", "dù" là những đoạn thơ biện minh:

Thà cho con mắt mù mù

Thà cho trước mắt vô nhân

Thà cho trước mặt vắng hiu

Thà cho trước mặt tối hăm

Dù đui mà giữ đạo nhà

Dù đôi mà khỏi danh nhơ

....
Sự biện minh của Đỗ Chiêu rất hữu ích và có hệ thống vì dựa vào những lý luận xác đáng, những trích dẫn lịch sử, chứ không phải là hiện tượng viện lý vô thức (*unconscious rationalization*) như kiểu "múa không khéo chê đất lệch". Và cũng như bao văn thi sĩ khác, nghệ thuật lập ngôn của Đỗ Chiêu là một cách văn dĩ tải đạo, lấy văn chương nói lên ý nguyện mình.

Qua sự biện minh, ít nhiều trong vô thức, Đỗ Chiêu muốn nhập hoá (introjection), đồng dạng hoá (identification) mình với những nhân vật hiền tài, đức hạnh. Trong hiện tượng đồng dạng hóa, đương sự muốn đem những đức hạnh của những nhân vật mình khâm phục gán ghép vào tư cách mình, đại khái như sự noi gương thánh hiền mà hành động, cư xử. Trong sự nhập hoá, hiện tượng cũng giống vậy nhưng thô sơ, ít có tính cách lựa chọn và đồng dạng hơn.

*Nhớ xưa đức Khổng thánh nhân
Kính ông sư Miện vân vân chiến thêm*

Ấy là đạo vị khá xem

Học theo ý thánh để chiêm nghiệm lòng

*Cho hay hai chữ "đạo tâm"
Người đời động giữ, ít lắm lỗi chi
Thánh hiền xưa cũng yêu vì
Nay bấy ngu xuẩn thấy khi chê cười.*

(Ngư Tiều vấn đáp y thuật)

Trong hiện tượng đồng dạng hoá, hay noi gương, ta thấy sự giáo dục, văn hóa, nếp tư tưởng của xã hội đã can dự trực tiếp hay gián tiếp để đưa ra những mẫu mực làm mô thức tiêu chuẩn. Con người trong một xã hội ít nhiều đều phải chọn mô thức nào đó để noi theo. Tinh thần tận hiếu, tận trung đưa đến tự hủy, hy sinh của Á Đông được đề cao, ca ngợi tuy có thể bị coi là tiêu cực hay ngu dại dưới nhãn quan Tây phương. Hành động tự đốt mình cháy theo thành của Võ Tánh hay uống độc dược quyền sinh của Phan Thanh Giản, cũng như những

thơ cung vũ

thu về

*vàng thêu gấm đỏ rừng thu
sắt-se cơn gió mịt-mù nắng trưa
về chưa, em sắp về chưa?
bước chân dã thảo đạp nhòa thời-gian*

gửi khách xem hoa

*gửi Th.M., nhân đọc bài
"Ngắm hoa quỳnh ở Montréal"*

*thương hoa, biết cõi lòng trần
tắm thân màu-nhiệm trắng ngần thi-chung
ngắm hoa, lòng đục hơi bùn
khép từ-nhãn-thị ngượng-ngùng văn-nhân...*



tấm gương chịu khổ nhục của nhiều nhân vật trong sử Trung Hoa... đều là những mẫu mực can đảm đáng khen. Đỗ Chiêu đề cao nhân vật Nhân Sư đã tự xông mả cho mù để khỏi ra làm quan thái y cho triều đình rợ Khất Đan, cũng như đã ca tụng những nhân vật chính trực phải chịu khổ nạn tuần tiết cho lý tưởng của mình... Đối với Đỗ Chiêu, hành động tự xông cho mù của Nhân Sư không phải là *tự hủy* mà là *để bảo thân, bảo đạo*:

*Như thầy chẳng những bảo thân
Lại hay bảo đạo mười phân vững vàng*

*Thánh môn lời đẹp rõ ràng
Nước an làm trí, nước loạn làm ngu*

*Từ xưa có kẻ cạo đầu
Giả câm, giả dại, lánh xa nước loạn.*

Trong cách xử sự và tư tưởng của Đỗ Chiêu sau khi mù, hậu thế có thể dựa vào tác phẩm của cụ để phân tách ra hai khía cạnh tương phản, hoặc tích cực hoặc tiêu cực.

Về sự tích cực trong tư duy, mù là một lợi khí để học hỏi sâu, nghiên cứu kỹ hoặc thành công dễ dàng trong những ngành mà người mù có khả năng hơn người sáng như y lý, dịch lý. Mù là một lợi điểm giúp kẻ trí khỏi thấy những chuyện gai mắt hầu giữ được tấm lòng thanh cao (bảo thân, bảo đạo).

Về hành động, sự tích cực của Đỗ Chiêu sau khi mù là có dịp đóng vai giáo huấn, lãnh đạo của kẻ sĩ một cách hữu hiệu hơn:

*Nho y lý bốc đạo đời
Bao nhiêu pho sách đều nơi bụng*

thầy.

Trong suốt 40 năm mù lòa, Đồ Chiểu đã làm "thầy", làm "kẻ sĩ" qua những vai:

- Thầy đồ: dạy chữ nho, truyền bá đạo lý thánh hiền, đề cao và bảo tồn những giá trị văn hóa cổ truyền trong đám bình dân ở miền đất mới Nam Việt. Cái nhiệt tâm bảo vệ đạo nho đã khiến Đồ Chiểu trở thành một người lính cuối cùng tử thủ với thành dẫn đến những hành động cực đoan như không ưa chữ quốc ngữ, không đi trên quan lộ do Tây đắp, không dùng xà-bông để giặt đồ, bài xích Phật giáo, Thiên Chúa giáo.

- Văn sĩ: viết *Lục Vân Tiên* để "văn dĩ tải đạo", đề cao nguyên tắc: *Trai thì trung hiếu, gái thì tiết hạnh...*

- Thầy thuốc: để cứu dân độ thế, trứ thuật các sách thuốc bằng chữ nôm dưới hình thức văn đáp bình dân cho người dân thích đọc, dễ nhớ...

- Quân sư: cho Trương Công Định qua hành động xử thế dịch

trước lúc hành binh.

- Chí sĩ: đề nêu cao tinh thần "uy vũ bất năng khuất", từ chối những đặc quyền Pháp ban tặng.

Cái sự nghiệp nhất quán của Đồ Chiểu thật là vĩ đại nếu ta hiểu rõ sự mù lòa đã hạn chế hoạt động của cụ (đuôi ngỗng) cũng như việc sáng tác thi văn và kê toa thuốc đến mức nào; đúng như Nhượng Tống nhận xét: "một hơi thở hãy còn thì trái tim nóng ấy vẫn chưa chịu nguội".

Bên cạnh tư duy và hành động tích cực trên, Đồ Chiểu ít nhiều vẫn ẩn dấu trong lòng sự tiêu cực của một con người tàn tật đau khổ mà đời đã dành cho toàn bất hạnh: bỏ thi, mẹ chết, mù mắt, tị nạn, lánh cư... như Dương Thượng Ngã đã nhận định trong bài *Nguyễn Đình Chiểu, con người và tác phẩm*.

Qua nhiều tác phẩm của Đồ Chiểu, ta bắt gặp một Nguyễn Đình Chiểu dự phóng trong mộng tưởng cách khắc phục mục tật. Trong *Lục Vân Tiên*, người anh hùng lý tưởng bị mù nhưng lại được thuốc tiên chữa sáng để đi thi đậu trạng, dẹp

giặc, lấy người yêu, được nhường ngôi thiên tử. Trong *Ngư Tiều vãn đáp y thuật*, vị thầy Kỳ Nhân Sư tự xông mắt cho mù để khỏi hợp tác với giặc, nhưng các đệ tử hãy kiên tâm chờ đợi:

Sau trời thúc quí tan mây

Sông trong biển lặng, mắt thầy sáng ra.

Đồ Chiểu sống trong cảnh quốc phá gia vong, trước sự xâm lăng của người Pháp, nhưng cụ vẫn dự phóng về một cuộc chuyển vận, đổi đời qua bài thơ sau:

U YÊN SẮM THI

*Năm quí đưa cờ pháo ngựa qua,
Hai vua một gánh gửi vai bà.*

Trời nam có thể cây sơn cấm,

Đất bắc còn vàng cốt đỉnh pha.

Con thú một sừng binh mới gặp,

Cái người một mắt đá chưa ra.

Bao giờ nhật nguyệt vầy gương sáng,

Bốn biển âu ca hiệp một nhà.

Ngôn từ của bài sấm, cũng giống như ngôn từ của chương Khải Huyền trong Kinh Thánh, đầy những chữ uyên áo, bí hiểm. Nhưng giá trị của nó ra sao, thiết tưởng không phải chỗ bàn ở đây. Đứng trên phương diện phân tâm học, mộng tưởng của một người bị khiếm thị mục tật là luôn luôn mong tìm lại ánh sáng, ngay dù đó chỉ là ánh sáng huyền mộng: *Bao giờ nhật nguyệt vầy gương sáng!*

Mỗi tư duy tiêu cực về một huyền mộng xán lạn, xét cho cùng, rất cần thiết cho chính bản thân Đồ Chiểu vì nó đem lại một niềm tin huyền bí, giúp cụ tạo nhiều huyền ảnh để tự ru mình trước thực tại nan giải chua cay. Trong địa hạt tâm thần học, có những hiện tượng tâm lý được gọi chung là *cơ chế phòng vệ (defense mechanism)* giúp con người có những phản ứng tâm lý thích hợp khi đứng trước nghịch cảnh hay điều trái ý để thoát khỏi nỗi lo âu, ẩn ức có thể dẫn đến sự tự hủy. Những mộng tưởng của Đồ Chiểu qua vai Lục Vân Tiên đã thăng hoa thành tích cực trong việc phổ biến niềm tin, trong hành động xử thế. Đồ Chiểu là một nho sĩ, đồng thời

nỗi buồn lam

gửi Hoàng Chính

*Đưa qua phương khách tình cờ cự
Mấy câu hò bên nẻo trắng ngàn
Hò ơi, đầu gió gieo vàng nắng
"Cuối mùa gặt hái nỗi buồn lam".*

*Chéo khăn xưa cười phiên chợ nhỏ
Nụ tròn như cánh lá trầu không
Tương tư mãi bóng người thợ gặt
Chân đất vòng qua trưà mênh mông*

*Qua sông nhờ gió đưa vào bến
Mấy nỗi buồn lam bay hát hiu
Đưa qua nghìn dặm trời ly biệt
Tiếng thì thầm, quê hương thân yêu.*

phan thịnh



cũng là một tín đồ của vũ trụ giáo Á Đông, tin vào thiên lý, đạo họa phúc, luật tuần hoàn, luật nhân quả về thiện ác...

Trong chương "Tra án" của *Ngư Tiều vấn đáp*, Đồ Chiểu đã trở thành một đạo sĩ khuyên người ta làm thiện tránh ác:

Sao cho ân đức dài trời
Khởi vòng nhân quả, rạng đời thân sau
Nhớ câu "thiện ác đáo đầu"
Phước đền, họa trả, đâu đâu không trôi!

Trong *Dương Từ Hà Mậu*, Đồ Chiểu cũng vẽ ra cảnh hai nhân vật chính đã xuất hồn nhập cảnh tiên gặp đức Thánh Khổng và các tiên hiền, cũng như hạ du xuống âm phủ thấy cảnh những người bất chính bị trừng phạt...

Phản ứng thông thường của kẻ lâm vào cảnh cùng khổ thường là tức bực vùng vẫy, la hét, đập phá:

Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra!

hay:

Chống tay mà ngấm sự đời
Muốn kêu một tiếng cho dài kéo cãm!

Nhưng rồi thấy vùng vẫy vô hiệu, phản ứng thông thường nhất là người ta rơi vào những tư duy chủ bại, tiêu cực, hoặc có hành động chạy trốn, yếm thế, tìm giải thoát trong rượu chè, ma túy hay bằng huyền mộng:

Lấy câu vận mệnh vơi dần nhớ thương

hay:

Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!

Phản ứng tâm lý của Đồ Chiểu trước nghịch cảnh thoát tiên cũng đầy hần học. Trong *Ngư Tiều vấn đáp*, cụ mặt sát những người theo Pháp là những kẻ "ăn dơ tanh rình" khi bỏ thờ cúng tổ tiên:

Dù đui mà giữ đạo nhà,

Còn hơn có mắt ông cha không thờ.

hoặc chỉ trích việc cắt bỏ búi tóc:

Dù đui mà dặng trợn mình

Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu.

Đặc biệt trong chương "Tra án", Đồ Chiểu dùng những khẩu từ

thông tục để kết án những kẻ sáng mắt dốt nát mượn danh làm thuốc để trục lợi. Cụ gọi những người này bằng "mày", "bây", "lũ", "nó"... và tưởng tượng ra những cực hình mà những người này sẽ phải nhận chịu cho bổ ghét:

Lệnh truyền cho lũ âm hồn,
Kéo ra đòi mạng, lấy côn đánh đầu.

(*Án thầy thuốc trái*)
Âm hồn oan uổng bấy lâu,
Lệnh truyền cho Sách kéo đầu nó ra,

Kim châm lửa đốt nát da
Có vay có trả kêu la lẽ nào.

(*Án thầy châm cứu*)
Lệnh truyền cho phép ân trì
Quay chân, vả miệng, trả khi già hàm.

(*Án thầy thuốc nam*)
Lệnh truyền dây sắt treo cây,
Đánh cho vắng thịt, coi mày giải sao.

...
Đánh cho thằng sãi đầu thai,
Kiếp heo, kiếp chó, theo loài mọi xa.

(*Án thầy chùa*)
Văn thơ của Đồ Chiểu đã đáp ứng được nhu cầu dễ hiểu của đại chúng bình dân trong việc dụng ngữ, nhưng đồng thời cũng là cách để cụ giải tỏa những ẩn ức, để trả thù thực tại. Thế nhưng sau những lúc chửi đã miệng, Đồ Chiểu đôi khi ngao ngán, buông trôi, tự an ủi với cái thanh cao của mình:

Mặc tình sở ngộ đời trong đục,
Vui thú phù sinh bến cạn sâu,
Trăm tuổi trọn nhờ duyên cá nước,

Dù lòng ngao ngán giữa dòng nhu.

(*Ngư Tiều vấn đáp*)
hay:
Công danh chi nữa ăn rồi ngủ,
Mặc lượng cao dày xử với dân.

hoặc:
Thôi thôi đã vậy, thôi là vậy
Một túi tiền khôn mặc mở mang.

(*Ngư Tiều vấn đáp*)
Tuy nhiên, những phản ứng tâm lý nhuộm màu tiêu cực hay giải tỏa những ẩn ức của Đồ Chiểu chỉ biểu

lộ một cách kín đáo và ít ỏi so với toàn bộ thi văn của cụ. Nguyễn Đình Chiểu luôn luôn là một nhà nho tích cực, kêu gọi phấn đấu, không hề chủ bại.

Để kết thúc bài viết này, tôi bỗng thấy thay vì "gói ghém" tôi lại muốn rón rén "mở ra" để đưa vào bài viết vài ý nghĩ cá nhân.

Đồ Chiểu — một mẫu "anh hùng mạt lộ" vĩ đại sống vào giai đoạn chót của thế kỷ qua — quả rất giống chúng ta, những con dân đất Việt, đang sống tị nạn lánh cư nơi xứ người, qua nhiều điểm tương đồng về hoàn cảnh quốc phá gia vong, về tâm trạng phần uất pha lẫn bi thương cho số mệnh hẩm hiu của mình cũng như của nước nhà, về những ước mơ dự phóng cũng như về những nỗ lực phấn đấu.

Cũng giống Đồ Chiểu, chúng ta đang sống trong chuyển đoạn, hay giai đoạn bản lề, của dòng lịch sử. Sự mù loà xảy ra cho bản thân Đồ Chiểu một cách đột ngột, bất ngờ, cũng như ngày 30 tháng 4 năm 1975 đối với chúng ta. Nhưng liệu chúng ta, những nạn nhân của vận mệnh tối tăm, có tìm ra cái "cõi sáng" trong tư duy, hành động và hướng đi tích cực như Đồ Chiểu đã ẩn nhẫn, phấn đấu trong 40 năm thiếu ánh sáng không?

Đời Đồ Chiểu là một phản đề vĩ đại: Tên rực lửa chói sáng (Chiểu) nhưng đời là một màn tối thiên thu. Thụ hưởng một thể tạng đầy dương hỏa thiên về chủ động nhưng lâm vào cảnh bất lực (đui ngời). Trang bị nhiều kiến thức, tài năng, xứng đáng cho một thành công về khoa cử hay hoạn lộ, nhưng rốt cuộc chỉ mang danh hiệu "thầy đồ".

Đồ Chiểu, qua tấm màn mù tối của thể chất, đã tìm thấy cõi sáng của nội tâm, biến cái tĩnh mịch của cuộc sống "đui ngời" cá nhân thành sự sôi động của sáng tác và những việc làm phục vụ tha nhân, hoán chuyển tiêu cực thành tích cực.

Ngọn lửa từ cây đuốc Đồ Chiểu quả thật xứng đáng rọi đường cho hậu thế chúng ta. ○

Chén Trà Ngát Hương Thiên

Vi-An

(tiếp theo và hết)

Một ngày đầu xuân nắng ấm, lãnh chúa Hide Yoshi tới thăm Rikyu, mang theo chiếc bình bằng vàng đựng nước trong vắt và một cành mai trắng đầy hoa với nụ, yêu cầu Rikyu trình bày chúng. Không chút ngần ngại, Rikyu đỡ cành mai từ tay lãnh chúa, phỉ cho hoa và nụ rơi lác đác vào bình; những cánh mai trắng và lộc nụ là đũa trong nước ánh lên màu vàng chói của bình làm tất cả mang một vẻ đẹp hài hoà dễ chịu.

Một ngày khác, khi nghe đồn về những bông hoa Asagao — hoa triều nhan, hoa bìm bìm, Morning glory, loại hoa này vào thế kỷ 16 ở Nhật còn rất hiếm — nở tung bừng khoe sắc trong vườn của Rikyu, lãnh chúa Hideyoshi tỏ ý muốn thưởng hoa và được Rikyu mời đến. Dạo bước quanh vườn theo lộ địa, chẳng có hoa hoè gì cả, chẳng thấy bóng dáng triều nhan đâu. Ngạc nhiên, buồn rầu xen chút tức giận, Hideyoshi chui vào trà thất của Rikyu và ông ta tươi ngay nét

mặt khi thấy trên vách sàng gian Tokonama một đóa Asagao, độc nhất một đóa, đón chào ông với tất cả dịu dàng, giản dị và thanh thoát.

Vào thời trẻ tuổi, lúc đang theo học thiền trà với thầy, một bữa nọ Rikyu được thầy sai quét lối đi. Quan sát lộ địa Roji dẫn vào trà thất, ông thấy nó được quét dọn kỹ đến nỗi không còn một cọng rác, tức khắc Rikyu nhận ra ẩn ý của thầy mình. Rikyu lắc nhẹ vai cành cây cho lá vàng rơi lả tả trên lộ địa thay vì quét dọn và quả nhiên việc

này đã khiến cho vị chân sư cực kỳ hài lòng. Cũng với thủ thuật đó, khi đã lừng danh trà sư, Rikyu có bận sai con thứ là Shō An quét dọn vườn và lộ địa. Shō An ra sức quét lối đi sạch bóng rồi trình lên nhưng Rikyu liếc qua, lắc đầu: "Chưa được, phải quét lại!" Tội cho anh chàng cả đần, quét đi quét lại năm lần bảy lượt nhưng lần nào Rikyu cũng chê. Cuối cùng, Shō An chịu thua: "Thưa cha, con đã cố công quét nhiều lần, lộ địa giờ sạch đến độ không còn một tí bụi và không



còn cách nào để sạch hơn nữa". Không đáp, Rikyu ung dung bước vào lộ địa, lặt cây cho ít lá vàng rơi trải lối đi. Shō An bưng tỉnh ngộ.

Sinh hoạt của một trà nhân bao gồm trong bốn chữ: hoà, kính, thanh, tịnh (Wa, Kei, Sei, Jaku). Bốn điều này không có gì khác với tôn chỉ của thiền vì nó chính là nếp sống trong thiền viện mà các trà sư đã khéo vận dụng vào nghệ thuật trà đạo. Tự bản thân của những chén trà ta vẫn uống sáng chiều tối trong nếp sống thường nhật chẳng dính líu gì đến môn trà đạo cả. Bạn có thể có ấm tốt, trà thật đẹp hay nhà cửa đẹp, trà ngon, trà quý. Bạn cũng có thể rất khéo tay trong việc pha trà, nếu mở quán có thể thiên hạ bu tới đông đen nhưng nếu không thấu triệt bốn tiêu chuẩn Hoà, Kính, Thanh, Tịnh này thì e rằng chén trà của bạn, hay nói rõ hơn, cuộc sống của bạn không có mùi thiền.

Có kẻ hỏi một thiền sư: Thiền là gì? Và được trả lời:

— Khi đói thì ăn, khi khát thì uống, khi mệt thì nghỉ.

— Vậy có khác gì tôi, khác mọi người đâu?

— Khác chứ. Khi các ông ăn uống nghỉ, các ông còn lo toan, còn tính toán, còn muợn phiền nghĩ ngợi về trăm chuyện khác. Các ông thực sự có ăn đâu, có uống đâu, có nghỉ đâu!

Tất cả những trà sư đều học thiền, và họ đều là những thiền sư. Bằng phương tiện trà thuật, họ ngầm giúp chúng sinh liễu ngộ được thiền ý để rồi sống trọn vẹn với thiền. Sống trọn vẹn với thiền là sống trong tinh thần Hoà Kính Thanh Tịnh, là tinh thần Wai (hay Sabi), sợi chỉ xuyên suốt trong Cha-no-yu.

Ta hãy nghe thiền sư Trách Am Takuan qua một bài pháp về trà đạo: "Nguyên lý của Cha-no-yu là tinh thần hài hoà tuyệt diệu giữa trời và đất, có nghĩa là sự bình an trong vũ trụ, trong nhân sinh. Con người hiện đại (tức lớp người đương thời với Takuan thuộc thế

kỷ 16, 17) đã biến môn Cha-no-yu thành một thứ cơ hội để tụ họp bạn bè, tán phét, rồi ăn, rồi uống món ngon vật lạ. Họ hãnh diện vênh vào với những trà thất sang trọng treo đầy những báu vật đắt tiền. Họ dọn trà với những kiểu cách hoàn toàn cầu kỳ và chế cười nhạo báng những kẻ nào không kiểu cộ khéo léo như họ. Những trò này hoàn toàn xa rời chủ ý nguyên thủy của Cha-no-yu".

"Vậy ta hãy dựng nên một căn phòng nhỏ bên bụi tre khóm trúc, dưới những tàn cây, tạo dòng suối trong, hai bên là bờ đá ẩn khuất mấy lùm cây. Trong căn phòng nhỏ đó ta hãy nhóm than đốt lò, đặt ấm, trang trí hoa và sắp đặt gọn gàng những trà cụ. Hãy thực hiện mọi điều này với ý niệm là trong căn phòng nhỏ ta có thể thưởng lãm con suối, bờ đá như ta thưởng lãm những dòng sông, núi non trong thiên nhiên... Lắng nghe tiếng nước reo sôi trong ấm mà âm điệu như gió thoảng rừng tùng, ta như rời xa, buông bỏ mọi lo âu thế tục. Khi dòng nước sạch tuôn chảy từ ấm ra, nó khiến ta liên tưởng đến dòng suối trong, nhờ đó bụi bặm trong tâm được rửa sạch. Nơi đây quả thật là một thế giới của sự khinh an, của sự thanh tịnh trên trần thế..."

Tinh thần Thanh tịch Wabi (Tuệ Sĩ dịch là tinh thần Vĩnh Tịch) là cốt tủy của Cha-no-yu, không có nó tất nhiên không có thiền trà. Theo *Nam phươg lục (Nanbō-Roku)*, cuốn sách gối đầu giường của mọi trà nhân, thì: "Tinh thần Wabi là sự diễn đạt về giải thoát nơi Phật địa, nơi tịnh độ khỏi mọi phiền não, bởi đó nơi lộ địa Roji cùng với túp lều tranh trà thất phải không có một hạt bụi, một cọng rác bất kỳ loại nào. Cả trà sư lẫn khách đều được trông chờ hiện diện với niềm kính cẩn, bình đẳng tuyệt đối. Không được phép đánh giá về tầm vóc, về nghi thức xã giao hay nhằm lợi lộc gì cả. Lửa được nhóm lên, nước sẽ sôi và trà được dọn, đó là toàn bộ những gì cần thiết ở chốn này, không cần có thêm những nhu cầu

thế tục nào nữa, vì điều chúng ta mong mỏi nơi đây là sự diễn đạt của Phật tâm. Nếu lễ nghi, xã giao thói tục và những điều khác được nhấn mạnh, được coi trọng, thì rồi những quan tâm thế tục sẽ luồn vào, rồi cả trà sư lẫn khách sẽ có khuynh hướng tìm mọi những lăm lỏi của nhau. Như vậy rất khó mà tìm cho ra những người có thể thấu triệt ý nghĩa của trà thuật. Nếu có được một vị như Jōshū thiền sư làm trà nhân và tổ sư Đạt Ma làm khách, với Rikyu quét dọn lộ địa thì một cuộc tụ tập uống trà như thế há không là điều hân hoan hạnh phúc sao!"

Trong tập *Haga Kure (Những điều ẩn dấu dưới lá)*, trà sư Nakano Kazuma nói về trà đạo như sau: "Tinh thần của Cha-no-yu là để làm sạch lục căn ra khỏi những ác trược. Bằng cách ngắm xem tranh hay liên chữ treo nơi sàng gian Tokonoma, ngắm hoa trong lọ đang tỏa hương thơm dịu: thị giác, khứu giác người ta được sạch; nhờ lắng nghe tiếng nước sôi reo trong ấm sắt và tiếng nước nhỏ giọt tí tách từ ống tre: thính giác người ta được sạch; nhờ nếm trà: khẩu vị người ta được sạch; và nhờ cầm trên tay những trà cụ: xúc giác người ta được sạch. Khi các giác quan đã được thanh tịnh như thế, tâm ta tự nó cũng được thanh tịnh thoát khỏi mọi phiền trược. Nghệ thuật trà rốt ráo chính là thuật tu luyện tinh thần, và nguyện ước của riêng tôi là mọi thời trong ngày không tách biệt khỏi tinh thần trà đạo".

Tưởng bạn cũng nên biết qua một chút về thân thế, sự nghiệp và cuộc đời của danh trà sư Lợi Hưu Sen No Rikyu. Mặc dù Rikyu thuộc thế hệ thứ tư, thứ năm trong gia phả trà sư nhưng vẫn được xem như người sáng lập, một trà tổ vì đã đóng góp rất nhiều vào công cuộc hoàn chỉnh trà thuật, từ trà cụ cho đến nghi thức luật lệ. Cho đến nay, bách luật về trà đạo của Rikyu vẫn còn được xem như mẫu mực cho

nghệ thuật này. Tỉ như:

Luật 1: Kẻ nào muốn bước vào cửa đạo của trà phải tự trở thành bậc thầy của chính mình.

Luật 5: Khi đặt xuống một trà cụ đã dùng xong, nên làm một cách trân trọng nếu bạn thương yêu trân quý nó.

Luật 6: Khi tặng ai hoa, chúng phải chưa mẫn khai vì điều này bất lịch sự đối với người nhận.

Luật 99: Ai ở giai cấp cao nên tự xem mình thuộc giai cấp thấp, ai giàu có nên tự xem mình như kẻ nghèo, và ai biết nhiều, tinh thông về điều gì đó nên tự xem mình không biết gì về nó cả.

Luật 100: Nếu bạn muốn theo con đường của đức Phật thì chỉ duy nhất có một cách này: Hãy sống một cuộc đời thanh bần và vô sự.

Sen No Rikyu người gốc Sakai, tỉnh Izumi, ông nội vốn là một nghệ sĩ và là bạn thân giao với sứ quân Ashikaga, cha là nhà buôn bán cá. Vào tuổi 17 Rikyu làm quen với trà đạo và thụ giáo với trà sư Kitamuchi Dòchin. Ông này giới thiệu Rikyu với thiền sư Takeno Shò-ò. Chính nơi Shò-ò, Rikyu học thêm được món bần Daisu và pháp danh Rikyu Lợi Hưu là do ông này đặt cho rồi được Thiên hoàng Ogimachi phê chuẩn. Khi đã nổi tiếng, Rikyu thường được mời đến dạy trà đạo cho sứ quân Nobunaga. Khi Nobunaga chết, một tướng dưới trướng là Taiko Hideyoshi lên nắm trọn quyền và trở thành một sứ quân hùng lầy nhất nước Nhật.

Một giai thoại khá thú vị về sứ quân này được truyền tụng: Hideyoshi rất thích hạc nên trong hoa viên của ông nuôi nhiều loại chim này. Một hôm có một con hạc bay lạc đâu mất, người chăn hạc cố công tìm mãi không ra, phải lên thưa trình với chủ. Hideyoshi hỏi:

— Người liệu xem nó còn trong nước Nhật hay đã... vượt biên rồi?

— Bẩm chúa công, chắc chắn nó còn quanh quẩn trong nước Nhật.

— Thế thì không lo, thôi khỏi tìm nữa vì cả nước Nhật là của ta mà, nó có lạc đi đâu đâu!

Hideyoshi trở nên thân hữu với Rikyu, cấp cho ông 3000 koku gạo (1 koku: 49.629 gia anh, 1 gia 36 lít), một bổng lộc khổng lồ để Rikyu chuyên dạy và phục vụ trà thuật cho lãnh chúa. Người ta còn thấy Rikyu có mặt bên Hideyoshi ngay cả trong những lúc hành quân (1). Chơi thân với một lãnh chúa hét ra lửa và đa nghi như Hideyoshi dĩ nhiên chẳng hay ho gì, có khi còn lụy đến thân, nhưng thời thế đưa đẩy, Rikyu vì nổi danh nên không thể tránh khỏi, chữ tài liền với chữ tai một vần!

Cái chết của Rikyu: Ông sống khá lão, được 70 tuổi và nếu không phải chịu một cái chết bi tráng, chắc ông còn thọ hơn. Rikyu có người con gái tên Ginko, tuy còn trẻ nhưng sớm góa bụa. Sau khi chồng chết, nàng ở vậy nuôi con. Một ngày nọ, Hideyoshi cùng quân hầu đi ngang chùa Nanzen thì gặp một thiếu phụ đi kiệu. Nàng xuống kiệu và đứng trong vườn hoa. Đường chật nên khi Hideyoshi băng qua và quân hầu báo danh thì nàng phải quì mọp ngay giữa vườn hoa để lạy chào. Thấy dung nhan thiếu phụ trạc 30, xinh đẹp với cách ăn mặc thanh lịch, lãnh chúa động lòng, buột miệng khen:

— Đẹp quá, nàng đẹp tựa thần nữ. Nàng là con cái nhà ai vậy?

Quân hầu thưa:

— Bẩm chúa công, đó là con gái của trà sư Rikyu, vợ góa của Mozuya.

— A, thì ra chỗ quen biết cả. Ta đã từng nghe tiếng ca tụng nhan sắc nàng, nhưng không ngờ lại đáng yêu đến thế!

Trở về dinh thự Juruku, ít bữa sau Hideyoshi phát lệnh thư đòi nàng Ginko vào phủ. Nhưng nàng chỉ phúc đáp mấy dòng: “Vì tiện nữ còn muôn phiên nỗi chông chết, lại bận bịu con mọn, xin thứ lỗi không thể vào hầu ngài”. Hideyoshi không bỏ cuộc, gửi người tới Rikyu làm áp lực: “Chúa công phán rằng phải đưa người vợ góa của Mozuya vào phủ chúa ngay lập tức”. Dĩ nhiên không thể làm điểm nhục gia phong, Rikyu đã cứng rắn trả lời:

“Phiền ông về bẩm với chúa công, Rikyu không phải là kẻ có thể bán con để cầu vinh”. Hideyoshi cay cú lắm, tình bằng hữu tưởng như “muôn đời bền vững” bỗng chốc vì hột mơn gái đẹp, phai lạt dần. Thêm nữa Rikyu là nhân vật quá nổi tiếng, tất bị lắm kẻ dèm pha tâu hót. Với một lãnh chúa đa nghi như Hideyoshi, cách hay nhất để tâu dèm Rikyu là vu cho ông làm phản. (Theo Okakura, tác giả *The Book of Tea* thì có kẻ vu cho Rikyu âm mưu đầu độc lãnh chúa bằng cách bỏ thuốc độc vào trà).

Thế rồi nhân dịp Đại Đông tự Daitokuji cho đặt một pho tượng trà sư Rikyu trong chùa, (Rikyu lừng lầy đến độ dưới con mắt người đương thời, ông đã trở thành thánh sống), nịnh thần tâu đến tai khiến Hideyoshi nóng mặt. Nổi sĩ nhục vì sự khước từ của cô nàng Ginko cộng thêm sự e dè về uy tín lớn lao của Rikyu đối với quần chúng khiến Hideyoshi lo ngại nếu quả thật Rikyu có âm mưu tạo phản. Lãnh chúa phán:

— Rikyu lộng quá, dám to gan đặt tượng mình trong Đại Đông tự, một ngôi chùa mà các cấp quan lại, hoàng tử và cả thiên hoàng nữa, đều phải đến cúng lạy. Thiên hoàng hay ta mà phải lạy lão ấy ư? Quả là phạm thượng, bất kính!

Hideyoshi bèn ra lệnh quân thúc Rikyu tại gia ở Sakai, rồi phái người đến ra lệnh cho Rikyu tự xử, một đặc ân dành cho kẻ phản loạn có công lao. Như đã đoán trước được số phận, ngày 28 tháng 2 năm Tensho thứ 19 (1592), rất ung dung, Rikyu mặc lễ phục vào trà thất để bày hoa và soạn một buổi trà cuối cùng với thân hữu và môn đệ thân tín. Ông tặng tất cả những trà cụ do chính tay ông làm cho các trà khách tham dự. Riêng cái chén lớn dùng trong buổi cuối này, ông uống cạn rồi nói:

— Không bao giờ chiếc chén từng bị đôi môi của kẻ bất hạnh này làm hoen ố sẽ còn được đem ra cho ai dùng nữa.

Và ông đập chén vỡ tan tành.

Rikyu tự xử bằng nghi thức Harakiri, mỗi bụng với thanh đoản kiếm. Bữa đó ông làm hai bài thơ tuyệt mệnh để lại, một bài loại thơ Trung Hoa và một bài loại thơ Nhật. Tạm dịch:

*Sống bảy mươi năm giữa cõi đời
Ngắm ra cơn mộng dĩ mà thôi,
Cung nghênh bảo kiếm trong tay xuống*

Phật lẫn tổ sư cũng đi đời.
(Hai câu chót Rikyu mượn ý các thiền sư Trung Hoa: “Phùng Phật sát Phật, phùng tổ sát tổ”).

*Đây lưỡi kiếm bén
mang theo bên sườn,
Nâng cao kiếm múa một đường,
Chấn này cửa đạo phi thường mở ra.*

Con trai lớn của Rikyu là Dò-An đã qua đời trước đó, cô nàng Ginko “đẹp như thần nữ” phải ẩn trốn, nhưng một đứa con trai kế tên là

Sò-jun ở lại Kyoto và được tha tội chết. Sau ít năm, Hideyoshi nghĩ lại và cho làm lễ truy điệu Rikyu cũng như phục hồi phẩm giá cho ông. Hideyoshi lãnh chúa chết trong chiến tranh ở Cao Ly 9 năm sau. Trong quá trình học hỏi, tiếp xúc với thiền trà, có lẽ vị lãnh chúa cường bạo này đã thấm được đôi điều vì một bài thơ ông làm trong buổi tiệc trà với Rikyu có nét lắm:

*“Khi trà được pha chế với nước
kéo lên từ sâu thẳm của tâm, nơi
đáy sâu bất khả tư lường,*

Ta thật sự có cái gọi là Cha-no-yu”.

Hầu hết các sử gia đều cho rằng Rikyu bị bức tử bởi thủ đoạn chính trị. Dòng dõi Sen-no Rikyu vẫn nối tiếp truyền thống Cha-no-yu của cha ông mãi cho tới ngày nay.

Sau đây chúng tôi xin cống hiến

vài giai thoại về các bậc thầy trong môn trà đạo, mong rằng chúng sẽ làm sáng tỏ thêm tinh thần Wabi thanh tịch:

* Rikyu đi cùng với con cả Dò-An tới dự một buổi tiệc trà. Khi bước vào lộ địa, họ trông thấy cánh cổng làm theo lối cổ khá đẹp. Dò-An vội vã thốt lên: “Thật là một điển đạt khéo léo về tinh thần Wabi, có phải không thưa cha?” Nhưng Rikyu đã làm con mình ngạc nhiên khi trả lời: “Con ơi, cái món đó còn lâu mới có tinh thần Wabi. Hãy nhìn kỹ xem, có phải đây là một thứ đồ chơi trướng giả? Cái cổng này ắt hẳn phải được chở về từ một sơn miếu nào đó trong những sơn thôn xa. Và còn biết bao nhiêu nhân lực, tài lực phung phí vào đó nữa. Nó chỉ khiến ta nhớ tới lối chơi cầu kỳ xa hoa của những tay thực hành trà thuật trướng giả mà thôi con à!”

* Có một trà nhân ở vùng Sakai sở hữu một bình đựng trà rất đẹp, gọi là Sessan. Nhân dịp Rikyu ghé thăm, trà nhân mang bình ra khoe nhưng Rikyu chẳng ngó ngàng gì đến cả. Tức mình, trà nhân vút bình vào lò vỡ tan. Một ông khách bèn thu lượm những mảnh vỡ đó đem về gò gán lại rồi tổ chức một tiệc Cha-no-yu mời Rikyu. Lần này vị trà sư tỏ ra đặc biệt thích thú chiếc bình vỡ được hàn gán lại khiến trà nhân ở Sakai vội xin lại chiếc bình và hết sức trân quý nó. Sau này có người sành điệu mua chiếc bình vỡ ấy với giá một ngàn thẻ vàng. Mua về rồi, người chủ thấy nó bị nứt ở nhiều chỗ, bèn đem đến hỏi Tiểu Khuất Viễn Châu (Kobori Em Shu), vị trà sư nổi danh với 7 món đồ sứ gọi là Viễn Châu Thất Diêu, xin ý kiến sửa chữa. Viễn Châu nói: “Nếu hàn lại, anh sẽ làm hư nó. Bởi lẽ đó, Rikyu mới thích nó đấy”.

Rikyu đã từng phẩm bình cái ấm sắt do môn đệ Se Ta Kamon Mastada vẽ kiểu, rằng cái miệng ấm to quá: “Trà đạo không phù hợp với cái gì có vẻ dư dật. Phải luôn luôn có vẻ như còn thiếu một chút gì. Miệng của cái ấm này chẳng còn



thiếu gì cả, và như vậy chứng tỏ rằng Se Ta Kamon vẫn chưa... sự gì lắm!"

Nên biết Se Ta Kamon là một trong bảy trà tượng lừng danh thời bấy giờ.

* O Da Yuraku là em ruột của sứ quân Nobunaga và cũng là môn đệ của Rikyu. Ông trở nên một trà sư nổi tiếng và lập ra Yuraku trà môn. Ngày nọ ông đến thăm Rikyu, thấy thầy mình đang lấp một cái nắp vào bình đựng trà. Rikyu chọn một cái nắp cũ và bảo cái nắp ấy vừa vặn hơn cái nắp của chính nó. Yuraku tỏ vẻ ngưỡng mộ nhận xét ấy của thầy. Sau này khi Yuraku lấp một cái nắp cũ vào bình trà riêng của ông ta và đem khoe với thầy thì bị Rikyu chê: "Râu ông nọ cắm cằm bà kia! Cái nắp mới thích hợp với cái bình của ông hơn. Mọi sự bất chước phỏng theo đều trái với tinh thần của trà đạo cả!"

* Trà nhân Hiky Hyaku O một lần mời Rikyu đến dùng trà và dọn món dưa hấu rắc đường. Rikyu chỉ ăn những miếng dưa không có đường. Khi về đến nhà, ông kể lại cùng môn đệ với một nụ cười:

"Hyaku O không biết cách chiêu đãi. Hân cho tôi ăn dưa hấu rắc đường. Dưa hấu vốn có vị ngọt thiên nhiên, nó chẳng cần thêm vị ngọt nào nữa cả!" Hai trà nhân gồm một Rikyu giản dị tự nhiên và một Hyaku O cầu kỳ, đó cũng là sự khác biệt giữa một người thấu triệt tinh thần Cha-no-yu chân chính và một người chỉ mới ở vòng ngoài vậy.

* Yoshino là con gái một lộ nhân miền tây Nhật bản, rời nhà lên kinh đô Kyoto sống bằng nghề làm quạt rồi sau trở thành một ca kỹ có tài thơ và họa rất nổi tiếng. Shòeki là con trai của một thương gia giàu có, từng học Cha-no-yu với trà sư Sògen, gặp Yoshino, yêu thương và lấy nàng. Cha của Shòeki là Shòyu cực kỳ tức giận vì con mình kết hôn với một ca kỹ nên đuổi con ra khỏi nhà. Shòeki về sống ở vùng ngoại ô kinh đô với vợ, sinh sống bằng nghề chế tạo và bán trà cụ.

Ngày kia, Shòyu đi dạo ở ngoại ô gặp mưa, bèn trú tạm dưới hiên một mái nhà. Người thiếu phụ chủ nhà bèn mời ông vào, dọn trà khoản đãi. Nàng pha trà một cách

khéo léo và đúng nghi thức trà lễ làm Shòyu có cảm tưởng nàng phải xuất thân từ một gia đình trâm anh thế phiệt. "Nàng quả là một mệnh phụ hiếm có trên cõi đời này", Shòyu nghĩ thầm. Khi tạnh mưa, trên đường về, Shòyu gặp một người bạn là Honami Kòetsu, vốn là một trà nhân sành sỏi. Shòyu kể lại cuộc gặp gỡ thiếu phụ kỳ lạ vừa rồi: "Nàng thật là hoàn toàn, đẹp này, tài hoa này, sang trọng lịch thiệp này. Không hiểu nàng là con cái nhà ai thế?" Kòetsu vỗ tay, cười: "Chính nàng là vợ thằng Shòeki con ông đó! Thằng Shòeki vì lấy nàng mà bị ông từ đó. Sao, bây giờ còn từ nữa hay thôi?"

Thế là Shòeki và Yoshino được trở về nhà. Khi đã chính thức là vợ Shòeki, Yoshino thường tổ chức Cha-no-yu tại trà thất Iho-An, một kiểu trà thất xinh lịch hiện vẫn còn được bảo tồn tại Kyoto. Trà thất này do chính tay nàng vẽ kiểu. Một số kiểu chậu hoa do nàng sáng tác cũng được lưu truyền hậu thế.

Một ngày tiết đại hàn, tuyết rơi dày không ngớt ngoài hiên, khách đến dự Cha-no-yu nơi trà thất Iho-An thấy nơi sàng gian chỉ treo một mảnh giấy trắng. Thắc mắc thì được nữ trà nhân trả lời: "Thật là một hân hạnh lớn cho tiện nữ khi được quý ngài chịu khó lợi tuyết đến dự tiệc trà đơn sơ này. Vậy còn gì thích thú hơn nếu quý ngài lưu lại bút tự trên mảnh giấy này lòng biết ơn của tiện nữ". Hiểu ý nữ chủ, khách bèn mang giấy ra phòng đợi và viết vài câu thơ lên đó.

Nữ trà nhân Yoshino xinh đẹp và tài hoa ấy không thọ. Nàng đã "bất hủ nhân gian kiến bạch đầu", từ già cõi đời khi mới 31 tuổi (1632), để lại trong lòng người ái mộ niềm thương tiếc bui ngùi. Shòeki làm bài thơ khóc vợ:

Chốn kinh đô,
Anh đào đã nở cho tôi một lần,
Giờ hoa không nở nữa
Yoshino nàng đã khuất,
Nơi sơn đạo của sinh ly tử biệt.

* Đại hội thiên trà được tổ chức

nợ cuối đời

Nhìn tóc bạc khiến lòng thêm bỡ ngỡ
Ngắm trong gương then mặt với non sông
Nếu một mai ta đã nhòa trí nhớ
Hổ thân danh đã quít nợ tang bồng!

Đời đen bạc hay tóc ta đen bạc
Mà đỉnh sầu vẫn lơ lửng trên cao
Khí phách cũ vẫn nằm trong thân xác?
Tiếc đường gươm ta đã lỡ thuở nào?

Tóc đã bạc vì tuổi đời chồng chất
Hay bạc lòng vết chém ở sau lưng?
Mười mấy năm dạ vẫn còn u uất
Ôm sầu đời cho chữ nghĩa rung rung!

Biển tuy sâu nhưng lòng người vẫn cạn
Trời mênh mông tiếng thét cuốn theo mây
Dẫu có muốn vùi đời vào quên lãng
Vẫn ngậm ngùi đâu có dễ buông tay.

trần ngân tiêu



tại Kitano do Hideyoshi, vị lãnh chúa thích làm trò "vĩ đại". Ông ra hai thông cáo để mời trà nhân toàn quốc đến dự đại hội trà. Một tờ có nội dung như sau:

"Ngày thứ nhất của tháng mười sắp tới, đại hội Cha-no-yu sẽ được tổ chức tại rừng tùng ở Kitano. Vậy toàn thể các giai cấp hãy đến dự và hân thưởng hội. Mọi thứ phải không được xa xỉ và trong tinh thần khiêm ước. Lãnh chúa Hideyoshi sẽ trưng bày tất cả các bình trà mà ngài sưu tập được từ nhiều năm qua. Tất cả thần dân đều được mời đến chiêm mục.

"Tensho năm thứ 15 tháng thứ 8 (1587)"

Thông cáo thứ hai quy định thêm các chi tiết về trà cụ, về y phục, về quan khách ngoại quốc được mời, v.v..

Nghe tin này, mọi người yêu trà đều hân hoan vì họ đang mong có cơ hội học hỏi cũng như phô diễn tài năng trà thuật của mình. Đến ngày, trà nhân khắp nơi lũ lượt kéo về rừng tùng nơi kinh đô. Khách đặc biệt của lãnh chúa được chia làm ba nhóm, trong đó Rikyu thuộc nhóm thứ nhì. Có khoảng hơn 500 trà sư toàn quốc hiện diện cùng vô số khách hiếu kỳ. Người ta kể lại rằng trong đêm đại hội trà, ánh lửa hồng của lò than dưới vành ấm sắt dường như còn nhiều hơn số sao trên nền trời đêm thu nữa. Chính tay Hideyoshi làm trà đầu tiên và rót mời ba nhóm khách đặc biệt. Sau đó ông đi rảo quanh, uống một chén tại nơi của trà sư Yorikata rồi mời ông này thắp từng phách đoàn kinh lý trà đạo đại hội, thưởng thức trà cùng chiêm ngưỡng những trà cụ do mọi tầng lớp nhân dân bày chế. Mãi đến khi mặt trời sắp lặn, Hideyoshi mới trở về dinh phủ Juraka. Mọi người đều hân hoan vui vẻ. Đại hội dự định kéo dài 10 ngày, nhưng mới chỉ được một ngày đã phải... tan hàng cố gắng trong niềm nuối tiếc của những người dự hội vì loạn quân đang quấy phá ở Higo. Mọi ấm sắt được tháo gỡ, dọn dẹp và trà rừng tùng

Kitaro lại với tích tịch.

Trà thất thường mang những cái tên nghe vừa phong lịch vừa nhuốm màu sắc tôn giáo như: Vô Sắc, Kim Nhật, Tùng am, Tùng Nguyệt, Tâm Nguyệt, Sơn thôn, Nhất Mộc am, v.v... Những cái tên này cũng gợi lên khung cảnh và không khí thanh nhã của trà thất, nhằm đưa vào tâm hồn khách yếu tố trợ duyên cho đường vào cửa Đạo. Nhưng những điều kiện ngoại tại ấy đã đủ chưa hay còn cần đến một tâm cơ chín mùi (2), chỉ còn chờ một bước nhảy qua đầu sào trăm trượng để vào đất Như Lai?

Trên lộ địa, nơi đầu ngọn cỏ còn long lanh những hạt sương mai, nơi ống tre nước nhỏ giọt tí tách xuống Chozu Bachi, nơi mấy câu thơ nhuốm vị thiền treo trên vách sàng gian Tokonama, nơi chậu hoa trưng bày một cành mai gầy đơn sơ điểm vài nụ hàm tiếu, nơi tiếng ầm reo sôi... trà khách sẽ trực nhận được lẽ vô thường để rồi trí huệ bát nhã bừng nở!

Một khi trí huệ bừng nở, bạn sẽ bước vào thanh tịnh địa, sánh vai với những bậc trà sư, trở thành một nghệ sĩ tài hoa và chân chính trong trà đạo. Lúc ấy, tùy theo phong cách mỗi người mà chén cơm Bồ Tát Chung Hương sẽ đổi màu tùy theo bát đựng, chứ không chỉ phỏng theo, bắt chước, thiếu hẳn sức sáng tạo. Thấy Lợi Hưu lắc cây cho lá rụng rồi cũng lắc theo mà thành trà sư ư? Pha trà, uống trà đúng qui cách lễ nghi cứng nhắc là thành trà nhân ư? Nếu đã thấu triệt tinh thần thanh tịnh Wabi của trà đạo rồi, có thể bạn sẽ làm y như những tay trà tượng xưa, hoặc bạn linh động khác hẳn. Tất cả đều tùy, tùy theo sự ứng cơ tiếp vật của bạn.

Nào, mời bạn, ta hãy ra bờ suối, ven sông, lên ngọn đồi thông gió reo xào xạc mà trà đạo trà đàm với nhau cho thoải mái. Hay là bạn thích vừa chui vừa bò vào căn trà thất xinh xắn với vườn bonsai đẹp mắt kia? Vâng, thưa bạn đâu mà chả được. Đây đây, cụ tổ Đạt Ma, cụ Huệ Năng, cụ Cung Bản Vũ

Tàng, cụ Lợi Hưu đang ngồi bên ấm nước đang reo, uống chung với nhau một chén trà và nhai... dầm cái bánh trắng nướng. Toàn cây nhà lá vườn cả, này nhé: trà lá xanh do chính tay cụ Đạt Ma trồng; bánh trắng gạo thì cụ Huệ Năng giã, xay rồi trắng, nướng; cái chén trà có hình chim hạc kia là do cụ Cung Bản Vũ Tàng sáng tác. Còn pha ư? Đã có cụ Lợi Hưu. Ngoài lộ địa dường như thấp thoáng bóng người, ai như các cụ... Lương Võ Đế, Thần Tú, Hideyoshi? Xin mời, xin mời... Toàn là anh em với nhau cả, toàn là Phật với Bồ Tát cả mà, nếu chưa thành thì rồi sẽ thành nếu cùng uống tâm tình chén trà thơm ngát hương thiền của Sen no Rikyu Thiên Tôn Lợi Hưu. ○

Chú thích:

1. Giới quân phiệt thời đó đôi khi lợi dụng trà thất để họp bàn bí mật quân sự. Koruda Josui là một đại chiến lược gia dưới trướng Hideyoshi. Ông ta rất ghét Cha-no-yu, cho rằng nó hoàn toàn vô tích sự cho giới võ sĩ, và thật là chán khi phải chui vào căn phòng mất muối ấy. Nhưng ngày nọ, Hideyoshi mời ông dự tiệc trà. Từ chối không được, ông phải theo chủ soái vào trà thất. Hideyoshi chẳng pha trà gì cả mà lại bàn bạc kế hoạch quân sự với ông. Kể từ hôm ấy, Josui đâm ra... ghiền trà thất, học hỏi và sau này trở thành một tay sành sỏi trong môn Cha-no-yu.

2. Khung cảnh, không khí trà thất rất thuận lợi cho sinh hoạt tôn giáo. Lễ Misa của Thiên Chúa giáo đã từng được cử hành trong trà thất như câu chuyện kể trong quyển *History of Japan* của vị linh mục thừa sai dòng Tên Luis Frois (cùng thời với Hideyoshi): "Vào lúc ấy, khi sứ quân Nobunaga đến đóng ở Miyako, một người chú của sứ quân Tokugawa thống lãnh 3000 quân đặt bộ tổng tham mưu ngay trong nhà thờ của chúng tôi nên linh mục đã phải chuyển đến nhà một cụ già Công giáo tên An Tao và trú ở đó 120 ngày. Cả chủ lẫn khách đều vô cùng thân thiết với nhau đến nỗi cha con An Tao đã mời linh mục vào căn trà thất riêng, một thú vui tao nhã của họ. Trong căn phòng nhỏ thanh tịnh đó, người Công giáo cầu nguyện, đọc kinh và linh mục cử hành lễ Misa".

Qui-Luật Hòa-Hài Của Một Bonsai

Lê Thị Tâm &
Đỗ Văn Luật

Để có một số khái niệm về qui luật hoà hài của một bonsai, chúng tôi xin trình bày một số qui luật dựa theo đạo học Đông phương. Rồi qua đó, tùy theo cảm quan của chúng ta về cái đẹp tổng hợp đầy rỗng, cũng như nhờ kinh nghiệm, chúng ta có thể tìm ra một tổng hợp riêng, nghĩa là biết sáng tạo ngay trong việc bắt chước, qua lăng kính hậu cảnh là tinh thần và khả năng dân tộc ẩn tàng trong tiềm thức cộng đồng Việt Nam.

VỊ TRÍ RỄ

Rễ đóng vai trò quan trọng trong nghệ thuật hoà hài của cả bonsai. Các rễ phải nổi một phần hoặc gần như toàn phần trên mặt đất chậu. Tùy theo dạng cây, sự hoà hợp âm dương của toàn thể, chúng ta có ba dạng rễ chính:

a. Shiho-Happo Nebari: Rễ phân phối đều chung quanh gốc theo mọi hướng. Đây là dạng rễ lý tưởng của một bonsai. Nó cho chúng ta ấn tượng cây rất vững chắc trong chậu.

Trong trường hợp bị khuyết hoặc phân phối không đều một bên, chúng ta nên khéo léo để bên này trở thành mặt sau của cây.



Shiho-Happo Nebari

b. Bankon: Các rễ phát triển đều đặn theo bề ngang, rồi tiếp giáp với

nhau và tạo thành như một tầng rễ ở trên mặt đất chậu. Dạng rễ này gần giống với dạng Kôrabuki.



Bankon

c. Kata-Nebari: Chỉ có một rễ nổi và phát triển theo một hướng. Dạng này thường chỉ thích hợp trong thiên nhiên với các dạng bonsai như Shakan, Fukinagashi, Kengai.

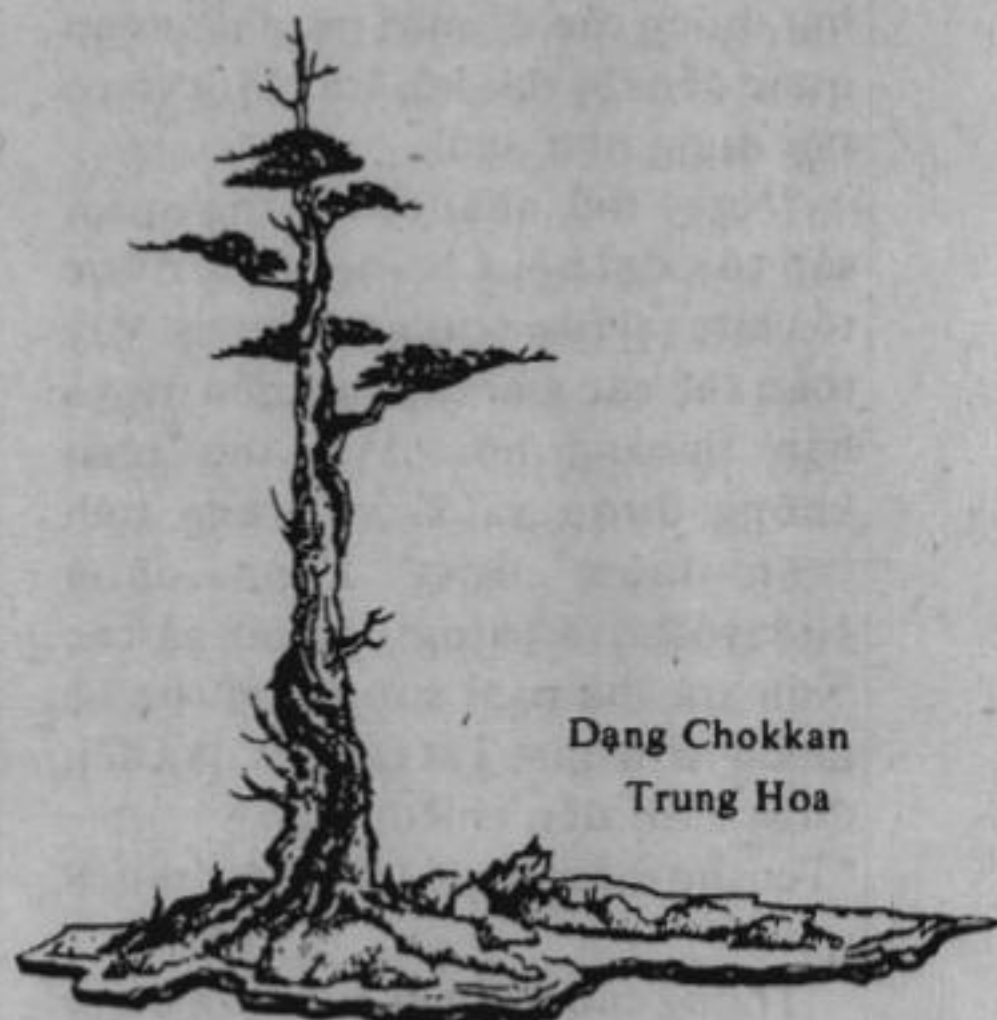


Kata-Nebari

VỊ TRÍ CÀNH

Nếu chúng ta quan sát số cành và cách phân phối cành trên một bồn-tài của các nhà nghiên cứu Trung Hoa như Vương Chí Anh, Huỳnh Tú Cách, Đới Tân Dân, Hồ Vận Hoa, Wu Yee Sun, Trần Tô, Hu Yunhua...; của các chuyên gia Nhật như T. Kawamoto, Alfred Koehn, Kyuzo Murata, John Yoshio Naka, Z. Nakamura, Frank Masao Okamura, Yoshio Takayanagi, Y. Yoshimura, K. Yoshiroda...; và của một số nhà chơi cây cảnh quốc tế như Deborah R. Koreschhoff, Paul Lesniewicz... khi họ cùng nghiên cứu về Bonsai của cả Trung Hoa lẫn Nhật, chúng ta có thể tạm đi đến

kết luận:
Trung Hoa:



Dạng Chokkan
Trung Hoa

* Số cành còn giữ lại trên cây rất ít hoặc buông thả theo thiên nhiên, và phản ánh ít nhiều qui luật trong câu dịch học "Tham thiên lưỡng địa". (Số Tham thiên lưỡng địa là số 5, do hai số 3 và 2 hợp thành).

* Chẳng đáng đừng mới phải dùng đến dây để cuốn và uốn nung theo dạng tự nhiên của cây, còn thường dùng phương pháp "cát mộc" (Linh Nam).

* Mượn hình dạng bồn-tài để diễn tả ấn tượng thực tại linh động về tâm hồn người chơi, thành ra nếu chúng ta ngắm một bồn-tài theo dạng Trung Hoa, rất có thể chúng ta sẽ tìm gặp tâm linh, nguyện vọng, dấu vết một khúc quẹo trong cuộc sống của chính chúng ta mà chúng ta đã quên hoặc cố ý chạy trốn.

* Bồn-tài Trung Hoa thường chịu ảnh hưởng nhiều của Thiền tông hay Phật giáo tâm truyền — một tổng hợp của khuynh hướng tâm linh Lão giáo và Phật giáo Ấn Độ qua truyền thống của dân bản xứ — vì vậy đường nét rất đơn sơ, nhiều khi nhìn bồn-tài, cây có vẻ như thiếu hụt, lơ lửng nhưng dáng cây rất mạnh. Chúng ta có thể kiểm nghiệm điều này qua các bức tranh thiền: chỉ dùng vài nét rất đơn sơ nhưng diễn tả được cả một chiều

sâu mệnh môn.

* Cảnh thấp nhất (cảnh địa) thường là cảnh dài nhất, còn cây đặt trong khung tam giác: Thiên-Địa-Nhân nhưng thường linh động hơn chứ không vào khuôn cứng nhắc như của người Nhật.

* Các cảnh bốn-tài của Trung Hoa vì phản ánh qui luật "Tham thiên lưỡng địa" nên thường phân phối nhẹ nhàng, chấm phá hơn.

* Các cảnh bốn-tài, nếu nhìn theo mắt chim — từ trên xuống dưới — sẽ được phân phối theo hướng tả nhưng thanh thoát hơn.

Nhật



Dạng Chokkan Nhật bản.

* Số cảnh được giữ lại trên cây tối đa, nếu có thể được.

* Hoàn toàn dùng dây kẽm, dây đồng để cuốn, rồi uốn theo ý mình hoặc rập khuôn theo một dạng lý tưởng tự nhiên nào đó mà mình thích.

* Người Nhật rất có tài và khéo tay trong khi tạo dạng bonsai. Dạng bonsai của họ đẹp, nhưng vì chỉ chú trọng đến dạng bonsai tròn đầy, thành ra họ trở nên trọng hình thể hơn, nghĩa là biểu lộ cái đẹp và dạng thức nhiều hơn là cái đẹp về chiều sâu tâm linh.

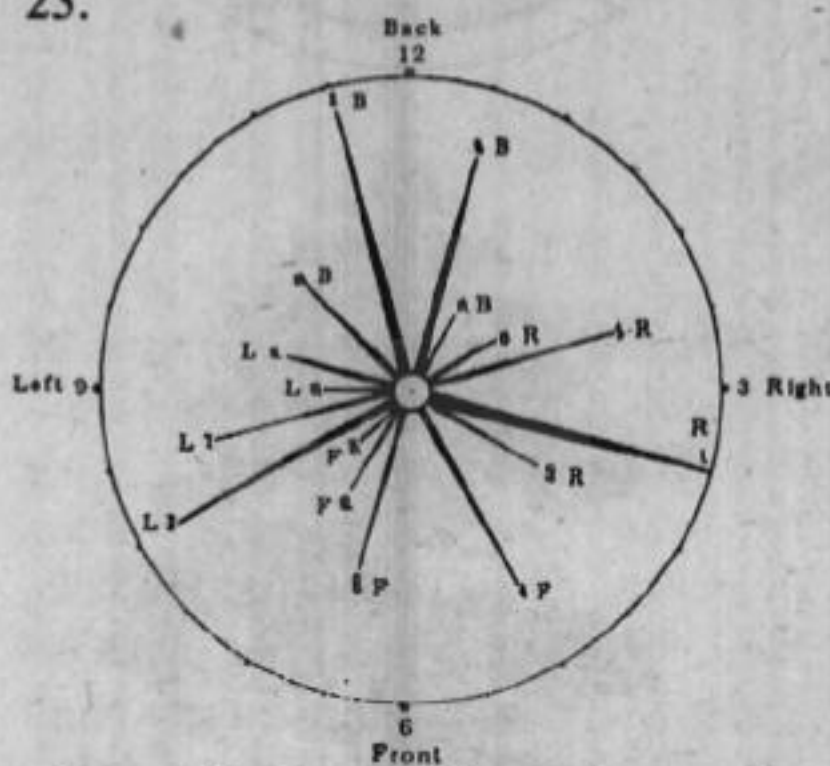
* Có thể vì tiếp xúc với văn minh Tây phương từ nhiều thế kỷ nên người Nhật đã chịu ảnh hưởng của nền văn hoá này phần nào. Một

trong những biểu lộ rõ ràng nhất là dạng bonsai của họ trọng về hình thể, kỹ thuật nhiều hơn là về cách diễn đạt hình ảnh tâm linh của người chơi bonsai. Thành ra, ứng với nhiều dạng phổ quát, chúng ta thấy chúng gần gần như nhau.

* Cảnh thấp nhất phải là cảnh dài nhất, khoẻ nhất. Cây được đặt trong khung tam giác tam tài: Shin-Zen-Bi. Người Nhật cố gắng phổ vào bonsai cái Chân (Shin), Thiện (Zen) qua con đường của điều Mỹ (Bi).

* Dạng bonsai của Nhật phải tròn đầy nên chúng ta nhìn thấy rõ ràng cách phân phối các cảnh từ dưới gốc lên tới ngọn phải ngắn dần và theo chu trình: cảnh bên phải, cảnh đằng sau, cảnh bên trái, cảnh đằng trước.

* Nếu nhìn một bonsai theo mắt chim, các cảnh sẽ phân phối theo hướng tả rõ nét, bắt đầu từ cảnh thấp nhất đến cảnh cao nhất, nghĩa là đi vòng từ bên phải qua bên trái. Chúng ta có thể kiểm nghiệm được điều này khi nhìn lược đồ phân phối hướng các cảnh được John Yoshio Naka — một trong những bậc thầy về bonsai — mô tả lại trong *Bonsai Techniques I*, trang 23.



Xem hình vẽ trên, nếu ta lấy chiều bên trái làm chiều thuận (chiều lượng giác) và điều nghiên từng chu kỳ theo chiều dài giảm dần của các cảnh ở bên phải (R), ở đằng sau (B), ở bên trái (L), ở đằng trước (F) ứng với các số 3, 12, 9, 6 làm gốc và theo chiều lên cao kể từ cảnh địa (cảnh thấp nhất, dài nhất), chúng ta có các chu kỳ sau:

Chu kỳ 1.

R₁ ứng với -15°
B₂ ứng với +15°
L₃ ứng với +30°
F₄ ứng với +30°

Chu kỳ 2.

R₅ ứng với +15°
B₆ ứng với -15°
L₇ ứng với +15°
F₈ ứng với -15°

Chu kỳ 3.

R₉ ứng với -30°
B₁₀ ứng với +45°
L₁₁ ứng với -15°
F₁₂ ứng với -30°

Chu kỳ 4.

R₁₃ ứng với +30°
B₁₄ ứng với -30°
L₁₅ ứng với ± 0°
F₁₆ ứng với -45°

Như vậy chúng ta có tất cả 16 cảnh cho bốn nhóm R, B, L, F. Nếu chúng ta xếp các cảnh này theo chiều dài giảm dần của từng nhóm, và để ý đến các góc của chúng ứng với các gốc, chúng ta có:

Nhóm R.

R₁ ứng với -15°
R₅ ứng với +15°
R₉ ứng với -30°
R₁₃ ứng với +30°

Nhóm B.

B₂ ứng với +15°
B₆ ứng với -15°
B₁₀ ứng với +45°
B₁₄ ứng với -30°

Nhóm F.

F₄ ứng với +30°
F₈ ứng với -15°
F₁₂ ứng với -30°
F₁₆ ứng với -45°

Nhóm L.

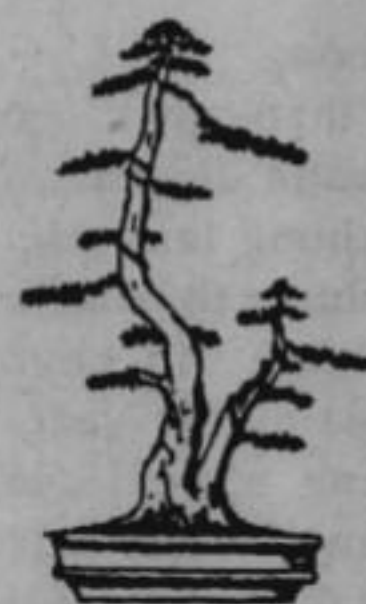
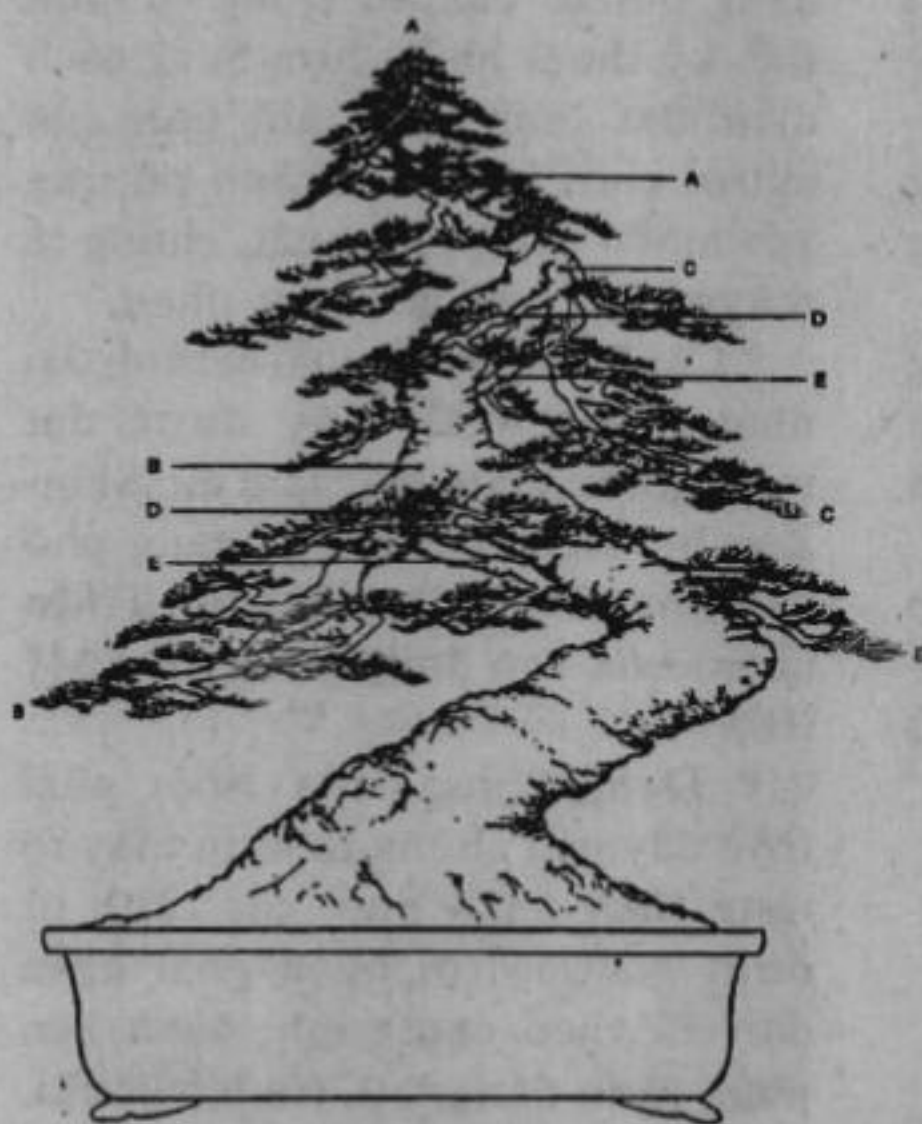
L₃ ứng với +30°
L₇ ứng với +15°
L₁₁ ứng với -15°
L₁₅ ứng với ± 0°

Điều này giải thích tại sao chúng ta luôn luôn thấy có một khoảng trống rõ ràng giữa hai cảnh Nhân L3 và L7 trong hai chu kỳ liên tiếp nhau 1 và 2 ứng với các cảnh B2 và F6 đối với các dạng cây Chokkan, Mogoji... theo truyền thống.

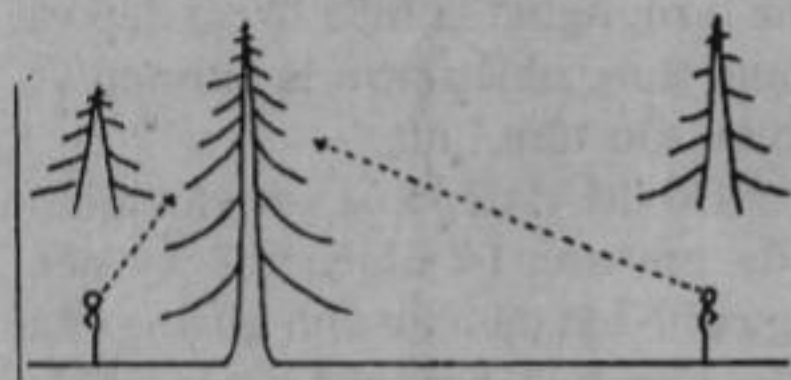
Một vài bốn-tài theo dạng Trung Hoa:

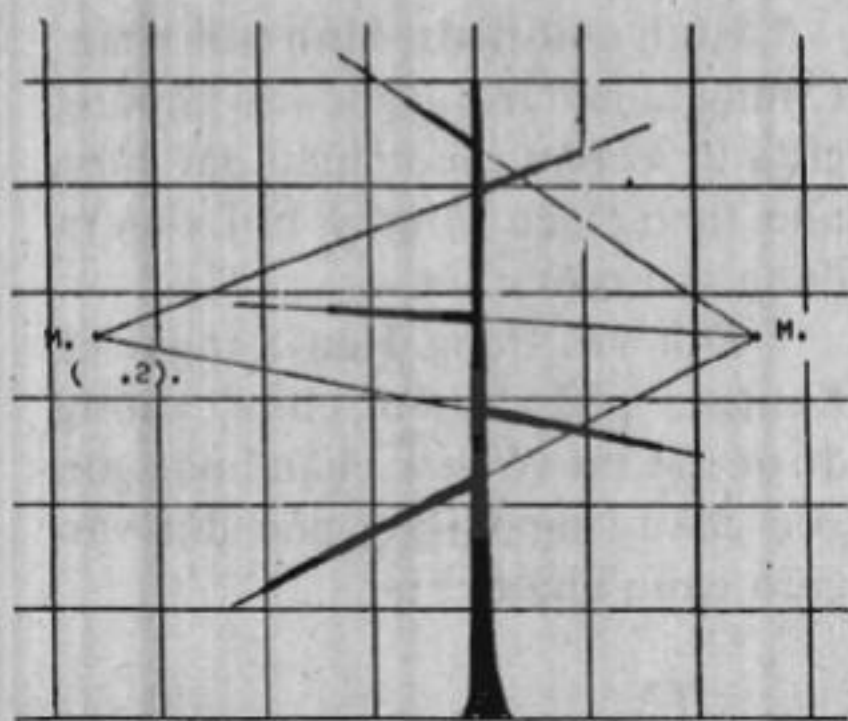


Một vài bonsai theo dạng Nhật Bản:



Sau cùng, chúng ta hãy cùng quan sát cách phân phối các cành trên một bonsai thuộc dạng Chokkan. Tùy theo tầm mắt của chúng ta ứng với phần nào trên cây, chúng ta sẽ thấy cách phân phối các cành, qua đó ta có thể tìm ra một luật chung cho các dạng cây khác.



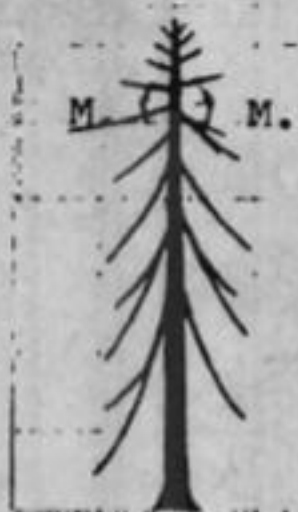
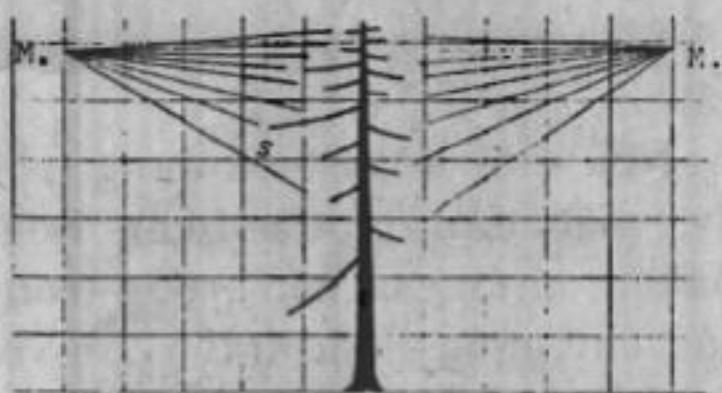
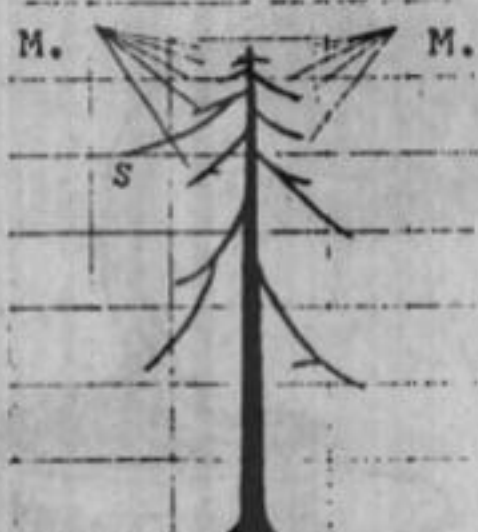


H: tầm mắt nhìn.



DẠNG CỦA CÀNH BONSAI

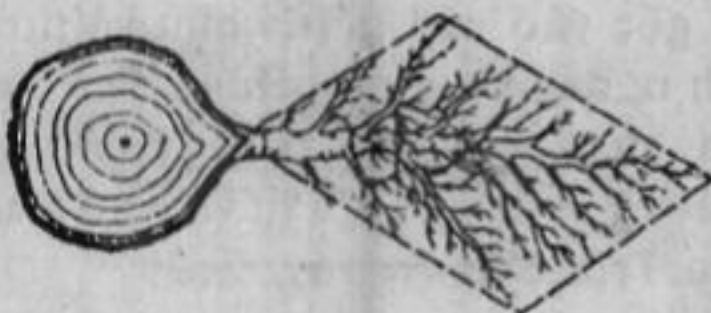
Một cành bonsai lý tưởng, khi nhìn bình diện và trắc diện, là một cành nằm gọn trong khu tam giác tam tài.



Nhiều người còn buộc chiều dài các cành tam giác tam tài này phải ứng với các số 3, 4, 6.

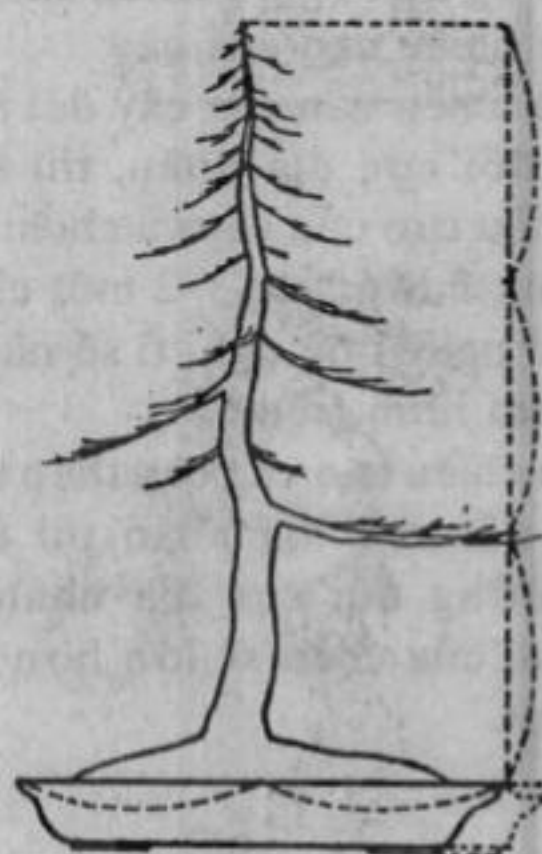


Tuy nhiên trên thực tế, khi nhìn bình diện và trắc diện, chúng ta thấy dạng của các cành thường hình thoi hoặc gần như hình thoi.



TƯƠNG QUAN GIỮA CÂY, CHẬU

* Tương quan giữa chiều dài từ gốc đến cành địa và chiều cao của cây: Đối với hầu hết các dạng, thường bằng 1/3.



* Tương quan giữa đường đối cực địa nhân và chiều rộng của chậu: Nếu nhìn theo trắc diện chiều rộng của chậu (chậu hình chữ nhật, hình trái xoan), thì chiều dài của đường đối cực địa nhân sẽ dài hơn chiều rộng của chậu một chút.



* Tương quan giữa đường kính của gốc và chiều cao của cây: Trừ một số dạng cây đặc biệt như Bunjin, Kengai... còn phần lớn những dạng cây khác, tỉ lệ nên là 1/6.



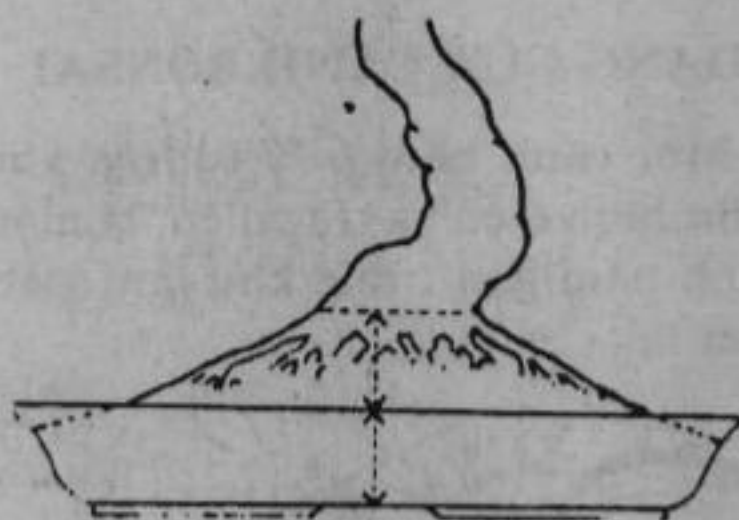
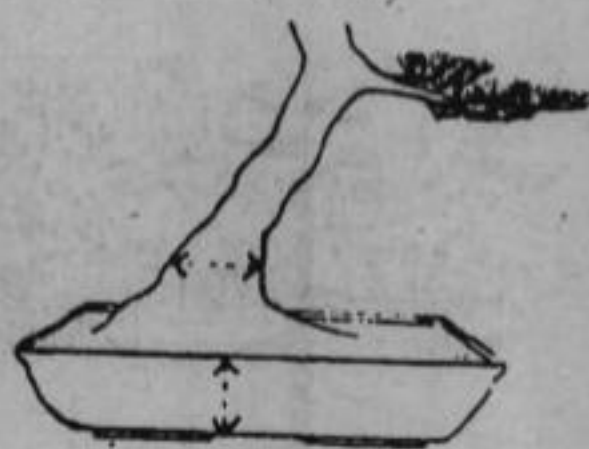
* Tương quan giữa chiều dài của chậu và chiều cao của cây:

- Nếu chiều cao của cây dài hơn đường đối cực địa nhân, thì tỉ lệ giữa chiều cao của cây và chiều dài của chậu sẽ lớn hơn 3/2 một chút. Một vài người đề nghị tỉ số này là 4/3. (xem hình trên).

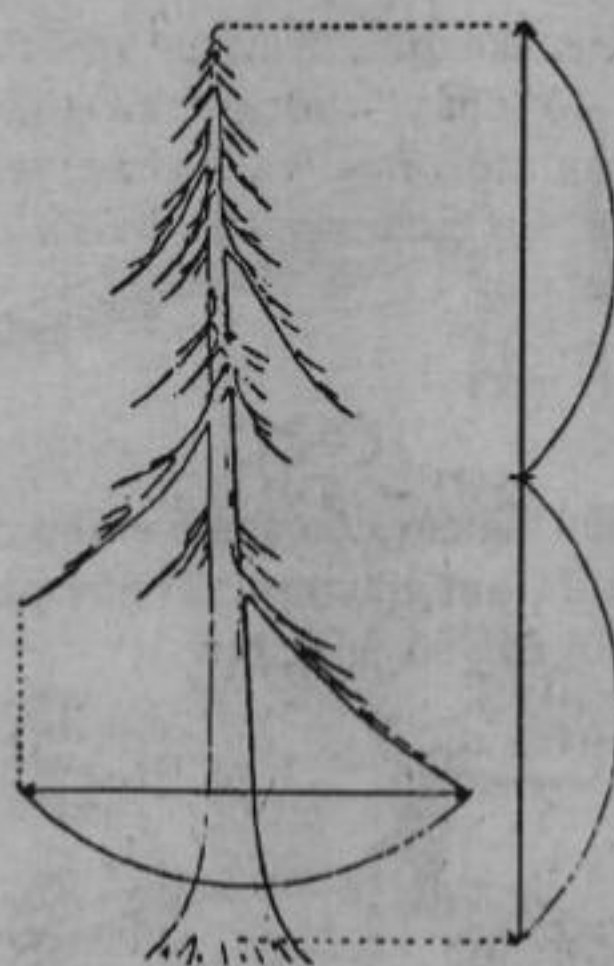
- Nếu chiều cao của cây thấp hơn đường đối cực địa nhân thì tỉ lệ giữa đường đối cực địa nhân và chiều dài của chậu sẽ lớn hơn 3/2 một chút.



Tương quan giữa chiều cao của chậu, đường kính của gốc, và chiều cao độ nổi của rễ: Trừ một số dạng cây ngoại lệ như Bunjin, Kengai, Neagari...; đối với phần lớn những dạng khác thì chiều cao của chậu, đường kính của gốc và chiều cao độ nổi của rễ phải bằng nhau.



* Tương quan giữa đường đối cực địa nhân và chiều cao của cây: Thường là 1/2.



VỊ TRÍ CỦA CÂY TRONG CHẬU

Tùy theo các cảnh ngả về bên phải hoặc bên trái, thân đứng thẳng, nghiêng về đằng trước hoặc nghiêng về đằng sau... chúng ta có thể có vị trí của gốc đối với các dạng chậu:

* Hình tròn, hình vuông, hình lục giác, hình bát giác. Chúng ta nên đặt gốc vào gần giữa chậu và hơi xích ra đằng sau một chút, vì trung tâm chậu — theo triết lý Đông phương — là nơi hội tụ và giao lưu giữa Trời-Đất-Người.

* Hình chữ nhật, hình trái xoan. Chúng ta nên trồng gốc vào khoảng giữa 2/3 chậu theo chiều dài cũng như theo chiều rộng và hơi xích ra đằng sau một chút.

* Đối với dạng Hen-Kengai và Kengai, phần thân chảy xuống được đặt sát với góc chậu hoặc gần góc chậu, mà không nên đặt vào giữa cạnh chậu.



VÀI LIÊN HỆ GỢI Ý

* Liên hệ giữa dạng cây và dạng chậu:

- Nếu một bonsai có dạng tròn đầy, mặc dầu là Chokkan hoặc Shaken, chúng ta nên trồng trong chậu chữ nhật hoặc trái xoan với bờ, thành chậu đầy.



- Với dạng Sôkan hoặc Sôju, tùy theo chiều cao và độ lớn của gốc, chúng ta có thể trồng trong chậu chữ nhật hoặc trái xoan với bờ, thành mỏng.



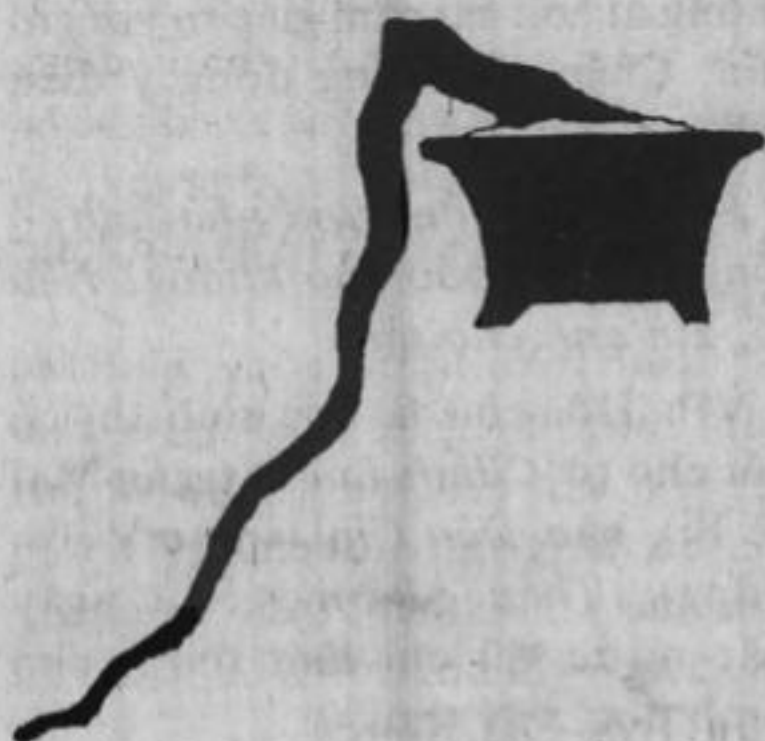
- Bonsai trồng trên đá, thường đòi hỏi một chậu hình trái xoan, đôi khi chữ nhật, rất nông.



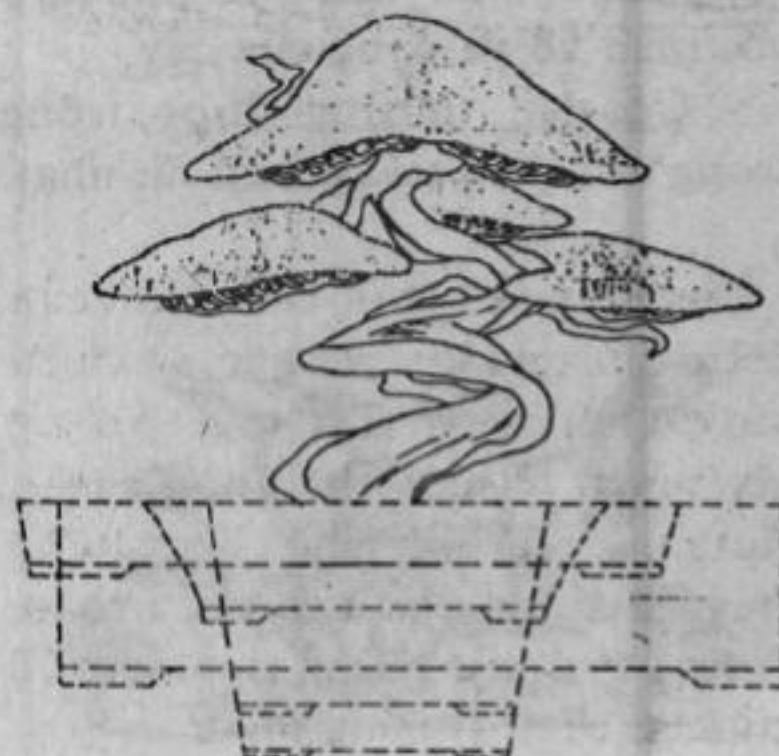
- Hen-kengai, Kengai với thân lớn, độ chảy xuống khá thẳng, thường đòi hỏi một chậu tròn, vuông, lục giác với bờ, thành dày và sâu.



- Dạng nhiều gốc cùng trồng trong một chậu, dạng Yose-ue mà rễ nổi có thể đan vào nhau như màng nhện, hoặc rễ nổi như các dạng Ikadabuki, Netsunagari thường được trồng vào chậu trái xoan, phiến đá, đôi khi hình chữ nhật với bờ thành mỏng và nông.



Một vài thí dụ khác:



- Cỏ đại (Kusamono hay Shitakusa) thường được trồng trong các chậu tròn, trái xoan với bờ thành chậu mỏng và nông.



* Liên hệ giữa loại cây và màu chậu.

- Họ thông: thường được trồng trong các chậu không tráng men, màu đỏ, màu cây oải hương hoặc màu xám, tùy theo màu của rễ và thân.

- Họ rụng lá: có màu lá thường thay đổi từ chớm xuân tới cuối thu. Thường được trồng trong các chậu nâu đỏ không tráng men, nhưng nhiều khi trồng trong các chậu tráng men xanh hoặc trắng, sẽ cho chúng ta một ấn tượng tương phản thích thú.

- Cây mang hoa: thường được trồng trong các chậu không tráng men màu nâu đỏ, nhưng nhiều khi rất đẹp khi chúng ta trồng trong các chậu men trắng, xanh, xám... miễn là dạng chậu, màu men phải hoà hài với màu sắc tự nhiên của cây.

- Cây mang trái: có thể trồng trong chậu không tráng men màu nâu đỏ, hoặc trong các chậu tráng men trắng, xanh, xám... miễn là dạng chậu, màu men phải phù hợp với màu vỏ và dạng của cây.

- Cỏ đại: thường được trồng trong các chậu tráng men rất nhạt.



Phỏng-Vấn Việt Phương

Đào Huy Đán

ĐHĐ: Xin anh cho biết qua tiểu sử của anh.

VP: Tên thật là Lê Xuân Phương, sinh ngày 17 tháng 3 năm 1959, ở cung An Định, Huế. Học tiểu học: Huế, trung học: Nha Trang, Đại học: Texas, Hoa kỳ. Hiện sinh sống tại Hoa kỳ.

ĐHĐ: Động lực nào khiến anh sáng tác? Ở thi ca anh đã tìm được gì? Quan niệm của anh về thơ như thế nào?

VP: Hình như không có động lực nào rõ nét hết. Tôi làm thơ bởi vì tôi yêu thơ. Tôi yêu ngôn ngữ được người ta chuốt gọt và làm đẹp hơn. Tôi yêu những tâm tình được gửi gắm trong đó nữa. Tôi tìm ở thi ca một chỗ nghỉ an bình cho tâm hồn, nơi thật sự không có bon chen như cuộc sống bên ngoài.

Quan niệm của tôi về thi ca hiện tại khác với thi sĩ Xuân Diệu ở chỗ là không có... *ru với gió và mơ theo trăng*... Lúc xưa, người ta lãng mạn quá phải không anh? Bây giờ, những khắc khoải về thời cuộc, về thân phận của người Việt Nam trong và ngoài nước, hình như không ai còn cái cảm giác *ru với gió* nữa. Chắc anh cũng đồng ý điều đó?

ĐHĐ: Hồi còn ở quê nhà, anh có cộng tác với báo nào không? Nếu có, xin anh cho biết.

VP: Hồi còn là học sinh thì có viết cho tờ *Chính Luận* (trang Mai Bê Bi), báo *Dân Chủ* (trang Vườn Hồng), *Thành Bờm*... Sau ngày mất nước thì chỉ làm thơ... cho mình đọc, vậy thôi.

ĐHĐ: Hãy nói qua bước đường văn nghệ của anh ở hải ngoại (các báo đã cộng tác, các văn nghệ sĩ đã tiếp xúc, những kỷ niệm trong làng văn trận bút)...

VP: Lúc còn trong trại tị nạn Hồng Kông, chúng tôi có ra hai tập đặc san *Đất Người*, tất cả đều viết bằng tay và nhờ sơ Christine Mỹ Hạnh đem đi in giùm. Báo chí Việt ngữ lúc ấy trong trại rất hiếm nên có tập đặc san, chúng tôi vui mừng lắm. Sau này qua Mỹ thì cộng tác với các báo *Làng Văn*, *Chúng Nhân*, *Văn Nghệ Trẻ*, *Xây Dựng*, *Thời Mới*...

Tôi có tật xấu là rất lười viết thư nên ít liên lạc với ai. Có lần chị Kiều Chinh gửi tặng cuốn video của chị ấy mà mãi... một tháng sau mới viết được lá thư để cảm ơn chị. Đôi khi cũng có viết thư liên lạc với các anh Cung Vũ, Ngô Nguyên Dũng... gần đây quen biết thêm anh Hồ Trường An. Nói chuyện với anh An qua điện thoại thật thích, không muốn dứt.

Một kỷ niệm khó quên là hôm ra mắt tập thơ đầu tay của tôi, tổ chức trong khuôn viên đại học nơi tôi ở, số người tham dự thật đáng khích lệ. Tôi bán được khoảng 100 cuốn sách đầu tiên trong đời mình. Số tiền thu được tôi giao hết cho hội sinh viên Việt Nam của trường để góp thêm vào việc giúp đỡ những người vượt biển còn kẹt trong các trại tị nạn.

ĐHĐ: Thơ anh gồm những điểm chính như tình yêu đôi lứa, tình quê hương, hiện trạng lầm than của đất nước, chuyển vượt biên, nỗi buồn



Thi-sĩ Việt Phương, tác-giả tập thơ "Trên những ngậm-ngùi", Chủ-biên Văn-nghệ tuần-báo Vietnam Weekly News tại Texas.

trên đất nước tạm dung... Như vậy, ở mỗi đề tài anh muốn gửi gắm điều gì? Đã có những kỷ niệm gì? Nếu có người bảo anh là tiếng vọng của thời đại, của thế kỷ thì anh nghĩ sao?

VP: Nguồn cảm hứng đến với tôi thật bất ngờ. Có thể nhiều khi đang ngủ, giật mình thức giấc, thấy thật hạnh phúc bởi vì chợt nhận ra mình đang được an toàn, đang ở trên đất nước tự do. Không như giấc ngủ chập chờn đưa tôi về với khung cảnh trại cải tạo, hoặc đang đêm công an tới nhà đóng cửa rầm rầm. Trạng thái này vẫn thường xảy ra với tôi, mặc dù tôi đã ra khỏi Việt Nam hơn 10 năm và sống ở Hoa kỳ gần 9 năm rồi. Hoặc có khi chợt thấy mình bị chết đuối trên biển vì chuyến đi của tôi thật khủng khiếp: lênh đênh trên biển gần một tháng. Đói. Khát. Mười người sống sót trong tổng số 25 người. Chiếc thuyền thì nhỏ, nhỏ lắm. Cứ thế tôi bị ám ảnh luôn luôn. Đôi khi là những cuộc tình chớp nhoáng, tìm vui; lúc xong cuộc, mới thấy mình thật là... trần trụi. Sau những cảm giác đó, thường thì có một bài thơ để lấp đi một khoảng trống vừa bị rút ra từ da thịt mình.

Nếu có người bảo tôi là "tiếng vọng của thời đại, của thế kỷ" như

anh hỏi, thì tôi chỉ biết mở lòng ra cảm tạ. Tôi không dám nghĩ xa xôi, tôi chỉ hy vọng góp thêm một tiếng kêu cho Việt Nam, cho tự do dân chủ, cho đất nước ngày mai tươi sáng, bằng những gì bắt gặp được trong quãng đời đã qua.

ĐHĐ: Anh nghĩ gì về văn chương hải ngoại?

VP: Rất lạc quan. Bởi vì người Việt hải ngoại đã có rất nhiều kinh nghiệm với Cộng sản. Dù có bị Việt cộng tấn công với bất cứ hình thức nào, độc giả vẫn biết đâu là đúng, đâu là sai. Có rất nhiều tác phẩm được bày bán ở hải ngoại. Có những tác phẩm rất hay, rất có giá trị được viết sau này. Độc giả Việt Nam biết chọn sách để đọc, không phải chỉ vào tiệm lấy đại một cuốn cho có. Người Việt mình yêu chữ nghĩa lắm anh ạ.

ĐHĐ: Về thi ca hải ngoại anh có nhận xét gì? Các tác giả nào anh thích nhất (trước 75 cho tới bây giờ)? Lý do?

VP: Thi ca hải ngoại rất khởi sắc. Tuy nhiên các tác giả tôi thích nhất vẫn là Tô Thùy Yên, Hoàng Cầm, Nguyễn Chí Thiện.

Thơ Tô Thùy Yên như những nhát cọ thật bạo, với lối sử dụng những màu "nóng" rất sáng tạo, đại khái như:

Hoàng hôn ai xử trảm,

Máu bết vào không trung.

Thơ Hoàng Cầm có những bài chứa đầy ẩn ý lên án chế độ Cộng sản. Bài *Qua vườn ổi* có câu nói về thân phận dân đen như:

Lẽo đẽo em đi đường mai sau

Cúi nhặt chiều mưa dầm quả rụng.

Hình ảnh đó thật là thâm thúy.

Thơ của Nguyễn Chí Thiện chống cộng từ tâm nên rất dễ đi vào lòng người.

ĐHĐ: Còn về văn xuôi, anh nghĩ sao? Các nhà văn nào anh thích nhất? Lý do?

VP: Tôi thích tác phẩm của các nhà văn Khái Hưng, Nhất Linh vì tôi yêu *Đoạn tuyệt*, *Hồn bướm mơ*

tiên. Sau này thì thích cái dí dỏm, duyên dáng trong văn Nguyễn Ngọc Ngạn. Tôi là dân Trung kỳ vậy mà lại thích văn Nam kỳ của ông Hồ Trường An. Tôi ưa cái "xí xọn" và cách mô tả rất chi li cùng trí nhớ sắc bén của ông. Tôi cũng thích văn Ngô Nguyên Dũng. Ở văn phong ông, tôi tìm thấy những điểm tương đồng với văn Hermann Hesse. Không biết có phải vì ông Dũng ở Đức quá lâu nên văn ông phảng phất một chút gì đó của nhà văn Đức đoạt giải Nobel 1946 này chăng?

ĐHĐ: Các nhà văn ngoại quốc nào anh thích nhất? Các nhà thơ ngoại quốc nào anh thích nhất? Lý do.

VP: Thích mỗi tác giả một vài truyện (dĩ nhiên là truyện đã được... dịch ra Việt ngữ. Thú thật với anh, tôi chưa đủ khả năng đọc và hiểu hết cái hay của nguyên tác), chẳng hạn như: *Chiến tranh và hoà bình* của Leon Tolstoi (Nga), *Những kẻ khốn cùng* của Victor Hugo (Pháp), *Ngư ông và biển cả* của Ernest Hemingway (Mỹ), *Giò thứ hai mươi lăm* của Virgil Constant Gheorghiu (Lô ma ni) và đặc biệt là *Tuổi trẻ và cô đơn*, *Câu chuyện của dòng sông* của Hermann Hesse (Đức). Nơi Hermann Hesse, tôi "cảm" được văn cũng như thơ ông. Trong văn phong ông, hình như tất cả mọi vật trên đời đều có sức sống và cảm giác. Sức sống của từng gốc cây, tiếng lá; từng vách núi, dòng sông. Tôi yêu không khí vô nhiễm trong văn cũng như thơ ông mặc dù ông nổi tiếng về văn hơn là thơ. Tôi cũng thích thơ Rabindranath Tagore vì thơ ông cho tôi cảm giác thật gần với thượng đế. Và thơ Haiku của Basho thì như một bức tranh có "tiếng động". Xin đơn cử:

Along this road

Goes no one

This autumn eve.

Tạm dịch:

Lối mòn

Không bóng

Thu, chiều thu.

Tôi “nghe” được từng chiếc lá vàng rơi trong chiều quanh quẩn.

ĐHĐ: *Giao tình của anh và các văn thi hữu ra sao?*

VP: Rất tốt.

ĐHĐ: *Xin anh cho biết tổng quát ngôn ngữ thi ca qua các thời đại.*

VP: Anh muốn nói là ngôn ngữ thi ca Việt Nam chăng? Câu hỏi qua của anh thật rộng, tôi không biết phải trả lời sao cho chính xác. Tuy nhiên, tôi cũng xin đại khái tạm thời chia ngôn ngữ thi ca Việt Nam qua bốn giai đoạn.

Tôi tạm gom những thi hào Việt Nam trước hậu bán thế kỷ 20 làm một giai đoạn như các cụ Nguyễn Du, Nguyễn Bình Khiêm, Cao Bá Quát, Trần Tế Xương, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương... vào loại cổ thi.

Sau đó là thi ca thời tiền chiến mở đầu là cụ Tản Đà. Nói như Hoài Thanh và Hoài Chân trong *Thi nhân Việt Nam*, cụ Tản Đà đã “đạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hoà nhạc tân kỳ đang sắp sửa”. Trong giai đoạn này, thi ca Việt Nam như một vườn hoa trăm hương ngàn sắc gồm những nhà thơ thật đặc sắc như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh, Hàn Mặc Tử... Thơ trong giai đoạn này được tạm coi là thơ tình lãng mạn.

Giai đoạn thứ ba là thi ca miền Nam sau 1954. Đáng nói nhất trong giai đoạn này là nhóm Sáng Tạo gồm các nhà thơ Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Nguyên Sa, Tô Kiều Ngân, Cung Trầm Tưởng... Giai đoạn của những triết lý hiện sinh, nổi loạn tâm thức.

Và giai đoạn thứ tư là thi ca lưu vong, gồm các nhà thơ thành danh trước năm 75 như Du Tử Lê, Hà Huyền Chi, Nguyễn Tất Nhiên... cùng rất nhiều nhà thơ mới sau này. Tất cả đều ngậm ngùi chung với niềm đau mất nước, nỗi lòng xa quê hương và vạch rõ chân tướng của Việt cộng mà trước 75 ít người biết được (hoặc biết mà không tin).

ĐHĐ: *Anh nghĩ gì về hiện tượng Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo?*

VP: Rất đơn giản. “*Những con rối của đảng*”. (đề tựa một bài thơ của tôi đăng trên *Làng Văn* số 71 tháng 7.90).

ĐHĐ: *Về hiện tượng Bùi Tín? Về kế hoạch kiều vận của Cộng sản?*

VP: Bùi Tín chỉ là một con cắc kè, bây giờ đang đổi màu, có thể là rục rờ hơn. Còn về việc kiều vận của Cộng sản, tôi nghĩ khó thành công bởi chủ nghĩa cộng sản đã lỗi thời. Nhất là người Việt Nam chúng ta, ai cũng chán chê họ cả rồi.

ĐHĐ: *Anh nghĩ gì về hiện tượng giao lưu văn hoá?*

VP: Giao lưu ư? Có hay không? Hình như những người du lịch Việt Nam về có kể lại là không thấy sách báo xuất bản ở hải ngoại được bày bán công khai nơi các tiệm sách bên đó.

ĐHĐ: *Anh thích nhạc Trịnh Công Sơn không? Anh nghĩ gì về cuộc vận động của ông ta?*

VP: Nếu nói là không thích thì e rằng không thật với lòng. Nhưng đó là chuyện trước kia. Đạo đó tôi còn bé lắm. Cậu tôi bị Việt cộng chôn sống ở Huế hồi Tết Mậu Thân. Mỗi lần nghe *chiều đi qua Bãi Dâu* hát trên những xác người, tôi đã thấy những hố hầm đã chôn vùi thân xác anh em, là me tôi lại rung rung nước mắt; tôi thì thấy hình ảnh cậu tôi bị chôn chung với rất nhiều người trong một cái hầm nhỏ, tay vẫn còn bị trói cánh gà. Sau này nghe thêm *Một buổi sáng mùa xuân, một đứa bé ra đồng đập trái mìn nổ chậm chết không còn hai chân...*, tôi lại nghĩ ngay tới hình ảnh những em bé ở Cai Lậy bị Việt cộng pháo kích chết thê thảm, đạo đó đài truyền hình Việt Nam chiếu hoài mỗi đêm. Với tôi, lúc ấy, thấy những hình ảnh Trịnh Công Sơn vẽ ra rất thật.

Đến khi Sài Gòn mất. Hỡi ơi, thần tượng của tôi sụp đổ tan tành!

Trong khi gia đình tôi và những người dân chung quanh sống dưới nhiều áp lực nặng nề, nay kinh tế mới, mai lao động; nhà tôi bị chúng gõ cửa đêm đêm để khủng bố tinh thần, cuộc sống dân miền Nam thật là tồi tệ thì lúc ấy Trịnh Công Sơn vẫn có rất nhiều niềm vui để một ngày chọn một “cái” ra... chơi (*Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*, TCS). Tôi còn nghe được một bài hát của TCS từ trong một cuốn băng được gửi chui về từ hải ngoại, đó là bài *Một cõi đi về* đại ý là khuyên chúng ta đừng có vượt biên nữa, bởi *đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mết* (?). Có một lần buồn quá không biết làm gì, tôi đi xem nhăm cuốn phim CSVN (lâu quá tôi không còn nhớ tên) đại khái nói những cô gái miền Nam trước kia hầu hết là đi điếm, nhờ “cách mạng” vào “giải phóng” đem “các em” đi “phục hồi nhân phẩm” để trở thành “người tốt” và lấy “được” cán bộ Việt cộng. Sở dĩ tôi dài dòng về cuốn phim tuyên truyền không có gì đáng nói này bởi nhạc phẩm chính của phim đó là một bản nhạc của TCS có tựa đề *Đời gọi em biết bao lần*, với những đoạn: *Đi về đâu hỡi em, khi trong lòng không còn chút nắng...* Nghe xong, tôi liên tưởng đến “ánh sáng chân lý” của Tố Hữu trong bài thơ xác định lòng trung thành với đảng của ông. Đó là bài *Từ ấy: Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ, mặt trời chân lý chói qua tim...*

Sau khi trốn khỏi Việt Nam, tôi có dịp đọc được rất nhiều bài báo tranh cãi về vụ TCS có phải là Cộng sản hay không. Tôi phì cười tự hỏi: tại sao người ta lại phải tranh luận làm chi cho tốn hao giấy mực? Sự thật đã rành rành ra đó. Bây giờ, 17 năm sau, nhân chuyển đi vận động văn hoá của cán bộ văn hoá họ Trịnh, ông ta cho ra cuốn băng *Ru đời đi nhé* để làm công tác ru ngủ ý chí chống cộng của đồng bào ta ở hải ngoại như TCS đã làm trước năm 75. Có một điều làm tôi ngạc nhiên, là sau 17 năm sống dưới chế độ Cộng sản, họ Trịnh vẫn chưa “mở mắt”. Trong khi hàng triệu

người thà chết liều mình ra đi, hàng trăm ngàn người bị đọa đầy nơi chiến trường Kampuchea, dân chúng đói khổ lầm than ở chung quanh, thì họ Trịnh vẫn “nhắm mắt” và vẫn có rất nhiều niềm vui để lựa chọn mỗi ngày. Phải! Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui được chính họ Trịnh nắn nót hát lại cùng với bài *Một cõi đi về* để “dụ” người Việt về du lịch Việt Nam. Mười bảy năm trước thì theo lệnh đảng khuyên người ta đừng vượt biên, mười bảy năm sau cũng theo lệnh đảng khuyên người ta trở về... Tôi chờ em về thăm lá me vàng lại bước qua. Nguy hiểm hơn nữa là tôi đã nghe một số ca sĩ hải ngoại hát những bài này. Nọc độc đã gieo được ở hải ngoại rồi đó, thảo nào họ Trịnh không được đảng phong thánh bằng cách cho thực hiện gấp rút cuốn phim *Em còn nhớ hay em đã quên* nói về cuộc đời TCS.

Nhưng tại sao tôi lại nói nhiều về TCS thế! Hoá ra tôi lại giúp TCS “tuyên truyền” hay sao cả?

DHĐ: Anh thích các bộ môn giải trí gì? Anh có thích du lịch không? Đất nước xứ sở nào, địa danh nào anh thích nhất? Những kỷ niệm nào đáng nhớ nhất trong những chuyến du lịch?

VP: Tôi thích nuôi cá cảnh, vẽ tranh, đọc sách, nghe nhạc và xem xi-nê. Rất thích đi du lịch. Hoà Lan là xứ tôi thích nhất. Tôi thích nhìn

nước này từ trên máy bay. Ở đó sông, lạch, những đồng hoa uất kim hương và những đồng cỏ xanh trải dài dưới thấp thật là tuyệt diệu! Hơn nữa dân Hoà Lan dễ gần gũi, có thể nói tiếng Anh với họ dễ dàng. Địa danh thì thích Paris, Bỉ, Lục xam bảo, các lâu đài ở Đức, Manilla, Colorado (ở đây có chỗ rất giống Đà Lạt của chúng ta).

Một kỷ niệm đáng nhớ là trong chuyến du lịch Mexico. Đang đi dạo phố đêm thì tôi gặp một cô bé khoảng 13, 14 tuổi chi đó. Cô bé đang trốn lạnh trước một tiệm đóng cửa sớm. Hình như cô bé lạnh lắm, đang choàng trên người chiếc mền rách nhưng không che dấu được cái bụng bầu rất lớn so với thân hình cô bé. Tôi chợt nhớ tới Việt Nam và thấy buồn. Hình ảnh giống hệt những đứa bé bụi đời ở Việt Nam. Tôi nói với người bạn: Không biết ai mà “dã man” quá! Thế rồi tôi đến và cho cô bé ít tiền. Cô bé không nói cảm ơn bằng miệng, nhưng bằng mắt. Ánh mắt theo tôi suốt đêm hôm đó. Và bỗng dưng tôi muốn quay về, bỏ cuộc đi chơi.

DHĐ: Kỷ niệm nào sâu đậm nhất của anh trong chốn văn chương?

VP: Đó là truyện ngắn đầu tay được đăng hai kỳ ở báo *Chính Luận* (xin nhấn mạnh, trang Mai Bê Bi thôi nhé), do chị Nguyễn Hương phụ trách (tôi nghĩ không phải là chị Nguyễn Hương của *Làng Văn* bây giờ đâu). Lúc ấy tôi mới 11 tuổi mà cũng tưởng tượng ra được hình ảnh chú bé bán cà-rem, một chiều trở về nhà thì thấy mẹ bị chết... Đạo đó tôi ký tên là Tuấn Kiệt vì (trời ơi!) tôi nghĩ rằng tôi... đẹp trai lắm! Anh thấy có điên không? Còn một cái “điên” khác nữa là sau đó, mấy đứa bạn trong trường thấy cái tên nhà thơ Trần Tuấn Kiệt ở trên sách báo nào đó, theo hỏi có phải là... tôi không. Tôi khoái quá, gật đầu nhận bừa. Hách quá phải không anh? Sau này tôi mới biết không phải mình “điên”

mà là “dốt” và mấy đứa bạn của tôi cũng dốt tuốt. Ai đời chỉ với mấy bài “tập làm văn” mà tôi dám xài kẻ tên nhà thơ Trần Tuấn Kiệt. Xin anh đừng cười vì con nít không biết chuyện.

DHĐ: Về tình yêu, anh có kỷ niệm gì? Tình yêu giữ vai trò gì trong thơ anh?

VP: Mỗi tình đầu và... thứ hai. Số là tôi bất chợt yêu... lại mỗi tình đầu trong một lúc tình cờ thấy trong tập lưu bút của người bạn gái thứ hai tên của người tình đầu. Mở đầu bài lưu bút của cô ta là hai câu thơ của Trần Dạ Từ: “Người đi qua đời tôi, không nhớ gì sao người” còn thêm một dấu hỏi tổ bố phía sau. Tôi chợt hiểu ý cô ta nhắn gửi nên cảm động, đi tìm thì nghe tin cô ta đã qua đời trên vùng Kinh tế mới vì bị sốt rét cấp tính. Tôi có mỗi tình đầu buồn như vậy đó. Nhưng theo tôi còn một thứ tình lớn và đẹp hơn là tình yêu quê hương, đồng bào mình. Nên thơ về tình yêu lứa đôi của tôi không giữ vai trò trọng yếu.

DHĐ: Khi làm thơ, anh cần gì để trợ hứng, cà phê, rượu, thuốc lá, âm nhạc chẳng hạn?

VP: Không cần gì hết. Nhiều khi chợt nảy ra vài ý trên đường, viết vội trên bao thuốc lá, trên bì thư của những cái hoá đơn nợ nần trước khi bước xuống xe. Lúc hoàn tất một bài thơ, đọc lại và tự thưởng cho mình một điếu thuốc.

DHĐ: Xin anh cho biết tình hình báo chí ở hải ngoại.

VP: Nghe nói có trên 500 tờ báo Việt ngữ ở hải ngoại, không biết đúng không, nhưng tôi cho con số đó thật là lạc quan. Tuy nhiên, như anh biết đó, ở đây ai cũng bận việc lu bù, thì giờ không có nhiều để đọc tất cả sách báo, cho nên phải lựa tờ báo nào mình thích thì mới đọc mà thôi.

DHĐ: Anh muốn nói gì với độc giả *Làng Văn* đây?

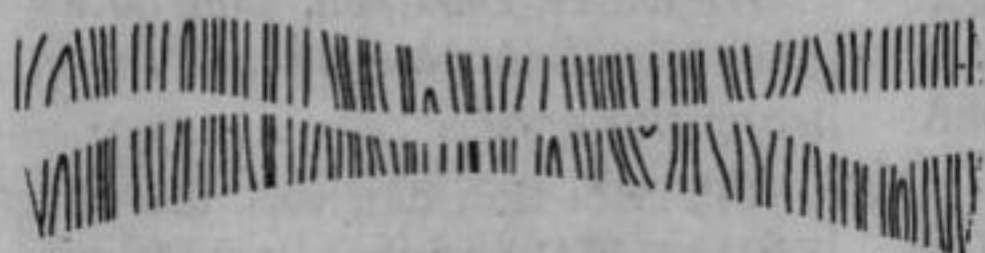
VP: Lời cảm ơn chân thành.

DHĐ: Xin cảm ơn nhà thơ Việt Phương. ○



thơ

việt phương



về trên bến văn lâu

Chuông gióng vang chim hoảng hốt bay
Thành quách rung rinh nổi đắng cay
Ngự viên rêu phủ, con đường cũ
Bóng lạc hoàng hôn, dạ nhớ ai?

Nhớ ai sầu thảm, ai hờn oán
Nhà nát người đi khuất nẻo rồi
Đường vắng đèn không, lòng đòi đoạn
Đâu bóng đêm và đâu bóng tôi?

Đò trống chở tôi về bên ấy
Hò khoan trầm bổng, tiếng chèo lời
Tôi ngồi trước bến Văn Lâu đợi
Hồn ở nơi nào trong gió đây?

Hồn ở nơi nào trong gió đây?
Sáng nghe trần trở nước non này
Mộng du từng bước chân vô ngã
Nặng một màu tang phủ xuống đời.

trên những ngậm ngùi

Tôi lớn lên nước nhà vừa thay đổi
Tuổi mộng mơ vui đập bởi sản khoai
Chẳng biết yêu thương, tuổi trẻ lạc loài
Cắm với hận đồn cả vào cán quốc.

Năm tháng loay hoay vòng vây trời buộc
Thao thức bơ vơ chủ thuyết lạ lùng
Hoang phí tuổi tôi mùa xuân bỏ cuộc
Đổ cả trời quê, đổ thật náo nùng.

Đến chậm vài năm xứ người khốn đốn
Chạy đuổi theo ai một cõi, một bờ?
Lỡ cỡ tuổi tôi, gái già ế ẩm
Sách cặp đến trường mà xót tuổi thơ

Tuổi trẻ Việt Nam lớn nhanh như thổi
Và tôi cần đi, dở ương kiếp người
Bước tới: hụt chân, bước lui: không được!
Tôi đành bước lên trên những ngậm ngùi!

ta bỏ em và ta mất ta

Mưa trên phố mình ta thật lạ
Bóng với ta ướt sũng cơn buồn
Mưa hôn ướt bờ môi một gã
Bỗng nghe đâu ngọn lửa mặn nồng.

Ta bỏ đất về theo với gió
Gói mang đi một mảnh trăng ngà
Ta bỏ nước về ôm nỗi chết
Chán chường thay một gã không nhà.

Ta bỏ em và ta mất ta
Rừng gọi hồn về hồn tóc rũ
Nhớ em từng ngày phơi áo cũ
Chút tình buồn cất giữ chi em?

Ta lạc nhau rừng thay lá nhớ
Có mưa nào qua cánh rừng xưa?
Ta gọi nhau rừng buông tiếng thở
Lá lệ rơi, rơi mấy cho vừa?

Ta chờ em trên con phố lạ
Thu, lại thu, thu cõi con người
Ta chờ em, mình ta một gã
Bạc trong lòng ngọn sóng tàn hơi.

đời cần như cỏ gấu

Giọt nước mắt mùa đông
Nhỏ vào lòng lạnh vắng
Chợt ngấm con tim hồng
Đập trong vùng hiu quạnh.

Đâu trời trong gió lạnh
Rộn ràng áo đỏ xanh
Dưới chân nhà thờ núi
Chuông vang vang thanh bình

Đâu nửa đêm lẻ tan
Mẹ ngồi ngắm đàn con
Cười rung làn tóc bạc
Mắt xếp buồn vết nhăn

Em giờ còn hay đứng
Ngắm con sóng vờn quanh
Mùa đông chiều biển động
Sóng trong lòng chênh vênh

Bao năm rồi phiêu bạt
Hồn theo sóng ngàn năm
Vỗ trời đời luân lạc
Tuơng vết thương trong lòng.

Đời cần như cỏ gấu
Khó thêm chút tình ta
Tôi buồn em có thấu
Ngày về ngày mỗi xa.

mùa về

Mùa về theo nước lũ
Chảy lạnh lòng trăm năm
Chim nghe lời khuyến dụ
Thu đôi cánh yên nằm.

Này lòng tôi, lòng tôi
Xin đừng dâng sóng bạc
Này người ơi, người ơi
Huyết hồn tôi xơ xác.

Đêm chờ trăng bát nhã
Rụng trên cành thu không
Gió mùa mang hơi lạ
Lao xao dấu hồng trần.

Mùa về trên cánh mỏng
Gãy bàng hoàng trước sân
Chim già từ cuộc sống
Cất tiếng ca trong ngần.

Cùng Trên Mảnh Đất Ấy

Hồ Trường An



Gần sân vận động tỉnh Vĩnh Long, cách một con lộ tráng nhựa là nhà máy đèn, vào đầu thập niên còn chạy bằng than đá. Cũng theo con lộ đưa về một cái gò cao có

trồng một cây da trên đỉnh gò. Dưới bóng rậm rịt của cây da, người ta xây một cái miếu mái ngói tráng men đỏ lẫn men màu thủy lục, mặt tiền sơn son thếp vàng. Trong

miếu, nhang thấp suốt ngày. Người ta gọi cái miếu đó là miếu Cây Da Cửa Hữu. Ở đây gần Thánh thất Cao Đài, chủng viện đạo Gia-tô, trường Cao tiểu Vĩnh Long, bệnh viện Thánh Minh. Xa hơn nữa, ném về miệt cầu Công-xi Heo, là lò heo và đất thánh An nam.

Khoảng giữa nhà máy đèn và miếu Cây Da Cửa Hữu có một ngôi Niệm Phật Đường. Đó là một căn nhà ba gian hai chái, tường đúc, hàng rào bông búp vây quanh, lại còn bọc thêm một lớp hàng rào xương rồng vòng ngoài. Chỗ đó trang nghiêm khuất tịch, do vợ một thương gia Hoa kiều lập ra để tu niệm.

Đối diện với Niệm Phật Đường là một cái quán mái lá, bàn gỗ, ghế đẩu. Một chiếc sạp ván đặt bên trái quán, từ cửa ngó vào. Trên sạp bày đầy các keo lọ thủy tinh, cái đựng dưa kiệu, cái đựng dưa chuột, cái đựng nước mắm, cái đựng tương ớt... Kế bên mớ keo lọ đó là rổ rau, rổ bún. Bên sạp ván có hai chiếc hỏa lò luôn rực lửa. Một chiếc đặt chảo mỡ, chiếc kia đặt cái nồi đất để nấu trà huế. Chảo, nồi đều đóng khói đen ngòm. Đây là giang san của bà Hai Ách. Bà bán bún chả giò, bún nem, bún bì, bánh cống, gỏi cuốn, bì cuốn, nem cuốn... Từ xa nhà, phía trên vạt tre, bà treo tòn ten những xâu nem bì, nem chua, những nải chuối già. Dưới vạt tre là thùng nước đá phủ mặt cửa, các két nước xá xị, nước cam, bạc hà, limô-nát, la-de...

Cách đây hai năm, chú Tư Nghinh, em ruột của bà Hai Ách bảo bà:

— Chị mà bày bán thêm đồ nhậu và rượu thì thể nào cũng kiếm thêm mỗi ngày trên trăm bạc chớ không chơi.

Từ đó trên sạp ván bày thêm mớ khô cá đường, khô mực và thùng hột vịt lộn lẫn hột vịt ung luộc chín vùi trong trấu để giữ hơi nóng.

Bà Hai Ách bán quán nhậu này từ hồi trào Tây đến năm 1954 là chẵn mười năm. Bà thường nhắc nhớ với các bà khách từ xa tới:

— Hồi trào Tây, cái Niệm Phật Đường kia là...

Bà hạ thấp giọng, kề miệng sát tai bà khách. Ánh mắt họ rục lên thích thú, mặt họ tái nhợt vì bị kích thích.

Bà Hai Ách từ "hồi trào Tây" đã biết cái quá khứ, cái tiền thân của Niệm Phật Đường kia. Vì rằng trước kia, hồi Tây cai trị xứ mình,

chồng bà làm tới chức "ách" trong đội lính khố xanh. Đến thời bình minh của nền Đệ Nhứt Cộng Hoà thì ông Ách giải ngũ. Thiên hạ không có dịp kêu ông là ông thượng sĩ Trần văn Cảnh mà vẫn tiếp tục kêu ông Hai Ách, bà Hai Ách như xưa tuy rất ít người hiểu căn nguyên của nó.

nếu em có về thăm quê cũ

*Nếu em có về thăm quê cũ
Lau giùm anh nước mắt mẹ già
Cho người đi bao nỗi niềm nhung nhớ
Đứa con yêu đi lính tận miền xa.*

*Nếu em có về thăm quê cũ
Gặp giùm anh người bạn lao tù
Đang dãi dầu làm thân trâu ngựa
Chôn tuổi đời trong rừng núi hoang vu.*

*Nếu em có về thăm quê cũ
Nghe giùm anh những tiếng thở dài
Của người dân lầm than đói khổ
Cho quê hương tươi sáng một ngày mai.*

*Nếu em có về thăm quê cũ
Xoa giùm anh những mái đầu xanh
Đang lang thang nơi vùng kinh tế mới
Để các em hồn nhiên trong nỗi sống nhọc nhằn*

*Nếu em có về thăm quê cũ
Dìu giùm anh kẻ sống tật nguyền
Xoa giùm anh vết chân loài dã thú
Cho dân ta khỏi xiềng xích oan khiên.*

*Nếu em có về thăm quê cũ
Tìm giùm anh bao nắm mộ vô danh
Thấp nền hương với tấm lòng thành thật
Cho oan hồn siêu thoát cõi trời xanh.*

*Nếu em có về thăm quê cũ
Hãy trở lại dưới mái trường xưa
Lấy giùm anh một kho tàng kỷ niệm
Của tháng ngày hồn nhiên tuổi học trò.*

*Nếu em có về thăm quê cũ
Thở giùm anh nắng ấm quê nhà
Gom giùm anh hương gió chiều đồng nội
Để đỡ buồn cho kẻ ở phương xa.*

trương ái minh



Ông Hai Ách tuổi tuy 60 nhưng khí huyết hầy còn phương cường lắm nên ông tỏ tí với bà Chín Rớt nhỏ hơn ông tới mười tuổi. Bà Hai Ách mới 56 mà đã chê việc ăn nằm với chồng. Tuy vậy bà cũng biết đau, biết ghen khi thấy chồng cùng vợ bé quá là cung. Bà thường cùng hội bắt ghen lên tận nhà bà Tám Rớt để làm dữ. Sau cùng, ông Hai Ách điều đình với vợ, xin nộp nguyên vẹn tiền hưu trí mỗi tháng để ông được tự do hú hí với bà Tám Rớt. Ông mở phòng coi chỉ tay, quẻ diệp, nham độn và bàn xăm (gồm cả xăm Ông tức đức Quan Thế Đế Quân và xăm Bà tức đức Thiên Hậu) kiếm ăn lai rai. Bà Tám Rớt thì bán cá ngoài chợ Văng. Bà này về sau lân la tới vợ lớn của chồng mình, tỏ ra mềm mỏng dễ thương. Mỗi lần thăm viếng bà đều tặng cho bà Hai Ách khi thì bánh trái, lúc thì gà vịt. Bà Hai Ách bị khớp miệng và tê liệt tay chơn bởi cách xử sự của mụ vợ bé chồng mình, nên thay vì chửi đánh tình địch, bà kêu "dì nó" ngọt xớt, tay rót nước trà mới "dì nó uống cho thấm giọng" một cách ân cần.

Bà Hai Ách nhờ việc bán quán cóc nên đỡ buồn về chuyện chồng san sẻ tình nghĩa với người đờn bà khác. Bà có cặp lỗ tai rất thính, trí nhớ rất dẻo dai... Đám thực khách đờn bà của bà lui tới quán có sẵn cả chục câu chuyện ngồi lê đôi mách để làm quà cho nhau. Mỗi câu chuyện một khi lọt qua tai bà thì nó được trí óc bà ghi nhận kỹ. Tuy nhiên, vì tuổi tác càng ngày càng chồng chất nên sự ghi nhận của ký ức bà giảm dần đôi phần chính xác. Nhưng không lo! Chỗ nào quên hoặc nhớ mù mờ thì bà tưởng tượng thêm vài tính tiết lý thú để trám vô chỗ thiếu thốn, hớ hang đó.

Cái Niệm Phật Đường đối diện quán cóc, bà Hai Ách biết rất rõ, từ lúc nó chỉ là bãi đất trống mọc đầy cỏ mần châu và cỏ đuôi chồn, tới lúc ông thầu khoán Thái văn Bảnh mượn xe cam-nhông chở vật liệu xây cất về để dựng lên một toà nhà bánh ếch kiểu Tây, và cho tới lúc bà

bang trưởng bang Phúc Kiến bỏ tiền ra mua lại, thỉnh bức tượng A Di Đà Tam Tôn về thờ ở căn giữa.

Gặp khách ở xa ghé qua quán ăn bì, ăn chả giò, bà Hai Ách thường chỉ ngôi Niệm Phật Đường, bảo:

— Cái Niệm Phật Đường Bê Em Xê (BMC) đó đó, hồi bốn năm về trước...

Các bà khách vừa ăn vừa giảo lỗ tai lắng nghe bà chủ quán sành đời. Bà Hai Ách có lối kể thập phần hấp dẫn vì bà biết thêm thắt câu chuyện, biết nhấn giọng hoặc bào mỏng giọng cho câu chuyện thêm phần ly kỳ. Các bà thực khách cười ré lên từng chập khoái trá, rồi làm ra màu mặt cổ:

— À, té ra là vậy. Thiệt tình, tụi này đâu có dè...

Nhưng họ chỉ được nghe bà Hai Ách kể cho nghe chuyện năm xưa chứ không hề giải nghĩa ba tiếng “Bê Em Xê” là cái gì. Nhưng chính vì chỗ không hiểu rõ đó mà óc tưởng tượng của họ hoạt động nhiều hơn, cảm thấy chúng có nhiều nghĩa lý thú lắm!

*
* *

Bà Phủ Long là một nhà giàu nổi tiếng ở cầu Cái Cá. Nhà bà cách chợ Văng chừng hai cây số. Bà cũng nổi tiếng là một Phật tử thuần thành, một lòng quy y tam bảo, cố gắng giữ vẹn ngũ giới.

Vào kỳ rằm hạ ngươn năm đó, bà cùng cô con gái cưng là Năm Phụng Kiều xách dù đến quán bà Hai Ách. Hôm đó bà Hai bán đồ chay. Món chả giò chay, bì bún chay và món kiểng chay của bà thì trong trào ngoài quận ai cũng trầm trồ, ai cũng hít hà chắc lưỡi.

Năm nay tóc bà Phủ Long đã bạc như phết vôi, song sắc mặt bà hồng hào, cái nhìn của bà hãy còn sắc sảo, trông mắt bà đưa đẩy rất mau. Bà mặc chiếc áo gấm màu dưa cải, tai đeo bông hột xoàn năm ly bự trau trấu, cổ đeo dây chuyền mặt mè đại cần hột xoàn chấp chới. Cô Năm Phụng Kiều khuôn mặt phúc hậu, nước da trắng ăn phấn. Cô mặc chiếc áo nhiễu tím, quần sa-

teng đen, đeo nữ trang khiêm tốn hơn mẹ: một chiếc kiềng trơn, một đôi bông tai cắm thạch, một chiếc đồng hồ Thụy-sĩ, một chiếc nhẫn hột xoàn...

Bà Phủ Long gọi sáu cuốn bì chay và sáu cuốn chả giò chay cùng bún, rau thơm, cải xà lách, dưa leo xắt mỏng. Bà tăng hăng, bảo bà Hai Ách:

— Nè thím Hai Ách, tui nghe thiên hạ đồn thím bán đồ chay thiệt ngon, giá phải chăng nên tui hăm mộ lắm lắm. Bữa nay má con tui tới đây, trước là để thưởng thức món khéo của thím, sau nữa là để nói với thím một điều.

Bà Hai Ách hớn hờ:

— Xin thỉnh bà Phủ ngồi chơi, rồi ăn uống cho đã đời, chề chán. Bà Phủ là bậc giàu sang, danh giá ở tỉnh Vĩnh Long này, trong trào ngoài quận ai mà không biết!

Bà Phủ Long cuốn chả giò trong lá cải xà-lách, đệm bún, rau thơm, dưa leo, chấm vào nước tương điểm ớt rồi nhai ngau ngáu. Bà nhìn qua Niệm Phật Đường hỏi:

— Cái Niệm Phật Đường kia do ai lập vậy?

Bà Hai Ách nói:

— Dạ, đó là do bà Bang Hậu lập ra. Chồng bà là bang trưởng bang Phước Kiến ở tỉnh nhà. Ông có tiệm thuốc bắc gần Cầu Lầu. Tuy là chết, nhưng ông cũng là bậc Ưu-bà-tắc, tu pháp môn Tịnh Độ tại nhà. Còn bà là người Việt, từ bốn năm nay đã xuống tóc làm vãi, làm ni, lập ngôi đạo tràng này để dễ bề tu hành tinh tấn.

Bà Phủ Long trợn mắt:

— Bộ Niệm Phật Đường này không có tên hay sao mà thím cứ kêu là Niệm Phật Đường Bê Em Xê rồi xúi thiên hạ kêu theo? Mà thím biết nghĩa Bê Em Xê là gì không?

Bà Hai Ách xên lên:

— Dạ thưa bà Phủ, Niệm Phật Đường này không có tên, tui cứ y chang tên toà nhà cũ để kêu cho tiện.

Bà Phủ Long liếc xéo:

— Cho tiện hả? Tiện đâu tui chưa thấy, tui chỉ thấy thím bị mắc khẩu

nghiệp, chừng chết sẽ sa xuống địa ngục A tỳ, bị quỷ ngưu đầu mã diện cắt lưỡi.

Bà Hai Ách tái mặt:

— Kính thỉnh bà lớn, phận tui dốt nát. Hồi xưa ở đây là nhà thổ, nhà đi của lính Tây có trưng bảng đề chữ BMC. Tui không hiểu BMC là gì, nhưng thấy không có gì thô tục, không có phỉ báng Trời Phật, thánh thần nên tui kêu đỡ vậy mà.

Bà Phủ Long hừ một cái:

— BMC tuy không phải là tiếng thô tục nhưng nó ác ôn lắm thím Ách à! — Bà quay qua cô con gái — Nè Năm, con nên giảng cho thím Hai đây rõ cái nghĩa BMC coi nào.

Cô Năm Phụng Kiều đỏ mặt sượng sùng:

— Thưa thím Hai, BMC là chữ viết tắt của *Bordel Militaire Contrôlé*, nghĩa là nhà thổ đi của binh sĩ, có đóng thuế cho chính phủ nhà nước bảo hộ Lang Sa. Mấy cô buôn hương bán phấn được bộ y tế của nhà nước kiểm soát kỹ để tránh bệnh... phong tình.

Cô Năm đặt tay lên ngực trái vì quả tim cô đập mạnh trong lúc giải nghĩa ba chữ BMC trời ơi đất hỡi kia. Chữ thì không tục không thanh, nhưng sự việc nằm trong chữ nghĩa đó quả thật là động trời, làm sao cô không sượng điếng cho được.

Tới phiên bà Hai Ách đổ mồ hôi hột. Mặc bà xanh dờn như bị xảo thai. Bấy lâu nay, bà cứ tưởng BMC là tên cái nhãn hiệu nào đó của Tây, cũng như BGI là tên của hãng la-de hiệu trái thơm vậy. Bà mếu máo:

— Thôi rồi, tui mắc khẩu nghiệp rồi! Dạ bẩm bà lớn, bà đừng chấp nhứt kẻ ngu si như tui đây, tội nghiệp! Ai mà dè tui nó kêu tên tắt điên điên đảo đảo như vậy! Bẩm bà lớn, thưa cô Năm, tui vốn u mê ám chướng nhưng tui tu kỹ lắm. Trời ơi, công tui ăn chay một tháng mười ngày kể như đổ sông đổ biển rồi! Tui hùn tiền in kinh, đúc chuông kể như tiêu tùng rồi! Bà lớn ơi, xin bà thương tình vợ thằng Hai Ách này, nhờ bà chỉ biểu coi tui

phải làm sao hết tội bây giờ?

Bà Phũ Long cười:

— Thím làm như tui có đủ quyền thưởng phạt thiên hạ vậy. Thiệt ra tui cũng là người phạm phu như thím, dẫu tui có kim vân ngọc kế lão thông cũng chỉ có thể làm bực thiện tri thức cho thím, chỉ biểu thím lánh đường cong nẻo lạc, để thẳng theo con đường Phật đã đi...

Cô Năm Phụng Kiều an ủi:

— Thôi thím chớ quá lo buồn. Chuyện đâu còn có đó. Lát nữa, má con tui qua bên Niệm Phật Đường, nói phải quấy với am chủ, khuyên bà đặt cho cái cảnh giả lam kia một cái tên rồi dựng bảng lên để thiên hạ khỏi kêu bậy kêu bạ nữa.

Bà Hai Ách nói xuôi:

— Trăm sự xin nhờ bà lớn và cô Năm.

Bà Phũ Long khuyên:

— Thím nên ăn năn sám hối, làm phước làm van thì may ra hoán cải nghiệp dữ thành nghiệp lành, biến ác khẩu thành tịnh khẩu.

Bà Phũ Long kêu thêm cho mẹ con bà mỗi người một tô bún chan với kiể. Ngay từ giờ phút này, bà Hai Ách coi bà Phũ Long và cô Năm Phụng Kiều là bực thiện tri thức của mình rồi. Bà bốc rau xắt ghém bỏ vào tô, trái bún rồi chan kiể lên. Món kiể này đủ bộ vận nào khoai lang, bầu, bí rợ, mướp xắt miếng cỡ ngón cái, rồi thì đậu đũa, đậu ve cắt khúc. Tất cả được nấu chín mềm trong nước cốt dừa. Hôm nay gặp bực thiện tri thức, bà Hai múc vào tô thiệt nhiều khoai lang, bí rợ và đậu trước khi rải trên mặt tô một nhúm đậu phộng giã nhỏ.

Bà Hai Ách nhìn má con bà Phũ Long, ngẫm nghĩ. Cách đây mười năm, bà Phũ chuyên cho vay ăn lời cắt cổ, tánh tình ke re cắc rắc. Khi cắt cái nhà bánh ếch ở cầu Cái Cấn, bà cả gan đem kho mắm con dè chết để cho thợ mộc ăn. Có người theo lẽ học lại, bọn thợ mộc đem bùa Lỗ Ban ra trừ ếm bà. Từ đó, mấy đứa con trai bà học hành lận đận, đâm ra chơi bởi phá phách. Chỉ có cô Năm Phụng Kiều

là hiền lành thùy mị.

Ít lâu, bà Phũ Long bị tai nạn xe cộ. Khi chở tới nhà thương, bà được cứu sống. Trong cơn hôn mê suốt một tuần lễ, bà Phũ Long thấy lại hết quãng đời ác đức của mình, chứng kiến những hành vi bòn tro đái trấu chẳng kể nhơn nghĩa, tội phước của mình. Khi bình phục, bà phát hùng tâm, xé bớt một mớ giấy nợ của lũ con nợ nghèo sặc máu. Dần dà bà xa lánh nghề cho vay ăn lời cắt cổ theo kiểu "xanh xít đít đui".

Cô Năm Phụng Kiều là con gái độc nhất của ông bà Phũ Long. Cô có tiền của riêng do bà di của cô để lại. Cô cũng có bóng sắc mà cô không kiêu căng, hống hách. Càng lớn tuổi, bà Hai Ách càng ưa chuyện mai mối. Bà kiếm khắp tỉnh một trang văn nhơn hảo hơn để làm mai cho cô mà tìm hoài chưa gặp.

*

* *

Từ bên dãy nhà lá, gần Niệm Phật Đường, bỗng có tiếng the the cất lên:

— Nè con đi Ba Lý, con đi mười thành, chín huyện, bảy phủ... Hồi trào Tây, mấy ý thể cạy thần thằng cò-mi Bù-rầy nên mấy tác quái tác yêu, tác oai tác phước. Giờ đây, mấy mà đồng đánh, hỗn hào là chết với tao. Tao sẽ xé tét mấy ra từng manh từng mún từng sợi để trộn gỏi bắp cải, gỏi đu đủ nghe chưa!

Người chửi là mục đôn bà tuổi ngoài bốn mươi, mặc quần bò áo vải đen, từ căn nhà mái lợp tôn xẹt ra. Chị ta đứng dưới mái hiên, gần cái lu nước có cái gáo cán dài gác trên miệng lu. Mặt chị ta cùng hung cực ác, mắt long mày trợn, miệng mím chặt làm cho sát khí, nộ khí bùng bùng hiện ra như lửa cháy.

Bà Hai Ách than với hai mẹ con bà Phũ Long:

— Con Chín Sa-teng và con Ba Lý cứ sanh giặc, cứ hỗn chiến với nhau hoài nên lân lý ở đây bị náo động luôn luôn.

Một mục thực khách, vốn là dân trong xóm, tay chỉ chỗ, miệng ré lên:

— Kia, chị Ba Lý ra kia kia.

Ba Lý từ căn nhà kế bên, có tấm tôn che phía trước mái hiên bước ra. Mặt chị ta xám như chì, môi thâm, vai rút. Rõ ràng đây là bợm ghien á phiện, đệ tử của nàng tiên nâu. Ba Lý xáng cho địch thủ cái nhìn sấm sét, cất giọng kháp kháp như giọng vịt xiêm để trả đũa:

— Con đi điếm cổ cầu sương, con đi chết ương chết sinh, con đi chẳng tỉnh gấu ngựa, con đi ma dựa quỷ ộp kia! Giờ đây mày làm bà gì mà mày hống hách lớn lối với tao? Tao ghien, tao đau yếu, mày đừng tưởng tao không đủ sức đốt nhà mày. Mày mà chọc tao là mày lãnh thọ, nghe chưa?

Trước kia, Ba Lý có nhan sắc nên nổi danh là bực huê khôi trong giới gái chơi bởi ở tỉnh Vĩnh Long này. Ba Lý là tiếng kêu trại của cái tên Marie. Tên này do Tây đặt cho chị, chớ thiệt ra chị tên là Bảy Đán. Lối xóm, láng giềng chị hầu hết là dân thợ, dân mua thùng bán bung không quen bẻ miệng gọi chị là Marie nên đọc trại là Ba Lý cho nó gọn, cho nó tiện. Cũng vậy, thằng con trai Ba Lý tên là Pascal cũng được họ gọi là thằng Bánh Canh, còn con Hélène được gọi là con Ốc Len. Đôi lúc Ốc Len nghĩ mình còn may mắn lắm mới được gọi trại như vậy, chớ nếu bà con cô bác trong xóm gọi nó là con Heo Lang thì nó cũng phải rán mà chịu.

Ba Lý thường khoe:

— Ba tui nó tên là Paul Brugeille, vậy mà tui cùng đình trong xóm cứ gọi là ông cò-mi Bồn Bù-rầy hoài. Đáng lẽ tui con tui phải có tên là Pascal Brugeill và Hélène Brugeille mới phải. Ngặt vì ông còn kẹt bà vợ bên Tây nên không dám nhìn tui nó. Cái con mục ó đâm đó bị lao nặng, chích thuốc trụ sinh như chích nước lã. Chừng nào nó chết rồi thì ông sẽ rước mẹ con tui về bên Tây. Tui sẽ cai á phiện, o bẻ bóng sắc lại cho ông cưng.

Bởi Ba Lý chót chết, xảnh xệ quá nên ai cũng ghét. Chín Sa-teng ở sát vách với chị ta, cứ bị chị ta chê rằng Chín ta mặc sa-teng đen, đẹp để đầu

không thấy, chỉ thấy Chín ta lảng
mướt giống như con cá trê.

Song hôm nay, sau bốn điều
thuốc sái, Ba Lý mơ màng sống lại
cái thời mình còn bóng sắc chói
chan, cái thuở chưa xảy ra cuộc
chiến tranh Đông Dương. Chị ta
thuở đó không phải là điểm có
đóng ba-tăng mà thiệt ra là gái bao.
Chị gặp ông Bù-rầy vào năm 1934,
hồi chị đang đàn diu với ông bác vật
canh nông Trần Hữu Cảnh ở Mỹ
Tho. Ông này là đại điền chủ. Cái
bằng kỹ sư tuy không giúp ông
hành nghề nhưng vẫn tô điểm hoa
lá cảnh cho thân thể ông, cho gia
tộc ông.

Sống ở chốn Cái Thia hẻo lánh
quê mùa, bên cạnh tình nhơn già,
chị đâm buồn nên xin qua Vĩnh
Long thăm người em gái có chồng
làm thơ ký toà BỐ. Tại đây chị gặp
ông Bù-rầy. Ông ta là bạn quần vợt
với em rể Ba Lý nên tới nhà anh ta
luôn. Ông cò-mi Bù-rầy cường
tráng, hét ra lửa lại hào huê phong
nhã khiến Ba Lý quên cảnh Cái
Thia mà khi mới về ăn ở với ông
bác vật Cảnh, chị ta đã trầm trở là
cảnh thơ cảnh mộng; quên luôn
người tình già mà chị hằng ca ngợi
là "người quân tử".

Ông cò-mi Bù-rầy mua cho Ba Lý
cái nhà bánh ếch ở gần dãy phố bà
Thông Vịnh. Ngôi nhà nằm trong
mảnh vườn trồng cây ăn trái rộng
hai mẫu. Nhà có bộ sa-lông bằng gỗ
cắm lai, tủ thờ bằng cây nu khăm
xà cừ, có tủ kiếng soi mặt bằng gỗ
huỳnh đàn, có hai cái divan bằng gỗ
giáng hương. Còn trong tủ chè,
ngoài chén đĩa, độc bình xưa, chị
còn dám mua sắm thêm đồ sứ nhập
cảng từ bên Pháp. Lại nữa, Ba Lý
cũng là một trong năm tay dám sắm
radio đầu tiên trong tỉnh. Chị cũng
đã có giàn hát máy, xe mui trần.
Chiều chiều, chị trang điểm phấn
son lông lẩy, diện quần áo hực hỡ,
đeo hột xoàn lấp loá rồi ngồi xe mui
trần để dạo mát trước khi tới Bông-
ga-lô (Bungalow) giải khát. Đây là
nhà hàng khách sạn sang trọng mà
chỉ có mấy ông Tây bà Đầm và dân
Việt có quốc tịch Pháp lui tới.

hãy chúc cho ta điều chúc dữ

*Ta nói với mình ta nói rồi
không còn ở được thì đi thôi!
mình cây bám đất, ta chim biển
mình thích trần gian, ta thích trời!*

*Với ta cơm sáng, trưa, chiều tối
đâu thể no bằng giọt lệ rơi!
ta muốn làm thơ, ta muốn khóc
mình vui ở lại thể gian cười!*

*Đông tây nam bắc ta không biết
bốn hướng chia ly chuyện của người
ta chẳng chia tay, không ngoảnh mặt
có ai bịn rịn khi đi chơi?*

*Mình đưa rượu tiễn thì ta uống
nếu lỡ ta say lỡ ngủ vui
cái xác nằm đây hồn vẫn biệt!
như mây không rụng nước thì trôi!*

*Ta không nghe nữa điều tâm sự
ta có mù sương đủ ngậm ngùi,
hãy chúc cho ta điều chúc dữ
ngàn năm như Chúa xác thân phơi!*

*Nếu ta rẽ cánh vì đông bão
lông ngỗng cũng đành phận tả tơi!
Trọng Thủy Mỵ Châu từng ước hẹn
sao cơn tái hợp là chia phôi?*

*Ta đi mình nhé, đây nhành trúc
mình dựng cho xanh, tưởng tượng trời
mai một nhện giăng tơ trắng xóa
thấy ta trong những hạt sương soi!*

trần văn lệ

Lúc gặp thời, Ba Lý kiêu căng
với bọn gái làng chơi trong tỉnh.
Chị ta đã từng đĩa những câu kiêu
căng giảm phước như sau:

— Làm đi cũng có năm bảy hạng
chớ! Con điểm đứng đường, con
đượi ở Bộc-đền (Bordel) làm sao
sánh được với Trà Hoa Nữ đã từng
ăn nằm với các công tước, bá
tước... Bọn công chức ở toà BỐ, ở
sở Trường Tiền, ở bộ Thanh tra
Giáo dục, bọn thầy giáo, thầy ký,
thầy thông... lương tháng của họ
không đủ để trả tiền xăng nhớt cho
chiếc xe Citroen của tui, có đâu để

trả tiền Bông-ga-lô, tiền son phấn,
dầu thơm cho tui nữa?

Bởi chị ta đĩa quá, phách lối quá
nên dân trong tỉnh nói hành nói tỏi:

— Nó là con đi Bù-rầy, con đi bù
chết, con đi bù mất đó bây ời!

Khi tên cò-mi về nước, Ba Lý cặp
xách với gã chệt Trương Chấn, chủ
tiệm tạp hoá Hồng không. Tên này
cũng giàu có, cũng dám chi cho chị
thiệt sộp. Nhưng tai hoạ lại đến. Ba
Lý bị đụng xe trên đường từ Vĩnh
Long qua Cần Thơ. Trương Chấn
vừa chở tới nhà thương đã tắt thở.
Còn Ba Lý thì được chở lên nhà



thương Đồn Đất, giải phẫu nhiều lượt. Để làm dịu cơn đau cho chị, họ chích thuốc có chất morphine.

Sau này, khi Ba Lý về nhà, mỗi khi trời trái gió hay mưa lạnh, các vết thương lại rỉ rả hành hạ chị, làm chị đau nhức khủng khiếp. Rồi có người bày chị khi đau nhức, nếu hút vài điều á phiện là hết ngay. Bệnh ghiền "cơm đen" bắt đầu từ đó. Xe mui trần, radio hiệu Philips, giàn hát máy hiệu Columbia di tản trước, rũ theo các món ngoạn khí, rồi tới bàn ghế tử thờ. Sau cùng, Ba Lý bán vườn, nhà và dọn về ở gần nhà thờ đi BMC, lúc đó đã biến thành Niệm Phật Đường. Thắng Bánh Canh đi học đóng giày, làm bóp da. Con Ốc Len thì sớm chiều đi bán hột vịt lộn ở khu quán nhậu gần chợ cá hoặc trước rạp hát bóng Lạc Thanh. Còn Ba Lý đôi khi gặp ngày rằm, ngày vía, chị bưng thúng xôi nhuộm màu tím lá cẩm đi bán dạo trong xóm, tiếng rao khàn đặc như sắp đứt hơi, nghe buồn vô hạn.

Dù cái ngày bà Bù-rầy từ già cõi đời còn xa, nhưng Ba Lý vẫn cứ hy vọng. Và dù bóng sắc của chị như chiều nghiêng bóng xế, như trời đã cuối thu sửa soạn sang đông, chị vẫn cứ mơ cơn bĩ cực rồi sẽ qua, thời thơ ấu lại sẽ đến bằng sự bao che của ông Bù-rầy.

Từ sáng tinh sương cho tới bây giờ, Ba Lý cảm thấy mình như sống lại thời oanh liệt cũ. Dư hưởng thuốc phiện lảng vảng ở khứu giác, ở tế bào, ở óc não chị từng thoáng sáng khoái kỳ diệu. Chị cất giọng the thé hát một vài bản Tây mà hồi xưa ông Bù-rầy yêu quý của chị đã dạy chị rồi xỏ một tràng tiếng Tây giòn khăm khừ.

Chín Sa-teng bấy lâu nay vốn đã ghét Ba Lý từ hồi chị ta mới dọn về. Bận lảng giềng đầu không thấy, chỉ thấy đây là oan gia gặp oan gia, oán tăng hội khảo. Chiều hôm qua, con khô cá sấu Chín Sa-teng treo ở xà bếp, vậy mà khi Ba Lý bước qua xin trái khế về ăn mắm chưng thì con khô không cánh mà bay mất. Chó treo mèo đậy. Con khô kia treo tòn teng, thử hỏi con mèo nào phóng

tới nổi? Con chó nào đủ phép thần thông từ dưới đất chồm lên ngậm con khô tha đi chỗ khác? Đây chắc là con Ba Lý, con mèo cũ của ông Bù-rầy chớ ai trồng khoai đất này? Bởi vậy vừa khi nghe Ba Lý đọc thoại bằng tiếng Tây, Chín Sa-teng ré lên:

— Con đi chó! Mày chửi tao đó hả?

Ba Lý đang mơ tới lớp ông Bù-rầy đón chị ở phi trường. Chị ngã vào vòng tay ông, úp mặt lên ngực ông vừa bệu bạo khóc vừa kể lể ân tình, bỗng chị nghe tiếng chửi. Tất cả những điều mừng tượng kỳ thú đều tan theo khói, biến theo sương. Ba Lý dụi mắt thấy mình nằm trên vật tre. Chiếc mùng cháo lòng phủ quanh giường có vài mụn vá. Bóng đèn trứng vịt đặt trên chiếc bàn gần lu gạo rọi một khoảng sáng, tuy nhỏ nhưng cũng đủ soi cả một hiện tại lam lũ và chán chường. Chị ta rít lên:

— Chín Sa-teng à, mày điên vừa vừa chớ! Tao ca hát, tao nhắc lại những câu ân tình của chồng tao, tại sao mày lại đổ hồ tao chửi mày? Cái thứ mày tao coi như đế như trùn, có ra cái gì đâu để tao chửi? Thay vì chửi mày, tao dành miệng để đọc kinh đọc kệ, để nói lời ngọt bùi với hai đứa con tao, để nói những câu mạn mòi ân nghĩa với chòm xóm có hơn không!

Chín Sa-teng hầm hừ:

— Con đi ngựa! Phải rồi, mày đâu thèm chửi tao! Mày để miệng ăn món ngon vật lạ mà! Mày để miệng đắng ăn khô cá sấu xé nhỏ trộn khế, dưa leo, rau răm mà...

Thế là cuộc chửi lộn bắt đầu, phùng phùng lửa dấy, sùng sục nước sôi. Cả hai cùng chạy ra hàng ba, chửi nhau muốn xé họng rách phổi, cốt cho lối xóm nghe ké nghe hùn.

Quả nhiên bên quán, bà Phở



Long, bà Hai Ách, cô Năm Phụng Kiều cùng các bà thực khách bước ra. Bên này hai đối thủ bắt đầu bêu xấu lẫn nhau, tàn sát nhau bằng ngôn ngữ. Luôn luôn họ khởi đầu bằng ba tiếng “hồi trào Tây” để lấy trớn bươi móc cái quá khứ mà đối thủ mình kiên trì che giấu.

Chín Sa-teng, giọng chua như giấm tiêu, giấm xủ:

— Hồi trào Tây, mấy bánh quá mà! Ối bất quá cũng là thứ me Tây, thứ bán trơn cho bọn Phiên tặc, Phiên tướng, Phiên lang nên mới có cái tên Ma Ly, Mê Ly, Ba Lý đó đó... Mấy cây thế cây thần thắng Bù-rây, bù chết, bù mắc, bù hung, úp cái hụi của bà Sáu Ngọc Lầu ở cầu Bà Điều, ai mà không biết!

Ba Lý cong cớn:

— Tao không bảnh hơn ai, nhưng bảnh hơn con Chín mặt rỗ hoa mè, tóc rẽ tre, miệng củ ấu, ưa bận đồ sa-teng láng mượt như con cá trê. Hồi trào Tây, chồng con đi thú thây lầy lượm đó đi lính Partisan đóng ở bót Ô-nam bị Việt Minh bắn nát óc. Con đi đó tay dắt đưa con gái tám tuổi, tay bồng thằng con trai hai tháng trời đầu về thành. Con đi đó bán mình cho thằng Maroc cóc-keng tên là...

Ba Lý vụt quên tên chàng lính Bắc Phi nên khựng lại, cố tìm trong đáy thâm của trí nhớ cái tên người tình cũ của Chín Sa-teng. Chín ta ngứa miệng, ré lên:

— Tên là Du-xép (Youselft) nghe chưa con đi Long vương, con đi Hà bá, con đi Thủy quan! Tao bán mình nuôi con, tao không xấu hổ với vong hồn chồng tao. Tao là con đi cao thượng, biết chưa?

Đau khổ cho Chín Sa-teng chưa! Cái thời kỳ đó là khoảng thời gian đen tối nhất đời chị. Một thân góa bụa, chị dắt con gái, bồng con trai về thành phố, trong túi chỉ có vốn vụn năm đồng bạc. Chị phải năn nỉ bà chủ chứa để mẹ con chị được ở đậu trong căn nhà kho, gần cầu tiêu. May mà chị gặp thằng Youselft Kouari, người lính viễn chinh Maroc có lòng thương xót, cho chị chút ít tiền, trước để chị

chữa dứt bệnh sốt rét kinh niên, sau để chị mua sữa hộp cho đứa con hầy còn trứng nước. Youselft là trai mới lớn, mê lẫn mê lóc thứ đờn bà đã có kinh nghiệm trong chuyện gối chăn. Khi đổi đi nơi khác, hẳn giới thiệu Chín Sa-teng cho bạn bè Maroc mới đổi về. Tên nào dính vô Chín ta cũng đều mê man đắm đuối.

Khi góp nhóp được ít tiền làm vốn, Chín ta thôi nghề bán dâm cho khách ngoại kiều. Thời đen tối rồi cũng qua. Chị bày gánh cháo đậu bán ở trước sở Trường Tiền. Chị nấu cháo bằng gạo huyết rồng với đậu đỏ, khi chan nước cốt dừa thì ngon ơ là ngon, béo ơ là béo! Gạo huyết rồng là thứ gạo lúc giã chưa sạch cám, nếu nấu dở thì nhai xảm cả lưỡi, cả miệng. Đàng này Chín Sa-teng nấu cách nào không biết mà hột gạo thiệt mềm, thiệt nhừ, bỏ vô miệng là nó muốn tan ngay. Những món ăn với cháo Chín ta kho nấu cũng khéo ác ôn: dưa mắm trộn tỏi ớt dòn tan, cá bống trứng kho tiêu thấm tháp mặn mòi. Mỗi khi không có cá bống trứng để kho, chị kho cá cơm khô thay thế. Và trước khi nhắc tô cá cơm kho khô bếp, Chín ta bỏ vào vài muống mỡ xắt hột lựu trước khi rắc tiêu cay. Nhưng khéo nhứt là món bắp chuối luộc, xé tơ trộn giấm ớt để ăn kèm với món mặn kia. Chị gia giảm giấm ớt vừa phải, trộn thêm đậu phộng, mè rang giã nhỏ, rắc thêm rau răm xắt nhuyễn nên mới ngó qua, ai cũng tưởng món gỏi bắp chuối của chị là gỏi gà xé phay.

Gánh cháo đậu của Chín Sa-teng được các thực khách chiều cổ nồng nhiệt. Một tô cháo đậu rẻ hơn một tô bánh canh giò heo, đĩa cơm tấm bì, tô bún bò... Nó cũng không quá mắc hơn gói xôi, gói bắp nấu, gói bánh sùng bao nhiêu, rất vừa với túi tiền của các chị mua gánh bán bung, của các thợ thuyền trong hăng xưởng. Nhờ gánh cháo đậu mà Chín ta giã từ vĩnh viễn nghề bán phần buôn hương, cho đứa con gái lớn vào học trường Cao Tiểu Vĩnh Long, cho đứa con trai theo người cậu họ vốn là linh mục học ở

trường Thầy Dòng.

Cũng thời trào Tây, kể thì sung sướng hả hê khi nhắc tới, người thì trào nước mắt khi nghe ba tiếng quái ác kia.

Hai mụ háo chiến đào mồ cuốc mả tổ tiên nhau qua hai cái miệng tục tĩu, dữ dằn. Ba Lý hét:

— Đồ con đi lang miệng! Lanh ăn bánh canh không chưa cặn, ăn cá mặn không chưa xương, ăn lươn không chưa đầu, ăn măn cầu không chưa vỏ, ăn c. lố không chưa lông!

Chín Sa-teng không chịu thua:

— Sao mầy dám đem cái thứ c. lố dơ dáy vô đây? Cái thứ đó để chú mầy nhai, anh hai mầy gặm, cặm đầu cha mầy!

Sau đó cảm thấy chửi tục chưa đã nư giận, hai mụ lại chôn sống danh dự nhau bằng cách quật mồ dĩ vãng, bươi móc rác rến trong các góc kẹt tối tăm của quá khứ.

Bên Niệm Phật Đường, tiếng tụng kinh Phổ Môn không sao át nổi câu chửi, lời thóa mạ.

Bà Hai Ách bên kia quán mơ màng như đứng trước một khung cảnh hồi bảy, tám năm về trước. Thuở đó, ngày nào tụi lính Lê Dương cũng ra vào tấp nập, nhứt là vào mỗi chiều thứ bảy. Bọn điểm lưu động có đóng thuế thì tới đây một thời gian ngắn, lớp này thay lớp khác. Đó là thứ gái buôn hương bán phần hạng xoàng, hạng bết, điểm tô son phấn loè loẹt, xức dầu thơm rẻ tiền nồng nặc. Tụi này giỡn hớt, đú đởn với khách tìm hoa bất kể trời đất, quân thần. Lũ trẻ nít đứng ngoài vòng rào chỉ trỏ, cười nói theo họ rần rần như ong vỡ ổ, đôi lúc khiến mụ chủ chứa bực mình, phải lấy chổi chà rượt đuổi tụi nó đi chỗ khác.

Bà Hai Ách tỉnh giấc mơ về dĩ vãng để trở về thực tại có hai mụ cụ kỷ nữ đang chửi qua rửa lại làm náo động xóm làng. Xời ời, giờ đây Tây tà đã về nước rồi, cuộc đất ô trọc này đã đổi thành nơi tôn nghiêm thì con Chín Sa-teng dữ tợn kia, con Ba Lý hỗn hào nọ phải quên quá khứ ô uế của nhau, để nơi

này giữ trọn ý nghĩa thanh cao, siêu thoát mới là phải chớ.

Bà Hai Ách hét lớn:

— Thôi thôi cho tao can! Không có ai là đi hết! Con nào nếu không phải là tiểu thơ, mạng phụ thì cũng là công chúa, quận nương hoặc vương phi, hoàng hậu ráo trọi. Mảnh gương trinh con này hãy còn trong ngọc trắng ngà thì tiết hạnh con kia như băng thanh ngọc khiết. Cả hai cùng toàn vẹn, chói rạng như nhau. Tao nói vậy, bây vừa lòng chưa?

Cô Năm Phụng Kiều ngẩng đầu lên vai mẹ cười hăng hắc. Bà Hai Ách nói:

— Hôm nay có bà Phủ và cô Năm không kể nắng nôi gió máy, chịu khó dời gót ngọc tới đây để thưởng thức món chay của tao, thôi thì tội bấy vị tình tao mà hưu chiến phút cho rồi! Qua đây! Qua đây! Con Ba lẫn con Chín, qua đây hầu chuyện bà lớn và cô Năm, nghe bà lớn luận về kim vân ngọc kệ.

Thằng Bánh Canh từ trong nhà bước ra, mặt sật sù ngái ngủ. Thằng này lai nhưng chất Tây chiếm hết 80% nên coi nó bánh trai và khô vi lắm. Bánh Canh chắc lưỡi bảo bà Hai Ách:

— Rầu quá bà Hai à! Đã là chòm xóm với nhau mà dì Chín và má con cứ ganh nhau từng cái ngáp, ghét nhau từng tiếng ho.

Minh Nguyệt, đứa con gái của Chín Sa-teng từ trong hẻm sâu bước ra, cặp mắt đỏ chạch vì khóc nãy giờ, từ đầu cuộc gấu ó giữa hai mẹ đờn bà. Cô nữ sinh này trắng trẻo, tóc xoã vai như gái Huế, trông thiệt là đoan trang thùy mị. Minh Nguyệt năn nỉ Ba Lý:

— Xin dì Ba bớt giận! Bởi má con mắt con khô cá sấu nên đêm qua ngủ không ngon, sáng sớm dễ nổi quạu.

Bánh Canh liếc qua Minh Nguyệt, cặp môi đỏ của nó cười chúm chím, cặp mắt trong xanh híp lại. Đang rầu rĩ, Minh Nguyệt cũng không bỏ lỡ cơ hội, liếc truyền ý, tuy miệng không cười hở răng nhưng cái nhếch mép làm cho sóng

mắt nó ướt rượt, tình tứ. Cô Năm Phụng Kiều thấy hết, nghĩ thầm: "Hai bà mẹ hung hăng, lại sanh mấy đứa con ăn nói mềm mỏng. Đã vậy mặt mày tội nó rạng rỡ như kiếng soi, như trắng rằm. Hai đứa này xứng cặp với nhau quá chớ!"

Bánh Canh qua qua Chín Sa-

trở lại

Tặng L.

*Con chim biển lạc bầy
chiều nay bay về phố núi.*

Anh nhớ em,

mùa thu Ái Nghĩa nắng vàng sân.

Anh biết về đâu!

Ơi quê hương mịt mù cát bụi

Tổ Như bỏ Kiều ra đi trả nợ tang bồng.

Hoa cau nở trắng trời mây trắng

Năm nao

em đợi xuân về hong tóc hàng cau

Anh ngất ngây trong hương mùa xa vắng

Rồi tháng năm...

theo anh lận đận suốt cuộc hành trình.

Con chim biển chiều nay buồn vơi vơi

Bãi bờ nào sóng nước xôn xao?

Anh gửi thơ theo làn gió biển

gợi nhớ Quang Trung xưa, ngọn cờ đào.

Chuyện tình xưa xin trả về dĩ vãng

Khởi bếp tàn nguội lạnh tháng tư

Anh gửi thơ theo làn gió biển

Xin lỗi em thay tiếng tạ từ.

Anh sẽ giữ gìn em mùa thu Ái Nghĩa

Hàng cau vườn dàu dịu hương xuân

Kỷ niệm quê hương, nỗi lòng người thua cuộc

Mười mấy năm nhức nhối trong lòng.

Có buồn nào bằng buồn xa xứ

Có buồn nào bằng buồn mất nước đâu em

Rồi sẽ có ngày anh trở lại

Tìm nụ hôn đầu xa vắng năm xưa

Rồi sẽ có ngày anh trở lại

Thắp trăng lên mừng hội đêm rằm.

lê đức dũng

(Shatin, Hongkong)

teng:

— Xin dì Chín vuốt giận làm lành. Chỗ chòm xóm với nhau, mình phải nghĩ tới lúc trái gió trở trời, hoặc tới khi tắt đèn tối lửa mới là phải cho chớ.

Minh Nguyệt vỗ về mẹ:

— Má có chứng tức ngực lồi hông, dẹp chuyện phiền não có hơn không? Má chớ quên hồi năm ngoái con đau ban cua, dì Ba nấu súp lê-ghim đem qua cho con ăn hoài đó.

Bà Hai Ách biểu đồng tình, mắng vãi hai đối thủ:

— Tội bây có nghe hai đứa nhỏ nói không, bớ hai con đi chớ? Thôi thì dầu bây có giận nhau chín xe mười giàn thì bây cũng nên bỏ qua, nên quên phứt là hơn. Hôm nay là

tưởng niệm

*bụi hồng gieo rắc
khuất lấp đường xưa
đôi bờ hiu hắt
quạnh chút hương thừa*

*bơ vơ bóng đổ
cuộc tình hoài mong
giấc mơ hạnh ngộ
nhắc cùng hư không*

*hẹn nhau cuối bể
người về non cao
những lời ước thệ
lạc dòng xanh xao*

*nụ hôn kỷ niệm
theo người gian nan
một lần đưa tiễn
trọn đời cư tang*

*nguyệt tàn đêm vắng
trần gian mệnh mỏng
mưa, nghìn giọt đắng
âm vang não lòng.*

vạn giả

ngày rằm, miệng mình nên ăn chay, niệm Phật, tụng kinh chớ đâu phải để chửi nhau! Cái trào Tây là cái trào xa lắc tí tè rồi! Hơi đâu mà bấy bươi xấu lẫn nhau cái dở, cái thú thuở đó! Qua đây! Qua đây, hai con đi ngựa. Tao đãi cho mỗi đứa một tô bún chả giò chay vun vè vào để bấy ăn cho thấm giọng rồi cùng nghe bà lớn và cô Năm đây luận chuyện nhơn nghĩa, thủy chung có phải hơn không?

Bà Phủ Long hớn hở:

— Thím Hai tính vậy cũng phải. Ngày rằm ngày vía mà mấy người cứ sân hận hoài thì sau này chết đi, mấy người sẽ thác sanh vô đường quỷ A-tu-la cho coi! Cũng bởi mấy người gọi Niệm Phật Đường là Bê Em Xê nên cuộc đất này mới sanh ra đủ chuyện rắc rối treó hèo như



vậy.

Cô Năm Phụng Kiều nói với mẹ:

— Cái tỉnh Vĩnh Long mình nhỏ như cái chén chung. Tưởng ai đâu xa lạ, em Nguyệt và cậu Nghĩa (chỉ thằng Bánh Canh) này học chung lớp Anh văn với con do ông bà giáo sĩ đạo Tin Lành dạy đó má.

Bà Phủ Long niềm nở:

— Biểu hai đứa nhỏ qua đây ăn luôn, má bao hết cho.

Hai bà mẹ cùng Minh Nguyệt và Bánh Canh xén lên bước vô quán. Bánh Canh cứ tổng tỉnh Minh Nguyệt hoài. Phụng Kiều nghĩ thầm: “Nếu hai đứa này thành vợ thành chồng với nhau thì chắc hai bà mẹ bớt rầy lộn và hoà nhã với nhau hơn”.

*
* *

Nhờ bà Phủ Long can thiệp mà Niệm Phật Đường gần Cây Đa Cửa Hữu tỉnh Vĩnh Long có cái tên mới: Niệm Phật Đường Giác Ngộ. Phải lắm, có giác ngộ thì tâm phiền não, tâm phàm phu sẽ thành tâm Phật, tâm Bồ đề, còn cỗi uế độ, cỗi địa ngục thành cỗi cực lạc, cỗi niết bàn. Hồi trào Tây, nơi đây là kỹ viện, dâm phòng. Con người có giác ngộ mới biến chốn yên hoa thành nơi đạo tràng, tịnh xá, cảnh già lam. Mà đã là cảnh già lam thì phải tước bỏ ba tiếng BMC đi mới là phải chớ.

Nhờ chí thú học tiếng Anh mà Bánh Canh và Ốc Len, sáu năm sau được đi làm sở Mỹ. Sau đó, khi vào quân đội, Bánh Canh trở thành thông dịch viên với cấp bậc trung sĩ đồng hoá, được biệt phái về ban cố vấn Mỹ ở tiểu khu Vĩnh Long. Bánh Canh không thích cái tên Bánh Canh do lối xóm gọi hay tên Pascal Brugeille ở cửa miệng mẹ mình. Chàng thích được là trung sĩ Trần Háo Nghĩa có quốc tịch Việt Nam, kết hôn với cô giáo trường tiểu học cộng đồng Long Hồ tên là Đỗ thị Minh Nguyệt.

Ốc Len trong khai sanh là Trần thị Ái Lan, cũng là kêu trại tiếng Hélène nhưng nghe văn chương huê mỹ hơn cái tên Ốc Len dị dị

nùng nùng nhiều. Ái Lan kết hôn với viên kỹ sư Mỹ đứng tuổi nhưng bảnh trai tên Cary Smith. Do đó trong giấy tờ, nàng có cái tên Helen Tran Smith thay vì Hélène Brugeille như mẹ con nàng từng ao ước.

Ba mẹ con Ba Lý cố quên cái ông cựu cò-mi Brugeille hồi trào Tây. Bà vợ ông dù có chết vì bệnh lao phổi nhưng ông không thêm ngó ngang tới Ba Lý và hai giọt máu rơi của mình. Ông Bù-rầy tục huyền với một quả phụ đồng chủng, xô gẩy nhịp cầu vốn đã mỏng manh nối liền giữa ông và Ba Lý từ bao năm qua.

Ba Lý và Chín Sa-teng càng lớn tuổi càng thân thiết nhau để lo săn sóc lũ cháu. Thỉnh thoảng cả hai thì thăm với nhau cả buổi và bắt đầu bằng: “Hồi trào Tây đó đó...” nhưng trào Tây đã không còn nhóm chút lưu luyến, kích thích nào với họ nữa. Giờ đây ở Niệm Phật Đường, lời giảng kinh của pháp sư, lời cầu kinh của bốn đạo, tiếng chuông mõ lóc cóc leng keng dần dà đem lại sự thanh tịnh trong bầu tâm cảnh của hai mục đối thủ thuở trước.

Ba Lý thường khoe với bà Hai Ách:

— Con Ốc Len của tui nếu trong khai sanh nó không được làm con của ông Paul Brugeille thì trong giấy hôn thú, nó được làm vợ của ông Cary Smith.

Bà Hai Ách ngạc nhiên:

— Cà-ri Xơ-mít hả? Đời thuở nào mà xơ mít đem nấu cà ri bao giờ! Cái tên gì kỳ cục quá!

Ba Lý cười hề hề:

— Nghe nói Cary cũng là kêu tắt. Hai đứa con trai của con Ốc Len, đứa lớn tên Tom, đứa nhỏ tên Tab.

Bà Hai Ách chận ngang:

— Chắc Tôm hay Tép cũng là kêu tắt chớ gì? Cái con Ốc Len đặt tên con cũng ngộ quá! Mẹ tên Ốc Len, con tên Tôm tên Tép, toàn là thứ ở ao hồ sông rạch dùng làm món nhậu không hà!

Cả hai cùng cười giòn khăm khừu... ○



Ván Cờ Ma-Quỷ

Hồ Ông

Trên đường từ thác Prenn đến thị xã Đà Lạt có ngôi biệt thự cổ xây trên một ngọn đồi thấp, đã bỏ hoang từ nhiều năm.

Người ta đồn rằng trong ngôi biệt thự đó có hồn ma thường hiện về phá phách nên chủ nhân buộc phải khóa kín cửa, bỏ vào thị xã Đà Lạt cách đó khoảng 3 cây số, mua ngôi nhà khác ở.

Sau năm 1975, ngôi biệt thự vẫn nằm chênh vênh giữa cảnh thiên nhiên kỳ tuyệt với đồi thông reo vi vút quanh năm, bên thung lũng

giăng kín sương mù vào mỗi buổi bình minh, khiến người ta có cảm giác như ngôi biệt thự cổ kính đó được xây lơ lửng giữa tầng mây.

Một chỗ ở lý tưởng như vậy, lại bỏ hoang nhiều năm, thì cái lý do "có ma" quả thật dễ làm người ta tin đó là sự thật.

Nhưng dù có ma hay không, ngôi biệt thự bỏ hoang vẫn nguyên vẹn hiện diện bên con đường ngoằn ngoèo, kích thích óc tò mò của du khách trên đường từ Sài Gòn ra Đà Lạt nghỉ mát vào mỗi dịp hè.

Từ xứ Đà Lạt sương mù, nó trở thành câu chuyện làm quà hấp dẫn cho du khách đem về kể lại với thân nhân, bè bạn sau một chuyến đi xa.

Một trong những huyền thoại về ngôi biệt thự đó, tôi được nghe qua lời kể của người bạn thân là anh Trần Duy Vũ, một người thích tìm hiểu về thế giới tâm linh.

Trong một chuyến đi nghỉ mát tại Đà Lạt, khi xe chạy ngang ngôi biệt thự lẻ loi, kỳ bí đó, bác tài xế xe đồ như một hướng dẫn viên ngành du lịch, đã giới thiệu với hành khách về những hiện tượng ma quái đã xảy ra trong ngôi biệt thự bỏ hoang. Câu chuyện khá hấp dẫn, nên khi xe vừa tới bến, Vũ đã bám sát bác tài xế, mời vào quán cà phê Thủy Tạ bên hồ Xuân Hương và khẩn khoản nhờ bác tài kể lại chi tiết từ đầu câu chuyện.

— Ông thích nghe chuyện về ngôi biệt thự đó lắm hả?

Bác tài xế nhìn Vũ, đoạn nói tiếp:

— Ông có tin rằng cách đây hơn 20 năm, chính tôi đã cùng một người bạn thân sống trong ngôi biệt thự đó không?

Vũ hỏi:

— Bác hoặc người bạn là chủ nhân của ngôi biệt thự đó?

Bác tài xế lắc đầu:

— Không! Cả hai chúng tôi không ai là chủ nhân cả. Đúng hơn, người chủ của ngôi biệt thự là bạn cố tri của cụ thân sinh ra Ngạc, tên người bạn tôi. Khi thấy ngôi biệt thự tuyệt đẹp đó bị bỏ hoang khá lâu, Ngạc đã đến nài nỉ ông Thanh, người chủ ngôi biệt thự đó, cho anh ta và tôi đến ở, dù Ngạc biết lý do ông Thanh phải rời bỏ nơi đó vì những hiện tượng ma quái đã liên tục xảy ra từ ngày gia đình ông Thanh, gồm hai vợ chồng và cô con gái tên Bạch Huệ, dọn về ở sau khi sang lại của một người bạn người Hoa. Can ngăn mãi không được, ông Thanh đã trao chìa khoá cho Ngạc và chỉ hai ngày sau, chúng tôi mỗi người một va-ly quần áo, đến sống tại ngôi biệt thự...

Kể đến đây, bác tài im lặng, đôi mắt bác mỗi lúc một trở nên xa

xăm. Khói thuốc bay lơ lửng. Tiếng kèn saxo từ đĩa hát kéo dài những âm vang xa tít tắp. Rồi dường như từ một cõi mệnh mang vĩnh cửu, bao nhiêu hình ảnh của quá khứ, tựa mình trôi dạt trong tiềm thức bác.

— ...Dọn về ngôi biệt thự cả tuần lễ, tôi và Ngạc không thấy có hiện tượng gì khác lạ. Chúng tôi bắt đầu nghi ngờ về những chuyện ma quỷ vẫn thường hiện hình trong ngôi biệt thự này, như lời kể của ông Thanh. Có lẽ ông Thanh bị một ám ảnh nào từ quá khứ và nỗi ám ảnh đó được kích thích thêm do cảnh trí tĩnh mịch của môi trường chung quanh khiến phát sinh ra ảo giác cũng không chừng.

Ngoài những giờ học ở trường Chính trị Kinh doanh, tôi và Ngạc say mê chăm chút vườn hoa đầy màu sắc, cạo rửa sạch lớp rêu xanh phủ trên những phiến đá lót thoải từ sân trước của ngôi biệt thự xuống con đường đất đỏ tẻ ra mặt lộ.

Thế là chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã lột bỏ lớp vải liệm thời gian phủ kín ngôi biệt thự và thay vào đó bằng lớp áo màu muôn sắc của các loài hoa.

Ngôi biệt thự trở thành địa điểm họp mặt picnic lý tưởng của bạn bè chúng tôi vào những ngày Chúa nhật. Sinh khí của tuổi trẻ đã phá vỡ bức màn hoang tịch nơi đây. Chút dè dặt ban đầu khi hai chúng tôi đặt chân đến ngôi biệt thự bỏ hoang đã hoàn toàn tan biến. Trái lại, cả Ngạc lẫn tôi đều nôn nao muốn được “diện kiến” con ma nào đó, nếu quả thật có, một lần cho biết.

Những đêm khó ngủ vì uống quá nhiều cà phê, tôi và Ngạc hết học bài, đọc sách lại bày bàn cờ tướng ra đánh với nhau. Ngạc rất say mê trò giải trí này. Hắn bỏ công ra các nhà sách mua những cuốn sách cờ thế của nhiều kỳ thủ nổi danh về nghiên cứu, nhưng mỗi lần đấu với tôi, Ngạc vẫn bị thua một cách khít khao làm hắn trở nên cay cú. Hắn cứ bắt tôi đấu tiếp hết bàn này tới

bàn khác, dù đêm đã quá khuya.

Ngạc nói:

— Ông chỉ giỏi cạ ngựa. Tìm cách triệt được cạ ngựa của ông là tôi thủ thắng như chơi.

Tôi cười:

— Đồng ý! Nhưng đâu dễ gì! Bằng mọi giá tôi phải bảo vệ cạ ngựa vàng của tôi chứ!

Tôi đi một nước ngựa, chuẩn bị chiếu “tiền mã, hậu pháo”. Nước đi của tôi làm Ngạc bối rối. Hắn khum khum bàn tay trên con xe nghi ngại, đôi mắt hắn chăm chú đến thất thần.

Tiếng còi nổ lách tách trong lò sưởi. Tôi quấn chặt chiếc khăn phủ-la quanh cổ, nhưng vẫn run mình vì cái lạnh như từ xương tủy lạnh ra. Bên ngoài hình như trời nổi cơn dông. Qua khung cửa đóng kín, tôi vẫn nghe rõ tiếng reo của ngàn thông mỗi lúc một lớn dần thành tiếng hú rờn rợn trong đêm hoang tịch.

Ngạc vẫn để bàn tay lơ lửng trên quân cờ. Hắn bất động như một pho tượng. Tôi giục:

— Đi đi chứ bạn! Nghĩ mãi, buồn ngủ thấy mồ!

Ngạc vẫn im lặng dán mắt vào những quân cờ. Bên ngoài gió vẫn thổi mạnh. Tiếng những trái thông khô rơi rụng trên mái ngói, tiếp theo là những làn mưa quất mạnh vào khung cửa kính.

— Mưa lớn quá!

Tôi buột miệng nói và tiến lại phía cửa sổ nhìn xuống phía thung lũng tối đen bên sườn đồi. Thình thoảng một ánh chớp loé lên soi rõ làn mưa trắng xóa phủ trên những ngọn thông đen sẫm, nghiêng ngả lắc lư trong tiếng gió hú vang từ những ngọn đồi cao tràn xuống thung lũng.

— Quốc!

Nghe tiếng Ngạc gọi, tôi quay phắt lại nhưng chưa kịp lên tiếng, Ngạc đã xua tay ra dấu cho tôi im lặng, nghe ngóng.

Ngạc rời bàn cờ nhẹ nhàng đến sát bên tôi, thăm thì:

— Ông có nghe gì không? Hình như có tiếng gõ cửa.

— Vô lý! Giờ này ít nhất cũng 1 giờ đêm rồi, còn ai đi ngang khoảng đường này nữa!

Trả lời cho nhận xét của tôi là tiếng gõ cửa mỗi lúc một rõ hơn, thôi thúc hơn. Hai chúng tôi nhìn nhau ngẫm hỏi ý kiến. Sau cùng Ngạc nói:

— Dù sao mình vẫn phải ra mở cửa. Mưa gió thế này, biết đâu có kẻ lờ đường...

— Nhưng kẻ nào lại tự tiện trèo qua cổng ngoài để vào tận trong này gõ cửa?

Ngạc nói:

— Dây chuông cổng nhà mình đã hư rồi, bắt buộc họ phải làm thế nếu không muốn chết công dưới cơn mưa bão ở khoảng đèo chỉ có mỗi một ngôi biệt thự này.

Rồi một cách dứt khoát, Ngạc bước nhanh ra phía ngoài. Tôi vớ vội chiếc đèn pin bấm sát theo Ngạc để phòng bất trắc.

Ngạc vừa mở chốt gài, xoay nhẹ nắm đấm cửa, một luồng gió lạnh buốt mang theo bụi mưa thốc mạnh vào làm cả hai chúng tôi phải bước thụt lùi mất bước, suýt ngã.

Liền đó một bóng người quần áo trắng toát, ướt sũng loạng choạng bước vào. Tôi và Ngạc nhanh nhẹn kê vai rón sức khếp chặt cánh cửa trước sức gió mỗi lúc một hung bạo.

Rồi không ai bảo ai, chúng tôi cùng lướt xoay lại nhìn người khách bất đắc dĩ. Nếu không kịp tự chủ, cả hai chúng tôi đã bật la lên vì kinh ngạc.

Trước mắt chúng tôi là một thiếu nữ tuyệt đẹp, bộ quần áo mỏng ướt sũng nước dán sát thân hình càng làm nổi rõ những đường cong tuyệt mỹ. Nàng đưa tay bóp nhẹ những lọn tóc đen nhánh, bết nước phủ trước ngực và im lặng nhìn chúng tôi. Thú thật trong đời tôi đã từng tiếp xúc với nhiều người con gái nổi tiếng hoa khôi, nhưng chưa hề thấy người nào có đôi mắt đẹp như cô gái này. Đôi mắt, tôi phải diễn tả như thế nào đây? Nó vừa thăm thẳm diệu vợi, vừa quyến rũ mê hoặc, làm tê liệt người đối diện. Tôi

không hiểu đây có phải là đôi mắt mà các nhà văn thường ca tụng là “đôi mắt liễu trai” hay không!

Tôi và có lẽ cả Ngạc đều bị thôi miên bay mất cả hồn vía trước ánh mắt... liễu trai của người con gái. Chúng tôi quên hẳn là cô gái đang lạnh run trong tình trạng gần như lơ lửng.

Ngạc không dấu được vẻ bối rối, lên tiếng trước:

— Xin lỗi! Mời cô vào trong này.

Cô gái nhẹ gật đầu, lặng lẽ đi theo. Ngạc quay lại ra hiệu cho tôi lấy khăn tắm, bộ quần áo ngủ và chiếc áo choàng của Ngạc vì vóc dáng hần nhỏ nhắn hơn tôi nhiều.

Ngạc đưa cho cô gái:

— Xin lỗi, nhà không có phụ nữ, cô thay tạm bộ quần áo này kéo cảm lạnh.

Trong lúc cô gái vào phòng tắm thay quần áo, Ngạc và tôi trở lại phòng khách. Chúng tôi loay hoay pha trà và thêm củi vào lò sưởi.

Tôi nói với Ngạc:

— Đúng là một tuyệt thế giai nhân từ... trời rơi xuống, biến chúng ta thành hai chàng Lưu Nguyễn. Nhưng cô gái này có vẻ kỳ

bí quá! Từ lúc bước vào đây, cô ta chưa nói một lời. À, mà sao bên ngoài lạnh như cắt da xẻ thịt, mà cô nàng chỉ mặc trên người có mỗi một bộ quần áo mỏng manh. Hay là...

Tôi bỏ dở câu nói, nhưng Ngạc vẫn hiểu ý. Hần nhìn tôi, tia mắt sáng long lanh:

— Nếu cô nàng có là ma, tôi vẫn sẵn sàng yêu nàng.

— Cậu không sợ à?

— Có gì mà sợ? Đọc *Liều trai chí dị* của Bồ Tùng Linh, tôi vẫn mơ ước có ngày được gặp những người đẹp yêu ma như các nhân vật trong truyện. Đối với tôi, sắc đẹp trên hết, dù sắc đẹp đó thuộc về người hay về ma.

Tôi đùa:

— Các nhân vật trong truyện của Bồ Tùng Linh, vừa gặp nhau là... “bên giao hoan”, bạn có giống như vậy không?

Ngạc trách:

— Ông không nên đùa như vậy. Tôi nhận xét cô gái này có vẻ có học và ít nhất cũng xuất thân từ một gia đình danh giá. Cứ nhìn cử chỉ, dáng đi của cô ta, tất cả đều toát ra một

phong cách sang cả, quý phái, mặc dù cô ta đang trong tình trạng ướt như chuột lột.

— Ngạc ơi, ông bạn bị tiếng sét ái tình rồi đấy!

Nói xong tôi cười phá lên.

Bên ngoài cơn đông vẫn lồng lộn gào rú với ngọn gió mãnh liệt lướt qua từng chập, ném những cành cây khô rào rào trên mái ngói và khung cửa sổ. Qua ánh chớp, rừng thông bên sườn đồi biến thành những bóng đen ma quái, nghiêng ngả chập chờn trong bản luân vũ ma quỷ kéo dài như bất tận.

Khoảng 15 phút sau, cô gái từ nhà tắm bước ra trong bộ quần áo ngủ màu hột gà và chiếc áo ấm của Ngạc choàng hờ trên vai.

Rất tự nhiên, cô gái ngồi xuống ghế salon và đưa bàn tay búp măng trắng muốt đỡ tách trà nóng Ngạc rót mời.

— Cảm ơn, tôi phiền hai anh nhiều quá!

Giọng nói êm êm chẳng khác gì tiếng hót thánh thót của loài chim quý, có sức thu hút không kém gì đôi mắt đầy quyến rũ của nàng.

Tôi và Ngạc lúc này ở trong trạng thái say say, chập chờn giữa ảo giác và thực tại. Cá nhân tôi mặc dù bình thường rất ngổ ngáo trước đám bạn gái, nhưng không hiểu sao, cũng như Ngạc, tôi bất ngờ cảm thấy bối rối trước cô gái, chẳng khác nào con chuột nhắt bị thôi miên co rúm lại trước ánh mắt của con linh miêu.

Còn người con gái lạ, khác hẳn thái độ e dè, kín đáo ban đầu, nàng hoàn toàn chủ động và hoạt bát trước chúng tôi.

— Rất tiếc cho đến bây giờ tôi vẫn chưa được hân hạnh biết quý danh của hai vị ân nhân.

Tôi ngượng ngùng nói:

— Chúng tôi không dám nhận hai tiếng “ân nhân” đâu. Giúp đỡ người lỡ đường chỉ là điều nhỏ nhặt. Cô cứ gọi tôi là Quốc, còn anh bạn đây là Ngạc. Chúng tôi cùng đang theo học tại trường đại học Chính trị Kinh doanh.

— Còn tôi là Mỹ Linh, sinh viên

bến xưa

gửi Tr.

lên chơi hái lá lấp nguồn
non tan nước tụ vô buồn trong tôi
ở về ở cũng về thôi
nuơng hàng khói mỏng pha phôi bóng tiều

lụa hồng nàng buộc vòng eo
xứ đây quán chợ đồ chiều bến thừa
đêm hàn có ngại chần tơ
gối ôm có ấm buổi chưa có chàng
nước xô con sóng bạc lòng
em về bến chợ bến chờng bến nao
anh nhìn nước vỗ trắng chao
nghe lau tình tự lao xao một mình.

cao xuân tứ



năm thứ hai đại học Văn khoa Sài Gòn, phân khoa Triết.

Nói xong Mỹ Linh nhìn nhanh một lượt phòng khách, giọng nàng trở nên mơ màng:

— Cách đây lâu lắm, tôi đã từng sống những tháng hè trong ngôi biệt thự này...

Tôi và Ngạc sững sốt chồm người về phía trước nhìn nhau thật nhanh, rồi tiếp tục dán chặt ánh mắt vào Mỹ Linh. Nàng nói tiếp:

— Lúc đó tôi còn nhỏ, chừng 9, 10 tuổi gì đó. Tôi được cha mẹ gửi lên đây nghỉ mát với gia đình ông Hàng Vây Chi là bạn thân của ba tôi. Ông Hàng Vây Chi là một nhà kinh doanh lớn trong giới Hoa kiều ở Chợ Lớn. Ông có người con gái tên là Hàng Tố Hoa rất xinh đẹp. Tôi và chị Tố Hoa thân nhau chẳng khác gì chị em ruột thịt. Chị vừa học giỏi vừa nhan sắc, nổi tiếng một vùng. Vậy mà, hồng nhan bạc mệnh... bất ngờ trong một chuyến nghỉ mát, chị Tố Hoa đã thất cổ chết mà không ai biết lý do. Sau đó ngôi biệt thự này được bán rẻ cho một người khác.

Đến đây, Mỹ Linh nhìn suốt tôi và Ngạc, đoạn nói:

— Phải chăng hai anh là chủ nhân hiện thời của ngôi biệt thự?

Bị bất ngờ trước câu chuyện của Mỹ Linh, cả tôi và Ngạc như chết sống trên ghế. Mãi sau Ngạc mới lên tiếng:

— Không. Ngôi biệt thự này là của ông Thanh mua lại. Ông Thanh là bạn thân của ba tôi. Thấy ông ấy bỏ hoang...

Kịp nhận ra mình lỡ lời, Ngạc im bật, mắt chớp chớp, né tránh tia nhìn của Mỹ Linh. Tôi nhanh trí xoay qua chuyện khác:

— Xin lỗi, tôi có hơi tò mò... Vì lý do gì cô bị lỡ đường trong đêm khuya khoắt, gió bão như thế này?

Thay vì trả lời câu hỏi của tôi, Mỹ Linh đứng dậy tiến về phía lò sưởi nhặt một thanh củi ném vào đống than hồng, rồi nàng chậm rãi nói:

— Tôi bị thôi thúc bởi ý muốn mãnh liệt và không thể cưỡng lại

được về một chuyến đi xa... Bây giờ thì tôi thấy đã thật sự nhẹ tênh. Đứng trong căn phòng này, tôi như thấy lại tuổi thơ. Thời gian vẫn đề trữu trên hai vai tôi, bây giờ đã trở nên vô nghĩa! Có lẽ những con chim bay ở tuốt tầng cao mới thấy cuộc đời này là nhỏ bé, tạm bợ và nó sẽ chẳng còn tiếc nuối gì những cơn rơm chắt chiu làm chiếc tổ trên cây. Ở trên cao thật cao từ một cõi vĩnh hằng nhìn xuống chốn cũ, mới thấy rõ đó chỉ là cõi tạm.

Mỹ Linh ngừng nói, chầm chậm bước về phía cửa sổ kính nhìn ra bên ngoài. Mưa gió đã ngớt. Bầu trời chợt loé lên vài tia chớp xanh xao, yếu ớt. Từ trên tầng cao, tiếng sấm ừng ực, đục ngầu từ từ chuyển động, nhỏ dần rồi mất hút ở cuối trời.

Vẫn xoay lưng về phía chúng tôi, Mỹ Linh nói tiếp:

— Vì những tham vọng của cuộc sống, con người ta đâm ra sợ hãi trước cái chết và cứ bám riết lấy nó một cách u mê. Có ai hiểu rằng những người trút bỏ được cái thân xác trần gian tạm bợ kia, họ rất vui khi bước chân vào cõi cực lạc muôn đời!

Dứt lời, Mỹ Linh xoay người lại nhìn tôi và Ngạc mỉm cười, nụ cười tiêu dao, thanh thoát hiem thấy ở một người trẻ tuổi như nàng. Rồi thật bất ngờ, Mỹ Linh đề nghị:

— Khuya lắm rồi. Có lẽ hai anh cũng nên đi nghỉ. Ngày mai tôi sẽ rời khỏi nơi đây trước khi trời sáng.

Nghĩ rằng Mỹ Linh muốn rời khỏi ngôi biệt thự trong lúc trời chưa sáng rõ, để tránh tiếng một người con gái đã ở qua đêm với hai thanh niên trong ngôi biệt thự hoang vắng trên khoảng đường đèo, Ngạc định nhường buồng ngủ với đầy đủ tiện nghi của chúng tôi cho Mỹ Linh, nhưng nàng từ chối:

— Cám ơn hai anh. Tôi muốn nghỉ tại phòng ngủ cách một gian buồng của hai anh. Đó chính là chỗ trước đây dành cho tôi và chị Hàng Tố Hoa.

Tôi bật hỏi:

— Cô không... ngại à? Một căn buồng đã bị bỏ trống từ nhiều năm nay...

Mỹ Linh cười để lộ chiếc răng khểnh vô cùng duyên dáng:

— Có gì đâu! Căn phòng đó luôn luôn đầm ấm đối với kẻ trở về. Biết đâu tôi sẽ gặp lại chị Tố Hoa thân yêu...

Tôi nhìn Mỹ Linh trân trối:

— Một cô gái dịu hiền như cô, mà không sợ... ma sao?

Mỹ Linh hỏi lại tôi:

— Thế ông có sợ ma không?

— Ma thì có lẽ tôi không sợ, nhưng sợ... cô, cô Mỹ Linh ạ!

Câu nói của tôi làm Mỹ Linh bật cười. Tiếng cười lạnh lạnh nhọn sắc đến độ nếu có một kẻ nào bất chợt đi ngang ngôi biệt thự vào giờ này, chắc chắn sẽ rợn gai ốc và cảm đầu bỏ chạy...

Buổi sáng tôi thức dậy khá muộn. Có lẽ Ngạc đã đưa cô gái đi từ sớm, tôi đoán thế, vì ngôi biệt thự hoàn toàn im ắng. Nhớ tới những sự kiện xảy ra vào lúc nửa khuya, tôi có cảm giác như đó chỉ là cơn mộng. Nhưng rõ rệt ba chiếc tách trà vẫn còn nguyên vẹn trên bàn khách. Tôi mở cửa đi xuống nhà để xe xem xét và không thấy chiếc Honda 90 của Ngạc.

Buổi trưa hôm đó cũng không thấy Ngạc trở về như thường lệ. Buồn buồn, tôi lấy chiếc bay thợ hồ ra sỏi gốc những cụm hoa hồng và hoa tường vi trồng bên hông ngôi biệt thự.

Bầu trời vẫn còn ảm đục. Những tia nắng mỏng yếu ớt không đủ xuyên qua đám sương mù trôi là đà trên thung lũng ven đồi. Làm vườn chán, tôi rửa chân tay rồi vào nhà đọc sách. Tôi thầm nghĩ hôm nay là Chúa nhật, Ngạc lại vừa quen được một cô gái xinh đẹp, để gì anh chàng chịu bỏ về nhà đem bàn cờ tướng ra đấu suốt buổi với tôi như mọi ngày nghỉ khác.

Vì đêm trước thiếu ngủ nên chỉ nằm suy nghĩ vẩn vơ một lát, tôi thiếp đi lúc nào không biết. Trong giấc ngủ mệt nhọc tôi mơ thấy Mỹ

Linh bay là là trên thung lũng sương mù. Nàng ngoái lại vẫy tay hồi thúc Ngạc đuổi theo. Ngạc cúi rạp người trên yên xe rú mạnh tay ga. Bỗng từ trên đỉnh đèo xuất hiện một chiếc xe đồ bon bon đồ dồ và tông mạnh vào chiếc Honda của Ngạc. Cả xe lẫn người bị hất tung vào vách núi...

Cơn ác mộng làm tôi sợ hãi thét lớn và giật mình tỉnh dậy, mồ hôi tuôn nhớp nháp lưng áo mặc dù trời đang lạnh.

Lúc này trời đã nhá nhem tối. Tôi để tay lên ngực, chỗ trái tim đang đập mạnh làm tôi ngộp thở, rồi xỏ dép tiến về phía bức tường đặt công-tắc đèn.

Khi ngọn đèn vụt sáng, tôi thấy Ngạc đang ngồi lặng lẽ nhìn vào bàn cờ tự hồi nào. Có lẽ Ngạc đang suy nghĩ nước đi của ván cờ đang dở hồi tối hôm qua trước khi Mỹ Linh xuất hiện.

Sau phút thẳng thốt, tôi hỏi Ngạc:

— Cậu đưa người đẹp Mỹ Linh đi chơi tận cõi ta-bà thế giới nào mà mãi bây giờ mới dẫn xác về vậy?

— Xa lắm.

Ngạc đáp nhẹ như hơi gió thoảng, trong lúc bàn tay hấn với năm ngón cong cong vẽ những nước đi tưởng tượng trên bàn cờ tướng. Tôi tiến lại ngồi đối diện với Ngạc bên bàn cờ, rồi nói với hấn:

— Tôi vừa gặp một cơn ác mộng. May mà cậu đã về đây.

Ngạc nói, mặt vẫn cúi xuống bàn cờ tướng:

— Ông để ý làm gì chuyện đó. Ở cõi tam nầy thì thực hay mộng cũng vậy thôi, có khác gì nhau đâu! Một ông vua giàu sang quyền quý trị vì vài ba chục năm, thì cũng chẳng khác gì một giấc kẻ vàng khi ông ta xuôi tay từ giã cõi đời.

Nghe Ngạc nói, tôi cười bảo hấn:

— Gớm! Mới gần cô Mỹ Linh có một đêm một ngày thôi mà bạn đã lấy cái máu triết lý của nàng rồi! Nghe bạn nói, tôi cứ tưởng như chính cô ta nói vậy!

Bỗng Ngạc đưa tay xóa nhanh bàn cờ đang dở, đoạn ngược lên

nhìn tôi nói bằng giọng khẩn khoản ít có:

— Ông có thể chiều tôi, đánh với tôi một ván cờ cuối cùng không? Tôi hứa! Chỉ một ván cuối cùng thôi!

Tôi vui vẻ đáp:

— Ồ, nếu bạn thích, tôi sẵn sàng đấu với bạn bao nhiêu ván cũng được. Bạn sắp cờ đi, tôi bắc chút nước pha trà, trời lạnh quá!

Ngạc đưa tay ngăn lại:

— Thôi khỏi cần! Tôi chỉ đấu một ván cờ cuối cùng thôi mà!

Tôi cảm thấy có một cái gì là lạ trong thái độ của Ngạc tối nay. Hấn cứ lặp đi lặp lại câu “ván cuối cùng”. Hay là anh chàng bị dày vò bởi mặc cảm thua sút bạn bè? Có thể lắm! Trong việc học hành, mặc dù Ngạc rất chăm chỉ cần mẫn, nhưng ngay từ hồi ở bậc trung học, tôi vẫn luôn luôn đứng trên hấn trong bảng xếp hạng và những kỳ thi tốt nghiệp. Về mặt tình cảm, những người con gái Ngạc yêu chân tình, say đắm nhưng hấn vẫn bị ruồng rẫy. Trong khi đó, đối với những người con gái chúng tôi cùng quen biết, tôi chỉ đùa giỡn vòng ngoài, lại được họ yêu tha thiết. Điều kỳ lạ là Ngạc tuy không đẹp trai, nhưng có vóc dáng thật nghệ sĩ và rất đa tài. Hấn làm thơ khá hay, thổi sáo, chơi đàn guitar, piano, violon thật tuyệt diệu. Chính tôi có lần đã phải thốt lên: “Bạn tài hoa nghệ sĩ quá Ngạc ạ! Nếu tôi là con gái, tôi sẽ sẵn sàng quỳ xuống dâng trái tim cho bạn”. Câu nói thành thật của tôi khiến Ngạc xúc động, nhưng hấn chỉ cười buồn: “Thời buổi này đám con gái chỉ thích những tên thanh niên vai u thịt bắp! Bởi thế tôi luôn luôn cô đơn giữa thế giới loài người. Họ chẳng tôi chỉ có thể tìm được tình yêu ở những cô gái... liều trai!”

Sắp xong những quân cờ, Ngạc bảo tôi:

— Ông đi trước đi!

— Bạn chứ! Tôi đáp.

Ngạc lắc đầu:

— Không! Bạn đã chấp tôi đi trước nhiều lần rồi, trên bàn cờ

cũng như ngoài cuộc đời, nhưng rút cuộc tôi vẫn luôn luôn thua bạn. Cái thua của kẻ được chấp nó nặng nề lắm!

Nước cờ đầu tiên của tôi lên tượng. Ngạc vào pháo đầu. Hấn nói:

— Bạn lại nhường tôi ở thế tấn công rồi!

— Đừng nghĩ thế. Hãy coi chừng hai con mã của tôi vượt qua sông với những thế chiếu liên hoàn là bạn kẹt lắm đó!

Ngạc đáp, giọng lạnh lùng, quyết liệt:

— Bằng mọi giá tôi sẽ giết cặp ngựa của ông ở ván cờ cuối cùng này!

Những nước cờ sau, Ngạc dồn cả hai con xe và pháo chặn đuổi, quyết bắt cho được con mã của tôi, chính vì thế Ngạc bị sơ hở lớn trong thế thủ. Nếu như mọi lần, tôi chỉ cần đi thêm vài nước là thủ thắng vì mặt tướng bên Ngạc trống, lại bị khuyết mất sĩ là hai tay “cận vệ” quan trọng.

Tôi liếc nhanh Ngạc. Mũi hấn mím lại, khuôn mặt tái xanh như da người chết. Hấn nhìn chăm chăm thế mã giao chân của tôi như con hổ rình mồi, thêm thuồng nhưng chưa dám tấn công.

Không khí căng thẳng một cách vô lý, bất thường. Tiếng những trái thông khô rơi rụng và tiếng “Tác! Tác!” của loài nai từ rừng xa vang vọng. Tất cả như đọng lại tại bàn cờ.

— Thí!

Bất ngờ Ngạc la lớn và cầm con xe đồ đập mạnh trên con mã của tôi, vang lên một âm thanh chát chúa. Nhìn những quân cờ còn lại trong ván cờ tàn của hai bên, tôi bỗng trở nên bối rối. Hơn Ngạc một con xe lại bên sĩ tượng, thêm ba con chốt sắp vượt qua sông, tôi sẽ thắng Ngạc dễ dàng nếu muốn. Nhưng thực tâm tôi không muốn thế. Nhìn nét mặt căng thẳng của Ngạc, tôi thấy dường như có một cái gì nghiêm trọng sau ván cờ này. Lòng tôi dấy lên một nỗi lo sợ vu vơ. Tôi quyết định: Phải thua!

Nhưng thua làm sao thật tự nhiên để Ngạc không thể khám phá ra.

Tôi cầm con tượng kéo xuống để hở mặt tượng, sau khi con xe đồ của Ngạc đã tàn sát cặp sĩ của tôi. Tiếp đến vì một nước đi “lơ đễnh”, tôi lại bị Ngạc bắt mất con mã vốn là nỗi đe dọa đối với hắn.

Ngạc sung sướng reo lên:

— Nhất định ông phải thua tôi ở ván cờ cuối này!

Tôi nhìn vào bàn cờ làm ra vẻ suy nghĩ thật lâu. Mà thực ra tôi cũng đang điên đầu để tìm ra được nước thua kín đáo. Cuối cùng tôi xuất tượng và chỉ chờ có thể, Ngạc cầm con xe đồ vỡ mạnh. Tượng tôi lại thụt vào.

Rồi chỉ bốn nước sau, con chốt đồ của Ngạc nhập cung. Ngạc cầm con xe đồ lên. Nước cờ quyết định thắng bại đã rõ. Tôi liếc Ngạc và cảm thấy hài lòng về nước thua kín đáo tôi đã khéo léo tạo ra từ những nước đi trước.

Nhưng thật bất ngờ, Ngạc ném mạnh con xe đồ của hắn vào bức tường đối diện, thay vì đặt lên bàn cờ chiếu bí tôi. Ngạc nói bằng giọng tuyệt vọng:

— Ông vẫn thắng! Tôi luôn luôn là kẻ bại trận!

Tôi làm bộ ngạc nhiên:

— Sao thế? Ông chỉ chiếu thêm một nước là tôi bí mà?

Ngạc lắc đầu:

— Không đâu! Ông đã thắng tôi bằng sự cao thượng của tình bạn. Vừa rồi vì háo thắng, mặc cảm, tôi tưởng rằng đã giết được cặp mã của ông và thủ thắng. Nhưng giờ thì tôi hiểu tôi đã thua. Ông đã “tặng không” cho tôi con xe và cặp mã!

Nói đến đây Ngạc đưa tay lựa con xe và hai con mã xanh bỏ vào túi quần rồi từ từ đứng dậy. Hắn nhìn tôi bằng ánh mắt thăm thẳm, miệng lẩm bẩm:

— Tôi vẫn thua ở ván cờ cuối này. Cám ơn bạn đã chu đáo dành cho tôi... “chiếc xe song mã”. Vĩnh biệt!

Ngạc xoay lưng bước ra cửa. Tôi vừa toan đứng lên giữ hắn lại, nhưng bất chợt tôi nhìn thấy

thưởng thức

Đề tranh Vivi

Ồi nhan sắc!

Nhan sắc hương thơ

Tơ ngọc nồn hay búp ngà óng chuốt

Ta cảm thụ và chiêm ngưỡng

Đóa phong lan nà nuột

Pho tuyệt tượng thần kỳ

Kết tụ tinh anh của đất trời trong suốt

Pho tuyệt tượng

và đóa phong lan kia

sẽ hủy hoại trong bàn tay lửa buốt.

cao hoàng nhân

nguyên một phần đầu phía sau của Ngạc đập nát, óc và máu bầy nhầy ướt đầm lưng áo.

Tôi hét to với nỗi kinh hoàng cùng cực và ngã xuống ngất lịm.

Kể đến đây, bác tài xế rút khăn tay lau những giọt mồ hôi lạnh nhơm nhớp trên trán. Đoạn nói tiếp:

— Ông biết không, tôi nằm bất tỉnh như thế khá lâu. Đến khi mở mắt ra, tôi ngạc nhiên thấy phòng khách lố nhố những người, trong số có cả hai nhân viên cảnh sát.

Thấy tôi đã hồi tỉnh, Bạch Huệ khẽ nói:

— Anh ở một mình, trúng gió như thế này nguy hiểm quá. Lúc ba em và mọi người đến thấy hai cánh cổng sắt bên ngoài và cánh cửa trong này vẫn mở toang.

Linh tính có chuyện không may đã xảy ra, tôi hỏi Bạch Huệ:

— Có chuyện gì vậy em?

Ông Thanh đứng bên cạnh con gái, đỡ lời:

— Bác báo cho cháu biết một tin vô cùng đau đớn: Ngạc đã tử nạn vì bị chiếc xe đồ tông văng vào vách núi, gần khoảng thác Đa-tăng-la. Nguyên phần sọ phía sau bị đập nát. Ngay sáng mai bác sẽ điện về Sài Gòn cho gia đình cậu ấy biết.

Ngưng một thoáng, ông Thanh thở dài nói tiếp:

— Hồi này tai nạn liên miên! Lúc trưa bác vào nhà xác nhìn mặt cậu

Ngạc, bác vô tình được biết là khoảng 10 giờ đêm tối hôm trước, một chiếc xe lô chở khách trên đường từ Sài Gòn lên Đà Lạt đã bị rơi xuống vực do tài xế lạc tay lái sao đó. Cả mười người khách trên xe đều tử nạn, trong số có một cô sinh viên ban Triết, đại học Văn khoa Sài Gòn.

Tôi thẳng thốt kêu lên:

— Đúng là Mỹ Linh rồi! Hồn cô ta đã đến ngôi biệt thự này vào lúc nửa đêm và trời đang mưa bão lớn. Chính hồn ma đó đã gây ra cái chết của Ngạc.

Rồi tôi vắn tắt kể cho ông Thanh và mọi người câu chuyện đã xảy ra đêm trước tại ngôi biệt thự này, cho đến lúc ván cờ cuối cùng kết thúc, và tôi ngất đi khi nhìn thấy phần sau ót của Ngạc đập nát, bầy nhầy những óc lẫn máu.

Khi người cảnh sát mở chiếc khăn gói những di vật lấy trong người Ngạc: ngoài chiếc bút máy Parker, chiếc đồng hồ Bulova, còn có... ba quân cờ: con xe và hai con mã!

Vừa thấy những con cờ kinh khủng đó, tôi lại hét lên và ngất đi.

Bác tài xế kết thúc câu chuyện bằng tiếng thở dài:

— Hơn 20 năm trôi qua, tôi vẫn còn sợ hãi khi nhìn thấy bất cứ con cờ nào của bàn cờ tướng. Tôi còn bị ám ảnh bởi ván cờ ma quỷ!



Những Thuở Giao-Thời

Phạm Long

Cảm ơn chú đã cho cháu chi tiết để viết về ông.

Ông ngoại tôi lớn lên trong buổi hoàng hôn nho học. Như những bạn cùng trang lứa, ông tôi được hai cụ thân sinh gửi đến cửa Khổng sân Trình. Suốt thời niên thiếu, ông đắm mình trong cõi không gian sực nức mùi hương trầm của sách vở, bút nghiên. Cái thư phòng nhỏ hẹp trong căn nhà ba gian, bên gốc đào sum sê, cơ hồ không đủ chỗ cho giấc mơ đội đá vá trời của người học trò nghèo nhiều mộng ước.

Năm ông tôi hai mươi một tuổi, chính phủ bảo hộ Pháp chính thức bỏ khoa thi chữ Hán. Giấc mộng ông cử ông nghè bỗng chốc theo gió bay đi. Ông tôi, ôm chông sách thánh hiền khóc sưng cả mắt. Hình dung một sĩ tử, mười mấy năm theo đòi nghiên bút mà cuối cùng không được tham dự lấy một kỳ thi, tôi hiểu ý nghĩa và giá trị những giọt nước mắt của một người chỉ nhỏ lệ một lần trong đời. Khi ông tôi ngừng khóc là lúc mây xám mùa thu đùn lên ở cuối chân trời. Và lớp khói buồn bắt đầu bủa kín đời ông. Đời một nho sĩ cuối mùa, lỡ vận.

Đến lúc lớn khôn, và khi thương tích sau bao lần đổi đời đã chai thành sẹo trong hồn, tôi mới tìm được từ ngữ thích hợp để gọi nhắc về ông: nạn nhân của buổi giao thời.

Có quá nhiều buổi giao thời trên quê hương tôi đến nỗi không đếm xuể. Cái xứ sở nghèo đói, lạc hậu và đầy oan khiên ấy lúc nhúc cách

mạng, đấu tranh, chủ nghĩa này, lý thuyết nọ. Và vì thế, quá nhiều những đổi đời, giao thời. Trăm lần như một, chỉ đám dân lương thiện là lãnh đủ, là khổ sở dài dài. Đổi đời, giao thời, cuối cùng là vườn nho thơm ngát trong tầm với của lũ sói, là luồng nước xuôi chiều lũ đàn cá nhỏ hiền lành vào cái miệng toang hoác, lởm chởm những răng của đám cá mập đói ăn.

Những nho sĩ cuối mùa bắt đầu cảm nhận được thể thượng phong của Tây học. Họ nhanh chóng chuyển hướng từ câu kinh nghĩa, văn sách Khổng Mạnh sang méc-xi, bô-cu thái Tây xa lạ. Ông tôi không giống họ. Ông tiếp tục đắm mình trong dòng sông tiếc hận, u sầu. Tiếp tục làm con lạc đà cõn đơn trong cõi hành trình sa mạc, gió cát, không lương thực, phương hướng; và dĩ nhiên, không cả tình thương yêu.

Y hệt một nhân vật trong truyện Tàu vào thời tao loạn, ông giã từ thôn làng, lên vùng rừng núi Hoà Bình để khỏi phải nhìn cảnh lổ lổ của cơn cuồng lũ văn minh Lang sa ập đến. Hành trang là chiếc áo the đen, cái khăn đóng, đôi giày nỉ và chất ngất nỗi buồn. Rừng núi đón chân ông, đón con chim xơ xác với đôi cánh gãy.

Thuở ấy, núi rừng còn là nơi chốn của thiêng liêng, huyền bí, của dân thiểu số với những phong tục kỳ lạ, của hùm beo, rắn rết, và của cả đói

rét, ngu dốt. Trong gian nhà tranh sạch sẽ, thoáng đãng, ngày ngày ông nhip chiếc roi mây trên chõng tre, nghe giọng ề a đều đều của lũ học trò miền núi, nghe tiếng chim kêu, vượn hú đầu hè. Và chứng kiến cả phong tục Mường bắt trẻ con nuốt chửng con giun đất trong buổi học đầu tiên với niềm tin đơn giản rằng con giun sẽ lòi đi hết những tri trệ u tối, vì vậy đứa nhỏ sẽ sáng láng, thông minh. Tôi không thể hình dung đời sống vật chất của ông những ngày đó ra sao, vì chẳng bao giờ ông đề cập. Nhưng chắc chắn là cơ cực. Có thầy đồ nào dư ăn dư mặc bao giờ!

Ngày tháng vùn vụt trôi. Cây rừng đã mấy mùa thay lá. Những xuân hồng, hạ đỏ, thu vàng, đông xám tiếp tục chuyển vận theo vòng tròn lẫn quẩn đất trời. Mà đôi cánh



gãy của con chim kia vẫn còn mừng mủ. Mà lớp khói buồn đùn lên ở buổi trọng thu năm nào vẫn còn làm cay mắt ông tôi. Đêm ấy trăng sáng lắm. Trên chiếc chõng tre, người nho sĩ cuối mùa nằm trằm trọi nhìn khóm cúc nở muôn trước hè. Rừng núi về đêm phả vào trời đất mùi hương hoa nhẹ nhàng, thơm ngát. Đúng lúc cỏi không gian bàng bạc mờ hồ sắp đưa ông tôi vào giấc ngủ thì một tốp lính Mường chân đất, quần xà-cạp dẫn đầu bởi viên cai mũi lỗ ập đến. Người ta tìm thấy truyền đơn, tài liệu chống nhà nước bảo hộ của đám “giặc cỏ” — từ ngữ đám xâm lược dùng để gán cho cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Trời năm ấy lập đông rét lắm. Rét đến nỗi những cánh bèo quần lá và bao xác cá nổi trắng những ao nước vùng xuôi. Sau lớp song sắt nhà ngục, ông tôi nằm co quắp trên nền đất lạnh, mình mẩy thâm tím những đòn thù. Con chim tôi tả, cô độc trong đêm mưa bão, ứa nước mắt mơ về tổ ấm.

Thiếu mản, chán, chiều; thiếu ngọn lửa hy vọng, yêu thương, ông tôi quỵ xuống trong trận sốt rét liệt giường. Vì trùng do muỗi đòn sóc truyền coi bộ không ngán thuốc Mường làm bằng lá cây. Bởi vậy, ông sốt li bì. Hết sốt rét đến sốt nóng. Trong cơn mê sảng, bệnh tật, ông liên tưởng bản Mường như chiếc bẫy sập nặng trĩu độc ác. Và ông, y hệt con thú lạc bẫy, nằm đợi chết.

Phép lạ đã cứu ông. Không phải một mà rất nhiều lần trong suốt quãng đời lao lý. Mười bốn năm sau, mãn hạn lưu đầy, ông tôi trở về làng cũ.

Thuở ấy, phương tiện thông tin, liên lạc còn hết sức thô sơ, nên mọi người trong nhà đều yên trí rằng ông đã bỏ thân ngoài Côn đảo. Chỉ bà tôi, người thiếu phụ trọn thời son trẻ được sống gần chồng vốn vẹn có sáu tháng trời, là vẫn tin tưởng rồi ông sẽ sống sót trở về. Ngày ông về, hai mái đầu xanh ngày nào bây giờ đã hoa râm lốm đốm. Và bà tôi lại khóc, như buổi

đưa tiễn ông đi.

Mười bốn năm. Thời gian đủ dài cho bao đổi thay dâu biển. Đám nho sĩ nhẩy sang Tây học năm nào nay đã ông này ông nọ. Quan huyện sở tại là thí dụ điển hình. Bạn đồng học với ông tôi từ hồi để chỏm, gã học trò có khả năng đánh hơi nhạy bén kia nay là quan lớn mấn cán của nhà nước Bảo hộ. Một quan lớn thích ra oai, thích diễn tuồng dân chi phụ mẫu. Đám lính lệ và dân chúng trong huyện sợ quan hơn sợ cộp. Vô phúc gặp quan đang cưỡi ngựa vi hành mà quên giở nón cúi đầu là sẽ khốn khổ bởi trận mưa ba-toong quan giáng xuống. Huyện đường, vì vậy, uy nghi hơn cả chốn triều đình.

Ông tôi về nhà lúc sâm sẩm tối. Sáng hôm sau đã có hai tên lính lệ mang giấy quan đòi. Quan lớn vận triều phục, ngực đầy huy chương làm mặt lạ đón “cổ nhân”:

— Tên tội phạm giặc cỏ được nhà nước khoan hồng kia, tại sao về đây không đến trình diện bản quan?

Ông tôi, kẻ vừa đánh mất phần đời đẹp nhất của mình, ngậm ngùi trước tấn tuồng dâu biển:

— Bẩm quan lớn, tôi...

— To gan! Tên lính lệ đứng hầu quát lên — Dám xưng tôi với quan lớn à?

Miệng nói, tay gã vung tit cán roi quất lia quất lia.

Chờ trận đòn ra oai no nê, đầy đủ, quan lớn hạ lệnh khoan hồng:

— Ngừng tay. Gã kia, hãy trả lời câu bản chức hỏi.

Hình ảnh mẹ già, vợ con giúp ông tôi nuốt trôi miếng xương phần nộ:

— Thừa quan lớn, con... vừa về đêm qua. Định sáng nay...

— Sáng nay à? Sao không để luôn đến Tết, đến sang năm?

Nhìn ông gầy yếu, co ro bên dưới, kẻ đắc thời thấy màn kịch thị uy tạm đủ, bèn vờ vĩnh hạ giọng, diễn tuồng Lưu Bình Dương Lễ:

— Lạ thật! Sao trông người hao hao... Nay, có phải... bác Vũ đấy không?

Ông tôi không ngừng lên:

— Dạ phải, bẩm quan.

— Chết thật! Sao bác không nói ngay. Rõ khổ!

Màn kịch tình nghĩa kết thúc nhanh chóng. Tuần lễ sau, bà tôi gọi người bán đứt tám mẫu ruộng hương hỏa. Để mua lấy sự an toàn cho ông trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn. Đó là cái giá phải trả cho tình “bằng hữu” và buổi đoàn viên.

Từ đây ông tôi sống lặng lẽ như một chiếc bóng. Cái mặc cảm phá tan cơ nghiệp tổ tiên. Cái chua chát thấy mình vô dụng giữa buổi giao thời. Cái cay đắng của kiếp người bất đắc chí trong buổi xế chiều thi nhau giằng xé tâm ông. Chiếc kén định mệnh vàng óng tơ buồn vẫn trùng trùng giăng bủa. Và ông, y hệt con tằm cô đơn, gần hết đời mình vẫn lúng túng chưa tìm được lối ra.

Lối ra cơ hồ bịt kín khi ngọn gió đổi thay nhẹ nhẽu thổi về. Làm lay động đến từng lá cây, ngọn cỏ. Làm bay đi cái bình lặng muôn thuở của thôn làng. Người ta xôn xao về cái tin chết đói ở Nam Định, Thái Bình. Người ta lo lắng nhìn chum gạo vơi dần và ngày gặt vụ chiêm còn xa-lơ xa-lắc. Người ta thì thầm Tây mũi lỗ thu thóc thật nặng để nộp thuế cho Nhật. Người ta nguyện rửa Nhật lùn bắt dân phá ruộng trồng đay. Nỗi lo sợ đói kém làm dân làng ông tôi và làng lân cận quên mối hiềm khích ngàn đời. Quên luôn cả việc cắt người canh giữ hai bên ngọn núi có dáng người đàn bà nằm, biên giới thiên nhiên giữa hai làng trong tổng. Dân địa phương tin tưởng, nếu vô phúc để kẻ nào ném đá lên ngọn hình nhân, hòn đá lệch về phía núi của làng nào, làng ấy sẽ có gái chữa hoang.

Cái đói kém đi hia bảy dặm đuổi theo đám dân nghèo. Người ta bỏ nhà cửa, vườn tược, bỏ cả đám ruộng chiêm đang xanh mướt thì con gái, ùn ùn đổ về thị xã, tỉnh lỵ, hy vọng tìm được cơm, cháo sống qua ngày. Hy vọng đơn giản, tầm thường ấy, lúc bấy giờ là giấc mơ quá tầm tay với.

Đám dân khốn khổ tiếp tục chết vùi chết dập, chết lê lết nơi xó chợ đầu đường. Phu vệ sinh làm việc không kịp nghỉ. Nhiều thân xác chưa chết hẳn, tay chân còn cử động cố bám víu sự sống, vẫn bị quăng lên xe bò, rắc thêm lớp vôi bột, thả xuống hố, vùi dập. Người ta chết vì đói. Và chết vì là những người lương thiện, thật thà. Chợ búa phố phường vẫn đầy người, đầy quả bún, bánh trái. Nhưng khan hiếm tình thương. Hạn hán cơn mưa trắc ẩn. Thiên hạ ăn uống ngòm ngòm. Đám người khốn khổ lê lết xung quanh. Y hết những con chó đói. Thỉnh thoảng còn chút cơm thừa, canh cặn, họ xông đến vồ vập, giành giật. Đòn gánh của người bán hàng quật xuống như mưa. Những người đói khát run rẩy liếm chỗ thức ăn thừa. Máu và nước mắt tủi nhục của họ thi nhau rơi xuống. Cứ vậy, họ nằm nghe cái chết đến gần mà vẫn không dám cướp cái bánh cho vào miệng. Còn sinh vật nào, khi bị dồn đến đường cùng, mà vẫn hiền lương như đám người khốn khổ trong trận đói Ất Dậu tháng ba năm 1945 ấy!

Hai hôm sau ngày Nhật đảo chính Pháp, đám dân đói khát được sự khích động của một tổ chức trong bóng tối, rầm rộ tiến về huyện lỵ. Để đòi nợ máu, nợ tiền. Huyện đường trống không. Gia đình quan lớn đã cao bay xa chạy. Người ta giận dữ bắt tên lính lệ canh giữ công đường. Lần đầu tiên từ ngàn năm nay, những người dân hiền lành học được cách thức tra khảo kẻ thù. Họ đổ nước xà-phòng vào miệng tên lính. Rồi dẫm chân lên dạ dày kẻ xấu số cho đến khi nước bắn phọt ra mồm, ra mũi.

— Thằng quan huyện đâu? Nói mau!

— Bẩm... bẩm... quan lớn đi từ sáng sớm.

— To gan. Giờ này mà vẫn còn quan lớn quan bé à! Này! quan lớn này!...

— Ồi ối... ọc ọc...

— Nó đi đâu?

— Bẩm, con không biết.

— Tại sao mày không biết?

— ...

Ngọn lửa thù hận bắt đầu nhen nhúm. Gặp tâm hồn mộc mạc của đám dân quê, nó được thổi bùng lên, lan tỏa mãi. Và khởi sự thiêu huỷ hết những mầm mống của tình nghĩa, yêu thương.

Đám biểu tình gõ trống phách, thấp đuốc tỏa đi truy lùng quan huyện, giống y đoàn thợ săn lừa thú trong các cuộc săn bắn của vua chúa thuở nào. Ông tôi không có mặt trong đám người say men thù hận. Ông còn mãi bận tâm về nỗi kinh hoàng của trận đói và tìm cách dẫn gia đình ra khỏi bước khó khăn. Giữa lúc ấy có tiếng người rên rỉ cơ hồ tiếng con thú trúng thương:

— Bác Vũ ơi! Bác Vũ ơi!

Ông tôi lê đôi guốc mòn ra mở cửa. Một bóng người lem luốc bùn đất, co ro trong chiếc quần ngắn, lết vào. Ngạc nhiên, ông tôi cao giọng:

— Chết thật! Quan lớn đi đâu đây?

Người đàn ông mặt mũi xanh nhợt vì mệt nhọc, sợ hãi van lơn:

— Bác Vũ, tôi cần cõ lạy bác. Xin bác đừng nhắc đến chữ quan. Người ta nghe được thì tôi chết.

— Nhưng tại sao quan.. à bác.. đến đây?

Quanh huyện nói một câu thành thật nhất đời:

— Vì bác là người quen duy nhất của tôi ở cái huyện này. Xin bác thương tôi.

Ông tôi đánh nét mặt. Ông thoáng nhớ trận đòn ra oai và sợi dây "bằng hữu" ngày mới ra tù.

— Bác có biết người ta sẽ đối xử với tôi ra sao nếu tôi chưa chấp bác không?

— Xin bác thương tôi!

Ông tôi nuốt tiếng thở dài:

— Mười bốn năm tù đầy. Cả cơ nghiệp tan nát. Với tôi, quá đủ. Tôi không thể...

Nước mắt quan huyện rung rung. Ông ta đánh đòn tâm lý:

— Thưa bác, tôi hiểu. Nếu bác không thương, chắc chắn người ta sẽ không khi nào còn cho tôi có cơ

hội hầu chuyện bác. Tôi xin bác nghĩ chút tình đồng song, nghĩ đến lời thầy dạy dỗ chúng mình...

— Nếu bác nghĩ đến tình nghĩa ấy sớm hơn một chút thì gia đình tôi đã không khốn khổ thế này!

— Tôi ân hận. Ân hận cả đời. Tất cả tại cấp trên. Nhưng tôi sẽ hoàn lại bác tất cả. Của cải vợ tôi đã mang đi. Ở đây còn lại có phân vàng, xin bác tạm cầm lấy. Tôi sẽ dưới ngọn đèn, sẽ gửi bác chỗ còn lại sau.

— Thế còn những người khác? Bác Tuấn đầu làng chẳng hạn. Bác ấy vừa chết đói hôm kia. Nếu công ruộng duy nhất không bị tịch biên thì đâu đến nỗi!

— Giờ ơi! Tôi hối hận vô cùng. Nếu còn sống trở về tôi sẽ trả lại cho mọi người. Tất cả.

Nhét phân vàng trở lại tay kẻ đang bị săn đuổi, ông tôi thở dài:

— Tôi không biết bác thế nào, chứ còn tôi, tôi vẫn nhớ như in lời thầy dạy "thấy chết phải cứu". Thôi, bác theo tôi ra sân sau, ở đấy có đụn rơm to, bác hãy tạm lánh vào.

— Còn phân vàng? Xin bác cầm lấy cho tôi đỡ áy náy.

Ông tôi cười buồn:

— Tôi đã nghèo, phân vàng chắc cũng chẳng làm tôi giàu hơn được. Bác hãy giữ lấy nó phòng thân. Để lúc trở về, bác đừng quên những món nợ đời mà bác từng vay mượn.

Canh ba đêm ấy, ông tôi chống chiếc thuyền nhỏ đưa kẻ bị săn đuổi rời làng. Sương khuya dày kín và mưa bụi đuổi nhau trên nhánh sông. Đến chỗ an toàn, trên bến đò khuya khoắt vắng tanh, quan huyện nắm chặt bàn tay lạnh lẽo của người bạn học cũ, ân cần:

— Nợ gì rồi cũng trả được. Nhưng món nợ tình nghĩa đêm nay, tôi biết cả đời mình, sẽ chẳng bao giờ trang trải nổi!

Dưới sao đêm, người đàn ông đứng trên bờ nhìn theo bóng dáng gầy yếu, xiêu vẹo của ông tôi khuất trong sương mù. Hình ảnh ấy chấp chờn, hư ảo. Như cuộc đời. Như

lòng người.

Ngọn gió đổi thay chưa ngừng ở đây. Lửa kích động, thù hận đã bén rồi, sẽ bùng cháy mãi. Đời này tiếp nối đời kia.

Đời, giao thời xếp hàng một diễn hành. Cách mạng tháng tám thay thế Nhật đảo chính Pháp. Cách mạng tạm đáp ứng những gì dân nghèo trông đợi. Cách mạng phá kho gạo, kho lúa, phát chẩn cho dân nghèo. Cách mạng đuổi quan huyện mới chạy lạch bạch. Như ngày nào dân chúng đốt đuốc đuổi quan huyện cũ trên bến sông. Ngọn lửa thù hận được dịp bốc cao hơn. Những danh từ thời thượng: độc lập, tự do, giai cấp, bóc lột... góp gió thêm cho lửa. Quan niệm về xấu, đẹp; nhục, vinh; thiện, ác bỗng chốc hỗn độn, rối rắm, lộn tung phèo. Người dân lương thiện ngỡ ngác, hụt hẫng giữa dòng cuồn cuộn lưu thay đổi. Y hết những nhánh rong trôi tả, một sớm bị gió cuốn xoáy đi, rồi thổi tung vào biển khơi mịt mù mưa bão.

Ông tôi ở giữa đám đông ngỡ ngác ấy khi những người lạ mặt đến làng. Họ thổi lửa hạ vào những ngày thu mây xám. Họ gõ chiếc đuốc thù hận, đánh thức lũy tre làng yên ngủ. Họ công kênh ông tôi, khoác vòng hoa rực rỡ vào cổ ông, vinh danh ông như nhà cách mạng lão thành, trải nửa đời mình cho đấu tranh, tù tội. Mít-tinh, hân hoan mừng cách mạng thành công, ông tôi được trân trọng mời lên phát biểu. Cái choáng váng của hớp rượu mạnh thời thế làm ông ngây ngất phút giây, và làm bốc hơi lớp men đời phiền muộn.

Hội hè, mít-tinh qua mau. Những ủy ban hành kháng mọc ra như nấm. Quân xâm lược đã cao bay xa chạy nên quả đấm căm thù quất vào không khí. Thiếu vắng đối thủ, người ta đánh bốc với chính mình. Chỉ một kèn cựa, xích xích nhỏ nhoi cũng đủ để lôi nhau ra hành hạ, tố khổ. Pháp luật được hành xử bởi những người cả đời chưa từng nghe đến hai chữ luật

pháp. Bởi vậy, thay vì đoàn kết, đùm bọc, thương yêu nhau, người ta quay ra chém giết với chính mình. Ông tôi, thấm nhuần cái học Nho gia, cả đời khước từ hận thù, bạo lực. Ông lên tiếng phản đối. Bền bị chụp ngay chiếc vòng khổ nạn Kim Cô dính chặt đỉnh đầu. Cuộc đời thiếu vắng lòng nhân hậu của Đường Tăng nên ông tôi khôn xiết khổ đau những ngày tháng ấy.

Hơn một năm sau, Pháp quay lại Nam Định. Làng ông tôi sát bên tỉnh lỵ nên bị chiếm đóng đầu tiên. Đi giữa đoàn quân xâm lược là viên quan huyện mà ông tôi cứu mạng ngày nào. Pháp đổi huyện lỵ thành quận. Dưới quận có nhiều bang. Bài học quật khởi của dân tộc Việt khiến Tây thực dân bớt kiêu căng, phách lối. Bích chương, truyền đơn được dán và phân phát khắp làng. Kẻ xâm lược kêu gọi xoá bỏ thù hận, thắt chặt tình hữu nghị Việt Pháp để cùng nhau sống lại những ngày yên ổn. Tây trắng, Tây đen, Tây mặt gạch diễn tuồng dân sự vụ săn sóc người già, con trẻ. Hết còn cảnh mấy ông hương chức làng bần ăn phục ra tỉnh bị tụi mũi lõ chặn lại đá dít như đá banh vì cái tội mặc quần áo Tây mà không biết tiếng Tây. Hết còn cảnh lính xâm lược đến làng rượt phụ nữ như gà trống đuổi gà mái. Ít nhất là trong những ngày đầu lúc thực dân vừa chiếm lại nước ta.

Những người dân quê hơn một năm trời kinh qua thống khổ, binh lửa, thù hận, nay hiểu rõ giá trị của yên ổn, đoàn tụ, thương yêu. Họ thêm nghe lại tiếng chiêng trống của mùa xuân hội hè, đình đám. Thêm gởi đời mình trên cánh diều no gió trong chiều hè rộn rã tiếng tu hú lạc rừng. Họ tương tư hương cốm, vị hồng khi mùa thu heo may xao xác. Họ nhớ khôn cùng câu chuyện kể bên ổ rơm ấm áp lúc đất trời chuẩn bị vào đông. Bởi vậy, họ tạm tin lời hứa hẹn ngọt ngào của thực dân. Để bắt tay vào hàn gắn, xây dựng, sản xuất. Những người áo vải lại cúi xuống trên luống cày mới vỡ. Để cấy đám mạ non và cấy hy vọng

lìa nhau

Một mai người bỏ ra đi
Ái ân còn khắc vết tì trên da
Máu không về, dạ xót xa
Để trăm năm mộ chí tha ma, buồn.
Giữa đêm nghe tiếng kêu thương
Con dơi gầy lẽ bạn đường từ đây
Người đi, thêm thiếp hàng cây
Em bần bật khóc đầm lầy, lìa nhau.
Quỳ ôm lấy vết thương sâu,
Thấy mình đã chết từ lâu - ời người!

thụy ý

đời mình.

Cây hy vọng chưa lên thì quân Pháp rút đi bình định nơi khác. Trách nhiệm an ninh địa phương được giao vào tay ông quận trưởng, danh xưng mới của viên quan huyện bị đám dân nổi lên truy lùng năm nào.

Việc đầu tiên quan lớn làm là hạ lệnh bắt giam ông tôi, người đã chống thuyền cứu mạng quan trên dòng sông khuya tả tơi mưa gió. Lời hứa long trọng trả lại món nợ tham nhũng cho cả huyện, cả tổng, cả làng theo gió bay đi. Ông tôi, chứng nhân duy nhất cho lời hứa đó, là cái gai nhức nhối cần phải nhổ ngay trước khi quá muộn.

Cả đời, ông tôi đã như con tằm tội nghiệp, chiến đấu bền bỉ và cô đơn để mong thoát khỏi chiếc kén độc ác của định mệnh, nghịch cảnh và của những buổi giao thời. Ở hoàng hôn đời sống, ông bỗng khám phá ra rằng cuộc chiến đấu ấy là vô vọng. Phần bại chắc chắn về mình.

Chiều hôm trước ngày viên quận trưởng giải giao ông sang phòng nhì để mượn tay thực dân Pháp xóa hộ món nợ tình nghĩa, ông mượn chén thuốc độc làm dòng sông bơi về giấc ngủ ngàn đời. Khi ấy, nắng vừa phai và trên quê hương tôi, người ta mới bày xong bàn cờ binh lửa. ○

冬天
北風吹日凍
寒露冷雪皴
百物俱衰
此地財源旺
收買平恩嘆
衣食準自足
若政飲最多
若冬文在
百難將如何

Wm. J. Hall

秋光葉落

thu quang điệp lạc

Kim dạ minh quang hoàng diệp lạc
Khinh phong dao động cổ nhân hài
Thiên thanh nhất sắc vân phi hạc
Kỷ độ niên trường đãi thu lai.

Minh nguyệt thiếu thời minh nguyệt lạc
Trường dạ kim thu trường dạ hoài
Kim bôi thủy hạ đồng tương thủ
Tương giang lưu lãnh hồng diệp ai.

trăng thu lá rơi

Đêm nay trăng sáng nơi nao?
Gió hiu hiu thổi, lá xào xạc rơi
Giật mình, ngỡ bước chân ai,
Bao năm ngóng đợi trăng vơi, thu đầy.
Nhớ trăng đẹp thuở thiếu thời,
Cùng ai múc ánh trăng rơi giữa dòng.
Sông Tương nước chảy lạnh lùng
Còn đâu lá thắm chỉ hồng người ơi.

thủy sơn

Làng Văn 60

掉歌

風濃國鴻倦瀧劍龍
清酒去征馬霜書并
兮歌慾望悽重誰兮
上月君我風枝氣來
江棹別詞北南豪歸

高濂

trạo ca

Giang thượng hỡi! thanh phong
Trạo nguyệt ca tẩu nùng
Biệt quân sầu khứ quốc
Vấn ngã vọng chinh hồng
Bắc phong thê, mã quyên
Nam chi trọng, sương lung
Hào khí thùy thư kiếm
Quy lai hỡi! Thăng Long.

cao tiêu

đông thiên

Bắc phong xuy nhật dạ
Hàn lộ lãnh tuyết pha
Vạn vật câu suy thoái
Ngự hàn điện khí da.
Thủ địa tài nguyên vương
Cổ quận tư thần ta!
Y thực nan tự túc
Hà chính liêm tối đa
Nhược đông thiên tại thủ
Bách tính tướng như hà!

mùa đông

Ngày đêm gió bắc thổi
Sương tuyết lạnh không tan
Muôn vật đều tàn tạ
Lò điện sưởi ấm ran.
Đất này giàu của cải
Nghĩ buồn tủi nước nhà
Áo cơm không có đủ
Đảng vét sạch hết mà
Nếu trời rét như đây
Trăm họ khổ quá ta!

kinh tân

Nhớ xưa hỡi!
 Gió mát trên sông
 Chèo thuyền sóng trắng
 ca khúc nồng
 Ai tiên ai
 Lữ buồn xa nước!
 Ta hỏi ta
 còn không chim hồng?
 Mưa bay gió bắc
 dẫu dẫu nhua
 Sông Long cách Nam
 dẫu gió long
 Hào khí
 Ơi người chung kiến hết
 Ta về
 theo bạn buổi Thăng Long.

Giải Nobel Văn-Chương

Năm 1992

Lê Tường Thụy

Năm nay, 1992, Hàn lâm viện Thụy Điển vừa quyết định trao giải Nobel văn chương cho thi sĩ Derek Walcott.

Khi công bố quyết định trao giải thưởng văn chương cao quý nhất, trị giá 1 triệu rưỡi gia kim, cho một thi sĩ da màu, Hàn lâm viện Thụy Điển đã tuyên bố: "Trong thơ ông, nền văn hoá của vùng West Indies đã tìm được một đại thi sĩ. Qua tác phẩm văn chương ông, thi sĩ Walcott đã vạch một hướng đi cho môi trường văn hoá của chính ông, nhưng cũng qua thơ ông, thi sĩ đã trực tiếp bày tỏ tâm tình và chuyển đạt tư tưởng của ông đến độc giả".



Thi-sĩ Derek Walcott,
người nước St. Lucia (gần Cuba)

Trong số các tác phẩm của ông, thiên anh hùng ca Omeros dài 64 chương viết về vùng biển Caribbean đã được Hàn lâm viện Thụy Điển khen ngợi là "oai nghiêm và hùng tráng". Những thi sĩ cùng thời với Walcott cho rằng thơ ông là một trong những tuyệt tác của thi văn hiện đại và có âm hưởng rộng lớn hơn nguồn gốc Caribbean của ông vì đề tài liên quan đến thân phận nô lệ và lưu đầy của kiếp người.

Thi sĩ Walcott năm nay 62 tuổi, sinh năm 1930 tại thủ đô Castries, nước St. Lucia, một hòn đảo trong vùng West Indies, từ một gia đình mô phạm, cha mẹ đều là giáo chức. Tổ tiên ông thuộc nhiều dòng máu: Phi châu, Hoà Lan và Anh, có người trước kia từng là nô lệ da đen nên thơ ông phẳng phất nổi chua chát của kiếp nông nô.

Nơi Walcott sinh trưởng, nước St. Lucia, là một hòn đảo trước kia có nhiều núi lửa, thuộc quần đảo Windward Islands trong vùng biển West Indies, phía đông nam Cuba. Đó là một quốc gia chuyên về nông nghiệp với tài nguyên chính là chuối và dứa, rộng 616 cây số vuông với dân số 120 ngàn người. Trước kia, St. Lucia là thuộc địa của Anh, được tự trị năm 1967 và hoàn toàn độc lập năm 1979. Ngôn ngữ chính là Anh ngữ.

Hiện nay thi sĩ Walcott sống ở miền đông nước Mỹ và dạy văn chương ở đại học Boston, thủ đô

của tiểu bang Massachusetts. Lúc hay tin được giải Nobel văn chương, ông đang sáng tác một bài thơ và tuyên bố: "Hiện tôi còn hơi sửng sốt khi nghĩ rằng mình được giải Nobel, nhưng có lẽ rồi tôi sẽ quen dần".

Thơ của Derek Walcott nổi tiếng vì âm điệu du dương, êm ả, tuy ca tụng di sản văn hóa phong phú của quê hương ông là vùng đảo West Indies nhưng nội dung đề cập đến khía cạnh đen tối của chủ nghĩa thực dân, gọi lên nỗi khốn khổ của kiếp nô lệ và bày tỏ tâm trạng bi đát của kẻ lưu đầy.

Ông bảo rằng thơ ông "phản ánh một khía cạnh phong phú và phức tạp của cuộc sống ở vùng biển Caribbean". Hiện ông vẫn chia sẻ thì giờ và đi lại giữa hai nước Mỹ và Trinidad. Tâm trạng lưu đầy của hàng triệu người da đen vùng Caribbean đã rời bỏ quê hương để đi tìm một cuộc sống tốt đẹp hơn là đề tài chính trong các thi phẩm của ông.

Trong bài thơ viết về Jamaica, một nước trong vùng này, với tựa đề *The Star-Apple Kingdom*, thi sĩ Walcott viết:

the groom, the cattle boy, the housemaid...

the good Negroes down in the village,

their mouths in the locked jaw of a silent scream.

Ông giải bài tâm trạng của những nô lệ da đen chân chất trong làng, những người giữ ngựa, chăn bò, tôi tớ... mà tiếng than ai oán của họ đã tắt nghẹn bởi gông cùm.

Trong bài thơ mang tựa đề *Tomorrow, Tomorrow*, ông viết:

*A world's outside the door,
but how upsetting to stand by your
bags on cold step*

*as dawn roses the brickwork and
before you start regretting...*

Thơ ông không chỉ hoàn toàn tuyệt vọng mà còn chất chứa hy vọng như ánh dương nhuộm hồng bức tường gạch và cánh cửa hé mở để lộ một thế giới khác đang chờ đón bên ngoài... ○

Chốn Xa Mù

Vân Nương

Trời đã sang tháng mười nhưng thỉnh thoảng vẫn còn sót lại những đợt nắng của mùa hè. Qua những ngày mây xám giăng đầy, vẫn vũ tưởng như sắp có trận mưa to đổ xuống, bất chợt một cơn gió nổi lên làm ngã nghiêng những hàng cây như vậy chào đưa tiễn những cụm mây dày đặc, cuốn phăng phăng chúng về hướng khác, trả lại cho nền trời Paris những tia nắng huy hoàng, pha trộn màu vàng ửng, trong xanh.

Tôi đứng bên cửa sổ lâu năm của một phố mang tên *sur Seine*, nhìn con sông nổi tiếng tự ngàn xưa hiền lành chảy. Dưới đường phố, dòng người đi lại xuôi ngược trên vỉa hè, những chiếc xe hơi lao vút qua với vẻ vội vàng. Bên kia sông, hàng dãy toà kiến trúc cổ xưa phản chiếu xuống dòng nước. Phía bờ xa, thấp thoáng mấy con tàu màu sơn rực rỡ dưới ánh nắng trưa... Tất cả đều thu nhỏ lại như một bức họa linh động trong bầu trời cao rộng.

Cái nắng buổi trưa của xứ người không gay gắt, soi nhúc nhối vào đầu khiến mồ hôi tuôn xối xả trên lưng, trên mặt của đồng bào lao động tôi nơi quê nhà. Nắng ở đây như nụ cười tươi mát của cô gái Paris kiều diễm khiến tâm hồn con người thoải mái reo vui. Các bà mẹ trẻ đẩy xe, dắt con ra công viên chơi. Nơi đây đã có các ông bà già đang ngồi hong nắng tự bao giờ. Người và cảnh hoà hợp với nhau giữa bầu trời nắng ấm. Những cụm hoa thắm đậm, cây cối xanh tươi, những cành lá đong đưa vui nhộn

chưa bị gió thu về nhuộm úa ngả vàng.

Tôi mặc thêm áo ấm, xuống công viên trước nhà, mong chung hưởng với người thiên hạ nguồn ấm áp thiên nhiên, hầu sưởi ấm nỗi lòng giá lạnh của kẻ tha hương tị nạn. Như thường lệ, tôi được đón nhận bằng những ánh mắt hiền từ, những nụ cười thay lời chào hỏi của mấy ông bà già khi thấy tôi đi qua. Dù đã nhìn và cười đáp lễ, tôi vẫn cảm thấy mình lạc lõng bơ vơ, từ tâm hồn cho đến bề ngoài phục sức. Dải khăn tang buộc ngang đầu chạy dài xuống lưng cũng đủ gợi tính tò mò của người bản xứ, nói chi đến tâm trạng riêng tư, nỗi niềm khác biệt, ôm hoài ôm mãi không thôi!

Mấy tháng nay, gia đình tôi dọn về khu *sur Seine* này càng gợi cho tôi những kỷ niệm quen thuộc thuở nào. Năm xưa chúng tôi là khách du lịch. Chúng tôi đã được đón tiếp, chiều chuộng ở khắp nơi khắp chốn. Kinh thành này, nếu có linh hồn hẳn vẫn còn nhớ chúng tôi... Đang chìm đắm vào nỗi nhớ nuối tiếc của một thời hạnh phúc đã qua, chợt tiếng trẻ con la hét, đuổi nhau làm tôi bừng tỉnh để kịp né tránh một em bé chạy đâm sầm vào tôi khiến mẹ em vội chạy đến xin lỗi. Ô hay, em bé nào có lỗi gì! Với tuổi căng đầy nhựa sống, em phải chạy nhảy nô đùa chứ! Rồi mai kia một nọ, biết đời sống thế nào đâu em! Bất giác tôi liên tưởng đến các em bé Việt Nam sớm đánh mất tuổi thơ, đang sống cảnh lầm than dưới

chế độ hà khắc ở quê hương; 9, 10 tuổi đã phải đảm nhận tất cả việc nhà: nấu cơm, chăn em, coi nhà... để bố mẹ ra ngoài chạy gạo, kiếm ăn. Tôi đã thấy tận mắt một em bé 5, 6 tuổi đeo một bao tải rách kéo lê đến tận đầu gối, chăm chú kiếm tìm, nhặt những mảnh giấy vụn, bao ni-lông cũ trên đường phố để mẹ bán cho xí nghiệp tái sinh.

Hồi mới cưỡng chiếm miền Nam, lòng tự kiêu tự đại của kẻ chiến thắng vươn cao hơn cả núi Thái sơn. Tôi còn nhớ ngày ấy, trong mục tuyên truyền trên đài truyền hình, họ chiếu cảnh những đàn bà, trẻ em đang lui cui bó buộc rác đồ thành, chen chúc trong các nhà sàn ọp ẹp ven sông Thị Nghè, Trương Minh Giảng... với những lời thoá mạ, kết tội "ngụy quyền" đã đưa dân tộc vào cảnh lầm than như thế. Đồng thời họ huênh hoang khoác lác hứa hẹn: chỉ trong một thời gian ngắn dưới chế độ mới, những cảnh này sẽ bị xóa bỏ; bà con ta sẽ có nhà cửa khang trang, cơm no áo ấm. Trải qua mười mấy năm rồi, họ đã làm được gì cho dân tộc? Hay dân tôi vẫn tiếp tục chìm đắm trong đói khổ, bị đát gấp trăm ngàn lần khi trước nữa!

Nơi đây, tôi có một bà bạn người Pháp, gặp nhau trên ghế công viên. Nhà bà ở khu vực này và cũng cô đơn như tôi — hơn tôi — vì bà sống một mình. Thỉnh thoảng bà mới về quê vùng Bordeaux thăm hai bà chị ruột. Bà Simone hiền lành, tế nhị, tuổi chừng 60, ăn mặc màu sắc nền nã, tóc nâu màu hạt dẻ với cặp mắt to linh động. Khi biết tôi đang để tang chồng và mới đến từ một nước xa xôi vùng Đông Nam Á, nơi mà cuộc chiến khốc liệt đã từng là một đề tài sôi nổi khiến cả thế giới chú trọng suốt mấy thập niên vừa qua, bà đã nhìn tôi ái ngại. Tính tôi vốn tự ái, rất ghét bị tỏ ra thương hại, nhưng nay như con chim gãy cánh, cần có sự an ủi về tinh thần nên tôi đã vui mừng khi được kết bạn với bà.

Chúng tôi thường gặp nhau trên ghế đá công viên nơi bờ sông Seine

vào những buổi trời nắng ấm. Tôi đã có dịp kể bà Simone nghe những bí hiểm của đất nước tôi, những thâm độc, dã man của cộng sản qua lời những người tù cải tạo, và nhất là cảnh trẻ thơ Việt Nam bị đọa đày mà tôi đã chứng kiến tận mắt suốt mười hai năm nơi quê nhà. Tôi cũng có dịp đưa bà xem tấm hình in rõ chữ "*Death better than red*" trong một tờ báo Việt mà đồng bào tôi đã tổ chức tuyệt thực, phản kháng sự cưỡng bách hồi hương trong trại cấm của những người vượt biển ở Hồng Kông. Ôi, còn biết bao thảm trạng xảy ra ngoài biển Đông trong suốt 17 năm nay! Ngày xưa, cụ Nguyễn Du chỉ tả nỗi truân chuyên của một nàng Kiều mà đã khiến cả nước Việt Nam ngậm ngùi thương cảm. Cụ có biết chăng, hiện nòi giống con cháu cụ đã có mấy trăm nghìn nàng Kiều lâm cảnh hải hùng bội phần hơn nàng Vương Thúy Kiều triều Minh ấy!

Bây giờ thì bà Simone đã hiểu tại sao người Việt Nam coi thường cái chết, lao ra biển đi tìm tự do. Chao ôi, mãi đến giờ phút này, người phụ nữ Pháp hiền lành mới thông cảm được nỗi đau khổ của dân tộc tôi ư? Tôi vẫn cứ tưởng cả bàn dân thiên hạ này, trước cảnh chết chóc ngoài biển khơi của cả nửa triệu dân Việt chạy trốn chế độ, thì họ phải hiểu cộng sản sát máu thế nào rồi chứ! Tôi thở dài nhẹ nhõm khi thấy mình đã giải tỏa được nỗi ám ức cho đồng bào mình dưới con mắt người ngoại quốc. Sự đóng góp này chỉ như một hạt cát trong sa mạc mệnh mông nhưng dù sao nó cũng mang lại cho tôi một niềm vui là mình đã làm được chút gì cho quê hương xứ sở.

Trong cuộc chiến đẫm máu và nước mắt của đất nước, tôi chỉ hứng chịu một phần rất nhỏ mà đã thấy xơ xác cả tâm hồn, vẫn luôn bị ám ảnh bởi những cơn dông tố hải hùng của một thời loạn lạc. Trang đời đã khép, dĩ vãng sao chẳng chịu buông tha, biệt tích vào chốn xa mù nào đó, ám ảnh chi hoài, tội nghiệp!

○

Chuyện Sách

Trần Lang

Nhân đọc bài "*Nói chuyện sách*",
Làng Văn số 93

Nhiều ngang chừng 3 thước mà bề sâu cũng vón vện bằng chừng ấy, bốn bề ghép bằng ván sơn xanh, ở trong một dãy cất vọi trên mảnh đất trống trước cái Trung tâm Sinh hoạt Thanh niên Quận, tính từ con dốc cầu Bông đổ xuống thì cũng được già nửa con đường đến Lăng Ông, là cái quán sách hữu duyên từ một sớm hiếm nắng. Con đường dốc thường nhộn nhịp những túi bụi và mồ hôi này nọ nhẹ bớt được về nhọc nhằn nhờ chút dịu mát của ngày đầu thu. Người chủ nhân đãi khách bằng cái cười nhẹ dưới chòm râu dài để sớm như một vật nguy trang trước cái dòm ngó quá sành sỏi của đối phương. Năm mươi của kẻ tri thiên mệnh hay sáu mươi của những toan tính an nhàn. Xếp cuốn sách nhìn người đối thoại dưới cặp mắt mà đôi kính trễ xuống sống mũi, cái con người khác thường ấy đã nhập vai được cái dáng điệu thực sự của một người có tuổi.

Cửa sau mở ra trống hốc. Con mèo nhỏ nằm ngủ yên trên kệ. Trên chiếc đầu rau nhỏ sát vách sôi một ấm trà, hẳn là cỗi an lạc tạm thời cho hết nửa của một ngày 24 tiếng. Một nửa cái gian ngủ là giang san của chủ. Phần còn lại là quầy bán sách báo giấy bút của một người chủ thứ hai. Thế nhưng kể từ cái buổi đầu tình cờ ghé tới, cái mớ sách cũ kỹ của tôi lại có dịp gặp thêm một số đồng bạn.



Cụ Vương (1) khi lòng kiêu ngạo vật thường kể từng cơ hội gặp được vật ưng ý, còn khi góp nhặt được cuốn sách xưa, dường như chẳng mấy khi kể lại chút kỷ niệm, trừ đôi lần nhân lúc nói về cái đáng buồn của lần mất sách tại làng Hoà Tú. Cái thống khoái của người chơi đồ trân ngoạn một đời tưởng như dồn hết vào vật tìm gặp được, là vật có thể nâng niu mát rượi trên tay, thế nhưng tưởng cái bìa giấy đôi khi lem luốc và cũ kỹ này cũng chẳng thiếu cái vỗ vập của người tri kỷ.

Hai cuốn trong tủ sách Văn Mới của Nguyễn Bách Khoa, *Nhân loại tiến hoá sử* và *Nguồn gốc văn minh*, mà tôi lần lần lấy về được từ một chồng sách cũ, có đầy đủ cái vẻ thê lương của "cặp sách" một hàn nho, thứ bìa long, thứ đã mất gáy. Nhưng theo tôi, nó còn giữ được đầy đủ cái hương vị thời đại đã sản

sinh ra nó. Khói lửa của những năm 45, 54, 68 rồi đến lửa phần 75, 78, 81 chẳng làm nó hoá thân trong đám tro. Nó còn đây với những dấu vết của thời kỳ nó ra đời.

Cuốn *Nhân loại tiến hoá sử* với cái bìa của nhà đóng sách Nguyễn Văn Châu, viết tắt NVC trên gáy sách, nhà đóng sách nổi tiếng một thời, giấy bản nhẹ tênh mà của những năm tháng rồi ren. Nhà Hàn Thuyên, tạp chí *Văn Mới*, cái nỗ lực hăng say của tuổi đôi mươi còn nồng nàn hơi văn trên giấy. Giấy xấu mà chẳng xuống màu, chẳng mục mà chẳng mối ăn. Đến người chủ tiệm chậm chạp nọ, cũng phải thốt lên những nhận xét như thế. Sách đã trải qua một mùa mưa sùi sụt. Ấm thấp len vào vách gỗ mỏng ngăn mớ tàn thư này với cái lạnh lẽo, ướt át bên ngoài, mà lạ thay sách không mục, không mốc. Cái công gln giữ của người qua bấy tai hoạ giúp nó thành một vật bất hoại, một thứ kim cương bằng chữ in hay sao?

Sách của nhà Hàn Thuyên còn cuốn *Xã hội Việt Nam* của Lương Đức Thiệp là đây. Lửa nào đã ngún cháy hết một góc cái cuốn sách chỉ bằng bàn tay người mà độ dày cũng không hơn cuốn tập vở học trò. Được tái bản sau này do nhà Hoa Tiên (Sài gòn) thành một tập, các sơ bản bắt toàn vì mang một vết phồng lớn, phải được đặt ở một thư viện, nơi trang trọng, vào thuở thanh bình, như một chứng tích tội phạm của con người. Sách bị cấm, bị chôn, bị đốt, bị hóa thân. *Xã hội Việt Nam* là tác phẩm quan trọng nhất của Lương Đức Thiệp — năm xưa nhà thơ Lý Quốc Sinh trong *Độc hành ca* đã để phần đầu cuốn thơ cho một bài tưởng niệm họ Lương. Các nhãn kiến đầu có lệch lạc, bởi cặp kính chọn vội, nhưng giờ vẫn nhận ra cái thành thật trong lương tri một nhà trí thức, cái nhiệt thành của một tâm hồn.

Tương lai văn hoá Việt Nam ngẫu nhiên mà có dáng vẻ mỏng manh và nhỏ nhắn như *Xã hội Việt Nam*. Phải chăng cái thời điểm mà

nó được khai sinh đã tạo cho nó vóc dáng mĩa mai. Bản xuất hiện đây là bản in lần thứ ba của nhà Huệ Minh, Sài gòn năm 1965, nhưng đặc biệt là có chữ ký của tác giả Hồ Hữu Tường và những đoạn viết tay của ông thêm vào những đoạn bị kiểm duyệt bỏ trống. Theo ông Tường trong *41 năm làm báo*, cái lần xuất hiện đầu tiên của nó tại đất Bắc vào năm 1946, kèm với cái hoài bão phi thường của người viết ra, là hình thức của một giai phẩm, nền và bìa của Nguyễn Đỗ Cung, khuôn chữ được đặt gọn giữa lòng trang giấy, tạo vẻ u nhã và cổ kính như những tờ sắc chiếu. Cái vưu vật ấy không biết mấy ai đã giữ được?

Nguyễn Trãi của Trúc Khê Ngô Văn Triện (2), cuốn thứ hai thuộc loại truyện ký danh nhân, không gây ra cái dư luận bất lợi cho tác giả như cuốn *Cao Bá Quát*, thế nhưng ở trong trí nhà nho cuối mùa như Trúc Khê, cái khúc chiết của luận lý, cái sáng sủa của khoa học dường như vẫn là xa lạ. Mấy nhà viết văn học sử cho tới sau này vẫn phải khai dụng sách ông bởi chỉ ở Cao Bá Quát, Nguyễn Trãi, người ta mới tìm được những bản dịch lưu loát. Cuốn sách của nhà Tao Đàn (nhà xuất bản Tân Dân) in, cũng có cái khổ nhỏ nhắn như một cuốn sổ tay, nhưng cái duyên thủ đắc mới thật muộn màng, bởi vì sau đôi ba lần lần lựa tôi mới quyết định, nghĩ lại mới thấy, nó chẳng là vật thấy được lần thứ hai trong mấy năm lê la các quán chữ nghĩa.

Tùng Thiện Vương của Ung Trình (3), bản đầu của Lạc Tĩnh Viên, Huế, in vào năm Bảo Đại thứ 19, năm 1944 mới thật có đủ cái vẻ đạo mạo của một cổ thư. Cái màu ngà vàng mã nhẵn bóng của loài giấy là cái nền thật đất cho những hàng cổ thi khắc gỗ. Với cái hàng chữ chạm tay này, người thợ khắc vẫn có thể phần nào truyền được cái tài hoa của nét bút mà hồn thơ nhà thơ hoàng tộc thêm nét tinh anh.

Sự nghiệp và thi văn Uy Viễn tướng công (4), cuốn sách viết về về

một nhà thơ của Lê Thước, dường như là cuốn thứ nhất thuộc thể loại này, bởi thế nó có vị trí thứ nhất trong bản thư tịch về Nguyễn Công Trứ. Cái bìa màu gạch mà khổ dài về một thân từng với ba chữ hán tên nhà thơ họ Nguyễn khá đặc biệt so với cái vẻ khắc khổ của những cuốn được xuất bản đồng thời với nó. Sách làm bằng thư giấy khá tốt so với thời đó, cầm khá nặng tay. Cái buổi sáng gặp trên giá sách, cầm lấy ngay mà chẳng lật vội vài trang, cái danh nó đã từng nghe vài chục năm trước. Người chủ sách với cái hiểu biết đã đãi với giá 4000 đồng so với 6000 đồng ở ngoài bìa. 4000 đồng cũng là giá của nửa đô-la, một sự phiên dịch giá biểu rất thời thượng mà cay đắng.

Biểu nhất lãm văn học cận đại, cái tên thật kêu ấy nghe đã 30 năm trước, từ một lời phê phán gắt gao ở lớp học. Người viết nó khi mới mang được một số kiến thức ở phương xa về cộng thêm với bông bột của tuổi trẻ. Đây là lần thứ nhất một chương văn học Công giáo có mặt trong bộ văn học sử nước nhà, cũng như kể đến mấy tác giả nghe thật lạ tai. Cái công trình ấy của Thanh Lăng rũ bụi được một số văn khố tại một thư viện bên dòng tu nơi trời Âu. Cái bản giáo trình ấy không thấy được tái bản nữa, phần có lẽ vì nó đã được xếp vào *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*. Cái táo bạo của bước đầu giờ đã thành quen mắt rồi. Nhà tu sĩ Philiphe Bình học được cái thói quen viết lách của người Tây phương trong bao năm lưu lạc, giờ hẳn cũng đôi chút ngỗ ngàng mà nhận lấy chiếc ghế của những nhà văn tiên phong viết bằng Việt ngữ. Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của chỉ là hậu duệ của ông. Ai ngờ rằng cái thứ chữ “ngoằn ngoèo như giun bò ấy” buổi đầu lại đặt để cho người viết ra được nó, một giá trị.

Nếu như cái túi tiền không phải là vật có thể quyết định hết thấy, thì trong cái tủ sách vốn khiêm tốn ít ra có mặt thêm một cuốn đáng nói, tập thơ *Một tấm lòng* của Hải Nam

Đoàn Như Khuê của nhà in Mạc Đình Tư năm 1923. Hải Nam in thơ trước cả Tản Đà, và mặc dầu Vũ Ngọc Phan lọc lựa mãi cũng chỉ tìm thấy trong tập thơ mảnh khảnh này một bài thơ (bài *Bể thảm*) và hai bài tứ tuyệt nữa là đáng kể — vẫn phải nhắc đến Hải Nam và thi tập của ông như nhà thơ tiên phong và tác phẩm thơ hiếm hoi của thuở ấy. Cuốn sách tôi gặp bữa đó, cũ kỹ, mỏng manh mà giản dị như một nhà nho kiết. Lần giở mấy chục trang thơ, trong đó có bài *Bể thảm*, được đọc nguyên bản mà năm chục năm trước Vũ Ngọc Phan đã từng lọc lựa trong số mấy chục bài thù sáo. Xem rồi lại cất vào chỗ cũ, cái giá của nó vẫn là cái nguyên ủy của trù trù. Lần trở lại sau, sách đã không còn ở chỗ cũ. Cái vắng vẻ và sơ sài của một tiệm sách nhỏ vẫn không ngăn được bước chân, mà cái mỏng manh chìm khuất trong kệ vẫn có lúc không thoát khỏi tay người, đến nỗi cuốn thơ tầm thường — về nội dung — tưởng như chẳng còn ai nhớ tới nhan đề, vẫn lọt được vào con mắt nghề của mấy nhà hiếu sách. Ai bảo việc lục lợi sách cũ chẳng có cái may và việc giữ được một cuốn cổ thư chẳng do một túc duyên mà có.

Ở cái hàng kệ nhìn ra cửa ấy, có lần tôi đã bắt gặp bộ tiểu luận cao học Văn minh Việt Nam của một sinh viên về một đề tài gây thích thú: Lăng Ông Bà Chiểu. Bản luận án quay bằng ronéo ấy lại là bản đề tặng hội Thượng Công Quý Tế, nên không thiếu những lời nhận xét bằng mực của mấy ông lão có tiếng bảo thủ và cố chấp của một đời thư lại. Sách gồm một phần mô tả đền thờ và lăng Ông, sự phụng tự, các giai đoạn phát triển và một số nhận xét của tác giả về hội Thượng Công Quý Tế. Cái sơ kiến đã cho thấy nó chỉ cung cấp một tài liệu cho khách du lịch hay cho kẻ tò mò. Thế nhưng con mắt thương thức của người du lịch, hay cái xét nét của kẻ tò mò có khác với cái khảo hướng của người khảo cứu. Cái tìm thấy không phải là cái kiến trúc không

còn thuần túy Việt ở toà đền, đôi năm song hồn có lần bị xiềng xích vì mối hiềm khích với vị tân quân, hay cái thiên lệch của đám người quản trị cũ kỹ; cái đáng tìm tưởng phải là cái lý do tồn tại của một đời sống tinh thần còn bản sắc cá biệt sau ngót ngàn năm đồng hoá và 100 năm ngoại thuộc, cái dây vô hình nối kết giữa cá nhân với dân tộc, giữa con người với tập thể mà danh nhân cũng như võ tướng là những cái nút chặt và vững. Cái công trình khoa cử dày đến 400 trang không nhắc nhở gì tới.

Vậy mà vào lần sau, khi trở lại tiệm sách gần lăng Ông này, tập luận viết về lăng Ông đã chọn được một chủ mới. Đây cũng là điều đáng quan tâm. Trong cái hoang toàng của một xã hội bị tan vỡ, cái bất định cho sự tồn tại của bất cứ thứ giá trị gì, cái chốn thiêng liêng nhất của vùng Bà Chiểu sa vào tay bọn con buôn và dốt nát, cái “văn chỉ” của những bảo thủ và cố chấp một thời, cũng là “đình” của đám quý tế “hương nguyện”, may lắm chỉ còn là một cổ tích, thì việc thu nhặt một tài liệu liên quan đến một chốn cũ, phải là một hiện tượng đáng được suy nghĩ hơn.

Nhớ lại thuở trước hơn mười năm, cái cố chấp và ngu muội cứ buộc mọi người phải xem toà kiến trúc ấy và hơn nữa, nơi được khói hương ngưỡng vọng ấy, là một ngục thức và cái lớp vàng son, sành sứ cầu kỳ phủ bên ngoài một công trình là cái lai tạp chẳng đáng quan tâm về mặt nghệ thuật. Khuôn viên lăng Ông bị chia năm xẻ bảy, Nhà Văn Hoá Thiếu Nhi một phần, Phòng Chẩn Bệnh Đông Y một phần, Câu lạc bộ Phụ Lão một góc. Cái biểu tượng của Sài gòn năm xưa, nay chỉ còn một toà miếu với đôi năm song hồn chơ vơ, với cửa vào bên hông. Người thủ từ lăng xăng và vồn vã khác thường, đón người khách hiếm hoi, thế nhưng giữa cái bát nháo chung quanh, người ta có đủ cái an tâm nhìn ngắm vẻ trang nghiêm và hồi tưởng mà quên được cái phương tiện di

chuyển đang nằm trong rình rập và bất trắc ở bên ngoài. Cái sự quản trị năm phần bảy chủ ấy ra sao, chỉ biết vào buổi sau này, khi ông Phủ Rỡ được mời trở lại để tự tay nện cái dùi trống đầu tiên phá được cái tịch mịch hơn mười năm vào buổi thương nguyên năm Tân Mùi 1991, với đầy đủ cái phong nghi của áo rộng mũ tể. Người chủ năm xưa của cái một thời là biểu tượng, hẳn đã có lúc nhìn lại cái trống trải của nơi thờ tự, cái lạ lẫm của lũ đứng quanh để ngắm ra rằng một mỹ tục đã được tái sinh hay một vai trò của một pho tượng cổ mà ông từng đóng vai “khuyến lệ” lại được phép ra màn.

Con đường đi của một pho luận án cũng chẳng ở trong trí tưởng tượng của người mua sách đâu. Nếu chỉ có vốn vẹn từ chốn bụi bặm của nơi cất giữ đến tay người mua, thì cái vòng luân lưu thương mại ấy đâu có cái nổi trôi của một thân phận hàn mặc, có gì liên can đến vận người, vận nước. Mà cuốn sách ấy được nằm im trong góc tủ bấy lâu nhờ cái giá trị đối chác chẳng đáng bao nhiêu so với các hiện vật chung quanh nó, hẳn đã được ngó ngang tới sau một chuyển vơ vét chót trước khi bàn giao, và sau cùng nó đã được người nào đó còn sót lại trong số những người hiếu cổ của vùng Bà Chiểu này thu thập như một chứng vật của mệnh nước.

Chú thích:

1. Vương Hồng Sển, nhà chơi sách và chơi cổ ngoạn nổi tiếng. Tác giả: *Sài gòn năm xưa, Thú chơi sách, 50 năm mê hát* và 6 cuốn thuộc bộ *Hiếu cổ đặc san*.

2. Nguyễn Trãi, Trúc Khê Ngô Văn Triện. Tủ sách Tao Đàn, nhà xuất bản Tân Dân 3.1941, 206 trang.

3. *Tùng Thiện Vương*, (tiểu sử và thi văn), Ung Trình. Lạc Tĩnh Viên, Phú Cam, Huế, in xong cuối mùa thu tiền Bảo Đại năm thứ 19 (11.1944) tại nhà in Nam Việt, Nam Định.

4. *Sự nghiệp và thi văn của Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ*, Lê Thước, in lần thứ nhất năm 1928 tại phố Hàng Bông, Hà Nội.

xóm mǎng



Tình Đầu, Tình Cuối

Ngô Nguyên Dũng

Có một điều, hồi nào tới giờ Cún 2 vẫn chưa hiểu nổi, tại sao con trai lớn lên phải cưới vợ và con gái lớn lên phải lấy chồng. Hồi anh Cún 1, người mà bố thường gọi là “chàng trẻ tuổi thâm lặng” và tiên đoán sẽ là “triết gia vĩ đại của thế kỷ 21”, thì Cún 2 nhận được câu trả lời: “Cho vui vậy mà!”. Trời, cưới vợ lấy chồng mà vui cái nỗi gì! Nếu vui thì đã không có chuyện lâu lâu mẹ lại than vãn thở dài: “Sao đời mẹ khổ thế này!”. Và thỉnh thoảng vài bà bạn của mẹ gọi điện thoại tới, không hiểu hai người trò chuyện những gì mà sau đó cứ nghe mẹ chặc lưỡi an ủi mãi: “Thôi mà, buồn rầu chỉ thêm khổ thân, nó đi rồi thế nào cũng trở về...” hoặc: “Đàn ông là vậy, như con ong, cuối cùng cũng bay về tổ, lo làm chi cho thân thể ốm o gầy mòn...” Cún 2 tò mò hỏi “nó” là ai thì mẹ gắt: “Con nít không nên xía vô chuyện người lớn, đi chỗ khác chơi!”. A, thì ra

chuyện vợ chồng, lập gia đình rồi sinh con đẻ cái quan trọng hơn Cún 2 nghĩ nhiều.

Cún 2 đem mối thắc mắc ấy tỏ bày cùng Kiki thì cô bé nghiêm mặt suy tư rất người lớn. Sau một lúc nghĩ ngợi, Kiki phán:

— Thì lớn lên, ai cũng phải có vợ có chồng chứ sao!

Cún 2 nhăn mặt:

— Em thấy mấy người lớn lập gia đình khổ thấy mồ, có sung sướng gì đâu!

Kiki ngăn ngữ:

— Ừ... nhưng có nhiều người trong nhà dù sao cũng vui hơn là sống một mình.

Cún 2 cãi:

— Càng nhiều người, chỉ mất công tranh nhau đồ chơi. Em chỉ thích sống một mình thôi.

Kiki trợn mắt:

— Một mình trụi lủi vậy à? Buồn chết!

Cún 2 ngúc ngắc đầu:

— Không, một mình với bố mẹ.

— Xời, nếu vậy thì đâu còn một mình nữa. “Một mình” có nghĩa là không có ai bên cạnh hết trời, biết không?

Cún 2 gân cổ lên:

— Không. “Một mình” là không có vợ, không có chồng, còn bố mẹ thì phải có chứ!

— Nói vậy nghĩa là Cún 2 sẽ... sẽ...

Cún 2 thêm vào, giọng quả quyết:

— Em tuyên bố sẽ không lấy vợ.

Mặt Kiki ngó ra. Cún 2 thách thức:

— Chị có giỏi, tuyên bố như em đi!

Kiki trịnh trọng:

— Chị xin tuyên bố, chị cũng sẽ không lấy... vợ!

Cún 2 xua tay:

— Không, không, chị phải nói như vậy: “Chị sẽ không lấy chồng”!

Kiki lắc đầu:

— Ý, đâu có được! Chị không lấy chồng, bố mẹ buồn sao?

Mặt Cún 2 xịu xuống, giọng nhỏ lại:

— Chắc em đành phải làm bố mẹ buồn vậy thôi.

— Tại sao?

— Vì... con Kitty nghỉ chơi với em rồi.

Kitty là con bé người bản xứ tóc vàng mắt xanh học cùng lớp với Cún 2. Thỉnh thoảng Cún 2 dẫn Kitty về nhà xem hai em bé vịt, cho ăn cỏ giò, chè đậu xanh. Kitty là đứa con gái duy nhất trong đám bạn ồn ào của Cún 2. Một lần, Kiki bắt gặp Cún 2 nắm tay Kitty dạo quanh mấy gốc lê chín trái, chỉ trỏ. Lát sau thấy Cún 2 thót trèo lên cành, hái trái thả xuống. Kitty căng váy hứng, neoh mắt ngó lên. Kiki thấy cảnh... khó coi, nhún vai bỏ đi, tự dưng không ưa Kitty từ đó. Đôi khi Kiki còn thủ thỉ với mẹ:

— Mẹ à, Cún 2 mới bây lớn mà đã mê gái.

Mẹ kinh ngạc:

— Vậy à?

— Nó mê con Kitty. Có lần con thấy nó trèo cây lê, con Kitty đứng dưới tốc váy ra hứng, thấy mà ghê!

— Vậy thì có gì ghê đâu con.
Kiki cụt hứng, nhưng vẫn cố nói:
— Hai đứa còn nắm tay nhau nữa. Con sợ Cún 2 mê gái rồi không chịu học bài.

— Hồi nào tới giờ Cún 2 là đứa biếng học nhất nhà, chớ đâu phải mới đây đâu con. Em nó còn nhỏ, ham chơi hơn ham học là lẽ tự nhiên. Con là chị, phải biết nhắc nhở trông chừng... Mà thôi, để có dịp mẹ sẽ hỏi Cún 2 cho ra lẽ.

Rồi mẹ nhận xét:

— Mẹ thấy con Kitty dễ thương đó chớ. Khi tới, lúc về đều chào mẹ, chứng tỏ là con nhà có giáo dục.

Kiki ồng ẹo nhái:

— “Hi, Mrs. Lê! Bye bye Mrs. Lê!” Con nít mà bày đặt điệu hạnh, thấy ghét!

— Coi bộ con không ưa Kitty?

— Con không biết nữa...

Mẹ từ tốn:

— Con suy nghĩ lại coi, Kitty có làm chuyện gì mất lòng con không?

Kiki nhớ lại và không thấy Kitty làm điều gì đáng trách. Vậy mà bây giờ, Cún 2 thổ lộ chuyện động trời, nó và Kitty không chơi với nhau nữa.

Giọng Cún 2 buồn như sắp vô sáu câu vọng cổ:

— Kitty bỏ em, cặp kè với thằng Sam. Em biết nó giận em vì em để nó chờ trước cổng trường mười lăm phút. Hôm đó em bị cô giáo phạt ở lại lau bảng, dọn dẹp lớp học xong chạy ra thì Kitty vẫn còn đứng đó. Thấy em, nó ngoe nguẩy bỏ đi. Em theo sau, xin lỗi rồi năn nỉ mà nó vẫn nín thinh, mặt sừng như bị ong chích. Ngày hôm sau nó bảo không thích em nữa, đi về chung với thằng Sam. Nó còn chọc tức em, tuyên bố thích ăn *hotdog* và *hamburger* hơn là chả giò và chè đậu xanh.

Tự ái dân tộc nổi dậy, Kiki sùng mặt lên:

— Nó nói như vậy thật à?

— Thật.

— Chị sẽ xé xác nó ra.

— Thôi mà, cho em can.

— Chị sẽ vả nó méo miệng.

— Đừng. Bố nó là cảnh sát, sẽ

bắt chị bỏ tù rục xương. Đó là chưa kể chị phải bỏ học, mộng làm bác sĩ thắm mỹ kể như tiêu tùng.

Con giận lảng xuống, Kiki thở ra:

— Thôi, chị tha cho nó lần này. Em cũng đừng chơi với nó nữa nhá, nó là thứ... thứ... ăn cháo đá bát, ăn chuối bỏ vỏ.

Cún 2 gật gù ra chiều hiểu ý, mặc dù chẳng hiểu “ăn cháo đá bát” là cái gì, còn câu “ăn chuối bỏ vỏ” nữa chứ. Có ai ăn chuối luôn cả vỏ đâu? Nhưng Cún 2 không dám hỏi vì sợ lời cái dốt ra, Kiki cười, bố mẹ hay được, bắt đi học lớp Việt ngữ tổ chức tại chùa Liên Hoa vào sáng chủ nhật thì... khổ.

*
* *

Đôi khi trần trọc không ngủ được, mẹ nghĩ tới tương lai ba đứa con, thở dài nói với bố:

— Mình ạ, em lo cho tương lai chúng nó quá.

Bố tỉnh rụi:

— Có gì đâu mà lo.

— Con Kiki khôn ngoan, lanh lẹ, sau này chắc không đến nỗi nào. Còn Cún 1 thì ít nói, có vẻ... già trước tuổi, em sợ nó bị thua thiệt về sau. Cún 2 tuy thông minh, lý luận sắc sảo nhưng không chăm học. Ở xứ này, không có nghề nghiệp đáng hoàng, làm sao ganh đua với người ta? Có lần em hỏi Cún 2 sau này thích làm nghề gì, nó ngẫm nghĩ một hồi rồi đáp tỉnh bơ: “Con thích làm phu hốt rác”. Em ngạc nhiên hỏi tại sao, thì nó trả lời: “Vì phu hốt rác chỉ làm việc ngày thứ ba”. Mình coi, nó làm biếng tới độ như vậy đó.

Bố úp mặt vào gối, cười hức hức:

— Cún 2 biết đối đáp như vậy là khôn thầy chạy, không có ngốc đâu. Còn chuyện làm biếng học, anh tin là nó sẽ thay đổi. Hồi còn nhỏ, anh cũng chúa ghét chuyện học bài. Thi vào đệ thất trường công, rớt hai lần. Tự nhiên lúc đi học trường tư, thấy mình cũng không đến nỗi nào, vì chúng bạn dốt quá, nên anh bắt đầu thích học từ đó.

Mẹ tiếp tục thủ thỉ:

— Hay hè này mình bắt Cún 2 đi học lớp Việt ngữ do thiện nam tín nữ dạy ở chùa Liên Hoa cho nó tập tính siêng năng đi mình!

— Học cho nó biết đọc và viết tiếng Việt thì anh đồng ý, chớ để siêng năng thêm thì anh không dám chắc. Thôi, con nó còn quá nhỏ, đang ở tuổi phát triển, mình không nên uốn nắn mạnh tay quá, chớ vài năm nữa hổng tính. Theo anh thấy, thằng Cún 1 coi ừ li chớ thông minh ngăm, còn Cún 2 chỉ lém lỉnh chớ không thông minh lắm đâu. Mọi người cứ tưởng con chó lảng xảng lít xít là giống gia súc thông minh. Không phải, con heo mới là con vật thông minh nhất. Các thử nghiệm trí thông minh đã chứng tỏ điều đó...

Bố còn phịa thêm:

— Con heo có tỉ số thông minh IQ tới 117 điểm lận.

Mẹ xì một tiếng:

— Sao mình không nói con heo biết làm toán đố luôn cho rồi... Mà bộ hết chuyện rồi sao mà mình đem con ra ví với heo, chớ?

Bố vuốt ve vai mẹ:

— Anh đặt thí dụ cho vui vậy mà.

Mẹ nhớ lại tuổi thơ mình, cười nhẹ:

— Lúc em bằng tuổi chúng nó, em khờ khạo ngốc nghếch như một con bê vậy đó mình!

Bố cũng thú nhận:

— Anh cũng vậy. Trẻ con bây giờ khôn lanh sớm quá!

Mẹ chặc lưỡi:

— Thằng Cún 2 hỉ mũi chưa sạch mà đã có bạn gái là con Kitty rồi đó mình.

— Vậy sao?

— Em nghe Kiki kể lại. Kiki có vẻ ganh tị thế nào ấy. Nó kể với giọng ầm ức, em nghe tức cười muốn chết mà không dám cười.

Bố úp mặt lên vai mẹ, âu yếm:

— Thôi, ngủ đi.

Giọng mẹ vẫn ráo hoảnh:

— Hôm nay không phải là đêm rằm mà sao em khó ngủ quá... Mình nè!

— Gì?

— Kiếp sau mình là vợ chồng
nữa nhe?
Bố chưng hửng. Mẹ hỏi dồn:
— Nhe!
— Ừ.
— Mình sinh ba đứa con y hệt
như vậy nữa nhe!
— Ừ.
— Nhưng nhất định tụi mình sẽ
không sống đời lưu vong như vậy

nữa, nhe!
— Ừ...ừ...
— Mình về quê cất nhà, làm
vườn sinh sống nhe!
— Ừ... ừ... ừ...
Và mẹ còn tỉ tê nhiều mộng ước
khác nữa mà bố không nghe lọt, vì
bố đang từ từ lẳng sâu vào giấc ngủ
êm ái.



Các kè



người lái đò

Tóc người chẳng còn xanh
Nay đã thêm nhuộm trắng
Bên hàng cây xanh vắng,
Người lặng lẽ đứng nhìn
đám học trò nhỏ xinh
chia nhau về mỗi ngả.
Người chẳng còn gì lạ:
"Những người khách sang sông",
Lòng người ấm mênh mông,
Thương học trò vô kể,
Nhu dòng sông quê mẹ
Quanh năm lượn hiền hoà
Dù con đi đâu xa,
Vẫn nhớ hoài nơi ấy
Có bóng người đứng đấy
Vẫn đưa khách sang sông!

lê vương hải âu
(12 tuổi, Việt Nam)

Giống vật thuộc họ thằn lằn, rắn
mối này dài tới 75 cm, xuất hiện từ
thời trung cổ. Móng vuốt chúng là
hai hoặc ba ngón chân mọc dài ra.
Các kè bắt mồi bằng cách lè lưỡi ra
thật nhanh. Đặc biệt là cách đổi
màu tài tình của chúng trong các
trường hợp sợ hãi, đói, nóng lạnh,
hứng thú hay để ẩn dạng. Da các kè
trong suốt, bên dưới có những tế
bào chứa những sắc tố màu vàng,
đỏ và đen. Khi nhiệt độ cao và các
kè ở trong bóng râm, da nó biến
thành màu xanh lá cây. Khi ở trong
bóng tối và trời mát, da nó có màu
vàng nhạt điểm chấm lấm tấm màu
vàng đậm.

Hạt bắp rang và cô gái già

Bên ngoài mỗi hạt bắp rang có
một lớp vỏ rất cứng, bên trong
chứa nhiều hơi nước hơn các loại
bắp khác. Khi rang nóng, hơi nước
này sẽ biến thành hơi nóng, ép sát
vào vỏ hạt bắp rồi nổ tung nên bạn
nghe bắp nổ lách tách là vậy. Khi
rang xong, dưới đáy chảo thường
sót lại những hạt bắp cứng đầu
không chịu nổ. Những hạt bắp này

vỏ bị thủng nên hơi nước bên trong
đã khô mất, vì thế khi rang không
nổ. Tiếng Anh gọi những hạt bắp
này là "old maid". Chữ này trong
dịch ra tiếng Việt có nghĩa là "gái
già", dùng để chỉ những phụ nữ lớn
tuổi chưa chồng.

Ô CHỮ TỰ TRƯỜNG

Lê Minh Hiền

Các bạn thử tìm các chữ sau đây
trên ô chữ này nhé:

Luận	Bài toán
Toán	Làm luận
Bạn bè	Cầm bút
Thầy giáo	Vui đùa
Lớp học	Lếu lếu
Trường học	Giờ ra chơi
Tan học	Mùa thu (2 chỗ)
Bút mực	Lá vàng
Sách vở	Dư âm

T	G	I	O	R	A	C	H	O	I
H	M	U	A	T	H	U	V	C	T
A	L	M	L	O	P	H	O	C	A
Y	A	U	O	B	C	H	B	O	N
G	V	A	A	A	G	T	A	A	H
I	A	T	S	N	U	L	O	P	O
A	N	H	O	B	U	T	M	U	C
O	G	U	M	E	I	N	A	O	T
N	R	A	L	A	M	L	U	A	N
T	C	A	B	V	U	I	D	U	A

(xem giải-đáp kỳ sau)

GIẢI ĐÁP CÂU ĐỐ KỶ TRƯỚC

Thật ra thì có mất đi đô-la nào
đâu! Câu trả lời đúng ra là phải lấy
27 đô-la trừ đi 2 đô-la mà anh bồi
phòng đã bỏ túi là ra 25 đô-la tiền
khách sạn mà ông quản lý giữ.
Cách lấy 27 đô-la cộng 2 đô-la hoàn
toàn vô lý, nhưng mới nghe qua lại
có vẻ hợp lý vì gần với 30 đô-la hơn.

xóm cũ

LTS.—Để gọi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đất nước quê-hương. Hãy ghi-chép lại, trước khi kỷ-niệm chìm

sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về Một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thất chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy sỏi chia, để được gìn-giữ. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ...



Làng Đào-Khê

Chu Văn Hiền

Làng Đào Khê.

Quê hương yêu dấu ấy đã mấy ngàn năm rồi, vẫn soi bóng trên dòng sông Đáy, và sẽ mãi mãi sống trong lòng người Đào Khê.

Nếu như cổ đô Huế hay thành Thăng Long là nơi ghi dấu những lớp sóng phé hưng tiếp nối cái triều đại vua chúa, thì làng Đào Khê, cũng như ngàn vạn ngôi làng khác của quê hương Việt Nam yêu dấu, là nơi tiếp nối những thế hệ con cháu thuộc dòng giống Việt với những sinh hoạt, phong tục, tập quán; với những niềm vui, nỗi buồn và những thăng trầm biến đổi nhỏ to của đời sống, phần lớn là trong tầm tối mà sự thiếu thốn về chữ nghĩa văn học, vì nghèo đói triền miên là hai yếu tố hàng đầu.

Người viết là một kẻ hậu sinh của làng Đào Khê, đã sinh ra và lớn lên nơi miền sông ngòi quê mùa ấy. Suốt từ ấu thơ, chúng tôi đã lớn lên, đã nô đùa chơi giỡn, đã câu cá đánh dậm, đã mò cua bắt ốc, thả lờ trên những ao, ngòi và ruộng đồng trong khoảng cuối thập niên 40 đầu 50. Hình ảnh miền quê hiền hoà với hai dòng sông — sông cái, sông con — nước chảy lững lờ qua cánh đồng ngập nắng sớm đã in đậm vào tâm tư non dại của tuổi ấu thơ.

Lòng yêu mến quê hương thì thiêng liêng, sâu kín và êm đềm, được ví như những con đường quê với những lối mòn mát mẻ trải dài dưới những tàn cây cao đầy bóng mát, hay bát nước chè xanh, hay những ngụm nước mưa, những buổi tắm ao cạnh nhà thờ trong mùa nắng hạ, trời nắng như thiêu như đốt.

Họ Đào Khê, xứ Lý Nghĩa, hạt Liễu Đề, địa phận Bùi Chu. Đây là thứ tự theo Công giáo. Nhưng nếu gọi theo danh xưng hành chánh từ thời Pháp thuộc cho tới 1945 thì quê xưa được gọi là: thôn Đào Khê Hạ, xã Đào Khê, quận Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Tỉnh Nam Định, cùng với Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình là vùng đồng bằng, hay vùng châu thổ của sông Hồng và sông Thái Bình, tiếp

giáp với biển Nam Hải. Đào Khê ở về phía tây nam, cách Nam Định 18 cây số. Họ Đào Khê có ba xóm: xóm Trên, xóm Giữa và xóm Dưới. Họ Đào Khê thuộc xứ Lý Nghĩa, mà xứ Lý Nghĩa thì có họ Nhà Xứ, họ Hà Dương, họ Đào Khê Thượng/Hạ, họ Đắc Thắng; và hai nhà giáo: nhà giáo Đào Lạng và nhà giáo Đắc Thắng Thượng.

Họ Đào Khê hay thôn Đào Khê, nằm về phía bắc sông Đáy, phía tây là Bến Đò Xanh, phía đông nam là khúc sông Tam Tòa, từ đây đi Lạc Đạo và bến đò Mười. Sông Đáy là chi lưu của sông Thái Bình, nước luôn luôn chảy xuôi đem phù sa tới tưới gọi cho các thửa ruộng miền này.

Từ Đào Khê đi Nam Định, phương tiện phổ thông là đi bằng đò dọc hay ca-nô ngược dòng sông Đáy, hoặc đi bộ theo liên tỉnh lộ 56 qua Đắc Thắng Thượng, rồi Hải Lạng, Báo Đáp... cho tới bến Đò Quan.

Từ Đào Khê đi Phát Diệm, Ninh Bình, hoặc vào Thanh Hoá và miền Trung Việt Nam thì đi qua đò ngang ở bến Đò Xanh, đường bộ dẫn vào Phúc Nhạc, rồi Diên Hộ, Ninh Bình. Hoặc có thể đi ngược lên phủ Nghĩa Hưng, tới gần núi Gôi, huyện Vụ Bản, gặp quốc lộ Một để vào miền Trung. Nhưng nếu dùng thủy lộ thì xuôi theo dòng sông Đáy, qua Quần Liêu, Đò Mười, ra cửa Kim Đài rồi đi theo đường biển.

Cách 9 cây số về phía đông nam làng Đào Khê có sông Ninh Cơ, nước chảy hai dòng. Khi thủy triều lên cao, nước mặn từ biển chảy vào. Khi có mưa lũ, nước nguồn chảy ra biển. Hai dòng sông Ninh Cơ và sông Đáy, chỗ uốn khúc gần nhau nhất là làng Quần Liêu, 7 cây số phía nam làng Đào Khê. Hai bên bờ sông Ninh Cơ cũng như sông Đáy là những con đê, cũng gọi là đường cái, liên tỉnh lộ 55 và 56. Đê được đắp khá cao, vừa để ngăn nước khỏi tràn vào ruộng lúa, vừa là trục lộ giao thông. Mặt đường cái hay những liên tỉnh lộ này, ở

nhiều chỗ được trải đá dăm, loại đá to bằng nắm tay hoặc nhỏ hơn.

Đường lổm chổm vì đá trải lộn xộn, không đều; thế mà những bàn chân người bằng da bằng thịt, không giày không dép, qua lại theo năm tháng đã làm nhiều cục đá bị mòn nhẵn hẵn đi. Thời Pháp thuộc, cứ mỗi lần xe kéo, xe ngựa, xe đạp hoặc ô-tô chạy qua là mỗi lần những tiếng kêu lộc cộc lạch cạch vang lên ầm ĩ, những người làm ruộng ở xa mặt lộ cả nửa cây số vẫn còn nghe tiếng.

Hắn sâu trong tâm khảm tôi là hình ảnh nghèo khó lầm than của người phu kéo xe trên con đường gồ ghề ấy. Chiếc xe nghiêng ngả vì đường gập ghềnh, lổm chổm. Người phu kéo, đầu đội chiếc nón lá rách tả tơi, chân đi đất, gò lưng dưới trời nắng hạ như thiêu đốt,

kéo chiếc xe chở một người ngồi phía sau... Thế mà người phu ấy chỉ kiếm được mấy hào, nhiều ngày không đủ mua gạo cho bảy con ăn bữa tối. Cho đến hôm nay, sau hơn 50 năm ròng rã, tôi vẫn như còn trông thấy những giọt mồ hôi nhễ nhại nơi trán người phu xe chảy xuống!

So với mấy chục làng xã của huyện Nghĩa Hưng thì làng Đào Khê rất may mắn vì có chợ và phố chợ nên việc buôn bán rất sầm uất.

Dòng sông Đáy, cũng gọi là sông cái, thì nằm ở phía nam, cách làng một cánh đồng nhỏ. Nhưng phía bắc làng lại có một sông đào, gọi là sông con, chảy vào sát chợ nên việc buôn bán và giao thông bằng ghe thuyền rất thuận tiện.

Ngoài một số rất ít người buôn bán ở chợ, đa số dân làng Đào Khê,

thơ hoàng việt thi

ngẫu tác

mùa tôi đã mấy phen tình
lòng xuân ngẫu hạnh nẩy lên ngẫu phùng
ngẫu duyên vào hội gió đông
trận mưa thu chớm mơ màng ngẫu nhiên
tình chung ngẫu nhĩ đời riêng
cõi hè bát ngát hiện tiền ngẫu sinh.

ngẩn soi

nửa chừng đêm
mộng bộn bề
dấu trăng lưu trữ
ngã về đọt nhau
ngẩn soi nửa mặt
còn đau
nửa chừng tim
choán mối sầu từ ly

lỗi thề

vọng từ phương ấy vọng qua
15 năm một mùa hoa lỗi thề
vọng từ cõi ấy vọng về
15 năm trắng cơn mê đoạn trường
ngỡ ngàng náu chút mùi hương.

thơ

nguyên khanh

người

Người tưởng rất gần
nhưng rất xa
Ngôn từ không nói hết
tình ta
Thì thôi im lặng như cây cỏ
Giữ kín trong lòng
những nụ hoa.

dòng suối đêm này

Theo anh lên đỉnh non cao
Lung linh trăng sáng
ngọt ngào dạ lan
Có con suối bạc trên ngàn
Lững lơ tắm ánh trăng vàng
nửa đêm.

Tắm đi anh, dòng suối êm
Uống đi suối lụa mềm
khỏi mây

Thiên thu dòng suối đêm này
Xin đừng mai sáng trắng tay
bọt bèo.

cũng như 95% người Việt sinh sống tại vùng trung châu Bắc Việt, sống bằng nghề nông, cấy cấy mỗi năm hai vụ: vụ chiêm gặt vào tháng 5 và vụ mùa gặt vào tháng 10.

Trong khi nước Mỹ chỉ có hơn 2% dân sống bằng nghề nông mà vẫn đủ cung cấp thực phẩm cho hơn 70% dân số thế giới, gần 5 tỉ người; lúa gạo sản xuất ra ăn không hết, xuất cảng không hết, thì tại Việt Nam, tiền nhân ta từ đời nọ sang đời kia, chân lấm tay bùn, quanh năm suốt tháng vẫn không đủ gạo ăn. Ngay cả cho tới bây giờ, đầu thập niên 1990, người Đào Khê vẫn đói nghèo như xưa, vẫn tiếp tục "tát nước với giọt mồ hôi", vẫn "có người bừa thay trâu cấy"!

Đằng sau những lũy tre xanh ấy, trừ một số ít có tư điền, vài ba mẫu (mỗi mẫu: 3600 mét vuông), phần lớn đều trông vào ruộng làng cấp

cho, gọi là công điền. Nhà nào có con trai tuổi từ 18 trở lên, thì bắt đầu được "ăn ruộng", nghĩa là được làng cấp ruộng cho để cấy cấy. Mỗi nhân đinh hay xuất đinh được cấp 1 sào 2, thời kỳ 1950, sau khi gặt hái phải nộp thuế cho làng. Làng xã thu thuế cho nhà nước, sau này gọi là chính phủ.

Tùy từng thời kỳ và tùy theo mỗi năm, một số gia đình làm thêm các nghề khác như nấu rượu, dệt chiếu, nuôi tằm kén tơ, nuôi lợn...

Nếu so sánh mức sống trong làng thì nói chung, dân xóm trên có nhiều nhà khá giả hơn. Khá giả ở đây được hiểu là có nhà xây, sân lát gạch, lối vào có những tảng đá lớn, có vườn rau, ao cá, có tường xây hay tường đất chung quanh nhà. Tiêu chuẩn phổ thông thời bấy giờ để chỉ nhà giàu là: "có nhà ngói cây

mít", "có ao thả cá mè".

Mối bận tâm hàng đầu của dân làng Đào Khê cũng như của nông dân Bắc Việt từ nhiều ngàn năm trước, là hạt gạo, là nồi cơm, là mùa màng, là ruộng đồng, là thời tiết. Những năm mưa thuận gió hoà thì mọi nhà đều có đủ thóc lúa cơm gạo. Nhưng chẳng may năm nào trời ra oai, bão táp lụt lội thì cảnh đói khổ sẽ lại rình rập nhiều gia đình. Và cảnh nồi cơm đun khoai ghế sắn là chuyện xảy ra thường xuyên đối với dân làng Đào Khê.

Đã lâu lắm, tôi không còn nghe những danh từ đặc biệt gọi nhớ những hình ảnh, kỷ niệm nơi vùng quê hương xa xôi ấy nữa. Những nước vối, nước cáy, úp nơm, câu cua rạm, thả lờ, tát ao, đánh dậm, vớt rươi, áo toi, đánh đưng với hàng giáp... Cả những cảm giác khi nằm ổ rơm vào mùa đông, hưởng thú "đi đồng" ngoài ruộng, tắm ao vào trưa hè nóng nực... Tất cả những nghèo nàn, chậm tiến, thiếu văn minh ấy nay đã trở thành những hình ảnh thân yêu của một thời dĩ vãng.

Phải sống bên hạ lưu sông Đáy, người ta mới hiểu nỗi nỗi lo sợ kinh hãi triền miên của người dân làng Đào Khê khi nước lụt, đê vỡ. Phải sống bên dòng sông đỏ ngầu phù sa ấy mới hiểu tại sao tiếng trống ngũ liên là một đe dọa, ám ảnh. Tiếng trống vang lên từng chập, từng hồi, dồn dập báo tin mực nước dâng, mỗi năm một lần, khi mùa mưa tới. Phải sống nơi quê thôn Đào Khê ấy những buổi chiều mưa gió vật vờ ngoài hiên, thổi rít qua hàng luồng đầu nhà, phát ra những tiếng hú trầm bổng và tê tái, mới hiểu được những tù túng, bất lực và xót xa của tiền nhân.

Giã từ tất cả, tháng 8 năm 1954, một số người con của Đào Khê đã phải cất bước lên đường, bỏ lại vùng quê nghèo khổ với biết bao bịn rịn tiếc thương. Xấp xỉ bốn mươi năm rồi, nhiều lần qua những phút giây, lắng tâm hồn hướng về Đào Khê, nghĩ về Đào Khê, nhớ và thương. ○

tại sao tôi không là chiếc lá

tại sao tôi không là chiếc lá
của hàng cây bên đường em đi qua
chờ cơn gió, sẽ buông mình rơi nhẹ
trên tóc em và theo đến tận nhà

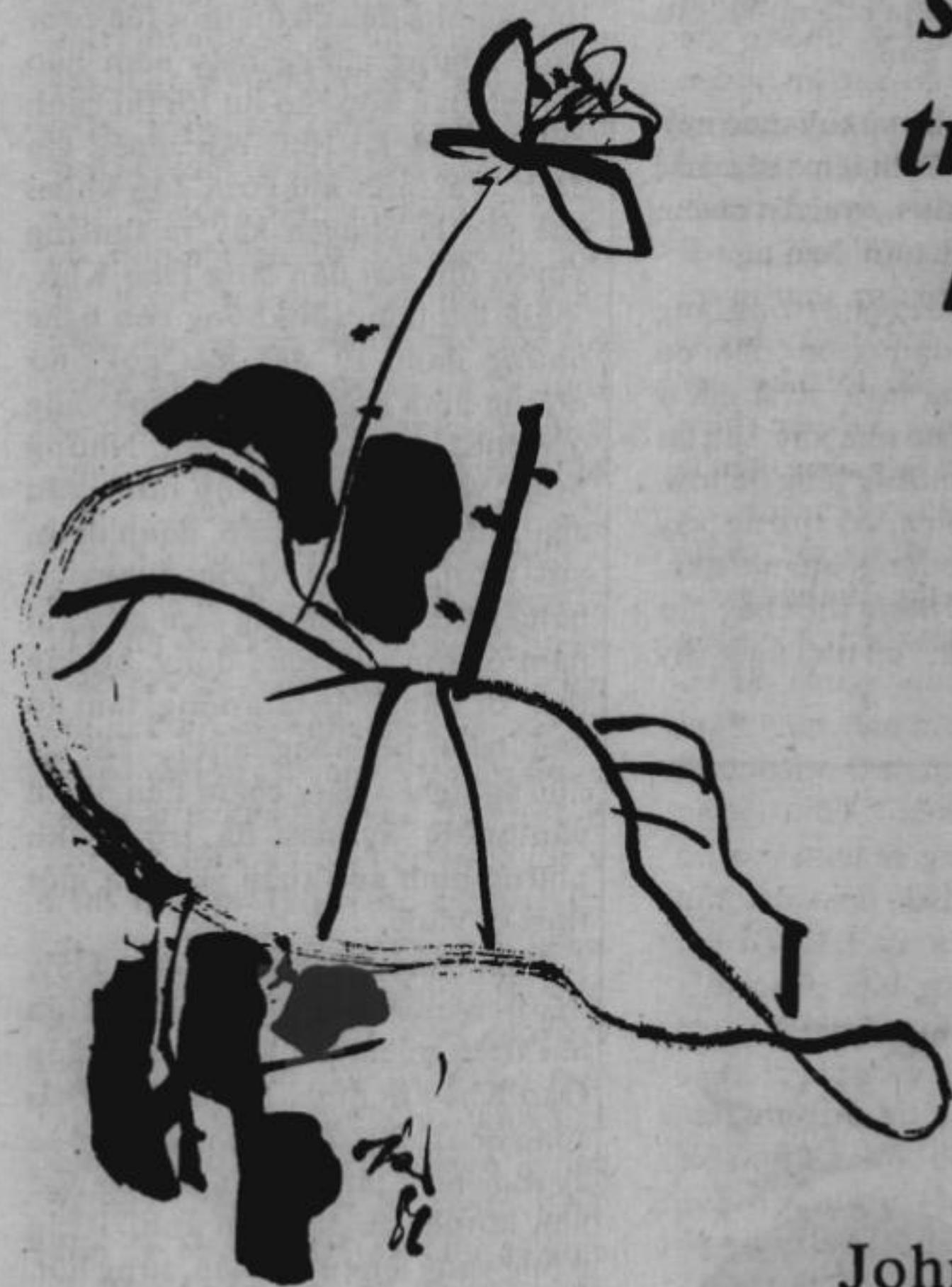
em mở cửa, tôi vẫn còn trên tóc
em vô nhà, tôi cũng sẽ vô theo
xin trời thương, đừng để em bực dọc
mở thùng rác dơ... viết đại tôi vào

em soi gương chải đầu, xin cần mẫn
gỡ tôi ra, xếp giữa tập thơ tình
em đọc thơ, tôi canh chừng đôi mắt
xin được buồn khi lệ nhỏ long lanh!

khi em ngủ, tôi biến thành hồn thơ êm ái
len lén vào đẹp giấc em mơ
như thế đó, tôi hiền hoà, đừng ngại
sẽ chẳng xa nhau... xin chẳng bao giờ!

nguyễn bá dĩnh





ngọc sáng trong hoa sen

John Blofeld
Nguyễn Phong
phóng-tác

(tiếp theo)

Câu chuyện về Phan đạo sĩ đã giúp tôi nhận thức thêm được một khía cạnh khác của đời sống, về những biến động bất ngờ có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Dù cuộc đời có lặng yên như biển cả buổi bình minh, nhưng luôn luôn vẫn có những đợt sóng ngầm, chờ đợi một cơn gió, một cơ hội để tạo thành những cơn sóng thần dữ dội vùi

dập tất cả. Tuy là một đạo sĩ công phu tu tập, hàm dưỡng trong nhiều năm mà chỉ trong giây phút cũng bị lôi cuốn vào những phiêu lưu tình cảm bất ngờ để sầu hận cho cả cuộc đời. Dù đời sống nhẹ nhàng êm đềm như một bức tranh nhưng trong cái đẹp đó vẫn có những bất trắc xảy ra. Hình ảnh Tiểu Ngọc đang vui vẻ nhảy chân sáo trên

những tảng đá bồng ngả lộn xuống vực đã giúp tôi nhận thức được sự vô thường trong cuộc đời này. Từ đó tôi ý thức nhiều hơn về sự mong manh, phù du của kiếp người và biết cẩn thận hơn trong hành động, cử chỉ của mình. Trong thời gian còn lại tại Lan đảo, tôi tập trung nỗ lực để thiền định và quán tưởng vì biết rằng bánh xe sinh tử vẫn quay đều, nếu không ý thức được tính cách vô thường, nay còn mai mất, lúc có lúc không của kiếp người thì người ta cứ mãi mãi chịu sự chi phối của nó. Dĩ nhiên muốn thoát khỏi luân hồi, con người phải tinh tấn nỗ lực, phải trải qua vô số kiếp, vượt qua nhiều thử thách lớn lao. Tuy nhiên dù đường xa vạn dặm cũng bắt đầu bằng một bước chân, dù biển khổ mịt mù nhưng một điểm sáng trong tâm cũng đủ giúp chúng ta nhận thức rằng sau đám mây mù kia vẫn có một chân trời xán lạn và chỉ có giải thoát mới thực sự là con đường đứng đắn nhất để chấm dứt mọi khổ não.

CHƯƠNG BỐN NHỆ BƯỚC TIÊU DAO

Tạ Hải chăm chú theo dõi câu chuyện tôi kể về chuyến đi thăm Lan đảo rồi lắc đầu:

— Tôi thiết nghĩ một chuyến nghỉ hè sau những ngày làm lụng mệt mỏi là điều rất tốt, nhưng tại sao bạn không nghỉ ngơi cho thoải mái mà lại để cho mình bị lôi cuốn vào những chuyện phù phiếm không đâu! Bạn cho rằng việc nhảy từ trên cao xuống đất mà không hề hấn gì là chuyện hi hữu hay sao? Có bao giờ bạn tự hỏi các đạo sĩ tập luyện khinh công như thế để làm gì không? Chẳng lẽ ngày nào người ta cũng ngã xuống vực?

— Nhưng giữ được quân bình như thế cũng giỏi lắm chứ!

— Dĩ nhiên tôi không chê công phu đó nhưng tiếc cho đạo sĩ tu tập bao năm mà vẫn không nắm được mục đích của đạo, cứ tốn công nhọc sức vào những điều viển vông không đâu.

— Nhưng ông ta đã làm gì viển vông?

Tạ Hải không trả lời, bước tới kê sách rút lấy một cuốn sách dày đóng bìa da cẩn thận. Đó là một cuốn sách rất cổ in từ đời Tống rất quý. Anh cẩn thận giở từng trang rồi chỉ vào một dòng:

— Bạn hãy coi đây. Theo Lão Tử thì trong ngũ hành, kẻ tu đạo phải biết lấy yếu tố nước làm căn bản. Nước luôn luôn nhượng bộ để chinh phục. Nước có thể làm tắt lửa hoặc nếu lửa mạnh thì nước sẽ chuyển thành hơi bốc đi nơi khác. Nước có thể cuốn trôi đất và nếu gặp đá cứng không cuốn trôi được thì nước bèn rẽ qua chỗ khác. Nước có thể làm sắt phải han rỉ, nước có thể bốc lên không trung làm không khí ẩm ướt khiến gió cũng phải ngưng. Tóm lại, nước là yếu tố có thể thắng tất cả những yếu tố khác. Nhưng tại sao nó thắng? Nó thắng vì bản tánh nó uyển chuyển, thích hợp với mọi hoàn cảnh. Khi gặp chỗ trống thì nó nhảy vào, gặp chỗ đầy thì rút ra; nó biết tìm chỗ thấp, tránh chỗ cao để gìn giữ trạng thái quân bình trong vạn vật. Bạn không thấy sao, thể xác con người khi mới sinh thì mềm, khi chết thì cứng. Trong thiên nhiên, cây cỏ mới sinh thì mềm mại, đến khi chết thì khô héo. Tóm lại, cứng mạnh là bản chất của sự chết và mềm yếu là của sự sống, càng cứng mạnh thì càng dễ gãy, càng mềm thì càng không thể gãy được. Chữ mềm (nhu) có nghĩa là uyển chuyển, không cố định trong một hình thức nào mà luôn luôn thay đổi, thích hợp với mọi hoàn cảnh. Tâm hồn con người sống theo lẽ Đạo cũng vậy, phải biết thay đổi, biến hoá theo nhịp sống của thiên nhiên, không gò bó theo một định luật hay ước lệ nào, không cưỡng lại, không chống đối mà vẫn đạt được mục đích cuối cùng. Đó chính là bí quyết lấy nhu thắng cương, lấy nhược trị cường, lấy cái không tranh đua để tất thắng.

Bây giờ hãy xét đến việc cầu trường sinh trẻ mãi không già hay

việc luyện khinh công nhảy từ trên cao xuống đất không hề hấn chi mà bạn cho là hết sức đặc biệt hãn hữu. Nay bạn, có sinh ắt có diệt, có sống ắt có chết, có trẻ ắt có già, đó chính là lẽ thường của thiên nhiên. Những kẻ tự xưng là sống thuận theo thiên nhiên nhưng kỳ thật lại cố gắng giữ cho mình không già qua phương pháp dưỡng khí luyện thân, tu đạo luyện đơn chỉ là những kẻ đi ngược với thiên nhiên chứ đâu phải thuận. Tạo hoá sinh chim chóc biết bay, cá tôm biết lội, loài người biết đi, đó là lẽ thường nhưng tại sao con người lại muốn tập luyện để bay như chim, để lội như cá? Như thế đâu thể bảo là thuận thiên nhiên, hợp tạo hoá hay sống theo lẽ đạo được! Nay bạn, xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn, mùa xuân đâu có chiếm lấy vài tháng của mùa thu để kéo dài thêm đời sống cho nó mà sao con người lại cứ muốn kéo tuổi xuân mãi mãi? Phải chăng đó là mê đắm, là tham dục, là đi ngược thiên nhiên? Tóm lại họ chỉ dựa trên những lý luận mơ hồ rồi ngụy biện gọi đó là Đạo chứ đâu phải đúng với điều mà Lão Tử gọi là Đạo. Nếu không biết phân biệt thật hay giả, cứ thấy cái gì kỳ lạ, cái gì huyền bí màu nhiệm, cái gì khác thường là cầm đầu tin theo thì bạn sẽ bị cái sức mạnh ma quái đó lôi cuốn đi mãi vào cái vòng luẩn quẩn, biết bao giờ có thể hồi tâm tỉnh ngộ được. Hơn nữa, bạn đã là tín đồ Phật giáo, đạo Phật chủ trương mở mang trí tuệ để thấy được chân lý chứ đâu phải đi tìm những sự kỳ lạ, huyền hoặc hay cầu pháp thuật thần thông. Khi có trí tuệ liền thấy được tất cả những điều trên đời đều chỉ là giả tướng, đều không có thật. Mọi sự vật ở thế gian đều vô thường, dù cố gắng bảo tồn, duy trì thế nào chẳng nữa, rốt cuộc chúng cũng hoại diệt, không thể thường hằng. Cứ giữ chặt lấy cái không có thật, cứ bám cứng vào cái huyền ảo, nếu không phải si mê, cố chấp thì là gì?

Trước lý luận chính xác và rõ ràng của Tạ Hải, tôi đành bèn lên

cười trừ. Tạ Hải tiếp tục:

— Nếu biết thế, biết con đường phải đi, biết rằng mình đã may mắn có thầy chỉ dẫn thì lẽ ra bạn phải tập trung nỗ lực để cố gắng tu tập hành trì mới phải. Tại sao bạn còn để những việc phù phiếm như tu đạo luyện đơn, trường sinh bất tử hay trò khinh công mê hoặc nhân tâm đó lôi kéo? Bạn phải biết rằng thả tu theo đường chính mà ngàn năm không ngộ còn hơn tu theo đường tà để rồi hối hận không kịp. Bạn đã đọc nhiều sách, đã nghiên cứu, đã thực hành thiền tập mà sao lại dễ tin như vậy? Phải chăng bạn chưa thực sự ý thức được mục đích con đường của mình, dễ bị lung lạc, dễ bị lôi cuốn? Tôi nghĩ có lẽ bạn cần chú ý hơn nữa về giới luật.

Quả thật như thế, mặc dù đã quy y ngũ giới nhưng tôi chưa nắm vững giới luật một cách rõ rệt. Tôi chưa có dịp thực hành những điều đã học để xem công phu tu học của mình như thế nào. Đúng thế, tôi dễ bị lung lạc, ham mê những gì kỳ lạ, khác thường. Ngay khi đó, câu nói của bà lão mù tại Đông Hải thần miếu chợt vang lên: “Muốn đi xa, phải đi từ từ, phải thận trọng theo đường chính, tránh các ngã tắt dễ làm người ta lầm đường lạc lối”. Lúc đó tôi mới hiểu rõ lời cảnh cáo đó và nghĩ đến cái “linh ảnh” mà Tiểu Ngọc đã nhìn thấy. Khi kể chuyện cho Tạ Hải, tôi đã cố tình không nhắc đến hai yếu tố đó và đến lúc ấy tôi mới bắt đầu ý thức được tầm quan trọng của giới luật như căn bản giúp người mới bước vào đường tu tránh các cạm bẫy.

Một số người thường cho rằng giới luật là những cái gì cứng nhắc, gò bó, kiềm chế con người nhưng theo tôi, giới luật Phật giáo không hề có tính cách đó. Khi mới thành lập tăng đoàn, đức Phật không hề đặt ra giới luật. Khi số đệ tử của ngài gia tăng, với đủ các thành phần trong xã hội, với trình độ kiến thức khác nhau, ngài mới đặt ra giới luật như một căn bản để che chở giúp đỡ cho những người mới tu khỏi sa ngã. Nhờ biết trì giới họ

có thể giữ tâm an tịnh, thoải mái không bị ngoại cảnh lôi cuốn lung lạc. Nhờ chuyên tâm tu tập mà họ đắc định. Khi có định thì trí tuệ mới nảy sinh (Giới, Định, Tuệ). Khi đã có trí tuệ thì mới nhìn thấy rõ thực tướng của mọi vật, thấy được chân lý, hiểu lẽ vô thường, vô ngã. Khi đã có trí tuệ thì giới luật không còn cần thiết nữa, ví như khi qua sông thì bỏ bè. Các đệ tử của Phật phát nguyện giữ giới vì biết rõ lợi ích của nó, biết đó chỉ là những hàng rào che chở bảo vệ, những chiếc bè đưa người qua sông, nhưng đó là phương tiện giúp người ta tiến bước trên đường dẫn đến mục đích tối hậu chứ không phải là những ràng buộc nghiêm khắc, những luật lệ gò bó trói buộc.

Vấn đề giới luật đã khiến tôi suy nghĩ rất nhiều nên ít lâu sau, khi nghe tin vị trụ trì ngôi chùa gần đó làm lễ điểm hương cho một số Phật tử, tôi cũng xin tham dự. Đây là một buổi lễ dành riêng cho các Phật tử tại gia phát nguyện xin giữ thêm một số giới nữa ngoài năm giới căn bản. Chúng tôi quỳ trước bàn thờ tụng một bài kinh rất dài. Sau đó vị trụ trì ra hiệu cho mỗi người vén tay áo, đưa cánh tay ra. Ông thông thả bôi vào cánh tay một chút nước giấm dính như keo rồi điểm lên đó theo thứ tự ba hàng dọc song song, mỗi hàng bốn chấm từ cổ tay lên đến khuỷu tay, tổng cộng mười hai chấm tượng trưng cho mười hai giới mà chúng tôi nguyện sẽ tuân giữ. Trên mỗi chấm, ông đặt vào một mẩu nhang nhỏ rồi châm lửa đốt. Chúng tôi bắt đầu đọc tụng những bài thần chú, chuyên tâm vào từng câu, từng cách phát âm trong khi sức nóng của miếng nhang bắt đầu đốt cháy vào da thịt. Nhờ tập trung tư tưởng vào bài chú, tôi chỉ cảm thấy hơi đau trên cánh tay, nhưng khi nghỉ thức hành lễ chấm dứt, tôi mới thấy cánh tay đau nhức vô cùng. Vết bỏng ăn sâu vào da thịt tạo thành mười hai cái chấm nhỏ hằn trên cánh tay như chứng tích luôn luôn nhắc nhở tôi về những giới luật mà tôi đã nguyện

xin tuân giữ.

Đối với các tăng sĩ, thay vì điểm hương trên cánh tay, họ lại điểm trên trán, do đó trên trán họ thường có những vết chấm rất rõ rệt. Tôi không biết phong tục này có từ khi nào nhưng nhờ thế mà tôi kinh nghiệm được một bài học về sức mạnh của tư tưởng. Tôi nghiệm rằng khi làm chủ được tư tưởng thì người ta có thể tránh được các cảm giác đau đớn về xác thịt. Tuy nhiên việc đau đớn bởi các vết bỏng đó chỉ là việc nhỏ so với trường hợp của Tà ngũ thúc sau đây.

Một hôm tôi cho Tà Hải biết rằng tôi đã dành dụm đủ để du lịch Trung Hoa. Mấy năm sống tại

Hương Cảng đã giúp vốn liếng sinh ngữ của tôi dồi dào hơn trước, có thể du lịch một mình. Tà Hải gật đầu tỏ ý tán đồng:

— Hay lắm! Để tôi giới thiệu anh với người chú ruột của tôi ở Quảng Đông. Tà ngũ thúc giao thiệp rộng,



vô phương

*Ta cuồng điên như trên giàn lửa đốt
khi niềm tin đang cháy sụp, đổ xiêu
Tự hỏi đời: mai biết sẽ về đâu
khi quanh ta mọi nhịp cầu đã gãy?
Tâm hồn ta đã đắm ngập đọa đầy
trong mặc cảm chua cay và tội lỗi.*

*Đau xót lắm lòng ta, không thể nói
Ta tự rút mình vào góc tối thâm u
Vỡ lìa trở thành kẻ điếc, câm, mù
Giữ vẻ thờ ơ trước cuộc đời hắt hủi
Bão tố lòng ta nào ai hiểu nổi
Đêm cô hồn, lệ tủi cuộn trái tim.*

*Ta một đời,
buồn mộng, đi tìm...
hăm hở lao vào dòng nhân thế.
Nhân thế bon chen
giật xô ta đứt gánh.
Mộng đổ tan tành,
ta thờ thần nhật, gom.
Nhưng than ôi
nát vụn hết, đâu còn!
Ta mất hết,
chỉ hai bàn tay trắng.
Ta thét lên,
trước khi về chết lặng.
Phàm trần đầy cay đắng,
biết than ai?*

thủy quyền

(Hongkong)

vứt mắt

trao T.M.

*Đêm thức lắm thời gian
ta trở thành đá cuội,
đem về rải nhà em,
cho cơn buồn trở lại!*

*Ta có một niềm tin,
đời cru mang thiếu tháng,
ta thuộc lũ vô hình,
đời không cho vóc dáng!*

*Em như mùa đang lớn,
nghe tiếng vỡ trên da,
em kinh hoàng chạy trốn,
theo thần thoại mê ca!*

*Bởi em là tốc độ,
nên anh là cảnh binh;
mãi mê nhìn đại lộ,
em qua rất thành linh.*

*Anh rút tờ biên phạt,
chẳng biết đề tên ai,
tay ôm đầu vò nát,
ném nó vào tương lai...*

xuân bích

kiến thức nhiều, ông ta có thể giúp đỡ và hướng dẫn anh trong nhiều việc.

Vài hôm sau, tôi đáp xe lửa đi Quảng Đông. Vừa đến nhà ga Thạch Quán, người chủ thứ năm của Tạ Hải đã ra đón tận nơi. Đó là một người đàn ông cao lớn, mập mạp, khuôn mặt vui vẻ nhưng cử chỉ của ông lại rất nhẹ nhàng, ung dung. Ông nói năng chậm rãi, từ tốn và thân mật khiến tôi vừa gặp đã có cảm tình. Theo lời Tạ Hải, ngày trước ông là một phú thương, có nhiều nhà cửa, cơ sở thương mại. Cũng như những thương gia giàu có thời đó, ông có nhiều vợ. Cứ mỗi nơi thiết lập cơ sở thương mại là ông lại cưới một người vợ để trông coi công việc cho ông. Ngoài ra ông còn hút thuốc phiện nữa. Sau mấy chục năm đang sống thoải mái như vậy bỗng nhiên ông đổi

tính, từ bỏ vợ con, gia tài sự nghiệp về sống trong một căn nhà bé nhỏ khiêm tốn, suốt ngày chỉ tụng kinh tham thiền. Điều đặc biệt hơn cả là ông đã bỏ luôn cả thói hút thuốc phiện nữa.

Hôm đó, sau bữa cơm tối, tôi đặt câu hỏi:

— Xin Ngũ thúc cho biết vì lý do gì thúc thúc bỏ được tật nghiện thuốc phiện? Phải chăng lòng tin vào Phật pháp của thúc thúc rất mạnh?

Tạ ngũ thúc bật cười:

— Không hẳn như thế! Bỏ thuốc phiện không dễ nhưng một khi đã biết rõ cái nguy hại của nó thì điều này có thể thực hiện được.

— Xin thúc thúc cho biết rõ hơn.

— Được lắm. Ta đã bỏ thuốc phiện hơn hai mươi năm nay rồi. Khi xưa ta hút rất nhiều, khoảng năm hay sáu cữ mỗi ngày, mà toàn những thứ hảo hạng cả. Khi ta biết đến Phật pháp, biết được con đường thoát khổ thì ta cương quyết từ bỏ những thói xấu tai hại ngày trước. Lúc đó vợ con, thân quyến ta hoảng sợ, kéo đến năn nỉ ta đừng bỏ thuốc một cách cấp tốc như vậy. Đã có bao nhiêu người chết bất đắc kỳ tử, chết khổ sở, thân tàn ma dại hay điên loạn chỉ vì cai thuốc nhanh quá. Họ khuyên ta hãy giảm bớt liều lượng hoặc đến bệnh viện điều trị nhưng ta vẫn nhất quyết bỏ nó ngay.

— Tại sao thúc thúc lại làm như vậy?

— Nay tiểu huynh đệ, thử tưởng tượng nếu anh đang ngồi bỗng thấy cái gì nhột nhột dưới chân, anh thò tay xuống cầm lên xem và thấy đó là một con rắn độc thì anh sẽ làm gì? Liệu anh có từ từ thông thả đặt nó xuống đất không? Hay anh vung tay ném đó đi thật xa? Bỏ thuốc phiện cũng thế thôi. Đã biết cái độc hại của nó thì phải cai thuốc ngay chứ không thể bỏ dần dần. Biết bao kẻ đã cai thuốc rồi lại mắc vào. Ta sợ nếu bỏ từ từ thì không bỏ nổi, cứ dằn co mãi chả đi đến đâu. Hơn nữa thuốc phiện làm hư hỏng trí óc, phá hoại cơ thể mà khi đó ta bắt

đầu tập tu thiền, rất cần một bộ óc lành mạnh.

— Trên nguyên tắc tôi đồng ý phải bỏ thuốc, nhưng việc điều trị cần một thời gian chứ, đã bao người cai thuốc bị hành hạ, đau đớn, vật vã, có thể chết...

— Ta cũng suy nghĩ kỹ về vấn đề này. Ta biết rằng tất cả đều do Tâm tạo. Một khi đã có sức mạnh của Tâm thì mọi việc khác chỉ là trò chơi. Vị thầy của ta đã dạy rõ Tâm là chủ, Tâm tạo tác ra tất cả mọi vật nên ta cũng muốn trải nghiệm xem cái sức mạnh của Tâm này như thế nào!

— Như vậy thúc thúc có gặp trở ngại nào không?

— Có chứ. Cái đau đớn khổ sở vì bị thuốc hành đó quả vô cùng kinh khủng. Khi vừa bỏ không hút thì thân thể ta run lên bần bật, nước mắt nước mũi trào ra, ăn không được, ngủ không được, đi tiêu chảy, đầu nhức như búa bổ, khắp các thớ thịt đau nhức từng cơn, chân tay không phục tùng mệnh lệnh của trí óc nữa mà cứ giựt giựt như người động kinh. Ta không thể đi đứng như thường mà phải bò lê trên đất, miệng đắng ngắt không thể nuốt thức ăn. Mặt mày ta hốc hác như thầy ma nhưng ta cương quyết không phục tùng các dằn vặt và đòi hỏi của thể xác. Mỗi khi thân thể đau đớn không thể chịu đựng thì ta nhất quyết bắt mình ngồi thiền. Tuy chân tay đau buốt như bị trăm ngàn mũi kim châm chích nhưng ta vẫn khép nó vào kỷ luật. Ta tập trung tư tưởng, nhất tâm niệm Phật. Ta biết ngoài tâm của ta ra, ta không còn gì nữa vì thân xác ta đã kiệt quệ rồi, do đó ta tìm chỗ trú ẩn trong tâm. Ta quán rằng thân thể ta chỉ là một cái vỏ, một hình hài khô héo không phải là ta mà bấy lâu nay ta cứ tưởng nó là mình. Bấy lâu nay ta cứ chăm lo lắng săn sóc nó mãi và trở thành nô lệ cho nó trong khi thực ra nó phải là nô lệ cho ta. Khi ý thức thật rõ điều đó rồi thì thể xác không còn chi phối được ta nữa. Dù đau đớn khó chịu thế nào ta cũng không thềm chú ý đến nó

tình bạn

*Ba năm giờ mới gặp
Tình xưa ấm trong tay
Ba năm dài tít tắp
Ly rượu lòng men say.*

*Ngày nào tôi còn nhớ,
Cùng đi chung đoạn đường,
Trao nhau niềm trần trở,
Xa mãi rồi vẫn vương.*

*Hôm nay sang bên đó
Sống lại tình năm xưa
Ba năm trời lệ nhỏ
Thấm ướt cuộc đời thừa.*

*Ta gặp nhau chốc lát
Rồi lại vội chia tay,
Cách hai hàng song sắt
Nỗi buồn này ai hay?*

*Ly rượu đắng hôm nay
Ta bên nhau uống cạn
Chợt hương lòng ngất say
Buồn tha hương tình bạn.*

nguyễn dũng

(Hongkong)

mà chỉ chú ý đến sự an lạc, thanh tịnh trong tâm qua công phu thiền quán.

Dần dần nội tâm của ta trở nên phong phú hơn. Khi sức mạnh tư tưởng của ta trở nên dồi dào mãnh liệt, ta mới sử dụng nó để chữa trị cho thể xác. Mỗi khi miệng chua, ruột gan đau nhức thì ta quán tưởng đến những món ăn thật ngon, thật bổ dưỡng rồi tập trung tư tưởng quán rằng những thức ăn đó đang được dẫn dắt đi khắp châu thân, bồi bổ thân thể, chữa trị cho ta. Nhờ quán tưởng như thế mà ta phục hồi được cơ quan tiêu hóa. Ta bắt đầu ăn uống được, miệng không còn đắng, ruột gan không còn khó chịu nữa. Theo thời gian ta ăn được nhiều hơn và chẳng bao lâu sức khỏe ta đã phục hồi. Lúc đầu ta không ngủ được nhưng ta không cần phải ngủ vì khi nhập thiền, thân thể ta hoàn toàn được nghỉ ngơi một cách an tĩnh, thoải mái còn hơn cả những giấc ngủ thông thường rồi. Chính nhờ công phu thiền tập chuyên cần mà hệ thần kinh của ta trở nên bình thường, chứng động kinh dần dần mất hẳn và sau cùng ta đã ngủ được một cách thoải mái, dễ dàng.

Cứ như thế, ta áp dụng phương pháp thiền tập, quán sát, đặt thể xác dưới sự kiểm soát và chữa trị của nội tâm. Vài tháng sau, toàn thân ta phục hồi, ăn được, ngủ được và hoàn toàn bình phục trước sự kinh ngạc của mọi người. Nếu không biết cách sử dụng sức mạnh tư tưởng, nếu không biết tìm cách an trú trong nội tâm thì chắc ta đã chết từ lâu rồi. Thật ra nhiều lần ta đã thấy mình cận kề cái chết, có lẽ chỉ một tơ tóc là ta đi luôn rồi, nhưng cái sức mạnh nội tâm tiềm tàng của ta đã làm chủ được tình trạng lúc đó. Cuối cùng ta đã thắng. Đây cũng là một kinh nghiệm vô cùng quý báu vì nhờ thế ta càng tin tưởng rằng Tâm là chủ của tất cả. Hiện nay dù bị một cây kim đâm vào cánh tay hay bị phỏng lửa, ta cũng không cảm thấy đau đớn bao nhiêu. Sức mạnh nội tâm của ta đã

hoàn toàn làm chủ được thể xác rồi.

— Nếu vậy hiện nay Ngũ thức còn thêm thuốc phiện nữa không? Người ta nói rằng những người cai thuốc mỗi khi ngủ lại mùi thuốc phiện hay đi ngang qua nơi hút vẫn có cảm giác thèm muốn, có khi nước mắt nước mũi lại trào ra...

Tạ ngũ thức cười lớn:

— Này tiểu huynh đệ, nếu anh biết rắn hổ mang rất độc, có thể cắn chết người thì anh có dám sờ vào nó không? Một khi đã hiểu biết thực sự chứ không phải đại khái, mơ hồ thì làm sao người ta có thể vướng mắc được. Một khi đã biết và sống với tâm trạng đó thì người ta có thể hành động một cách ung dung tự tại, không vướng mắc, không tham luyến, nhẹ nhàng thanh thản. Nếu anh biết rằng hiện nay ta vẫn giao du với các bạn hữu ngày trước, những người này vẫn hút thuốc phiện và ta thường nằm cạnh họ đàm đạo, có khi giúp họ tiêm thuốc mà lòng không thêm muốn chút nào nữa. Khi trước có lúc ta nghĩ mình có thể giết người để đổi lấy một cữ thuốc được, nhưng hiện nay thì khác. Thuốc phiện hay các chất ma túy không còn cám dỗ được ta nữa.

— Hiện nay Ngũ thức sinh sống ra sao? Tôi nghe Tạ Hải kể rằng thức thức đã bỏ tất cả tài sản, cơ nghiệp, vợ con...

— Đúng thế. Khi xưa còn trẻ ta say mê buôn bán và gây dựng được một sự nghiệp khá lớn. Khi có tiền tài, địa vị, danh vọng người ta dễ vướng vào tử sắc. Ta cũng không ra ngoài thông lệ đó nên có rất nhiều vợ. Việc làm ăn buôn bán tại các địa phương cần có người trông nom mà ta không thể quản lý hết nên nhất cử lưỡng tiện, ta lấy thật nhiều vợ, giao cho mỗi người cai quản trông nom một cơ sở thương mại. Ngoài các vợ chính thức, ta còn có nhiều nàng hầu cho đến khi biết Phật pháp, ý thức được lòng tham cũng như nỗi đau khổ ta đã gây ra cho các bà vợ của ta. Hiển nhiên, vị không thể làm vui lòng tất

cả nên chắc chắn có nhiều người phải chịu đau khổ, thiệt thòi. Các con ta cũng thế. Ta không chăm lo, săn sóc cho chúng bao nhiêu vì quá bận rộn, chẳng biết mình có bao nhiêu con và tương lai chúng như thế nào nữa. Nếu tiếp tục ta chỉ gây thêm khổ đau cho người này hay người khác. Nếu còn buôn bán thì chắc ta sẽ có thêm nhiều cơ sở thương mại và rồi vướng mắc mãi trong cái vòng luẩn quẩn, gây đau khổ cho người này hay người nọ.

Đôi khi ta nghĩ rằng chính sự thành công, giàu sang, có tài sản, sự nghiệp lại là một tai hại lớn vì ở trong hoàn cảnh giàu sang sung sướng đó, ít ai học được điều gì. Cuộc đời thì vô thường, trước có sau không, nay còn mai mất mà người ta cứ cố gắng vơ vét, tích lũy, làm nô lệ cho lòng tham, gây khổ đau cho nhiều người. Muốn giải thoát phải có can đảm dứt bỏ, phải dứt hẳn đoạn tuyệt với quá khứ, phải cương quyết tu tỉnh để sống cho đúng với ý nghĩa của sự sống.

Sau một thời gian suy nghĩ, ta tập hợp tất cả vợ con lại, kiểm điểm tài sản rồi chia đều cho mọi người. Ta thanh toán tất cả các món nợ với người và mang tất cả các giấy nợ người khác thiếu ta ra đốt. Ta nhất quyết đoạn tuyệt với quá khứ, không vay, không nợ và cũng không muốn bị ràng buộc vào bất cứ một cái gì. Ta không giữ lại gì cho riêng ta. Ngay căn nhà nhỏ này cũng là của một người thân cho ta tạm trú. Khi đó ai cũng nghĩ rằng ta mất trí hoặc vì cai thuốc phiện nên đâm ra lảm cẩm nhưng ta vẫn cương quyết hành động như dự tính. Ta biết khi xưa, vì lo buôn bán làm giàu, thu tập tài sản tích lũy, chắc chắn ta đã tạo nhiều nghiệp xấu, gây đau khổ cho nhiều người, nếu không cương quyết ăn năn hối cải thì làm sao ta có thể nhẹ nghiệp mà tu cho được! Ta nghiệm rằng người có nhiều của cũng giống như kẻ đeo đá mà nhảy xuống sông, không thể bơi lội được nên ta nhất định từ bỏ tất cả.

— Nhưng chắc hẳn Ngũ thức

phải gặp một biến cố gì đặc biệt lắm mới hành động như thế?

— Ta chỉ may mắn có duyên gặp được một vị thầy, nghe ngài thuyết pháp rồi tỉnh ngộ.

— Xin Ngũ thúc kể rõ hơn.

— Hôm đó ta có việc phải đi ngang một làng nhỏ gặp lúc trời đổ mưa nên phải vào tạm trú trong một cảnh chùa. Từ trước đến hôm ấy ta chẳng bao giờ đi chùa, lễ Phật hay tụng kinh. Muốn cầu xin việc gì đã có các bà vợ của ta lo rồi. Tuy nhiên lần đó ta vô tình nghe một vị sư già giảng kinh cho tăng sĩ trong chùa. Không hiểu vì sao ta lại say mê theo dõi và bất chợt ý thức được lẽ vô thường của cuộc đời. Ta đứng đó mà đầu óc rung động như người lên cơn sốt. Lần đầu tiên trong đời ta ý thức rất rõ các động năng đã thúc giục ta hành động và vì lý do gì ta đã làm thế. Sau buổi giảng, ta bước vào bái kiến vị sư già, xin ngài giải đáp thêm cho những thắc mắc của ta. Không những ngài chỉ cho ta rõ ngọn ngành mà còn hướng dẫn ta về phương pháp tu hành nữa. Ta ở lại trong chùa ba ngày học hỏi với ngài và cuộc đời ta thay đổi hẳn từ đó. Khi bước vào chùa, ta đang là kẻ bận tâm lo lắng về những điều hơn lẽ thiệt, những món hoạnh tài thu được, những thủ đoạn phải thi hành, những người phải gặp gỡ, những lo toan với các vợ lớn, vợ nhỏ... Thế mà khi bước chân ra khỏi chùa, ta chỉ thấy những giải mây hồng nhạt, thửa ruộng xanh ngắt, tiếng chim hót thánh thót, mùi hương đồng cỏ nội... Tâm hồn ta an tĩnh, trí óc ta thanh thoi, bước chân ta ung dung tự tại, sáng khoái vô cùng. Ta hoàn toàn trở nên một người khác.

— Xin hỏi thúc thúc, vị sư đó tên gì và hiện nay ở đâu?

— Tên ngài là hoà thượng Hư Vân, trụ trì chùa Nam Hoa, phía bắc tỉnh Quảng Đông nhưng ngài thường rày đây mai đó, hành tung vô định. Ta gặp ngài tại một ngôi chùa nhỏ cách đây không xa lúc ngài ghé qua giảng dạy cho chúng tăng ở đó.

còn lại gì không

*Bạn nhắc ta một thời chinh chiến
Trận cười đồn dập ngã nghiêng thêm
Trong mắt ta chập chùng sông núi
Sao không vui lại đắm ưu phiền?*

*Ta muốn quên nửa đời chiến trận
Kiếp ngựa thua rũ vó trong chuồng
Ngày lại ngày đếm buồn rơi xuống
Tim đã cho còn lại gì không?*

*Bạn kể lại tháng năm tù tội
Chặt tre rồi đồn gỗ giữa rừng
Người bạn đời gánh cơm lên núi
Khi người về núi lở mưa tuôn.*

*Quá khứ bạn đau buồn điệu vơi
Đời của ta nào có gì vui!
Gặp nhau đây nghe chừng an ủi
Lũ chúng ta lặn dạn bên trời.*

*Ta để dành một thanh kiếm gãy
Có sá chi ngọn sóng vô thường
Vẫn hong ấm tim nồng thuở ấy
Chờ một ngày trở lại quê hương...*

t.t. mây trên ngàn

— Hoà thượng Hư Vân? Phải chăng chính ngài là truyền nhân của giòng thiền Huệ Năng?

— Phải rồi, chính là ngài.

Trong lịch sử thiền tông Trung Hoa, câu chuyện về ngài Huệ Năng, vị tổ thứ sáu thường được nhắc đến rất nhiều. Lục tổ Huệ Năng xuất thân ở đất Lĩnh Nam, một miền biên thùy hoang vu nằm ở cực nam Trung Hoa. Gia cảnh nghèo túng, cha mất sớm, từ nhỏ ngài đã phải vào rừng đốn củi chứ không được đi học. Một hôm gánh củi ngang nhà kia nghe tiếng đọc kinh sang sang, ngài bỗng giật mình tỉnh ngộ và hỏi chủ nhà: “Đó là kinh gì? Ai đã giảng kinh này vậy?” Chủ nhà đáp: “Đó là kinh Kim Cang, ở vùng Hoàng Mai có ngài Hoàng Nhẫn thường giảng kinh này cho các đệ tử”. Nghe nói ngài vui mừng, bèn thu xếp công việc, xin phép mẹ già để lên đường tìm đến Hoàng Mai học đạo. Từ Lĩnh Nam đi Hoàng

Mai rất xa, phải trải qua nhiều khó khăn trở ngại mới đến được. Sau mấy tháng trời ròng rã, ngài đến nơi gặp lúc ngũ tổ Hoàng Nhẫn vừa giảng kinh xong cho các đệ tử, bèn bước vào xin tham kiến. Nhìn thấy một người thân hình đen đui xấu xí, quần áo lam lũ rách rưới, Ngũ Tổ bèn hỏi:

— Người từ đâu đến?

— Con từ Lĩnh Nam đến.

— Đến để cầu việc gì?

— Con chỉ đến cầu làm Phật, không cầu việc chi khác.

Nghe câu trả lời đồng đặc, tăng chúng đều giật mình nhưng Ngũ Tổ hỏi tiếp:

— Người ở đất Lĩnh Nam, một miền man di mọi rợ như thế thì sao làm Phật cho được?

— Khải bạch hoà thượng, thân con tuy xấu xí quê mùa không giống với thân hoà thượng nhưng Phật tánh nào có khác. Người tuy kẻ Nam người Bắc chứ Phật tánh



nào có chia hai.

Ngũ Tổ nghe nói biết ngay là người có căn cơ thượng thừa nhưng biết thời cơ chưa đến, sợ có thể bị tai họa nên quát:

— Người không được nói xàm, đi ngay xuống bếp giã gạo, bổ củi cho ta.

Huệ Năng bèn xuống nhà bếp làm các công việc phục dịch trong chùa. Vì thân hình gầy yếu bé nhỏ mà chày giã gạo to lớn nặng nề nên ngài phải cột thêm mấy cục đá lớn vào lưng cho đủ nặng để giã gạo. Tuy cực nhọc ngài vẫn chăm chỉ làm việc không hề than van. Ít lâu sau, biết thời cơ truyền pháp đã đến, ngũ tổ Hoằng Nhẫn mới tụ họp các đệ tử lại và nói:

— Các người chỉ biết tu học cầu phước chứ không chịu nỗ lực phát triển trí tuệ để thoát ly sinh tử. Tự tánh đã si mê như thế thì phước nào có thể cứu được. Bây giờ mỗi người trong các người hãy tự làm một bài kệ trình bày kiến giải của mình. Ta thấy bài nào phù hợp thì sẽ truyền y bát cho.

Các đệ tử bàn tán với nhau, cho rằng trong chùa về khả năng trí thức thì không ai hơn được vị trưởng môn đại đệ tử là Thần Tú nên họ đều có ý nhường cho ông này đệ trình bài kệ. Về phần Thần Tú cũng biết vậy nhưng tự xét việc đệ trình một bài kệ như vậy có ngụ ý mong cầu nên cũng không thích. Do đó đợi lúc đêm khuya ông mới viết lên vách chùa bài kệ như sau:

*Thân thị Bồ Đề thọ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời cần phát thức
Mặc sử nhạ trần ai.*

Tạm dịch:

*Thân như cội Bồ Đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn phải lau chùi
Chớ nên để bụi bám.*

Khi tổ Hoằng Nhẫn đọc qua bài kệ này, ngài biết ngay người viết bài đó chưa thấy tánh, tuy nhiên ngài vẫn khen:

— Đây các đệ tử đây là một bài kệ rất hay, nếu các người cứ theo đó mà tu thì sẽ khỏi đọa vào ác đạo.

Các đệ tử nghe vậy vội vã đua nhau ghi chép đọc tụng, có người đi xuống bếp cũng ngâm nga đọc. Huệ Năng nghe được, bèn hỏi lại lịch bài kệ và ngộ ý cũng muốn làm một bài kệ để họa lại nhưng vì không biết viết, phải nhờ người khác viết giùm. Bài kệ của ngài như sau:

*Bồ Đề bốn vô thọ
Minh cảnh diệt phi đài
Bốn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai.*

Tạm dịch:

*Bồ Đề vốn không cây
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Thì bụi bám vào đâu.*

Mọi người thấy có bài kệ khác họa lại bài của Thần Tú thì kéo đến đọc rồi khen chê bàn tán xôn xao. Tổ Hoằng Nhẫn nghe ồn ào bước ra đọc, thăm nhận người viết bài này có kiến giải thâm sâu, đã thấy được Tánh nhưng sợ nói ra e có kẻ

đổ kỵ, có thể ám hại nên ngài rút giấy ra bôi xóa bài kệ đó đi và nói:

— Kẻ viết bài kệ này chẳng hiểu biết chi hết, các người chớ để ý làm chi mà hãy chú ý đến bài kệ trước kia.

Mọi người thấy vậy vội vã hòa nhau khen Thần Tú mà chê Huệ Năng. Ít hôm sau Ngũ Tổ đến phòng Thần Tú hỏi:

— Phải chăng người là kẻ làm bài kệ đầu?

— Bạch thầy quả đúng thế, nhưng con chỉ muốn xin ngài thẩm xét trình độ cho con chứ thực tâm không dám mong cầu ngôi tổ. Do đó con không đệ trình bài kệ mà chỉ mạo muội viết lên trên vách nhờ ngài giảng dạy cho.

Ngũ Tổ nói ngay:

— Bài đó chưa được. Ta thấy người mới chỉ là kẻ đứng ngoài cửa mà thôi, chưa vào trong nhà thiền được. Đem kiến giải đó mà cầu quả



vị Vô Thượng Bồ Đề thì còn xa lắm.

Thần Tú nghe xong lạnh người, lòng đau như cắt, bèn chấp tay bái tạ. Sau đó ông buồn bã đóng cửa phòng mấy chục ngày, không chịu tiếp xúc với ai hết. Nói chuyện với Thần Tú xong, Ngũ Tổ xuống bếp thấy Huệ Năng vẫn đeo đá giã gạo như thường, ngài thương cảm nói:

— Người hành đạo phải gian khổ như thế ư? Ta biết căn tánh của người lạnh lợi nhưng sợ có kẻ khác hại nên ta không muốn nói chuyện với người. Người có biết chăng?

— Bạch hoà thượng con biết như thế.

Ngũ Tổ chỉ vào chiếc cối đá hỏi:

— Như vậy gạo giã đã trắng chưa?

Huệ Năng trả lời:

— Gạo giã đã trắng nhưng chưa có người sàng.

Tổ Hoằng Nhãn bèn giơ gậy gõ lên chiếc cối đá ba lần, Huệ Năng nghe hiểu ý đợi lúc đêm khuya, canh ba tìm đến phòng của Ngũ Tổ. Hoằng Nhãn lấy kinh Kim Cang ra đọc và giảng cho Huệ Năng nghe. Khi Ngũ Tổ vừa giảng đến câu “Ung vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm” thì Huệ Năng bừng tỉnh ngộ, bèn thốt lên:

— Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, vốn tự đầy đủ, vốn bất sinh diệt, vốn sinh muôn pháp.

Ngũ Tổ vui mừng nói:

— Con thấy đúng đấy. Phật pháp đời sau sẽ do con mà thịnh hành. Chư Phật ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên, bởi chúng sinh căn cơ lớn nhỏ có khác nên ngài mới tùy đó mà hướng dẫn và nói ra ba thừa, mười pháp đốn tiệm, đó là giáo môn. Riêng chánh pháp nhãn tạng vi diệu ngài truyền riêng cho tổ Ma Ha Ca Diếp, lần lượt truyền đến tổ thứ hai mươi tám là Bồ Đề Đạt Ma. Tổ Đạt Ma qua Trung Hoa truyền đến đời ta là đời thứ năm, nay ta trao lại cho con. Con rán giữ gìn đừng để đứt tuyệt. Khi xưa tổ Đạt Ma là người Tây Trúc truyền pháp cho tổ Huệ Khả, vẫn ngài người đời không tin sự truyền thừa nên

phải lấy y bát làm tín vật. Trải đến đời ta đã năm đời rồi, tông môn của ta thiên hạ đều biết, chẳng ai nghi ngờ, do đó đến đời con thì nên ngưng lại, chỉ lấy tâm truyền tâm chứ không nên truyền trao y bát nữa để tránh sự tranh chấp đời sau.

Đêm đó Ngũ Tổ đưa Huệ Năng ra khỏi chùa, đến một con sông lớn ngài lấy đò đưa Huệ Năng qua sông. Ngài nói:

— Để ta chèo đò phụ giúp cho người.

Huệ Năng lắc đầu trả lời:

— Xin thầy hãy trở về. Khi mê thì thầy độ, khi ngộ con xin tự độ.

Nói xong Huệ Năng chèo đò qua thẳng bờ bên kia. Ngũ Tổ trở về chùa đóng cửa không thượng đường thuyết pháp. Tăng chúng nghi ngờ bèn kéo đến hỏi, ngài đáp:

— Pháp của ta đã đi về phương nam rồi.

Tăng chúng vội hỏi:

— Vậy ai đã được pháp đó?

— Ai có khả năng thì được (Năng giả đắc chi).

Tuy nhiên mọi người biết ngay là Huệ Năng đã được truyền pháp nên vội vã đuổi theo. Phần lớn tăng chúng đều phục Thần Tú là bậc học rộng biết nhiều, kiến thức cao siêu xứng đáng được truyền y bát. Họ thấy Huệ Năng là kẻ quê mùa, thất học, không biết đọc biết viết nên không chịu phục, quyết giành y bát lại cho đại sư huynh. Vì thế Huệ Năng phải ẩn thân mấy chục năm trong miền rừng hoang núi thẳm không để lộ tung tích.

Đến năm 676 tây lịch, biết thời cơ hoằng pháp đã đến, ngài mới rời rừng núi đi Quảng Châu. Khi đi ngang qua chùa Pháp Tánh, gặp lúc vị trụ trì giảng kinh Niết Bàn, ngài bèn dừng chân trước cửa để nghe. Gặp lúc hai nhà sư trẻ đứng ở cổng chùa thấy cây cờ phướn treo trước cửa bị gió thổi bay qua bay lại, một người bèn nói: “Nhìn kìa, cây cờ lay động”. Kẻ kia cãi lại: “Đâu phải cờ động mà gió động”. Cứ thế cãi nhau không ai chịu nhường ai. Huệ Năng đứng đó bèn nói: “Chẳng phải cờ động, cũng không phải gió

động mà chính do tâm của hai ông đã động đấy thôi”.

Hai vị tăng nghe qua ngạc nhiên, bèn vào báo cho vị trụ trì là hoà thượng Ấn Tông biết. Vị này bước ra hỏi và được Huệ Năng giảng giải rõ rệt về lý “tâm động” khiến vị trụ trì vô cùng tán phục, phải chấp tay thưa:

— Nghe kiến giải của ngài biết không phải là người thường. Tôi nghe nói y pháp của Ngũ Tổ đã đi về phương nam, vậy có phải là ngài chăng?

Huệ Năng gật đầu. Hoà thượng Ấn Tông vội gọi các đệ tử lại cầu xin ngài mang y bát ra để tất cả chiêm bái. Sau đó Ấn Tông lại xin lục tổ thâu nhận làm đệ tử nhưng lúc đó Huệ Năng vẫn là cư sĩ, chưa xuất gia. Hoà thượng Ấn Tông bèn tụ họp các vị cao tăng, hoà thượng trong vùng, lập một giới đàn để làm lễ xuất gia cho Huệ Năng. Khi đào đất dựng đàn, tăng chúng đào được một tấm bia đá chôn cách đó mấy trăm năm, trên có ghi rõ “Sau này sẽ có một vị nhục thân Bồ Tát xuất gia thọ giới tại đây”.

Sau một thời gian dừng chân tại chùa Pháp Tánh dạy dỗ tăng chúng, Huệ Năng lại lên đường xuống phương nam đến chùa Bửu Lâm, miền Tào Khê để hoằng pháp độ sinh. Số người theo ngài tu học rất đông, từ đó thiền tông Trung Hoa trở nên cực kỳ hưng thịnh. Ngài qua đời năm 713 tây lịch, thọ 76 tuổi. Khi ra đi ngài chỉ ngồi xếp bằng và an nhiên thị tịch. Vua Đường Hiến Tông truy phong ngài là Đại Giám thiền sư, đổi tên chùa Bửu Lâm thành Nam Hoa tự. Trải qua hơn một ngàn năm, thân thể của ngài vẫn còn y nguyên, không hề hư hại.

Nghe Tà ngũ thúc kể lại lịch sử lục tổ Huệ Năng, nhất là về cái xác hơn ngàn năm không hư hại, tôi lấy làm lạ và ngộ ý muốn đến đó xem. Biết đâu tôi chẳng may mắn gặp được hoà thượng Hư Vân tại đó. Tà ngũ thúc bèn chỉ dẫn cho tôi cách thức lấy vé xe lửa đi Tào Khê.

(còn tiếp)

xếp al capone IV

TRUYỆN DÀI
Trường Sơn
Lê Xuân Nhị



(tiếp theo)

O'Bannon đột ngột thò tay ra ôm cứng lấy bàn tay của thằng đàn em, khom người tới mũi thuốc nhưng cặp mắt cú vọ cứ xoáy vào mặt nó để cố tìm hiểu cái chuyện run tay bất tử này. Tay nó mà run lên như vậy thì nhất định nó phải có chuyện gì lo lắng lắm.

Đốt xong thuốc, O'Bannon nghiêm sắc mặt hỏi đàn em:

— Mày mắc chứng kinh phong

hả? Bộ hồi nhỏ tới giờ chưa giết người lần nào sao?

Krugg, tay vẫn run run, tự mời cho mình một miếng thuốc rồi lắc đầu:

— Có gì đâu xếp, tại tôi có chuyện lo lắng.

— Lo cái gì mà đến nỗi run bần người lên như vậy?

— Bán chết cháu thằng Pepi rồi tôi mới nghĩ ra chuyện này. Tuy có chậm nhưng còn hơn không.

O'Bannon nín thở. Hắn khó chịu, hỏi dồn:

— Chuyện gì, nói mẹ nó ra đi, sao cứ lằng nhằng rào trước đón sau...

— Trình với xếp, tôi chỉ sợ mình không lừa nổi thằng Pepi. Chúng nó không phải là con nít. Nếu nó chịu khó suy nghĩ một chút và cho người đi điều tra, thằng trùm Pepi sẽ biết mình gài thằng cháu nó vào cho tụi kia làm thịt. Biết vậy rồi, thay vì đánh lẫn nhau, cả hai phe tụi nó xúm lại làm thịt mình thì chỉ có nước chết. Có bỏ lên trời chúng nó cũng gởi người lên tìm cho ra.

O'Bannon ngả người ra ghế, cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng.

Thì ra vậy! Mình chỉ lo xa. Hoá cho nên cái đầu thằng Krugg còn kém xa cái đầu mình. Tuy kém nhưng vẫn là một dấu hiệu tốt cho gia đình O'Bannon. Mình có một thằng đàn em dưới trướng biết suy nghĩ "sâu" như vậy thì còn lo lắng gì nữa. O'Bannon cười cười:

— Mày suy nghĩ đúng. Tao thừa biết chúng nó cũng ma đầu lắm chứ chẳng hiền lành gì, nhưng theo tao suy luận, tao dám cá với mày là chúng nó sẽ giết nhau.

O'Bannon ngừng nói một lúc. Krugg đứng hể hống nhìn đàn anh. O'Bannon vừa gõ gõ ngón tay vào trán mình vừa tiếp:

— Chắc mày thắc mắc vì sao tao dám quả quyết là chúng nó giết nhau? Hà hà... để tao cắt nghĩa cho nghe...

Krugg nuốt nước miếng chờ đợi. Nhưng bỗng đàn anh O'Bannon lại đổi giọng:

— Nhưng mà khoan đã, mày chạy ra kêu thằng Borland vào đây, tao cắt nghĩa luôn cho cả hai hiểu một lần. Tính tao không thích lặp đi lặp lại nhiều lần một chuyện.

Khi hai thằng đàn em có mặt đầy đủ trong văn phòng, O'Bannon ra dấu cho chúng nó đóng cửa lại rồi bắt đầu đi một đường cắt nghĩa. Nó mở đầu bằng câu chuyện vua David thời xưa, đưa ra những suy tính của nó rồi kết luận:

— Đó là lý do tại sao tao phải để thằng cháu Pepi chết. Tao thừa biết

những thằng như trùm Pepi, chúng nó đã già đầu trong nghề đâm chém, sức mấy để cho những thằng mới ra nghề như mình xỏ mũi khơi khơi chỉ vì cái chết của một thằng cháu trong nhà! Tao biết mình không qua mặt chúng nó nổi. Nhưng chính cái thằng cháu này lại làm cho chúng nó đổ máu với nhau mới là chuyện lạ. Mà tụi mày biết vì sao không? Phải tập suy nghĩ đi, tao muốn tụi mày tập suy nghĩ, vì sao vậy?

Không có tiếng trả lời. Đàn anh hỏi khó thấy mẹ, đứa nào trả lời nổi! O'Bannon ngừng nói một lúc để câu nói thấm vào đầu hai thằng đàn em. Sau một lúc, O'Bannon mới tiếp tục:

— Thôi để tao cắt nghĩa. Có nhiều lý do để chúng nó giết nhau dù biết rằng mình qua mặt chúng nó. Trước hết, tao dám cá với chúng mày là nếu thằng bị bắn là con trai của Pepi thì chỉ một tiếng đồng hồ sau chúng mình đã biến thành những cái xác máu me tùm lum rồi. Thằng quản lý này tuy mang tên Pepi nhưng chỉ là một thứ bà con xa trong dòng họ. Mày hiểu tình gia đình mà. Ngoài cha mẹ anh em rồi thì gặp nhau tuy chú chú cháu cháu ngoài miệng nhưng trong lòng thì coi như người dung nước lã. Tao suy luận như vậy không phải là không có bằng chứng. Bằng chứng là, nếu trùm Pepi không coi cháu mình là người dung nước lã thì nó đã có một công việc để làm từ lâu rồi, đầu đến nỗi phải lang thang thất nghiệp, đầu đường xó chợ cho đến khi tao gọi nó về! Tao chọn thằng này không phải chỉ vì nó tên Pepi mà thôi đâu! Tao đã điều tra kỹ lý lịch nó rồi. Lúc nó sống mà ông chú bà con uy quyền giàu có như vậy không kiếm được cho nó một công việc thì lúc nó chết đi, chắc ông chú cũng không thêm phí công đi đổ máu vì nó. Tao còn biết thêm một điều là những thằng trùm Mafia là những thằng sợ chiến tranh nhất. Chiến tranh chỉ là giải pháp cuối cùng của một vấn đề không có lối thoát nào

khác...

Hai thằng đàn em ngồi đực mặt ra. Đàn anh O'Bannon lý luận nghe lạ quá:

— Vậy mình để bọn Cecolo bắn chết nó có lợi gì?

— Có lợi chứ! Từ từ, để tao nói tiếp lý do thứ hai. Tụi mày hiểu, tuy thằng cháu Pepi là bà con xa nhưng đứa nào dám động đến nó tức là đứa đó đã tát vào mặt trùm Pepi rồi. Để tao coi có cách nào cắt nghĩa cho tụi mày hiểu. Ở đúng rồi, như chuyện... con chó trong nhà vậy. Cũng như mày có con chó trong nhà, bình thường mày chẳng coi nó ra gì hết, không bao giờ để ý đến nó nhưng nếu có ai đã nó một cái thật đau trước mặt mày, mày có nhịn được không? Chó đã vậy, nói gì đến người. Khi cái tin thằng cháu Pepi bị chúng nó quất sùm khơi khơi giữa ban ngày ban mặt, vì danh dự, vì thể diện trong giới giang hồ, thằng trùm Pepi nhất định không thể để yên vụ này.

Hai thằng đàn em gật gù. Sự suy tính của đàn anh xem ra càng lúc càng thấy có lý.

— Lý do thứ ba: bọn Cecolo. Tao dám cá với chúng mày là chỉ trong vòng vài tiếng đồng hồ hay chậm lắm là ngày mai, chúng nó sẽ biết là chúng nó vừa giết lầm một người vô tội. Nói một cách rõ ràng hơn là chúng nó sẽ khám phá ra chuyện đã bị tao cho vào bẫy. Kẹt một điều là chúng nó cũng biết rằng tụi Pepi sẽ không bao giờ tha thứ cho chúng nó cái tội này. Tội giết người là tội nặng hơn bất cứ một tội ác nào, đầu phải năn nỉ mà xin được! Hơn nữa, chuyện quan trọng nhất là: chẳng lẽ chúng lại đi nói cho thiên hạ biết là gia đình Cecolo, một gia đình thế lực lừng danh ở Chicago vừa bị thằng Do Thái oắt con O'Bannon cho vào bẫy? Đầu có được! Làm vậy thì còn gì uy tín gia đình Cecolo? Vậy thì, chúng mày cố nghĩ xem chúng sẽ làm gì Nói phét không được, không dám nhận mình bị một thằng bé sỏ mũi, năn nỉ không xong, hoà lại càng không nữa, bọn chúng chỉ còn một đường

là tử chiến. Tử chiến đến đũa cuối cùng.

O'Bannon ngừng nói. Cả căn phòng chìm trong bầu không khí im lặng đến rợn người. Tên trùm Do Thái gắn một miếng thuốc khác vào môi, giờ tay ra dấu căn cái hộp quẹt của thằng Borland vừa kính cẩn đưa tới:

— Lý do cuối cùng, cũng quan trọng lắm, tao biết là chúng nó từ lâu đang tìm dịp sống mái với nhau một trận, nay tao cho chúng nó một cơ hội, sức mấy mà chúng nó chịu bỏ lỡ. Cái này tao gọi là dùng lưỡi gươm Goliath để giết Goliath. Hà hà... Krugg, bây giờ đã hết run chưa? Nếu hết rồi thì cho tao xin tí lửa để tao mời miếng thuốc coi...

Đúng y những gì mà O'Bannon phỏng đoán, cái chết của thằng cháu Pepi là lý do chính đã gây ra cuộc huynh đệ tương tàn năm 1918 trong đám Mafia ở Chicago.

Cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn này kéo dài hơn hai năm, và chỉ chấm dứt vào một buổi sáng đẹp trời khi chiếc xe của trùm Pepi đang chạy phom phom trên đường bỗng nổ tan tành như xác pháo ngay giữa phố. Cái chết của trùm Pepi kéo theo sự tan rã của cánh này.

Đối thủ chính của Pepi, Cecolo, dĩ nhiên cũng chẳng khá gì hơn nếu không nói là cũng ngắc ngư gần chết. Có cuộc chiến nào không tốn kém, không làm cho ngân quỹ, nhân sự suy sụp?

Sau mấy năm chiến tranh, khi khói thuốc súng của hai phe bắt đầu tan đi, trên cảnh điêu tàn đổ nát, dân giang hồ Chicago nhận ra sự xuất hiện của một bọn anh chị mới, chơi bạo đã chẳng thua gì bọn Mafia cũ mà còn được tổ chức vô cùng khéo léo, có kỷ luật sắt máu. Thiên hạ gọi bọn này là "cánh Do Thái" hay "cánh O'Bannon". Nhiều đàn em của Pepi sau ngày tan rã đã bỏ theo cánh này.

Vì cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn đã làm mọi gia đình Mafia Ý suy nhược nên cánh Do Thái trở thành một gia đình mạnh

nhất. Gia đình này gồm đủ mọi sắc dân và chủng tộc: từ Do Thái đến Ái Nhĩ Lan, thậm chí có cả bọn Ý...

Đĩ nhiên, O'Bannon kết nạp hết bọn cùng hung cực ác này vào dưới trướng không phải để chúng nó về đứng bán hoa cho mình. Cái tiệm hoa mà O'Bannon khổ nhọc mất mấy năm trời mới "mua" được bây giờ chỉ là một nguồn lợi rất nhỏ trong thế giới mới của O'Bannon. Với một đầu óc biết tính toán cộng thêm một lực lượng hùng hậu dưới trướng, O'Bannon chẳng bao lâu đã trở thành một ông vua con, uy quyền bậc nhất Chicago. Những nguồn lợi của cơ sở làm ăn O'Bannon đưa tới bây giờ, cũng y như bọn Mafia người Ý, gồm đủ mọi thứ. Từ cờ bạc, đi điếm, giết mướn, đánh mướn, lấy thuê để bảo vệ an ninh, tổng tiền, đến cho vay cá mập, v.v.. Nghĩa là mọi thứ gì bọn Mafia làm xưa nay, O'Bannon đều làm được. Chẳng những làm được mà còn làm hay hơn và làm một cách tàn bạo, chính xác và khoa học hơn nhiều.

Gia đình O'Bannon cứ tiến như vậy cho đến một ngày, tin ngừng bắn của bốn đại gia đình Mafia được loan đi. Khi tin này được mọi phía hoan hỉ đón nhận thì O'Bannon cùng thẳng cộng sự viên thân tín Krugg lại trở nên lo lắng đến mất ăn mất ngủ, đứng ngồi không yên. O'Bannon biết mình là người có tội. Dù trùm Pepi đã chết, dù sau cuộc chiến, chẳng thẳng nào trong bốn đại gia đình còn đủ tinh táo và sức lực để trừng trị nó ngay, nhưng O'Bannon biết bọn Ý vốn có một trí nhớ rất dai. Vài tháng hay vài năm nữa, khi lấy lại phong độ rồi, nếu chúng nó xúm lại mà đập mình thì mình nhất định phải chết.

Là một người sâu sắc, luôn luôn đi trước thời cuộc cỡ chừng 5 năm, O'Bannon rút ra được một bài học quý giá khi ngồi nhìn chúng nó giết nhau trong mấy năm qua: Chìa khoá sự thành công của nó chính là nhờ ở chỗ biết sử dụng lưỡi gươm Goliath. Nếu tại Ý không giết nhau, O'Bannon biết mình dù có tài giỏi

tới đâu cũng không thể sống được với chúng nó.

O'Bannon cứ suy đi nghĩ lại về chiến lược này. Và càng suy nghĩ nó

tiếng đàn cầm

Trong khách sạn Hilton Hà Nội
Trên bục xi-măng tù tội
Phím dương cầm được lên khắc trong đêm
Bằng mũi đinh rỉ ngoèn
Với dây công sản bắt
Trong song sắt
Người tù miệt mài với cái nóng điên
Với đôi khát và triền miên nỗi sợ
Trong đáy ngục cổ cầm man rợ
Người phi công nghệ sĩ
Đêm đêm tấu khúc nhạc cầm
Khiến chảy máu lỗ tai Thượng đế
Khiến loài người cúi mặt ăn năn.

Những điệu nhạc cầm
Làm quần quai mũi dao đồ tể
Làm súng đạn khóc thầm
Nhưng không làm ngưng được tiếng cười
Của những bọn thú người
Vô lại
Vẫn hả hê trên nỗi đau đồng loại
Vẫn thọc bút và gây ngoáy sâu
Vào những vết thương tươi
Những bạo chúa điếc đui
Tự xưng là đỉnh cao trí tuệ
Những óc heo đặc quánh hận thù
Mang bản chất thấp hèn nô lệ

Những điệu nhạc cầm
Vang ngữ điệp hơn ngàn lần tiếng nói
Không xích xiềng nào giam trói được thanh âm
Từ tim người phóng tới
Không hãm kiên giam nào khóa nổi
Mầm hy vọng tươi xanh
Từ trái tim người hoa lá vườn mình
Với mặt trời thức ngủ
Với giấc mơ đầy ấp yên bình

Nơi những ngón tay rướm máu
Trên phím đàn xi-măng
Nơi cội đốn đau nhức nhằn ẩn náu
Có biển xanh, suối bạc, hoa đăng
Có bếp lửa đoàn viên rượi hát
Có mây cao vun vút cánh chim bằng
Nhạc xé gió trên thiên hà lấp lánh
Muôn vì sao thốn thức giữa thang âm.
Trong tù ngục mà lòng anh xoải cánh
Bay thành thoi ngoài cội nhớ trăng rằm.

hà huyền chi



càng thấy, gia đình O'Bannon chỉ tồn tại khi nào còn mang được lưỡi gươm Goliath.

Sự suy nghĩ của O'Bannon dẫn nó đến một kết luận: Muốn đeo mãi lưỡi gươm Goliath, nó phải xâm nhập được hay ít nhất phải được đỡ đầu bởi một hệ thống quyền lực tối cao của đối phương. Và trong xã hội Mafia, cơ quan quyền lực tối cao nào lớn hơn Unione Siciliane?

Phải, Unione Siciliane, đây chính là câu trả lời cho mọi vấn đề hóc búa của O'Bannon. Nhưng O'Bannon biết, Unione Siciliane là một tổ chức sát máu, có truyền thống lâu đời. Ngay cả dân Siciliane mà muốn gia nhập cũng phải chịu một cuộc tuyển lựa gắt gao và điều tra lý lịch dài đến ba bốn đời. Dân Ý với nhau mà còn như vậy thì sức mấy mà chúng nó chịu chứa chấp một thằng Do Thái...

Lo nghĩ nhiều quá, O'Bannon đâm ra cáu kỉnh, người gầy hằn đi. Suốt ngày nó cứ đi ra đi vào như kẻ mất hồn, không làm được việc gì cả.

Một ngày, gặp nhau ở nhà thờ, bà mẹ O'Bannon thấy mặt mũi con trai mình tiêu tụy như vậy thì giật mình kinh hoàng. Bà cầm tay con trai, đề nghị một câu bình thường:

— Con làm việc nhiều quá nên mới như vậy. Sao không dắt vợ con đi nghỉ hè một chuyến cho tinh thần thoải mái rồi trở về?

— Đi nghỉ hè cũng tốt nhưng đi đâu mẹ?

— Đâu cũng được, miễn ra khỏi



thành phố này là con tìm lại được sự quân bình trong tâm hồn ngay. Mẹ thấy con hình như có mối lo gì trong gan ruột, sao con không lợi dụng dịp này trở về Nữ Ước thăm ngài đạo trưởng bạn cũ của bố ngày nào? Ngày xưa lúc còn hàn vi, ngài đã giúp đỡ gia đình ta rất nhiều, bây giờ mình ăn nên làm ra, con nên lên thăm ngài một chuyến để tỏ lòng biết ơn. Hơn nữa, mẹ nghe người ta nói ngài là một người rất khôn ngoan. Hy vọng ngài có thể chỉ dẫn con vài điều chăng?

O'Bannon như bừng tỉnh. Phải rồi, Nữ Ước! Chỉ có Nữ Ước mới cứu được nó ra khỏi tình trạng này thôi. Có vậy mà suy nghĩ mấy tuần lễ không ra. Đại bản doanh của bọn Unione đặt tại Nữ Ước chứ đâu nữa. Hơn nữa, chính tại đây nó còn mối thù giết cha chưa trả, đã tính khăn gói lên thanh toán nợ nần từ lâu nhưng cứ lần lựa mãi, chưa bao giờ có dịp.

Thế là O'Bannon liền nghe lời mẹ làm chuyến nghỉ hè lên Nữ Ước. Nhưng thằng con Do Thái chỉ nghe lời mẹ có... một nửa, vì nó đi nghỉ hè không dắt vợ con theo mà lại dắt theo thằng đạo phủ thủ cùng hung cực ác số một của nó: thằng Borland.

O'Bannon không có consigliere nên giao hết mọi chuyện ở nhà cho thằng Krugg. Nó chịu thằng này từ cái hôm nhìn thấy bàn tay nó run lên bần bật sau vụ thằng cháu nhà Pepi bị bắn chết. Trong hoàn cảnh đó, tay thằng Borland không run mà tay Krugg run chứng tỏ nó biết tính toán, biết lo xa. Những đứa biết lo xa đều có thể tin được. Thằng Borland bắn đẹp hơn, táo bạo hơn nhưng không thể sâu sắc bằng Krugg được.

Thế là một buổi sáng, sắp xếp công việc xong, thầy trò O'Bannon đáp xe lửa lên Nữ Ước.

Là người Do Thái bỏ Nữ Ước đã lâu, lại chẳng có bạn bè gì nên xuống tàu hỏa, O'Bannon không lang thang ăn chơi ở đâu cả mà ghé nhà thờ Do Thái liền. Lúc ấy trời đã về chiều.

O'Bannon dắt thẳng đệ tử bước qua hàng cửa sắt, đi bộ qua con đường nhỏ trái sắn dẫn vào nhà thờ. Chỗ thờ phượng nền tứ bề vắng lặng, phong cảnh hữu tình, cây cối u tĩnh giữa một nơi phồn hoa đô hội làm O'Bannon chợt chạnh lòng nhớ đến ngày xưa. Kìa là dãy nhà khách mà ngày nào bố con O'Bannon cùng ban nhạc đã dừng chân khi xuống Nữ Ước lần thứ hai. Đó là phòng khánh tiết nơi bố nó cùng toàn ban nhạc đã trở lên những điệu nhạc bắt hủ từ sáng sớm cho đến tối mịt. Cái ghế đá tro tro dưới ánh tà dương kia là nơi bố nó đã ngồi ôm chai rượu tâm sự với thằng con trai lần cuối.

Cảnh xưa vẫn còn đó, chẳng thay đổi chút nào mà người thì đổi thay thật mau chóng. Kể còn người mất làm O'Bannon thấy thấm thía cảnh phù du của cuộc đời. Bất giác nó thở dài rồi nghiêng răng cất bước mạnh dạn vào nhà khách.

Vị đạo trưởng ngày xưa giờ đã già lắm rồi nên mới đầu không nhận ra tên tuổi nó, để O'Bannon ngồi ở phòng khách của nhà thờ chờ mãi mới e dè xuất hiện. Nhưng vừa nhìn thấy O'Bannon thì lão nhận ra ngay. Làm sao quên được cái thằng mà mình cứu tử cho nó ngày nào.

— Ôi trời đất ơi, cái thằng tốt số con cháu Abraham này, mày lưu lạc mãi đâu mà đến bây giờ mới xuất hiện? Lại gần đây, lại gần đây để tao hôn mày một cái...

Ngài đạo trưởng vốn vãi và thật tình quá làm con người sắt đá như O'Bannon, con người chưa hề biết cảm động trước bất cứ chuyện gì mà cũng thấy muốn rơi lệ. Thật ra nó chỉ tính ghé thăm ngài để tặng ngài 10 ngàn đô cùng xin cái địa chỉ của thằng Abbey rồi bỏ đi liền nhưng mọi dự tính đều bị đảo ngược. Lão đạo trưởng nhất định không để thầy trò O'Bannon ra đi nếu nó không chịu ở lại dùng cơm và kể hết quãng đời vừa qua cho lão nghe.

Biết không thể từ chối được, O'Bannon hất đầu ra dấu cho thằng

đệ tử theo mình vào nhà trong để chuẩn bị ăn cơm tối.

Lão đạo trưởng đi theo hai đứa vào nhà trong, nói tiếp:

— Bàn tay sắp đặt của đấng Gia-vê thật là mẫu nhiệm. Con có biết tối nay ai sẽ dùng cơm với cha con mình không?

O'Bannon nhún vai lắc đầu. Lão đạo trưởng nói tiếp một câu làm O'Bannon cùng thằng Borland nghe xong là muốn té ngay xuống phòng khách nhà thờ:

— Đấng Gia-vê thật là mẫu nhiệm. Sao mà trên đời lại có chuyện lạ lùng, hi hữu và tốt đẹp như vậy nhỉ! Tối nay, căn nhà nghèo hèn này sẽ được hân hạnh đón tiếp hai người khách quý cùng một lúc. Con và nhà đại ân nhân Abbey của nhà thờ. Ông Abbey sẽ dùng cơm tối với chúng ta.

Borland đang đi bỗng tái mặt và khựng người lại khi nghe đến tiếng "Abbey" nhưng O'Bannon đã lẹ làng để tay ngang lưng nó đẩy tới. Làm như không có chuyện gì xảy ra, giọng O'Bannon vẫn ôn tồn, đóng tiếp vở kịch nó đã đóng cách đây gần mười năm:

— Lão Abbey, ha ha, lão Abbey, lão Abbey là ai, con không biết.

Lần này thì chính lão đạo trưởng khựng người lại ra vẻ ngạc nhiên

lắm. Lão nhìn lên trời như tìm đấng Gia-vê rồi xua tay như chợt hiểu ra một vấn đề hóc búa. Minh rõ thật là lẩn thẩn! Thằng Abbey giết bố nó chỉ có mình biết, nó làm gì biết mà phải nhớ? Cũng may cho nó, nếu nó biết thì nó đã đi theo bố nó rồi.

— Con quên rồi sao con trai? Mà thôi, có nhớ lại cũng chẳng ích gì. Ta chỉ muốn nói cho con biết đó là một người uy quyền, một đại ân nhân của nhà thờ này, một người đã đóng góp hết mọi chi phí để xây dựng nơi thờ phượng và trường học này...

Mặc lão đạo trưởng nói gì thì nói, đầu óc thằng Borland và ông chủ O'Bannon đang xoay chuyển dữ dội.

Với Borland, lúc toa xe lửa vừa lăn bánh khởi hành ở Chicago, O'Bannon đã chỉ thị cho nó biết chuyện thứ nhất phải làm liền lập tức khi hai người xuống Nữ Ước là: bắn chết mẹ thằng Do Thái già Abbey.

Là dân giết người chuyên nghiệp, Borland thấy chuyện này cũng thường thôi, dù chưa hề biết Abbey là ai và có hận thù gì với chủ mình. Nhưng bây giờ nghe nói là ông chủ được mời ăn cơm với Abbey thì Borland thấy chơi với. Chẳng lẽ móc súng ra mà nổ ngay giữa nhà thờ này! Nó nhìn mặt chủ

và thấy đàn anh mình tuy đóng kịch khéo lắm nhưng cũng đang bối rối thật sự.

O'Bannon khó nghĩ lắm. Ngay từ lúc chuyển xe lửa lăn bánh ở Chicago, nó đã có sẵn kế hoạch giết lão Abbey. Tuy đã lâu không đặt chân lên Nữ Ước nhưng O'Bannon biết muốn tìm lão Abbey chẳng có gì khó. Cứ vào nhà thờ Do Thái đẩy đưa vài câu chuyện là biết liền. Cho nên, một công hai chuyện, O'Bannon tính ghé thăm nhà thờ, tặng tiền để trả ơn và luôn thể hỏi thăm địa chỉ của lão Abbey rồi đột lẹ. Ai có ngờ được lão đạo trưởng lại mời mình ăn cơm chung với... xác chết?

Đầu óc O'Bannon đã xoay chuyển thì thế nào cũng có một quyết định. Nó biết nó không thể giết chết lão Abbey ngay tại nơi thánh địa này. Đã không muốn giết thì phải đóng tròn vở kịch của người vô tội. Cách đây hơn mười năm, nó đã đóng kịch giả lờ không biết gì về cái chết của bố để giữ mạng, bây giờ, tại sao lại không đóng tiếp vở kịch xưa để lấy mạng kẻ thù?

Quyết định xong, O'Bannon vỗ vai thằng Borland:

— Borland, ngài đạo trưởng đây sẽ giới thiệu cho tụi mình một người bạn uy quyền và thế lực bậc nhất Nữ Ước. Tao muốn mày phải đối xử với ngài Abbey một lòng kính trọng. Mày hiểu tao nói không?

Gì mà không hiểu! Xếp muốn mình xuôi lờ, đừng có giở trò gì đây mà. Borland liếc nhìn O'Bannon một cái rồi sốt sắng gật đầu.

Ngài đạo trưởng cùng O'Bannon chuyện vãn trong phòng khách chưa được bao lâu thì người hầu vào báo Abbey đã đến, đang chờ ở nhà ngoài. Nghe nói vậy là lão đạo trưởng quính lên liền. Abbey là một người uy quyền và thế lực bậc nhất ở Nữ Ước, không phải ai cũng mời được. Ngài đạo trưởng thân thiết như vậy mà phải "còm-măng" trước cả tháng mới mời được lão. Dĩ nhiên, khi mời một

thu phong

Hôm nay có trận gió cuồng
Thổi ngang đầu ngõ trời tuôn lá vàng
Mong manh sợi nắng vắt ngang
Trên cảnh phong ủa thu sang bất ngờ

Ngẩng trông mấy xóm lững lờ
Nhạn xưa lại ghé bến bờ thời gian
Hỏi gương mấy nét dung nhan
Hỏi người đếm tuổi xuân tàn trên tay

Gió cuồng khoé mắt cay cay
Nửa đời hư huyền mượn vay chút tình
Chân khua dòng nước vô minh
Trắng trắng lại ngỡ bóng hình ngày xưa.

b.h.t



nhân vật quan trọng như vậy, người ta không bao giờ muốn làm phật lòng khách quý về những cú bất ngờ. Abbrey mà thỉnh thoảng nhìn thấy mặt thằng con trai của kẻ mà mình giết ngày xưa ắt chẳng thể nào ăn uống nổi. Lão muốn ra trước để trấn an người khách quý.

Chẳng kịp xin lỗi, lão đạo trưởng đứng dậy bỏ đi như chạy ra nhà ngoài. May quá, Abbrey cũng là người lịch sự nên cứ ngồi ngoài phòng khách nhà thờ chờ đợi.

Gặp nhau, sau cái hôn là ngài đạo trưởng vào đề liền:

— Ông có nhớ thằng Charlie O'Bannon không?

Abbrey nhíu cặp mắt già nhăn nheo suy nghĩ một lúc rồi mới nhớ ra, chậm chạp trả lời:

— Phải thằng nhạc công dương cầm tài hoa năm nào không?

— Đúng rồi. Nó có thằng con trai đi làm ăn phương xa giờ đến đây thăm tôi...

Khuôn mặt già nua của Abbrey nhăn lại một cái tỏ dấu không vui. Ngài đạo trưởng tiếp luôn:

— Ông không có gì phải lo cả. Nó biết bố nó bị bệnh chết. Tôi xác nhận chuyện này.

Nét mặt lão Abbrey dịu lại, mấp máy cặp môi nhăn nheo, khàn khàn đáp:

— Tôi nhớ ra thằng này rồi. Nó biết bố nó bị phản ứng của thuốc sau vụ đứt mấy ngón tay mà chết. Ôi, tôi thương nó vô cùng.

— Tốt. Vì lâu quá không gặp, nó lại đến bất ngờ nên tôi mời nó dùng cơm tối với chúng ta luôn. Nếu ông không thích thì tôi có thể bảo nó đi liền.

Abbrey xua tay lia lịa:

— Đừng, đừng! Hãy để nó ăn uống tự nhiên với tôi. Tôi quý bố nó lắm. Hy vọng tôi có thể giúp gì được cho nó chăng!

Abbrey không chỉ nói ngoài miệng mà lòng lão thành thật nghĩ như vậy.

Con người, dù tuổi trẻ tham tàn bạo ngược tới đâu, nhưng đến tuổi già, khi nhìn thấy tất cả những gì mà mình chiến đấu giành giật suốt

cả đời chẳng thể nào đem theo về bên kia thế giới được, người ta thường thay đổi nhân sinh quan, thay đổi tính tình và lối sống. Năm nay đã ngoài 70 tuổi, Abbrey là một trong những người này. Đặc biệt năm ngoài, sau cơn động tim xuất huyết não, Abbrey lại càng trở nên hiền lành, dễ chịu và dịu dàng hơn nữa.

Thật ra trước đó, kể từ năm ngoài, mỗi lần đi hí viện Broadway để nghe ban nhạc Cameron trình diễn, lão thường chảy nước mắt ràn rụa. Mụ vợ Abbrey chưa bao giờ thấy chồng mình khóc, nay lại thấy lão như vậy trong một buổi hoà nhạc thì ngờ ngợ đoán rằng chồng mình giờ chứng... chết. Mụ không bao giờ ngờ được rằng những giọt nước mắt kia của chồng là để dành cho người nhạc công bạc mệnh tên O'Bannon.

Abbrey hồi hận lắm. Lão nhận thấy rằng mọi việc trên đời này xảy ra như trong một cuộc chơi đấu bóng. Lúc trò chơi còn thì người ta làm đủ mọi cách để chiến thắng, nhưng tàn cuộc rồi thì mọi người đều như nhau cả. Kẻ thắng người bại đều sẽ chìm vào quên lãng. Nhưng Abbrey đã tham dự trò chơi một cách quá hăng say, quá tàn nhẫn. Tàn nhẫn đến độ nếu cần phải đạp lên xác ai để tiến tới lão vẫn sẵn sàng. Và suốt cuộc đời, lão đã bước trên xác nhiều người, trong đó có một người thợ đàn dương cầm tên O'Bannon mà kết quả công lao là cái ban nhạc Cameron với điệu nhạc réo rất kia. Cướp công, cướp cả ban nhạc vĩ đại do xương máu và tài năng của người ta đã là một hành động tàn nhẫn. Cướp mà còn giết luôn chủ nó nữa thì lão thấy mình quả là hạng thú vật.

Từ sự hối hận đó, Abbrey muốn tìm cách để chuộc lại lỗi lầm của mình nhưng chưa biết cách nào. Bây giờ, sau giây phút bối rối ban đầu, nghe ngài đạo trưởng nói có con trai của O'Bannon xuất hiện thì lão mừng lắm. Càng mừng hơn nữa khi ngài đạo trưởng quả quyết với

lão là thằng nhỏ chẳng hề biết mình đã giết cha nó.

Abbrey gật gù, để cho ngài đạo trưởng choàng vai mình bước vào nhà trong.

Thằng cận vệ của Abbrey theo bên gót phía sau.

Ngồi trong phòng nói chuyện với bà đạo trưởng nhưng đuôi mắt O'Bannon để ý không thiếu một chi tiết những gì xảy ra ở nhà ngoài. Lúc bọn ba người bước vào đây nhà ngang dẫn vào phòng trong, O'Bannon nhìn mặt lão già Abbrey và bất giác thở dài.

Than ôi, thời gian quả có sức tàn phá kinh khủng. Mình chưa giết lão mà dường như cái ông thời gian đã làm gần được chuyện này rồi! Mỗi thù giết cha ấp ủ từ bao nhiêu năm bỗng biến mất, nhường chỗ cho một nỗi chán chường và ngao ngán trong lòng ông trùm trẻ sắt máu số một của Chicago. Lão này đi đứng lụ khụ, cử động chậm chạp như thế kia thì đâu có xứng đáng để lãnh một nhát dao lút cán của thằng con O'Bannon vào ngực?

Ngồi cạnh chủ, Borland nhìn lão Abbrey bước vào và cũng có cảm giác tương tự. Tưởng xếp muốn làm thịt ai, hoá ra lại là một lão già lụ khụ mà một ngọn gió thổi tưởng cũng có thể văng đi. Chán thấy mẹ!

O'Bannon thất vọng quá, cứ ngồi đực ra cho đến lúc Abbrey đến trước mặt nó, cúi hôn vào mặt nó mà nó không hay. Đến chừng nghe "chụt" một phát và má mình ướt nước miếng mới giật mình tỉnh mộng, lẹ làng hôn lại một cái đáp lễ.

Thằng Borland ngồi gần bên thấy cảnh hôn hít đó lại càng chơi với hơn nữa. Dân Do Thái quả thật là khó hiểu!

Bà vợ ngài đạo trưởng mời tất cả sang phòng ăn. O'Bannon được đặt ngồi sát bên cạnh lão Abbrey, nơi phía đầu bàn gần cái ghế chủ tọa của ngài đạo trưởng. Hai thằng phụ tá của hai ông trùm được ngồi cạnh nhau phía đối diện. Chúng nó giữ đúng phận làm tôi, miệng thẳng nào cũng câm như hột, lạnh lùng, ngay cả cái bắt tay cũng không

thêm trao đổi. Mẹ vợ và hai đứa con chia nhau chiếm những chỗ còn lại.

Bữa cơm tối bắt đầu hơi tẻ nhạt nhưng càng về sau thì càng trở nên hào hứng bởi chút men rượu và cái miệng lưu loát thao thao bất tuyệt của ngài đạo trưởng. Lão thật sự quý cả hai người khách. Trước hết, lão quý Abbrey là chuyện dễ hiểu vì tất cả mọi cơ sở của cái nhà thờ này nhờ bởi một tay Abbrey giúp xây lên. Không có Abbrey thì coi như chẳng có nhà thờ và, dĩ nhiên, ngài đạo trưởng chẳng thể ngồi nghênh ngang nơi này để mà ăn với nói. Còn quý O'Bannon là do cái lòng hâm mộ đặc biệt của con người thường dành cho những kẻ có tài, nổi tiếng. Bố O'Bannon là một nghệ sĩ thiên tài mà bị chết thảm thiết như vậy thì phải quý thằng con nó để bù lại.

Ngài đạo trưởng làm mọi cách để hai người "hoà hợp hoà giải" nhau.

Thật ra chuyện này chẳng khó khăn gì vì Abbrey từ lúc nhìn thấy O'Bannon đã có ý định kết thân với nó. Ôi, ngày xưa chỉ vì ham một chút tiền và trong giây phút nóng giận mà xuống tay giết bố nó, bây giờ nhìn nó mới thấy thương. Cùng con cháu Abraham với nhau cả, tội nghiệp thằng nhỏ quá! Nếu mình có thể làm được cho nó cái gì để chuộc lại lỗi lầm thì nhất định sẽ làm liền, Abbrey thầm nhủ với lòng và chờ dịp thực hiện.

Vì O'Bannon là người từ phương xa đến cho nên mọi đề tài nói chuyện đều hướng về nó. Ngài đạo trưởng căn cứ hỏi chuyện gia đình nó từ ngày nó rời Nữ Ước, sống thế nào, làm ăn ra sao.

O'Bannon mới đầu cũng ăm ừ chiếu lệ để làm vui lòng lão nhưng ngài đạo trưởng có cái tài gọi chuyện. Lão chỉ hỏi vài câu là từ từ O'Bannon dù mới đầu không muốn nhưng cuối cùng cũng phải phun bằng hết, vượt luôn cả câu hỏi, chẳng thêm giữ ý giữ tứ gì cả.

Chuyện này cũng dễ hiểu vì con người sinh ra ở đời, ngay cả các bậc vĩ nhân, ai lại chẳng có tật thích

khoe. Người có của thì khoe của, có tài thì khoe tài. Cái khoe của những người như O'Bannon khác người thường ở chỗ không phải gặp ai nó cũng khoe. Phải khoe đúng lúc và gặp đúng người. Thằng trẻ tuổi Do Thái hôm nay được ngồi trước hai kẻ quyền quý bậc nhất của xã hội Do Thái thì tội gì mà không khoe rùm lên!

Thế là nó bỏ nĩa xuống, bắt đầu thao thao bất tuyệt kể lại từ lúc đứng ngoài đường ngắm tiệm hoa cho đến lúc gài được thằng cháu của dòng họ Pepi vào tiệm của mình. Chẳng những khai hết mà nó còn thêm mắm dặm muối cho câu chuyện trở nên ly kỳ.

Lão Abbrey nghe đến đâu thì ngạc nhiên đến đấy. Miếng bí-tết đã bỏ vào mồm rồi mà lão cũng quên nhai, làm mọi người nhìn thấy chẳng ai muốn ăn nữa. Nhưng chỉ một lát thì ai cũng quên miếng bí-tết trong miệng lão Abbrey vì câu chuyện thằng O'Bannon kể hấp dẫn quá. Trời cho bố O'Bannon có tài đánh dương cầm thì cũng cho thằng con có tài ăn nói. Giọng nó đều đều, chậm chậm mà mọi người như thấy hoạt cảnh xảy ra ngay trước mắt mình.

Xưa nay, người ta nói hay được là nhờ bởi có người biết nghe. Nhà hùng biện O'Bannon thấy mọi người chăm chú thì càng hứng chí, quen bég mệch đích của mình xuống đây là để giết cái thằng Do Thái già đang ngồi sát ngay bên cạnh.

Người trong nhà không mà, O'Bannon kể luôn cái chuyện vua David ngày nào và cái âm mưu thâm độc dùng gươm Goliath để giết Goliath...

Lão Abbrey nghe xong câu chuyện thì bật cười sặc sụa, thối văng cả miếng bí-tết trong miệng ra bàn.

Mọi người ngạc nhiên quá xá. Xưa nay lão già này ít khi hứng chí như vậy. O'Bannon nghe lão cười cũng khoái, không ngờ mình có tài ăn nói đến vậy, thò tay nâng cốc rượu lên nốc ừng ực.

Nhưng cốc rượu chưa nốc cạn thì lão Abbrey đã thò tay đập mạnh vào lưng nó một cái như trời giáng. O'Bannon giật bắn mình, chú người tới trước vì cú đập bất ngờ. Rượu từ miệng nó văng ra chảy đầy hai bên mép rơi xuống thấm ướt cả áo. Hai lỗ tai nó đồng thời cũng nghe những lời tán tụng chất chứa bay ra từ miệng lão già Abbrey:

— Tuyệt vời, tuyệt vời! Thằng con trai! Cách đây mấy chục năm tao cũng nghĩ y như mày...

O'Bannon đặt ly rượu lên bàn, lấy khăn chùi miệng:

— Thưa ông, ông bảo sao ạ?

Abbrey đập thêm vào lưng O'Bannon một cái nữa. Tiên sư, lão già này coi lụ khụ vậy mà còn khoẻ gớm, vỗ cái nào cái nấy mạnh quá chừng!

— Tao bảo tuyệt vời. Thật là tuyệt vời! Tao là dân dốt nát, hề cầm cuốn sách lên là thấy buồn ngủ nên tao ít đọc kinh thánh, tao không để ý đến chuyện vua David, nhưng ngày xưa tao cũng suy nghĩ và làm y như mày vậy...

Nói tới đây, lão bỗng ngưng bật, ngừng mặt lên nhìn mọi người một lúc rồi lạnh lùng nói như ra lệnh:

— Tôi nghĩ bữa tiệc của chúng ta có thể chấm dứt ở đây được. Ai không có... chuyện có thể rời phòng ăn vì tôi cùng ngài đạo trưởng và anh bạn trẻ O'Bannon đây có chuyện riêng muốn nói với nhau một chút.

Nói xong lão nhìn thẳng cặn vè mình hất đầu một cái.

Mọi người tiếc rẻ cho câu chuyện hào hứng đang nghe nửa chừng. Ngài đạo trưởng cũng nhìn vợ mình và hai đứa con ra dấu cho chúng nó rút. Riêng O'Bannon biết lão Abbrey sắp phun ra một chuyện quan trọng và mơ hồ nhận thấy rằng chuyện đó có phần nào liên quan đến "lưỡi gươm Goliath" của nó nên mừng thầm trong bụng. Nó nhìn Borland chưa kịp ra dấu thì thằng này đã lẹ làng đứng dậy kiêu từ bước ra ngoài.

Đích thân ngài đạo trưởng khoá trái cửa phòng ăn rồi trở lại ngồi

giữa ba người.

Từ khi nhìn thấy thằng con O'Bannon tại phòng khách, Abbey đã thấy khoái nó. Khoái vì lương tâm bị dằn vặt cũng có mà vì thích cái típ người như nó cũng có. Tại sao trên cõi đời này, một người có thể thích người này hoặc ghét người nọ thì khoa học khó mà cắt nghĩa được. Có những người chưa bao giờ gặp nhau, không có liên hệ hoặc hận thù gì với nhau nhưng vừa thấy mặt nhau là có thể thích liền hay ghét cay ghét đắng nhau ngay trong giây phút đầu tiên gặp gỡ. Abbey vừa gặp thằng O'Bannon là đã thấy muốn nhận nó làm con nuôi rồi. Đến khi ngồi nghe nó kể chuyện đời thì lão càng có cảm tình hơn nữa. Chao ôi, sao mà cái thằng này nó giống mình nhiều điểm quá! Nếu lấy thằng O'Bannon này từ Chicago đem bỏ vào Nữ Ước và vận động hồ ngược lại vài chục năm thì nó là mình chứ còn gì nữa? Ngày xưa mình cũng vậy, cũng xuất thân nghèo hèn nhưng có chí lớn, rồi cũng mưu chước, cũng thủ đoạn, cũng dùng người khác để vươn lên và để tồn tại trong cái xã hội vật chất của Nữ Ước. Cái lưới gươm Goliath mà nó nói đến mình đã áp dụng cách đây mấy chục năm và đã đi đúng con đường nó nghĩ. Vậy thì, giờ phút này đây, còn chần chừ gì nữa mà không giúp nó một tay để giải tỏa cái niềm hối hận trong lòng kia?

Phòng ăn bây giờ im lặng như tờ. Dù đã ngồi sát bên O'Bannon, lão Abbey còn rần nhích ghế ngồi sát nó hơn nữa, ra dấu cho ngài đạo trưởng khom người tới để nghe rồi mới nhẹ nhàng hỏi O'Bannon:

— Có phải chú mày xuống Nữ Ước để tìm gươm Goliath không?

Đã phần nào đoán được câu hỏi, O'Bannon mau mắn gật đầu.

— Mày muốn móc nối với bọn nào vậy?

O'Bannon lim dim cặp mắt, chưa thèm trả lời. Abbey ngồi nhìn nó một lúc rồi buông ra một câu làm nó muốn nhào ra khỏi ghế:

— Mày muốn xâm nhập vào đại

đẩy xe thiên cổ

từng đêm tôi thấp sao trời
đẩy xe thiên cổ trong nơi mịt mù
giữa vòm trời đất mông lung
hồn buồn theo bánh xe tung bụi đường
trong xe chở cái vô thường
tôi đi về nẻo dặm trường hư vô
sau lưng thế giới xô bờ
nghe vàng tiếng gọi tôi đồ dương gian.

lê đã sử



bản doanh Unione Siciliane có phải không?

Lão già này gớm thật! Lão đi giày trong bụng mình rồi. O'Bannon hoảng lắm nhưng vẫn chưa thèm trả lời. Abbey cười cười:

— Tuổi mày còn nhỏ mà sao gian hùng quá cỡ, giống tao hồi xưa y hệt. Gian hùng là một chuyện tốt, chẳng có gì phải mắc cỡ, đừng có làm bộ ngờ ngác với tao. Mà mày khỏi cần nói tao cũng biết mày muốn gì rồi. Nhưng tao hỏi thật mày, ở Chicago mày lớn thế nào, ngon lành thế nào thì tao không biết chứ ở Nữ Ước này, mày chỉ là một thằng Do Thái vô danh tiểu tốt. Mày quen ai ở Nữ Ước này mà dám âm mưu ghê gớm vậy?

Câu này thì O'Bannon đành chịu ngọng, không thể trả lời được.

Nó đáp tàu hỏa lên Nữ Ước với hai mục đích: xâm nhập đại bản doanh của bọn Unione Siciliane và giết Abbey, kẻ tử thù của gia đình. Cả hai việc làm O'Bannon chỉ mới có ý niệm mờ mờ trong đầu, ngoài ra chưa có kế hoạch gì rõ rệt. Ở tuốt mãi tận Chicago, chưa có vẫy cánh và không biết gì về đường đi nước bước ở Nữ Ước thì tính toán thế chớ nào được? Bây giờ nghe lão trùm Do Thái già hỏi câu đó thì nó mới trở về với thực tại.

Bối rối trong lòng nhưng bề ngoài nó vẫn giữ vẻ mặt lăm lè cố hữu, làm như đã tính toán đâu ra đấy hết rồi. O'Bannon đưa tay lên

xoa cằm:

— Dĩ nhiên, trước khi làm việc gì người ta cũng phải có kế hoạch. Bọn Unione với ai thì ghê gớm chứ với tôi, tôi có coi chúng ra gì đâu!

— Ngon thật! Để tao hỏi thử mày đem theo bao nhiêu tiền?

O'Bannon nhún vai:

— Đủ.

Abbey đắm tay xuống bàn:

— Mày lăm to rồi con trai. Đừng bao giờ nói tiếng “đủ” với bọn Unione. Bọn Unione ở đây chúng nó ăn to xài lớn quen rồi, không như những thằng nhà quê Chicago mà mày thường giao thiệp đâu! Bọn lính trơn của Unione đã ăn bạo, dân quan quyền của chúng nó còn ăn bạo hơn nữa. Mà lòng tham chúng nó thì vô đáy, cho bao nhiêu cũng không đủ hết. Nói mày đừng buồn, ngay bây giờ, mày chỉ ra chừng ngàn đô-la chưa chắc đã mời được một thằng có chức phận trong chúng nó đi ăn với mày. Mà chúng có chịu đi ăn với mày, chưa chắc mày đã moi được một tin tức nhỏ hay nhờ vả chúng được một chuyện gì, đừng nói đến chuyện nắm đầu hay xâm nhập đại bản doanh của chúng nó mà lợi dụng. Mày hiểu tao nói gì không?

Abbey để ý thấy mồ hôi trán của thằng trùm trẻ toát ra theo từng lời nói của mình. Tiên sư, không đồ mồ hôi sao được! Cái đồ ngựa non thường hay háu đá, tưởng chuyện đời cái gì cũng dễ dàng hết! Đâu có dễ như vậy! Vì cái chuyện đã lỡ

tay... giết bố nó hồi trước, mình muốn giúp nó để "bồi thường" thiệt hại, nhưng nó ương ngạnh quá, đâu thể khơi khơi xì chuyện đó ra cho nó nghe được. Để coi thử thằng này ngon tới mức nào cho biết.

O'Bannon ngồi im một đống, không nói không rằng. Lão già Abbrey phân tích tình hình đúng béc. Giao thiệp nhiều với bọn Unione ở Chicago, nó biết giá bọn này đắt hơn vàng. Mà đắt cũng phải bởi vì đâu phải hề muốn là ai cũng khơi khơi trở thành một đảng viên thụ phong của Unione được! Từ lúc khai lý lịch cho đến khi được thụ phong có khi kéo dài cả ba, bốn chục năm với nhiều thủ tục chết người. Một trong những thủ tục đó là phải ra tay giết hai người để đoạn tuyệt với đời sống lương thiện. Vì vậy, ngay đến dân anh chị chính gốc Ý, hề quen được một người của Unione đã là vinh quang, hãnh diện lắm rồi. Nếu mời được một nhân vật cỡ có chức phận đi ăn tối thì thiên hạ ai nấy đều khiếp sợ, hoạn lộ thăng tiến vù vù. Ngay cả đến trùm, nếu không được Unione Siciliane ban phép lành thì cũng khỏi có nói chuyện tồn tại đi. Chết bất đắc kỳ tử là chuyện thường. Trong khi đó, như Abbrey đã nói, mình chỉ là một thằng Do Thái vô danh tiểu tốt tại đất này, làm sao dám lên Nữu Ước là đất của "tổ phụ Mafia" để mơ những chuyện hoang đường như là xâm nhập vào bộ chỉ huy tối cao của chúng nó?

O'Bannon lặng người, vẻ bối rối hiện rõ. Dù tài giỏi đến đâu đi nữa, nó cũng chỉ là một thanh niên xấp xỉ 30 tuổi. Tuy mặt mũi nó già hơn tuổi nhiều vì bị chứng hoại da, nhưng đầu óc của một thanh niên làm sao bằng được một bộ óc cáo già cỡ Abbrey!

Vẻ bối rối của O'Bannon không thể qua khỏi cặp mắt cú vọ của Abbrey. Lão bắt đầu thấy khoái vì đưa được thằng nhỏ bất trị này vào ngõ bí. Abbrey chơi độc, cũng chẳng thêm mở miệng, cứ ngồi im như vậy để "thưởng thức" sự bối rối của thằng nhỏ.

Tự nhiên ngài đạo trưởng xen vào:

— Thôi ông Abbrey! Nó như con cháu mình, mình thấy giúp được gì thì giúp cho nó. Tôi biết ông ngày xưa cũng khó khăn chồng chất như nó nhưng đã vượt qua được. Mình là người Do Thái với nhau, phải nương nhau mà sống trong cái xã hội này...

Ngài đạo trưởng nói một thôi. O'Bannon nghe tới đâu sượng tới đó. Rồi lão đột ngột vỗ vai nó, tiếp:

— Con tuy là một người tài giỏi nhưng đừng quên rằng con bước vào xã hội này như một con sư tử con bước vào rừng. Rừng hoang lắm ác thú và cạm bẫy, dù là sư tử vẫn cần được dẫn dắt, chỉ bảo. Bác Abbrey là người khôn ngoan tài giỏi, bác sẵn sàng giúp đỡ nếu con muốn. Con chỉ cần hỏi là bác ấy sẽ giúp con liền...

Quay sang Abbrey, ngài đạo trưởng tiếp luôn, giọng thành khẩn:

— Ông Abbrey, đây là một dịp tốt để ông giúp đỡ con cháu của người xưa, xin chớ phụ lòng.

Abbrey gật gù. "Một dịp tốt để giúp đỡ con cháu người xưa", ý lão đạo trưởng muốn nhắc nhở Abbrey nên giúp thằng con để chuộc tội giết bố đây mà, lão già làm gì không hiểu. O'Bannon nghe qua cũng hiểu liền nhưng tăng lờ, đóng tròn vở kịch đã kéo dài mười mấy năm nay: chẳng biết bố mình ngày xưa chết vì bị giết.

— Sao, ý con thế nào Charlie?

Nghĩ thế chó gì nữa! O'Bannon là một con người sẵn sàng làm đủ thứ chuyện để vươn lên, kể cả chuyện năn nỉ xin xỏ kẻ đã giết cha mình. Thật ra bảo nó liếm gót giày lão nó cũng liếm, nói gì đến chuyện năn nỉ



còn con kia.

Nó liền xoay người, đưa tay ra nắm lấy tay lão già Abbrey, nói giọng tha thiết:

— Xin bác ra tay giúp cháu một phen. Tình hình nguy kịch lắm, bác mà không giúp cháu thì phen này cháu hết dám về lại Chicago.

Trong cuộc đời Abbrey, lần cuối lão rung rung muốn khóc là lần gã chồng cho con gái, bây giờ nghe O'Bannon nói vậy thì lão cảm động lắm, nước mắt rơm rớm. Hình ảnh chàng nhạc sĩ dương cầm tài hoa ngày nào lại trở về trong trí lão. Ôi, nếu bố nó đừng bị giết, nếu bố nó còn sống thì với tài năng đó, có lẽ giờ này bố nó đã thành triệu phú và tên tuổi vang danh khắp nơi trên thế giới.

Lão Abbrey đặt bàn tay lên tay O'Bannon:

— Mày nói vậy thì tao sẽ giúp mày, nhưng phải trả lời mấy câu hỏi của tao đã. Trước hết, mày lên Nữ Ước để làm gì?

O'Bannon buông ra hai tiếng ngắn, gọn lỏn:

— Unione Siciliane!

— Tốt! Mày đi đúng đường. Nhưng Unione cỡ nào?

— Cỡ... chủ tịch, mà phải mua đứt.

Abbrey gật gù ra vẻ thần phục. Ai ngờ thằng con nhà đánh dương cầm lại có những tư tưởng táo bạo y hệt như mình ngày xưa. Nếu ngày đó thằng này lớn hơn cỡ chừng chục tuổi thì mình đâu dám nghĩ đến chuyện giết bố nó.

— Mày chưa biết chủ tịch Unione là ai mà dám đòi mua đứt thì kể lớn mặt thật!

Nghe nói vậy, O'Bannon liền rút tay lại, ánh mắt trở nên lạnh lùng, nhìn lão già:

— Nếu bác không giúp được thì thôi, tôi xin phép kiêu từ, tôi còn nhiều chuyện phải làm.

Abbrey thấy vậy đâm hoảng, số một câu mà O'Bannon nghe thấy thì muốn quì ngay xuống để hôn tay lão:

— Bình tĩnh. Tao sẽ giúp mày được.

— Bác giúp tôi được?

Abbrey gật đầu, giọng chắc nịch:

— Tao giúp được. Để tao kể mày nghe một câu chuyện nhỏ...

O'Bannon cùng ngài đạo trưởng nín thở. Abbrey uống cạn ly rượu trên bàn rồi bắt đầu:

— Cách đây mấy chục năm, tao cũng gặp khó khăn như mày. Nhưng thời đó bọn Ý chưa có nhập quốc nhiều như bây giờ. Dĩ nhiên, mày biết, tuy chúng nó không nhiều nhưng bọn Ý kỳ lạ lắm, hễ chỗ nào có chúng nó là thế nào cũng có mấy màn tổng tiền, màn đóng hụi sống hụi chết cho mấy thằng Mafia. Mày có tin không? Ngay lúc ấy mà Unione Siciliane cũng đã có mặt và hoạt động rồi.

Vì công chuyện làm ăn ở bến tàu, tao biết muốn thành công thì phải được sự yểm trợ của chúng. Bao nhiêu sinh hoạt bến tàu chúng nắm hết do bởi cái gọi là "nghiệp đoàn công nhân bến tàu" khốn kiếp. Chúng kiểm soát từ chuyện xuống hàng, lên hàng, nhập kho.v.v.. Ngay cả chuyện tiền nong buôn bán lời lỗ bao nhiêu một ngày chúng nó cũng biết. Cũng như mày, tao tìm cách mua đứt thằng chủ tịch. Vì nắm hết được số thương vụ của tao nên nó đòi ăn rất bạo. Gặp Do Thái như bọn mình thì chúng nó càng chặt nặng tay hơn. Thằng chó đẻ cho tao một giá rất mắc, mắc đến độ tao có thể nói là mình khổ cực như vậy, bỏ nhiều vốn như vậy mà chỉ được hưởng một phần ba lợi tức, còn chúng nó ngồi chơi xơi nước mà đớp ngon lành hai phần ba còn lại. Biết là bị chúng nó ăn trên đầu nhưng tao vẫn phải bóp bụng chịu, vì nếu không thì sẽ có hàng trăm đứa khác muốn nhảy vào và sẵn sàng chi cao hơn mình.

Ngừng một chút, lão tiếp:

— Dù chi đẹp vậy mà có yên đâu! Lâu lâu tao cũng bị những vụ chết người như thường. Một ngày, không hiểu chúng nó ăn chia không đều thế nào mà hàng của tao bị bỏ nằm trong tàu cả tuần lễ. Hàng cặp bên, không bốc được, chỉ cần trễ một ngày là phải chi đủ thứ: tiền

mướn chỗ đậu, tiền mướn tàu, tiền bảo hiểm, tiền thiệt hại.v.v.. chưa nói chuyện kinh hoàng nhất là hàng hoá, nếu là đồ tươi sẽ bị hư thối, hàng khô thì có thể mốc meo hay mất giá trên thị trường. Nhiều thằng đã từng sạt nghiệp vì mấy cái màn vớ vẩn này. Tao hoảng lên đi tìm thì thằng này đồ thằng kia, thằng kia bảo tại thằng nọ... Dù mẹ, lúc thò tay nhận tiền thì mau lắm, nhưng lúc có chuyện gặp chúng thì toàn một giống như vậy. Trong khi đó giao kèo đã ký với khách hàng, trễ một ngày là tao phải móc tiền túi ra bồi thường...

Abbrey chau mày lại như đang nhìn thấy cảnh khó khăn đó hiện ra trước mắt:

— Bị dồn vào đường cùng, tao quyết định có thái độ dù biết là rất nguy hiểm. Trước hết, tao cúp tiền hụi chết đóng cho chúng nó. Mày hiểu, lúc đó tao cũng là một thằng có thể lực rồi. Tao bèn lợi dụng uy tín để gọi cảnh sát, gọi dân biểu, gọi tùm lum, và quan trọng nhất là gọi mấy thằng nhà báo, đâm tiền vào mồm chúng nó để chúng làm rùm rộ vụ này lên. Hễ quen chỗ nào là tao gọi chỗ đó. Bọn dân biểu và báo chí vậy mà được việc. Nội vụ phanh phui tùm lum trên báo, bọn nghiệp đoàn khốn kiếp bị quay toi bởi. Không ngờ thế lực tao mạnh vậy nên chúng nó gửi người xuống thương lượng với tao. Mày biết bọn này mà. Chúng nó luôn luôn "lễ nghĩa đi trước, súng đạn đi sau". Tao cũng không ngờ cái thằng đến gặp tao lại là nhân vật quan trọng số hai của Unione Siciliane. Nhìn thấy nó, nói chuyện với nó chừng mười phút là tao nẩy ra một kế độc liền... hà hà...

Nói đến đó, lão Do Thái già gục đầu cười sặc sụa, cười văng cả nước miếng ra mặt bàn. Dường như lão vừa sống lại giai đoạn hào hứng nhất đời mình.

O'Bannon biết những gì lão già sắp nói rất quan trọng. Nó nín thở chờ đợi...

(còn tiếp)

quay trong cơn lốc

TRUYỆN DÀI
Nguyễn Ngọc Ngạn



CHƯƠNG 1

Cồn lăm lăm bước vào quán, mang theo nỗi sầu vời vợi hiện rõ trên nét mặt. Gặp Khang ở nhà Hồng, một việc rất bình thường mà không hiểu tại sao bỗng dưng làm Cồn thất vọng. Trong ánh mắt và cử chỉ của cả Hồng lẫn Khang, có cái gì bối rối, khiến Cồn mơ hồ cảm thấy ngay cái không khí khác lạ đang vây quanh hai người. Lại nhất là cách xưng hô không còn chị em mà Cồn nghe đã quen tai từ hai năm nay. Khoảng cách khá lớn về tuổi tác dường như vừa mới xóa đi để một thằng thanh niên mới lớn

trở thành tình nhân của người đàn bà đứng tuổi. Cồn lăm lét nhìn Khanh dò xét rồi chợt biết mình thừa thãi. Gã ú ớ vài câu xã giao nhạt nhẽo và giả từ. Hồng tiễn gã ra tận cửa, cổ lấy giọng ân cần:

— Chú ghé chơi hay có chuyện gì không, chú Cồn?

Cồn lưỡng lự xuống sân không thèm quay đầu lại:

— Đi ngang, tạt vào thăm chị thôi!

Gã mở cửa xe, chậm chậm chui vô, lơ đãng cài dây an toàn. Hồng đứng yên trên thềm, bàn tay đặt lên đùi, sợ gió thổi thốc cái váy rộng. Nàng thần nhiên không một lời nín

kéo như thói quen vốn đã thường nhật của nàng. Cả Khang ngồi ở bàn ăn trước mâm cơm đơn giản nhưng lịch sự, cũng tỏ một thái độ lạnh nhạt tương tự gia chủ. Cồn quay ra cửa rồi, mới thoáng thấy Khang giơ cánh tay, khẽ vẫy chào. Đã toan lên tiếng nói rõ mục đích gã đến đây chiều nay để nhắc Hồng ngày mai ra phi trường đón Hoàng Tiến từ Việt Nam trở về, nhưng Cồn chán nản im lặng, hững hờ nổ máy xe. Chính Hồng không bận tâm đến việc đón chồng, thì việc gì Cồn phải gởi ý. Gã sang số, rú ga, quay một vòng chữ U thật vội khiến bốn bánh xe rín rít nghiêng trên mặt đường như bày tỏ nỗi oán hận. Thấp thoáng trong kính chiếu hậu, Cồn thấy Hồng khom người ngất một bông hồng đỏ thắm trước khi quay vào nhà, khép cửa lại. Chiếc áo thun trắng ngắn tay, ôm sát tấm thân tròn đầy và cái jupe mong manh mùa hè màu tím thắm, ngấn lơ lửng ngang bắp chân, Cồn đã thấy Hồng mặc nhiều lần nhưng dường như chưa bao giờ làm gã chú ý. Hôm nay lần đầu tiên, gã có cảm tưởng đó là thứ y phục cố tình mời gọi của Hồng bởi chỉ có mình Khang bên cạnh.

Hoá ra những tin đồn mà ít lâu nay Cồn nghe phong thanh được về việc gian díu giữa Hồng và Khang là chuyện có thật, cái sự thật mà Cồn nhiều lần gạt phắt đi bởi khó có thể tin được. Đành rằng lúc này Hoàng Tiến vắng nhà thường xuyên, lộ trình Cali-Việt Nam trở thành quá quen thuộc, ông đi đi về về, lúc biến lúc hiện, ít còn thì giờ quanh quẩn bên vợ con. Hồng có tìm một hình bóng khác để lấp đầy khoảng trống tạm thời thì Cồn cũng chẳng ngạc nhiên lắm, Nhưng cái hình bóng ấy đáng lẽ ra phải là Cồn mới hợp lý, bởi Cồn là người gần gũi nhất, cùng lứa tuổi với Hồng và đặc biệt hơn cả, Cồn vẫn chủ quan hãnh diện về khả năng lôi cuốn người chung quanh, “kiến trong lỗ cũng phải bò ra” mỗi khi nghe Cồn nói chuyện! Cồn lại càng đau hơn bởi trong giao tiếp hàng

ngày, đã mấy năm nay, gã là người gần bó nhất với vợ chồng Hoàng Tiến, một thứ đàn em thân tín đến nỗi Hồng dám gọi là “chú” để chứng tỏ Cồn cũng như “anh em trong nhà”. Mỗi khi Hoàng Tiến đi xa, Cồn sốt sắng ghé thăm, ân cần hỏi Hồng có cần gì thì cho gã biết. Bề ngoài chỉ là sự chu đáo đối với đàn anh, nhưng thâm sâu là lăm le bước vào trái tim của Hồng. Gặp thường xuyên vẫn chưa đủ, hầu như tối nào trước khi đi ngủ, Cồn cũng điện thoại sang, vờ vịt một điệp khúc cũ rích: “Anh Tiến có phôn về không chị?” Câu trả lời của Hồng dù “có” hay “không” đối với Cồn cũng chả khác gì nhau bởi Cồn có quan tâm gì đến Tiến đâu! Gã chỉ mượn cớ để hàn huyên với Hồng cho đỡ trống trải vì vợ Cồn bỏ đi đã gần hai năm. Biết Hồng thích nghe nhạc, Cồn ra phố lượm từng đồng băng nhạc bán *sale* mười đồng ba cuốn, khuân đến biểu nàng. Vài lần Cồn bạo dạn mời Hồng đi ăn cơm tối, nàng đều dứt khoát từ chối. Cồn tuy hơi buồn nhưng lại tự an ủi bằng cách khen Hồng đúng đắn, ngại ra công chúng khi chồng vắng mặt.

Bây giờ thì sự thật cay đắng đã đến với Cồn. Người đàn bà ở tuổi bốn mươi, giá cả như bình thường thuở còn trong nước, thì dù nhan sắc có mặn mà, cũng chỉ như trái chín sắp lìa cành mà thôi. Nhưng ra hải ngoại, khung cảnh cuộc sống làm người ta trẻ lại đến cả một thập niên, không những chỉ ở bề ngoài mà nhất là sự tự tin trong tâm hồn. Rồi từ cái tâm lý thấy mình trẻ, dần dà nảy sinh phong trào các bà mê kép nhí, thích tung tăng bên những chàng trai chỉ đáng tuổi em út để càng cảm thấy mình trẻ hơn. Chuyện ấy diễn ra nhan nhản chung quanh Cồn từ mười mấy năm nay, ít người còn thấy ngứa mắt. Cồn chỉ không ngờ Hồng cũng rơi vào trường hợp này, vớ một thằng con nít... thiếu tình mẫu tử, thua nàng đến mười lăm tuổi! Cồn buốt nhói hình dung ra những buổi tối gọi phone cho Hồng, bẽ mồm bẽ miệng

để nói những lời dịu dàng nhất với nàng thì có ngờ đâu Khang đang nằm bên cạnh và chắc hẳn mỗi lần buông điện thoại, thế nào hai người cũng nhìn nhau ré lên cười vì sự ngu si của Cồn! Bất giác Cồn thấy gai cả người vì ngượng, đưa tay lên xoa má, chạm vào lớp da sần sùi như vỏ cam sành, dấu tích của thời niên thiếu mụn nổi đầy mặt. Gã trách mình đã đánh giá Khang quá thấp. Gặp Khang nhiều lần ở nhà Hồng mà gã chẳng bao giờ mấy may ngờ vực. Gã lại càng ân hận bởi thiếu cặp mắt tinh tế, không nhìn ra những nét đổi thay ở một người đàn bà vừa bước vào tình yêu, dù người đó có muốn giấu cũng không được!

Càng nghĩ càng nhức nhối, Cồn thở mạnh, cho xe giảm tốc độ rồi quẹo vào khu thương xá, dừng lại trước một tiệm ăn quen thuộc. Cồn nhớ đến Hoàng Tiến vẫn thường khen món cháo lòng ở quán này “ăn mãi không chán”. Và Cồn tính toán xem ngày mai, khi đón đàn anh ở phi trường, sẽ phải báo cáo thế nào về chuyện bất chính giữa Hồng và Khang mà Cồn chợt thấy là một sự phản bội rất bỉ ổi. Giá như việc ấy xảy ra với Cồn, nghĩa là cùng một việc ngoại tình, nhưng nếu kẻ đàn đứ với Hồng chính là Cồn thì ngàn lần Cồn sẽ không thấy chuyện đó tồi bại mà có thể còn coi là... chính nghĩa nữa! Không may, Hồng chẳng ngó ngang đến Cồn, cho nên dưới mắt Cồn bây giờ, Hồng là con dâm phụ cần phải trừng trị!

Cồn tắt máy xe, ngồi nán lại một lát rồi mới đẩy cửa uể oải chui ra, bước vào quán. Ngày đầu tuần vắng vẻ, cả tiệm chỉ có một bàn khách chiếm ngự ngay gần cửa. Ba người đàn ông cười nói oang oang, khề khà quanh chai Cognac và mấy đĩa mồi còn đầy ắp. Cồn nhận ra nhà văn Phan Trúc, mặt mũi vừa nghiêm trọng vừa hả hê, gật gù mái tóc hoa râm bên cạnh họa sĩ Vũ Luân, chuyên vẽ khoả thân. Đối diện Phan Trúc, một khuôn mặt trẻ mà Cồn đoán chắc là mầm non văn

nghệ, thỉnh các đàn anh đến quán, đãi đãi hậu hĩ để xin Phan Trúc ban cho vài lời giới thiệu, như một thứ “nhãn hiệu cầu chứng tại toà”, ngõ hầu chính thức bước chân vào văn giới. Cả ba người đều biết Cồn, bởi Cồn từng nắm giữ một tờ báo phát hành hàng tháng, nghĩa là, cũng đứng trong hàng ngũ những người cầm bút như Phan Trúc. Chỉ tiếc rằng, tờ *Trực Diện* của Cồn mới đóng cửa cách đây vài tháng và giờ này cái chết của tờ báo vẫn còn là vết thương lớn trong tim gã.

Nói đúng ra, nếu xét trên căn bản thương mại, thì Cồn đã phải đóng cửa báo từ lâu lắm rồi. Nhưng báo giới Việt ngữ ở hải ngoại có một truyền thống éo le là khi đã lỡ ra báo, người ta phải gắng sức duy trì nó. Thà nhịn ăn nhịn tiêu, xoay chỗ này đắp chỗ kia, chứ nhất định không đình bản. Lý do thâm kín là vì tự ái, nhất là khi trên mặt báo mình đã lỡ hung hăng mua thù chuốc oán, chửi người này đánh người kia. Nhiều lúc phờ phạc chạy tiền trả nhà in, Cồn đã nản chỉ muốn dẹp tiệm cho rồi, nhưng hình dung ra bao nhiêu kẻ thù đang chờ đợi *Trực Diện* đình bản để ăn mừng, Cồn chịu không nổi, phải rán bám víu, ít lắm một năm cũng phải hiện diện được tám, chín số, nghĩa là ăn gian của độc giả và thân chủ quảng cáo ba, bốn tháng.

Dưới mắt Phan Trúc, chủ báo như Cồn chỉ là một bóng mờ, chưa đáng đặt chân lên bực thềm thấp nhất của văn học. Tuy vậy, hễ gặp Cồn, ông vẫn xã giao để tránh đụng chạm. Ngược lại, Cồn cũng chả ưa gì những đồng nghiệp khác, bởi họ cứ cho họ là tụ điểm của hào quang. Ba năm trước, khi nhà soạn kịch Vaclav Havel lên làm tổng thống Tiệp Khắc, cả trăm ông nhà văn nhà báo lớn nhỏ chung quanh Cồn đều nghênh ngang ngược mặt nhìn đời, vừa khệnh khạng vừa dăm chiêu vì nhân loại mãi đến giờ này mới nhận thức được sự quan trọng của người cầm bút! Trong xu thế hiển nhiên của thời đại mới mẻ này, bước chân sang thế kỷ 21, người

lãnh đạo đất nước Việt Nam tương lai không thể không là một văn sĩ hay thi sĩ! Chính tại cái quán này, Cồn đã phải nghe đầy tai những phát ngôn vừa sâu sắc vừa... rỗng tuếch của những người làm văn nghệ suốt ngày ngồi ở bàn nhậu nhiều hơn bàn viết, nghĩa là quanh năm cầm chai nhiều hơn cầm bút! Vốn tự hào là một tay ăn nói có hạng mà khi ngồi chung với họ, Cồn vẫn lép vế, đôi lúc gần như lạc đường vào một thế giới không thuộc về mình.

Như thông lệ, thấy Cồn, Phan Trúc chào ngay nhưng không mời ngồi. Ít khi ông rủ ai nhậu chung, bởi ông cũng chỉ ăn ké của thiên hạ. Cồn gật đầu chào lại rồi tiến đến chiếc bàn kê bên cửa sổ, kéo ghế ngồi và ngó mông lung ra bãi đậu xe phía trước. Mặt trời đã xuống hẳn phía sau dãy cao ốc bên kia, chỉ còn sót lại vài vệt nắng xiên, bám lấy đám cỏ thụ bên lề đường, tàn lá xanh non lấm tấm bụi.

Chủ quán bung thêm hai đĩa thức ăn, quen miệng hô lớn "Nước sôi! Nước sôi!" trước khi đặt xuống trước mặt Phan Trúc. Nhà văn ngước lên, âu yếm nhận xét:

— Tiết canh đánh khéo lắm!

Chủ tiệm đưa tay nấn lại chiếc nơ đen trên cổ, nhũn nhặn đáp:

— Thưa, món gia truyền của chúng tôi! Nói thì bảo là nói phét, chứ ông bung đĩa tiết canh của chúng tôi, lỡ tay đánh rơi, cái đĩa bể chứ tiết canh không bể!

Phan Trúc nhe hàm răng ám khói, cười cười tán thưởng. Chờ chủ quán vừa quay lưng, ông hớp một hớp rượu khá lớn, đưa mắt nhìn Vũ Luân rồi gật gù vỗ vai gã thanh niên đối diện và bình phẩm:

— Thăng này làm thơ được! Trước khi biết làm thơ, phải biết sống như một nhà thơ! Thi sĩ nghĩa là phải rộng, phải hào sảng! Thi sĩ phải bước chân vào cõi mênh mông của đại dương, chan hoà như đêm đen bất tận. Cái gì cũng thấy lớn mà cái gì cũng coi là nhỏ. Cậu sẽ là một tiếng thơ lớn của thập kỷ 90 này!

Rồi xem!

Giọng ông sang sảng kể cả, nét mặt chan hoà hạnh phúc. Đời tị nạn buồn tênh, chỉ những giây phút đắm đuối bên bàn tiệc, mượn hơi men để xa lánh thực tại, ông mới là ông. Nhà văn hải ngoại như Phan Trúc, quá ít thì giờ sáng tác bởi lúc nào cũng bận rộn. Buổi sáng mười giờ thức dậy, súc miệng lau mặt sơ sơ rồi ngâm điều thuốc đi tìm cà phê. Tạt vào một tiệm ăn quen thuộc, ngồi nhâm nhi một lúc, thế nào cũng có vài khuôn mặt văn nghệ mon men đến. Thế là câu chuyện nổ như bắp rang, kéo dài tưởng chừng bất tận, có khi đến xế chiều, chủ quán phải nhắc khéo mới giải tán. Bữa điểm tâm mất nửa ngày. Quanh quẩn dạo khu thương xá vài vòng là chuẩn bị đến giờ đi ăn tối. Cứ thế, ngày này qua ngày khác và lúc nào cũng thấy mình không có thì giờ sáng tác.

Sau lời nhận xét của Phan Trúc, Vũ Luân thấy mình cũng có bốn phận phải nói vài câu vì cũng đang hưởng đồ cúng tế của mầm non văn nghệ. Ông giơ bàn tay lên cao, nhấn mạnh:

— Thì tôi đã nói với anh từ lâu rồi mà. Ngay bài đầu tiên tình cờ đọc trên báo, tôi đã thật sự xúc động. Bài thơ làm tôi mất ngủ cả một tuần lễ!

Phan Trúc gấp miếng dồi trường, chấm dấm mắm tôm chanh, nhai ngấu nghiến rồi long trọng bảo đàn em văn nghệ:

— Phải có những tiếng thơ như cậu, thi ca hải ngoại mới có lối thoát, mới ra khỏi sự trì trệ từ mười năm nay!

Giọng Phan Trúc khá lớn, che át tiếng nhạc phát ra từ hai cái loa gắn trên trần. Người nữ ca sĩ đang say sưa diễn tả bài *Tháng sáu trời mưa* phổ thơ Nguyên sa: "*Da em trắng, anh chẳng cần ánh sáng...*" Có được một người yêu như thế kể cũng tiện, ban đêm nhà có cúp điện cũng không sao! Ở một xứ nhiệt đới nghèo khổ, con gái hễ có nước da trắng là đã coi như có nhan sắc, bởi nó chứng tỏ không lam lũ, dãi

nắng dầm mưa. Bây giờ qua đây, người ta phải phơi nắng cho đen bớt. Nước da ngăm ngăm trở thành cái mốt của nhà giàu, có tiền đi tắm biển mỗi mùa hè.

Cồn liếc mắt nhìn sang. Nhà thơ tương lai hết sức cảm động, run run nâng chai rượu cổ lùn rót thêm cho Phan Trúc và âu yếm giục gã đàn anh cạn chén. Cứ uống bạo đi! Hoá ra làm thơ không khó. Cái bí quyết đàn anh vừa vạch ra quá đơn giản. Tiết canh, lòng lợn, rượu mạnh chỉ việc gọi cho ê hề, chi tiền không nhụt tay, rồi nguồn thơ sẽ từ đó mà nảy sinh! Cồn nén tiếng thở dài, đứng dậy bước ra quầy lượm tờ báo biểu mang về bàn, chúi đầu đọc để khỏi nghe những lời giáo huấn khề khà của Phan Trúc.

Theo thói quen nghề nghiệp, Cồn chưa thềm ngó ngang gì đến nội dung mà việc trước nhất là đếm những trang quảng cáo của đồng nghiệp, vốn là vấn đề sinh tử của loại báo phát không. Vì là dân trong nghề, Cồn thường lấy bút, tấn mần đánh dấu, phân loại quảng cáo sống và chết, thật và giả, nghĩa là những trang quảng cáo thu được tiền và những trang chỉ đăng chơi để hù thiên hạ. Ngày xưa trên tờ *Trực Diện* của Cồn, thiếu gì những mẫu quảng cáo hữu danh vô thực như thế này! Một tiệm ăn đóng cửa đã cả nửa năm, một văn phòng dịch vụ đối địa chỉ đã mấy tháng, vẫn thấy quảng cáo liên tục trên tờ *Trực Diện* để chứng tỏ mình được nhiều đồng hương ủng hộ!

Xem xong phần quảng cáo, Cồn mới lật lại từ đầu để liếc qua phần nội dung. Ngay trang ba, mắt Cồn dừng lại ở cái tựa đề rất lớn in bằng chữ đỏ: "*Lá thư mới nhất của Dương Thu Hương gửi bác sĩ Bùi Duy Tâm*". Bản tin khá đặc biệt nhưng không còn được Cồn để ý như ngày trước. Dương Thu Hương một thời là thần tượng ngự trị trong tim Cồn. Thậm chí giá có đưa nào chửi mẹ đẻ ra Cồn, Cồn cũng không tức bằng nói động đến Dương Thu Hương! Bây giờ thì Dương Thu Hương đã thật sự

“xuống cấp” trong lòng Cồn bởi đã lộ dần sự chua ngoa nấp sau những xảo ngữ xót thương dân tộc qua hàng loạt thư viết ra hải ngoại để xỉ vả và dạy dỗ những người đã hết lời tán tụng bà. Bản tin viết:

“Nhà văn Dương Thu Hương vừa gửi ra hải ngoại lá thư ngỏ đề ngày 21 tháng 7.92, xác minh là bà chưa hề ngủ với bác sĩ Bùi Duy Tâm, lý do vì bà mắc bệnh lãnh cảm và đang chữa trị bằng thuốc bắc. Dương Thu Hương không cho biết bà bị bệnh từ trước hay chỉ mới bắt ngờ bị lãnh cảm từ khi nhìn thấy khuôn mặt núng nính và đôi môi dày xạm xít của bác sĩ Bùi Duy Tâm, lúc hai người đi chơi với nhau trên sông Đà. Riêng bác sĩ Bùi Duy Tâm thì khẳng định cái đêm hôm ấy khi nằm với Dương Thu Hương trên du thuyền, ông chỉ ôm suông thôi, chứ không làm gì cả! Thành ra trong hai người, không biết có phải chỉ một mình Dương Thu Hương bị lãnh cảm hay cả bác sĩ Bùi Duy Tâm cũng mang căn bệnh táo bón ái tình!”

Cồn ngẩng lên lắc đầu, đặt tờ báo sang bên cạnh. Chủ tiệm vừa bung ra tô bún ốc phủ một lớp màu cam đỏ của bột nghệ và ớt khô xay nhuyễn, bốc hơi nghi ngút. Đĩa hành củ và hành lá thái vụn đặt bên cạnh trông cũng hấp dẫn không kém. Cồn bốc một nắm, rắc lên tô bún, trộn đều và xúc một muỗng lớn đưa lên miệng, vừa nhai vừa ngẫm nghĩ. Chuyện quốc gia đại sự mà cứ y như trò chơi, như một màn hát chèo hay vở tuồng Hồ Quảng cho người bình dân giải trí. Ông Bùi Duy Tâm lắm le ghế tổng thống tương lai, có Dương Thu Hương làm đệ nhất phu nhân sánh vai bên cạnh...

Cồn chợt liên tưởng đến đàn anh Hoàng Tiến. Hồng chỉ hiểu một cách ngây tình là Hoàng Tiến đang miệt mài kinh doanh ở Việt Nam, chuẩn bị cho quãng đường dài mai hậu khi tuổi xế bóng. Nhưng Cồn biết rõ đàn anh mình không đơn giản như vậy. Hoàng Tiến ôm tham vọng không thua gì Bùi Duy Tâm

vào thu

*lá phong đỏ rơi theo mùa thu tới
xuống cõi đời lạnh giá sống xa quê
năm với tháng qua nhanh không chờ đợi
đầy thuyền đi lạc mất bến quay về*

*còn đâu nữa Sài Gòn xưa ngập nắng
đường phố dài len giữa những tàn me
đôi tà áo nữ sinh màu lụa trắng
phất phơ bay làm dịu mát trưa hè*

*quê hương đỏ ngàn trùng trong cách biệt
bởi nhớ nhiều nên đậm khúc thương đau
nơi xứ lạ vẫn vương tình thân thiết
bạc đầu theo lá úa tóc phai màu*

*đàn bện mãi rồi bời theo ký ức
mây mù bay quanh quần bước chân hoang
đời sương gió biết sao là mộng thực
lạc về đâu khi bóng xế trắng tàn.*

vivi



và nhiều nhân vật khác đang lừng xướng trong cộng đồng từ mấy năm nay. Ông không cần tiền bởi ông đã có số vốn khá lớn nhờ gặp may trong ngành địa ốc đúng thời cực thịnh. Ông mưu cầu tự do dân chủ cho đất nước, thiết lập một cơ chế chính quyền mới mà trong đó ông chỉ cần giữ một chức vụ khiêm tốn là thủ tướng! Dĩ nhiên Cồn rất mong Hoàng Tiến thành công bởi Cồn đã được hứa sẽ trao cho vai trò tổng trưởng thông tin.. Chức vụ ấy vượt quá ước mơ, Cồn không dám mong, nhưng ít ra Cồn có thể là công cán ủy viên đặc nhiệm của Hoàng Tiến trong bước đầu tái thiết Việt Nam hậu Cộng sản.

Mười bảy năm khắc khoải ở hải ngoại đã làm nảy sinh tâm bệnh nơi nhiều người, sống lằng lằng trong ảo tưởng. Rồi nỗi ám ảnh của ảo tưởng cứ liên tục đè nặng trong tâm trí đến độ lâu dần người ta không còn biết đó là ảo tưởng nữa mà hoàn toàn lẫn lộn giữa thực và mộng. Ông thấy từ vi lập đi lập lại mãi câu chuyện các nhân vật đầu não của toà Bạch Ốc, Ngũ Giác Đài

và CIA ngày đêm châu chực trước cửa nhà ông để vắn kẻo. Ông thấy đông y gặp ai cũng khoe Gorbachev và Yeltsin vừa viết thư hỏi ý kiến về tương lai chính trị sau khi giải tán Liên bang Xô viết. Ông chủ báo biểu công bố Đức Giáo Hoàng vừa điện thoại rủ sang Rome ăn sáng để bàn chuyện Việt Nam! Ông cụ nghị sĩ mới qua theo diện H.O. túc trực ngày đêm bên cạnh điện thoại, thậm chí không dám đi đại, vì phải chờ phone của tổng thống Bush, bất ngờ gọi đến thông báo ngày về nước làm nguyên thủ! Hoàng Tiến và Cồn tuy chưa đến nỗi trầm trọng như thế nhưng cũng là một loại nạn nhân thường trực của ảo giác. Hoàng Tiến ít khi tiết lộ với ai về hoài bão của mình, kể cả Hồng. Ông thấy thà cứ để vợ tin rằng mình miệt mài làm ăn thì tốt hơn. Mỗi lần xin Hoàng Tiến chi tiền, Cồn đều gợi ý sẽ trả ơn bằng cách viết một loạt bài đánh bóng Hoàng Tiến trên tờ *Trực Diện*, nhưng đàn anh cũng còn chút liêm sỉ để gạt đi. Cồn vợ vịt hỏi chuyện làm ăn ở Việt Nam, Hoàng Tiến cười khẩy:

— Đầu tư cái mẹ gì ở một nước mà tình hình chính trị hoàn toàn bất ổn! Tất cả mọi kế ước, hợp đồng chỉ là tấm giấy lộn, chúng nó muốn hủy lúc nào thì hủy. Hàng trăm cánh cửa phải gõ, chỗ này thuận thì chỗ khác bác! Chẳng biết thằng nào có thực quyền để mình tin cậy! Đút bao nhiêu tiền cũng không đủ!

Nghĩ đến Hoàng Tiến, cơn đau lại chọt nhói lên trong tim Cồn vì hình ảnh của Hồng và Khang giờ này có lẽ đang quần quai bên nhau. Chiếc BMW cỡ nhỏ mà Cồn nghe đồn Hồng mua tặng Khang cách đây hai tháng, bây giờ thì Cồn phải tin là chuyện có thật, bởi Khang mới sang Mỹ, lâu lâu đi làm toàn nghề tay trái, không cách nào có thể tự mình sắm nổi. Chiếc xe màu xanh đậm ấy, lúc nãy khi đến nhà Hồng, Cồn đã thấy nó ngang nhiên đậu ngay giữa sân. Lát nữa, quá nửa đêm, Cồn sẽ chạy ngang nhà Hồng một lần nữa để kiểm chứng. Nếu cái xe vẫn còn đó thì gã có thể

kết luận rõ ràng là Hồng giữ Khang ngủ lại qua đêm, giấc ngủ ân tình đúng nghĩa chứ không như Bùi Duy Tâm chỉ nằm chơi sơi nước bên cạnh người đàn bà lãnh cảm!

Ăn xong bát bún, Cồn rút mảnh khăn giấy, đưa lên thấm mồ hôi hai bên má. Gã gọi thêm ly cà phê sữa đá, kiên nhẫn theo dõi hết lá thư viết tay mười bốn trang của Dương Thu Hương. Cồn thấy rõ, ít ra là cái hào nhoáng của Bùi Duy Tâm cũng lừa được Dương Thu Hương lúc đầu. Mà Bùi Duy Tâm vĩ đại thật! Một cán sự sửa máy điện toán như Nhật Tiến, đi làm thuê, một tháng còn lãnh sáu ngàn mỹ kim hưởng hồ là lương bác sĩ! Trên đất Mỹ tiền như rác, chưa có ai về Việt Nam mà thú nhận mình chỉ đủ ăn chứ đừng nói là túng thiếu!

Trong giai đoạn chính trị hỗn loạn trước đại hội 7 của Việt cộng, thiếu gì người yên trí là phe đối mới sẽ thắng thế, chính phủ hoà hợp sẽ ra đời, thành phần “phản kháng” sẽ lên ngôi, cho nên trong nước,

người ta loạng quạng không biết chọn đứng ở vị trí nào cho đúng. Chẳng ngờ khuynh hướng giáo điều phục hồi, giành lại thể mạnh, làm tiêu tan khá nhiều ảo tưởng. Nhưng nhờ vậy mới có “Tự bạch” của Dương Thu Hương, khẳng định “không bỏ đội ngũ những người Cộng sản để bước sang hàng ngũ những người chống Cộng”. Và cũng nhờ canh bạc trắng tay của Bùi Duy Tâm, nên mới có lá thư Cồn đang ngồi đọc, chửi Bùi Duy Tâm như ném bùn vào mặt. Từ buổi đầu gặp gỡ, Dương Thu Hương bảo đã biết Bùi Duy Tâm “không giống hàng ngàn Việt kiều lương thiện khác” — nghĩa là một thằng Việt kiều bất lương — thì đáng lẽ phải khước từ ngay, chứ sao vẫn ký giấy ủy quyền, vẫn nhận lời đi chơi, vẫn nằm ôm nhau trên du thuyền, để đến bây giờ thấy Bùi Duy Tâm chẳng nên cơm cháo gì mới hết lời nguyên rủa? Phải chăng cái hình ảnh “đệ nhất phu nhân” cũng một thời nhen nhúm trong tâm trí,

nhớ về quê mẹ

Con ở nơi đây, chốn Bạc Đầu
Nhớ về quê mẹ sống thương đau
Mẹ ơi! Con mẹ xa xa mãi
Một kiếp phù du, một cõi sầu.

Con biết đời con phải cách xa
Còn đâu hình bóng những ngày qua,
Con đi - lòng mẹ đau thương lắm,
Không khóc mà sao lệ ướt nhòa.

Con đi, mẹ khóc trong ly biệt,
Cây xoan như dáng mẹ khô gầy
Hoa trắng rụng đầy trên tóc mẹ
Bao lần thay lá vẫn trơ cây.

Con khóc mỗi lần khi nhớ lại,
Nhặt quả xoan rơi bắn chích chòe
Mải chơi quên cả giờ đi học,
Chiều về bị đánh, mẹ răn đe.

Giờ mẹ làm gì? Mẹ của con,
Họ hàng ai mất, những ai còn?
Quê hương, làng xóm bao thay đổi?
Hay xác xơ gầy, mẹ héo hon?

Cô Mơ hàng xóm có còn không?
Hay đã qua cầu, đã sang sông?
Ngày ấy ra đi cô bé khóc,
Con xa để lại vết thương lòng.

Con đi giờ đã được ba thu,
Trại cấm, nhà ga sương khói mù.
Rào thép gai cao giăng kín trại
Ánh đèn vàng vọt tối âm u.

Thế giới đâu còn chút lương tâm,
Cán cân công lý đã trao nhầm,
Chú khách nhìn người qua kính lúp,
Bao cuộc đời oan chết lặng thẳm!

Con viết về con cũng đã nhiều,
Gửi về cho mẹ những thương yêu
Nhờ con chim nhạn mang thư đến
Quê mẹ, hoàng hôn tắt nắng chiều.

Con sẽ trở về quê hương cũ
Đất nước đổi thay, hết khổ đau
Nhân phẩm, cuộc đời không u tối
Con người sống sẽ biết thương nhau!

hoài việt
(Hongkong)



quyển rũ Dương Thu Hương đến gần gã “Việt kiều không lương thiện” đó? Hay là ông Bùi Duy Tâm cũng chỉ vì “đấu tranh cho sự khổ đau của dân tộc”?

Cổn thở mạnh gấp tờ báo và lại nghĩ đến tờ *Trực Diện* đã mờ yên mả đẹp. Nhớ lần cuối cùng xin tiền Hoàng Tiến trước khi đầu lòng đình bản, đàn anh đã thành thật báo Cổn:

— Báo của cậu bán không ra bán, biểu không ra biểu, nửa nạc nửa mỡ, chẳng hiểu nó là cái thứ gì! Làm báo bán thì rõ ràng cậu không có khả năng, thế thì một là biến hẳn thành báo biểu, hai là đóng cửa, tìm việc khác mà làm, ông mãi tờ báo làm chi!

Cổn khổ sở gãi đầu. Nói thế thì trên đời này còn chuyện gì để bàn nữa! Cổn đâu có làm thương mại. Cổn cũng đâu có làm báo cho độc giả. Gã làm báo cho chính mình. Đóng cửa để thiên hạ cười vào mặt à? Cái nhục ấy làm sao chịu nổi! Nắm tờ báo trong tay dù sao Cổn cũng còn chút ảo tưởng về quyền lực bởi người ta sợ bị Cổn lôi ra cười. Ngưng làm báo thì còn ai coi Cổn ra gì nữa. Huống chi hơn hai năm nay, Cổn trở lại cuộc đời độc thân nhàn rỗi, cần có cái gì làm để xóa bớt mặc cảm vô dụng. Cổn bảo Hoàng Tiến bằng giọng tha thiết:

— Mình có làm báo vì tiền đàn anh! Những cơ quan ngôn luận chân chính như mình chỉ có một trong hai mục tiêu, hoặc là công tác đấu tranh, hoặc là phục vụ văn học nghệ thuật. Tờ của mình thì cùng một lúc đảm nhiệm cả hai công tác, đóng cửa làm sao được!

Hoàng Tiến cố nhịn để khỏi phì cười. Ông miễn cưỡng móc túi quăng cho Cổn vài trăm và lên giọng kẻ cả:

— Cậu đấu tranh chống ai? Bản thân cậu không phân biệt nổi bạn với thù mà đòi đấu tranh cái gì! Nhưng mà thôi, tôi bận lắm. Phải chạy ra *travel agency* lấy vé máy bay. Chuyến này chắc tôi đi lâu, cậu liệu mà xoay sở lấy!

Cổn ngượng nghịu nhét tiền vào

túi. Câu nói của đàn anh rõ ràng là một thông báo để từ nay Cổn đừng trông mong gì ở Hoàng Tiến nữa. Cổn chau mày suy nghĩ. Mới hôm nào, Hoàng Tiến chỉ thị Cổn phải duy trì tờ *Trực Diện* để làm diễn đàn cho Hoàng Tiến khi ông cần xuất hiện trên sân khấu chính trị. Lời căn dặn ấy còn văng vẳng bên tai, đàn anh đã thay đổi ý định rồi chẳng? Nghĩ vậy nhưng Cổn ngại đặt vấn đề. Cổn đòi chạy đi lấy vé máy bay cho Hoàng Tiến nhưng ông lắc đầu, lao vội ra xe, lúc nào cũng tỏ vẻ bận rộn. Vài hôm sau, Hoàng Tiến lại về Việt Nam. Không biết ông đi lần này là lần thứ bao nhiêu và nếu không có ý định kinh doanh như ông nói, thì làm gì ở bên ấy mà mất thì giờ như vậy?

Lắm lúc ngồi một mình, bình tâm suy nghĩ, Cổn thoáng nhận ra một sự thật đáng buồn là đàn anh Hoàng Tiến của mình hiền lành quá, khó mà bon chen nổi trong vũng lầy chính trị Cộng sản. Ma giáo như Bùi Duy Tâm, tẩy xoá, cạo sửa đủ thứ giấy tờ của Mỹ để úp mở nhận mình là người của CIA, của toà Bạch Ốc — khiến giờ này Dương Thu Hương vẫn còn lăm lăm đánh giá Bùi Duy Tâm quá cao, gọi ông là “agent double” — thế mà còn chả đi tới đâu, huống chi chất phác như Hoàng Tiến. Giấc mơ quyền thế đã không thành mà chỉ thấy sừng mọc hàng loạt trên đầu!

Ở bàn bên cạnh, mỗi vẫn còn những rượu đã cạn đến giọt cuối. Mâm non văn nghệ chạy vội ra xe lấy chai khác, hãnh diện mang vào, đặt trước mặt Phan Trúc để tỏ phong độ hào sảng đúng như đàn anh khuyên bảo. Vũ Luân vội đỡ lấy, đứng dậy mở nút và rót vào ly Phan Trúc. Rồi ông rót mình nửa cốc, trịnh trọng nâng lên, mặt nghiêm và buồn nói với khổ chủ:

— Uống mừng tác phẩm đầu tay của em.

Dĩ nhiên Vũ Luân có quyền được hưởng những đãi đằng thừa mứa của mâm non văn nghệ, bởi ông có đóng góp hai bức tranh cỡ trường

làm phụ bản, chưa kể cái bìa vẽ người đàn bà ngồi tắm, bụng và hông tròn quay như hình ảnh tiêu biểu của phụ nữ những thế kỷ trước. Tiếc hôm nay đáng lẽ còn có cả ông nhạc sĩ nữa, nhưng ông này luôn luôn cảm thấy bất công nếu người ta trả ơn mình bằng những bữa nhậu. Lý do vì tửu lượng ông quá kém lại thêm bệnh đau bao tử kinh niên, ngồi chung bàn ăn với ai ông cũng sẽ bị thiệt thòi. Ông phổ nhạc hai bài thơ, thẳng thắn đòi một trăm đồng dẫn túi cho chắc ăn.

Hoạ sĩ dứt lời, Phan Trúc chệnh choáng tiếp theo, chuyển hẳn sang giọng lẽ nhẹ có pha lẫn chút ghen ngạo. Ông nói liên tục, từ thơ văn đến con người và chỉ trong khoảnh khắc, không có một dấu hiệu nào báo trước, ông bất chợt trở nên gay gắt, đáng cay. Cổn đã nghe nói nhiều về cơn say của Phan Trúc nên không ngạc nhiên, chỉ quay đầu nhìn thật nhanh rồi lại cúi xuống giả vờ đọc báo. Hoạ sĩ Vũ Luân thường xuyên đi nhậu với Phan Trúc cho nên rất thần nhiên trước hoạt cảnh này, lẳng lẽ nháy mắt ra hiệu cho đàn em văn nghệ đừng ngắt lời, cứ để yên cho ông nói. Rượu đã tới cỡ, ông cần chửi đời cho vui bớt nỗi sầu “giậu chưa đổ mà bìm đã leo”! Những người hiểu ông, chính vào cái phút tiệc tàn thế này, mới thấy cảm thông và thương cho ông.

Thuở xưa trong nước, Phan Trúc viết mạnh, truyện dài đăng từng kỳ nhan nhản trên các nhật báo, cho ông cuộc sống thanh nhàn về mọi mặt. Thậm chí sống trong thời chiến, mà ông dường như không hề biết đến sự khốc liệt của cuộc chiến đó. Nhưng, như một qui luật bất khả kháng mà người làm văn nghệ ở đâu cũng phải đối diện, là khi khung cảnh xã hội thay đổi, cuộc sống và tâm thức thay đổi, thì sức sáng tạo ở mỗi nghệ sĩ sẽ khó mà duy trì được như cũ. Lớp nhà văn tiền chiến tài hoa như vậy mà sau năm 54 di cư vào Nam cũng dường như treo bút ở ẩn, nhường diễn đàn lại cho lớp người mới. Hai

mười năm sau, biến cố 75 lại tái diễn. Những tên tuổi từng sống của miền Nam, ra nước ngoài, mấy ai còn duy trì được phong độ cũ! Chẳng phải khả năng đã cạn, chẳng phải đề tài đã hết, mà lý do duy nhất chỉ vì khung cảnh sáng tác không giống như xưa, xóa mất cái khuôn đã thành nề nếp, đảo lộn cái trật tự đã thành tập quán trong lòng họ. Phan Trúc không thoát khỏi qui luật này. Ông đã thao thức, cố lấy lại phong độ. Nhưng dăm ba truyện ngắn gửi đi, có những tờ báo dám chê dở và từ chối không đăng, dù rằng thâm tâm ông đánh giá những tờ đó rất thấp!

Ê chề về tinh thần đã đành, mà cuộc sống kinh tế lại cũng quá khắt khe, tháng năm vầy hăm, tách cà phê, ly rượu, thuốc... lắm khi cũng phải xoay sở mới có! Buồn hơn nữa là văn đàn chẳng còn thứ bậc chiếu trên chiếu dưới như xưa. Báo chí lạm phát, lâu lâu gặp đưa buồn mồm hoặc thiếu đề tài, thần nhiên lôi tên ông ra chửi để giải sầu!

Mười mấy năm không có nghề tay phải, rồi vừa vì nề nang, vừa vì túng thiếu, có một giai đoạn khá dài ông trở thành chuyên viên viết bài giới thiệu ca sĩ và băng nhạc. Giá biểu của ông rõ lắm. Nửa trang năm chục, nguyên trang một trăm, giúp ông cầm cự cả phê thuốc lá qua ngày. Lòng ông buồn ray rứt. Có kẻ độc miệng khoác cho ông cái tên "thợ bốc" bởi ca sĩ nào ông cũng khen. Huống chi thứ văn chương chúc tụng ở Cali có thể ví như người lạm dụng gia vị, càng ngày liều lượng chỉ có thể tăng chứ không bao giờ giữ nguyên hay giảm xuống. Đã bốc ai phải bốc đến tận cùng, nếu không thì thà đừng viết bởi có khi chỉ chuốc lấy oán hờn. Một cô ca sĩ mồm non đã có lần nói thẳng với ông sau khi đọc bài tán dương của ông trên báo: "Viết thế thì ai viết chả được, cần gì phải mượn nhà văn!" Rồi con bé nhất định không trả tiền Phan Trúc, dù chỉ có năm chục bạc! Ông thấy chết điếng trong lòng. Không phải vì tiếc tiền, tiếc công, mà vì đã phải ép lòng

khen một người không đáng, hoặc chưa đáng được khen, thế mà vẫn bị trách móc một cách phũ phàng. Ông thấy chữ nghĩa rẻ rúng quá! Từ thuở bước chân vào nghiệp viết lách, có bao giờ ông hình dung ra cái ngày hôm nay phải dùng văn tài của mình để mua lòng thiên hạ! Mà không khen thì không được, bởi người ta thuê ông khen kia mà! Giả như nay mai có người mượn ông viết điều văn, dĩ nhiên ông cũng sẽ phải nhờ hàng thau nước mắt dù kẻ quá cố là kẻ thù nặng ký của ông lúc sinh tiền!

Một hôm ông đang ngồi buồn bên tập bản thảo dở dang thì có người điện thoại đến. Giọng nói đàn ông còn khá trẻ:

— Ông Phan Trúc đây phải không?

Ông ngập ngừng:

— Vâng, thưa tôi. Ai đấy ạ?

Người kia nhấn mạnh một cách hãnh diện:

— Tôi có *job* tốt cho ông, ông cho tôi địa chỉ để tôi tới gặp, mình bàn chuyện.

Phan Trúc lưỡng lự:

— Việc gì, ông nói ngay được không?

— *Business!* Nhưng mà nói phôn không được. Dài lắm. Tôi ghé ông bây giờ. Có phải ông ở đường Brookhurst không? Tôi hỏi cho chắc thôi, tôi có địa chỉ rồi! Chào ông nhé. Lát nữa gặp!

Người ấy tự động gác điện thoại. Phan Trúc hừ một tiếng và cũng cúp máy để cúi xuống tiếp tục sửa bản thảo. Khoảng hai mươi phút thì khách đến. Đó là một gã thanh niên đáng tầm thước, nước da ngăm đen như dân vùng biển. Từ phong cách đến thái độ gã đều toát ra vẻ tự tin của một người thành công. Anh ta chìa bàn tay từ ngoài cửa và tự giới thiệu:

— Tôi là Hoành. Tôi đọc văn ông hoài. Viết khá lắm!

Phan Trúc thấy hơi khó chịu vì ít khi gặp một độc giả trích thượng như thế. Nhưng ông cũng hỏi cho có lệ:

— Anh đọc những tác phẩm nào

của tôi?

— À mấy tác phẩm ông lãng-xê ca sĩ!

Phan Trúc cố nén tiếng thở dài:

— Không. Tôi hỏi anh đã đọc những cuốn sách nào của tôi rồi?

Hoành trở mặt ngạc nhiên:

— Ủa, ông cũng viết sách sao?

Phan Trúc lặng người ngồi yên. Hoành tự động kéo ghế, ngồi đối diện. Thấy cái gạt tàn đã đầy ắp, gã ngó xuống chân tìm thùng rác rồi thần nhiên bưng gạt tàn đi đổ y như một người thân trong nhà. Hoành trở lại chỗ cũ, móc gói Rothmans, gán một điếu lên môi, bật lửa, rồi quăng cả bao lên mặt bàn và nhập đề với thái độ của một người ban ơn:

— Tôi có cái *business* này, giao cho ông, chắc ông làm được.

Phan Trúc kiên nhẫn hỏi:

— *Business* gì? Tôi có làm thương mại bao giờ đâu!

Hoành ngậm lịch điều thuốc một bên mép, đầu nghiêng nghiêng, đôi mắt khẽ nhú lại để tránh khói. Giọng gã vừa nghiêm trang vừa khinh bạc:

— Tôi định mượn ông viết cho tôi cuốn hồi ký! Loạt bài ông bốc mấy em ca sĩ tới lắm! Ông viết hồi ký cho tôi chắc được.

Phan Trúc muốn chồm lên, và vào cái mặt hờn hỉnh của Hoành, nhưng ông dằn lại, tay run run đốt điếu thuốc rồi im lặng nhả khói lên trần. Ông đoán người trước mặt ông là một kẻ mới qua theo diện H.O. và có thể những năm tháng tù đầy kéo dài quá lâu đã khiến tâm tính anh ta thay đổi bất thường chẳng. Nhưng một khi Hoành đã dám đến nhờ ông viết hồi ký thì biết đâu Hoành chẳng là một tay kiệt xuất lúc còn ở quê nhà. Ông nói:

— Hồi ký vượt biên và hồi ký cải tạo thì nhiều người viết quá rồi. Nếu không có gì thật đặc biệt thì tôi khuyên anh đừng viết nữa.

Hoành trợn mắt lắc đầu:

— Tôi qua đây hồi 75 mà. Có ở lại ngày nào đâu mà cải tạo! Hồi ký về cuộc đời của tôi thôi!

Gã dụi điếu thuốc, ngồi thẳng

lên, hai tay đan vào nhau, nhìn Phan TrúC và tha thiết hứa hẹn:

— Tiền bán sách tôi sẽ không lấy đồng nào. Thâu được bao nhiêu, tôi sẽ giúp hết cho cộng đồng. Nghe nói quỹ xây đài kỷ niệm Chiến sĩ Việt Nam còn thiếu mấy chục ngàn. Hôm rồi họ có đến xin tiền tôi, tôi nói khỏi đi quyền chi cho mất công, chờ tôi in xong cuốn sách, tôi cho hết!

Phan TrúC càng ngạc nhiên, giọng hơi gay gắt:

— Cuộc đời anh thì có gì mà viết hồi ký! Năm nay anh bao nhiêu tuổi?

— Ba mươi bảy. Tuổi con gà! Mà gà này là gà đá, gà nòi, chứ không

phải gà nuốt dây thung đâu nghe ông!

Dứt lời, gã ré lên cười một mình, làm như vừa phun ra được một câu khôi hài hết sức duyên dáng. Phan TrúC cắt ngang:

— Anh còn trẻ mà đã muốn viết hồi ký thì chắc đời anh phải trải qua nhiều biến cố đặc biệt lắm, phải không?

Hoành ưỡn ngực đáp:

— Đặc biệt chứ! Tôi là chủ tiệm bánh mì Vũ Hoành mà!

Dứt lời gã hãnh diện nhìn Phan TrúC, chờ đợi ở ông một thái độ giật mình, một lời sững sốt ca ngợi vì núi Thái Sơn đang sừng sững trước mặt mà Phan TrúC không

biết. Nhưng Phan TrúC ngơ ngác ngồi yên. Ông cố nhớ xem đã bắt gặp ở đâu cái tên tiệm bánh mì nghe quen quen nhưng đành chịu. Hoành thất vọng hỏi:

— Bộ ông không biết bánh mì Vũ Hoành sao?

Phan TrúC lắc đầu:

— Tôi ít ăn bánh mì lắm!

Hoành tủm tỉm cắt nghĩa:

— Tôi mở tiệm bánh mì theo lối *franchise* của Mỹ, giống như McDonald's hay là Kentucky Fried Chicken. Bây giờ đã có bốn chi nhánh rồi.

Phan TrúC cắt ngang:

— Ở bên này người ta làm như thế cả, có gì lạ đâu! Nhưng tôi hỏi anh, anh muốn viết hồi ký về cái gì? Anh không đi cải tạo, không vượt biên, chắc chỉ muốn viết về cuộc đời tình ái của anh?

Hoành lắc đầu, say sưa giảng:

— Ái tình thì viết làm gì! Tôi muốn viết về *business*. Về sự thành công của tôi để làm kinh nghiệm cho đồng bào học hỏi. Viết xong, tôi sẽ gửi cho cái ông gì để đưa tên tôi vào cuốn *Vẻ vang dân Việt*. Tôi từ tay trắng làm nên. Tôi đã đọc hồi ký Nguyễn Tấn ĐòI và Trần Dũ. Mấy ông đó còn thua tôi... Trên bìa sách, tôi cho ông để cả tên ông đứng chung với tôi, chẳng hạn "Hồi ký Vũ Hoành, với sự hợp tác của Phan TrúC". Để như thế có lợi cho ông nhiều lắm. Nay mai bất cứ có ai muốn viết hồi ký, họ sẽ mượn ông. Mà ông yên trí, tôi chi đẹp chứ không như mấy em ca sĩ đâu! Lúc nào ông ghé ngang, tôi cho ông mấy ổ bánh mì về ăn chơi!

Dĩ nhiên Phan TrúC không nhận lời. Nhưng sau lần tiếp xúc lạ lùng ấy, lòng ông buồn vơi vơi vì thấy mình xuống giá. Gặp lúc hơi men ngấm thấu vào cơ thể như hôm nay, bao nhiêu ăm ức chột bùng dậy, không kiềm chế được nữa, ông chửi hết mọi người. Bất cứ cái tên nào bật ra từ tiềm thức đều trở thành mục tiêu sỉ vả của ông, cho dù người đó đang ngồi ngay trước mặt ông hoặc cho dù mấy tiếng đồng hồ trước đó, ông đã trang trọng đặt



bút viết bài ca ngợi. Dần dà, những người quen ông đều hiểu rằng, một buổi tiệc không thể kết thúc được khi chưa đến màn nghe ông chửi thiên hạ. Đôi khi chính những kẻ bỏ tiền mời mọc ông cũng bị ông mạt sát. Dường như ông muốn giải tỏa cái mặc cảm thâm kín rằng: không phải mày cho ông uống rượu mà ông sợ mày!

Khách vào quán mỗi lúc một đông. Sự hiện diện của những người lạ mặt dường như càng làm Phan Trú hừng khởi, chửi bới hăng hơn. Chủ tiệm đau khổ lắm, nhưng không dám làm mạnh, chỉ nhìn Vũ Luân khẩn khoản cầu cứu. Ông vốn có lòng lân ái đối với văn nghệ sĩ và cảm thông lối sống bất thường của họ. Huống chi Phan Trú lại là khách quen của ông từ nhiều năm, ông không thể nặng lời làm phiền lòng khách.

Ông nhớ mãi cách đây mấy tháng, Phan Trú cùng hai nhà thơ nổi tiếng khác được một anh chàng địa ốc mời lại đây ăn sáng. Bữa điểm tâm đơn giản, mỗi người một tô phở, một tách cà phê, tính ra chưa đến mười đồng bạc mỗi người. Đang ăn dở dang thì anh chàng địa ốc có phone khẩn cấp từ văn phòng gọi lại. Anh đứng dậy cáo lỗi và hẹn Phan Trú chừng mười lăm phút sẽ trở lại. Nhưng việc làm ăn nhiều khi có những giao dịch bất ngờ khiến anh không thể quay về đúng hẹn. Mười lăm phút, rồi nửa giờ, một giờ. Cứ thế, Phan Trú và hai nhà thơ lớn dài cổ ngồi đợi. Họ bước vào khi tiệm vừa mở, uống cạn đến năm sáu bình trà, đi đái tới ba bốn lần, kéo dài bữa điểm tâm tới khi mặt trời đã chuyển hướng sang phía bên kia, ba ông vẫn cứ bám trụ dù chẳng còn chuyện gì để nói. Lý do là vì không ông nào có tiền trong túi, hoặc có mà nhất định không chịu trả. Trả phần của mình đã thấy ngại rồi, huống chi nếu móc tiền ra thì lại phải thanh toán luôn cả phần của thằng địa ốc đã mời mình! Có lúc trong trí Phan Trú đã loé lên một câu hỏi hời hợt là: Phải chăng cái

thằng bán nhà mất dạy ấy có ý chơi mình, đưa mình lại đây rồi bỏ đi vì biết mình không có tiền? Hai ông nhà thơ cũng nhen nhúm ý tưởng ngờ vực như Phan Trú nhưng cùng giấu kín, không ai nói ra. Tất cả đều ngầm đồng ý chọn giải pháp dứt khoát là "thi gan cùng tuế nguyệt"!

Lâu lắm, chủ quán vừa ngửa mặt vừa tội nghiệp, mới bước ra nói nhỏ với Phan Trú: "Ông Danny Nguyễn ở hãng Vina Realty vừa phone lại, nhờ tôi xin lỗi các ông. Ông ấy sẽ trả tiền bữa ăn hôm nay. Xin các ông đừng bận tâm!" Cú phone tưởng tượng của chủ nhân đã giải phóng cho Phan Trú và giải thoát cho cả phía nhà hàng. Bỏ đi ngay thì cũng kỳ, ba người vờ vịt nán lại, hân hoan nói thêm dăm ba câu chuyện vô thưởng vô phạt nữa rồi khoan khoái đứng dậy, khệnh khạng bước ra cửa. Chủ tiệm lắc đầu mỉm cười trông theo. Ông vẫn tự hào quán của ông là tụ điểm để văn nghệ sĩ gặp nhau, cho nên ít khi ông muốn mất lòng họ.

Mặt Vũ Luân đã đỏ gay nhưng tương đối vẫn còn tỉnh. Ông giấu chai rượu còn hơn một nửa xuống gầm bàn, đồng thời giục đàn em văn nghệ lặng lẽ ra quầy trả tiền. Chủ quán hiểu ý, lấy tờ giấy báo gói chai rượu lại và cất giùm Vũ Luân phía sau quầy. Thực tình thì những buổi nhậu suông, toàn đàn ông ngồi nhìn nhau như hôm nay, không hề làm Vũ Luân hứng thú. Bằng hữu văn nghệ thường bảo với nhau rằng Vũ Luân trong cơ thể mang giòng máu điên di truyền. Họ gọi gã là Luân Khùng và Vũ Luân rất thích cái hỗn danh đầy ý nghĩa đó. Sở nhiều người chưa tin, chính gã còn úp mở phao tin thuở nhỏ đã từng vào nhà thương Chợ Quán mấy lần. Và bây giờ ở hải ngoại vẫn thường phải thăm viếng bác sĩ tâm lý định kỳ để chữa chứng tâm thần mất tính. Gã khoái cái bệnh khùng đó lắm, là bởi cái khùng của gã chỉ liên quan đến phụ nữ mà thôi. Gặp đàn bà, kể cả vợ bạn, gã lao đến đến ngay, cầm tay hôn chùn chụt từ

dưới lên trên. Thỉnh thoảng gã tiến xa hơn, ôm eo, hôn vào gáy. Gặp bà nào mặc mini jupe, cơn điên gã phát mạnh hơn, có khi quì thụp hẳn xuống, ôm lấy cặp giò và hôn vào phía trên đầu gối. Khi có dăm ba hớp rượu, dĩ nhiên chẳng thấm tháp gì so với tửu lượng của gã, thì gã sẽ càng thần nhiên mượn hơi men, sờ nắn lung tung trước mặt mọi người. Trong cơn say dịu dàng ấy, nếu nhìn quanh không thấy ông chồng thì Vũ Luân sẽ sẵn sàng bóp vú hoặc sờ mông bà vợ!

Nhiều ông nhiều bà, lỡ đón Vũ Luân về nhà cho ăn nhậu, hoặc tình cờ gặp Luân trong các buổi họp mặt văn nghệ, lắm lúc vừa bức mình vừa mắc cỡ vì cái trò táy máy của gã. Nhưng người Việt nói chung ai cũng cả nể, không tiện tố giác Vũ Luân ra đường hoặc nặng lời với gã trước mặt thiên hạ, cho nên để tự an ủi và để chữa ngượng với người chung quanh, họ thường phải tìm cách tha thứ:

— Ông ấy khùng đấy mà! Để ý làm gì!

Người khác phụ họa:

— Thì vậy! Gặp ai ông không đòi dê! Cái miệng nói khơi khơi vậy thôi, chứ ông đâu có ý gì! Ông điên mà!

Nghe thiên hạ bảo mình điên, Vũ Luân sướng lắm. Bình thường mà ôm vợ người ta thì có ngày vỡ mặt. Nhưng khoác cái mác khùng vào người, gỡ gạc đôi chút cũng không sao. Rượu càng uống vào thì cơn điên càng lộ liễu. Chỉ có điều là dù điên đến cấp độ nào, Vũ Luân cũng vẫn phân biệt được người đẹp và người xấu, người già và người trẻ. Giữa một bàn tiệc có đông phụ nữ, nếu chẳng may quá chén, đi đứng lạng quạng rồi gục xuống, thì bao giờ gã cũng gục đúng vào bà nào trẻ và đẹp nhất!

Tuy vậy Vũ Luân cũng là đứa biết điều. Sau những dịp may cợt sát ấy, về nhà thế nào gã cũng làm dăm ba câu thơ tri ân từng người một, hoặc viết vài trang bút ký tán dương nhan sắc vợ bạn, gửi đăng trên mấy tờ báo đang cần bài trám

chỗ trống. Và trong những bài ấy, ít khi nào Vũ Luân quên nhắc cho thiên hạ biết là mình khủng thật!

Hôm nay ngồi nhậu với Phan Trúc và đàn em, uống dấm ba ly, cơ thể nóng hừng hực rồi mà không có bàn tay phụ nữ nào làm mỗi để nhấm nháp, Vũ Luân thấy nhạt nhẽo lắm. Giá không nề đàn anh thì gã đã bỏ về từ lâu rồi. Gã dìu Phan Trúc đứng dậy. Ông vung tay đẩy đàn em ra và ầm ục nói:

— Mặc kệ tao! Chúng mày tưởng ông say à? Ba chai cổ lùn nữa cũng chưa thấm vào đâu!

Ông loạng choạng bước ra, lòng hơi thanh thản vì đã chửi được một lúc khá lâu. Gió đêm nhẹ nhẽu thổi, mơn trớn mái tóc lưa thưa đã rụng mất khá nhiều, phơi ra cái trán quá cao, gần đến đỉnh đầu. Ông đứng trên hè một lúc chờ Vũ Luân đem xe đến, mở cửa sẵn để ông chui vô, ngậm theo điều thuốc vừa châm lửa. Phan Trúc chợt thấy cộm cộm dưới mông, vội nghiêng người thò tay xuống và vớ được cuốn hồi ký của Vũ Hoành vừa xuất bản.

Cuốn sách chỉ hơn hai trăm trang, nhưng quá nửa là hình ảnh, chưa kể cái bìa chụp hình một cô gái sexy, hai tay nắm chặt ổ bánh mì baguette dài ngoằng do tiệm Vũ Hoành sản xuất! Dù chưa hết cơn say, Phan Trúc cũng hình dung lại trọn vẹn lần tiếp xúc đầu tiên với Vũ Hoành, dáng điệu tự mãn, lối nói trịch thượng của một gã đàn ông thấy mình thành công trên thương trường. Phan Trúc từ chối viết hồi ký cho Hoành, Hoành không giận. Gã thuê người khác và khi sách in xong, gã ký bản đầu tiên gửi tặng Phan Trúc, kèm theo mảnh giấy ghi mấy dòng chữ hàm ý phân ưu cùng Phan Trúc vì ông đã bỏ lỡ cơ hội ngàn vàng, vừa hốt bạc vừa được đứng tên chung với gã!

Ngày ra mắt sách, Hoành đánh lớn. Gã mời hết các thương gia, nhà văn nhà báo và tất cả nghệ sĩ ở quận Cam, chỉ thiếu kịch sĩ Nguyễn Long không đến được vì đang bận soạn thảo bản hiến pháp và chủ thuyết chính trị mới cho Việt Nam

thu buồn

*Động rào từ ngọn gió khơi
Thấy người se lạnh chắc trời vào thu
Ngoài rào vắng tiếng chim cu
Cây xanh mấy ngọn vồng đu đưa cành
Chiều vàng thoảng vội buông nhanh
Cánh chim bay gọi trời xanh một vòm
Đèn vàng trại cũng vàng lờm
Bóng lom khom, dáng mỗi mòn nhìn xa
Buồn nhìn gió gợn thu ba
Đèn ngoài nhấp nhánh tàu qua ì ầm
Sương trời rơi! Nước mắt đầm!
Xa dần vắng tiếng còi tằm — vọng thu.*

nguyễn quang minh

(Hồng Kông)



mai sau! Hai ba lần Hoành phone cho Phan Trúc, ép ông phải đến dự. Có lẽ Hoành muốn ông thấy tận mắt hào quang của gã để ông phải hối hận.

Gặp ngày rảnh rỗi chẳng biết làm gì, Phan Trúc đi lang thang rồi cuối cùng tạt vào vũ trường khi buổi ra mắt cuốn hồi ký của Vũ Hoành đã xong phần chính yếu, tức là các bài diễn văn tán tụng. Ông đứng ở cuối phòng, khinh khỉnh nhìn lên. Vũ Hoành mặc *tuxedo* lóng lánh kim tuyến, đang lo ký sách cho người mua nên không trông thấy Phan Trúc. Trên sân khấu, Cồn cầm micro, múa chân múa tay gào thét, kêu gọi mọi người mua cuốn hồi ký về để học hỏi kinh nghiệm đầu tư.

Những màn mĩ vũ Sơn Đông, bán thuốc cao đơn hoàn tán như thế này rất hợp với khả năng của Cồn. Con người ai cũng có đam mê. Mê tiền, mê gái, nghiện hút, cờ bạc... Đủ thứ! Riêng với Cồn, đam mê lớn nhất bao giờ cũng là cái micro! Cồn tìm đủ mọi dịp để được đứng trên bục, cầm chiếc micro trong tay. Giây phút ấy mặt Cồn cực kỳ rạng rỡ bởi gã đắm mình trong ảo giác gã đang ban bố hiệu lệnh cho mọi người. Gã nói lan man, dai dẳng, không biết lúc nào

phải ngưng mà dân trong nghề gọi là "no exit"!

Còn nhớ cách đây mấy năm, nhà thờ Công giáo ở địa phương tổ chức buổi đại nhạc hội, mời người bạn của Cồn điều khiển chương trình. Cồn nhức nhối lắm vì thêm cái chân giới thiệu đêm văn nghệ, nhất là Cồn biết trước hôm đó sẽ rất đông khán giả. Cồn thao thức một đêm rồi bắt đầu kế hoạch tuyên truyền rỉ tai, viết bài đăng báo, úp mở đặt nghi vấn ông bạn của mình là Việt cộng. Rồi Cồn tìm đến gặp ban tổ chức và đề nghị "không nên giao trọng trách xướng ngôn viên cho một người mà mình không nắm vững lập trường. Rủi ông ấy phát ngôn bừa bãi, làm mang tiếng khối Công giáo"! Cồn nói mãi, trực tiếp cũng có, bằng điện thoại và thư nặc danh cũng có, khiến nhà thờ bối rối đặt lại vấn đề. Ông bạn của Cồn chán nản, tự ý rút lui và dĩ nhiên Cồn tình nguyện xin thay thế.

Đừng hiểu lầm mà trách oan Cồn rằng gã có thù oán riêng tư gì với người bạn. Hoàn toàn không! Cồn phải hy sinh tình bạn chỉ vì chiếc micro mà thôi! Nếu cuối cuộc đời, Cồn có được ôm cái micro mà nhấm nháp thì Cồn cũng sẽ an giấc nơi chín suối, tiêu điều miền cực lạc

một cách dễ dàng.

Những buổi ra mắt sách, họp mặt ái hữu, Cồn đều tình nguyện đến xin làm công việc điều khiển chương trình. Ban tổ chức dễ dàng chấp nhận Cồn bởi hai lý do: Thứ nhất là vì để đền đáp, Cồn rất siêng năng dẫn thân, đến thật sớm, về thật trễ, khiêng bàn khiêng ghế, phụ giúp mọi thứ lật vật người ta cần đến. Thứ hai là vì sau buổi họp mặt, bao giờ Cồn cũng viết bài tường thuật ca ngợi, đăng trên báo của Cồn và gửi nhờ các báo khác. Đôi bên cùng có lợi, họ tiếc gì mà không cho Cồn lên sân khấu! Ngay như buổi ra mắt cuốn hồi ký của Vũ Hoành hôm nay cũng vậy, người ta thấy gã lằng xằng đi dán bích chương và gửi thiệp mời giùm tác giả cả tháng trước. Và dĩ nhiên ai cũng hiểu rằng Cồn bỏ công sức, thì giờ, là để mua lấy cái hào quang micro trên sân khấu.

Phan Trúc đứng một lúc, hút tàn thuốc rồi ra về. Văng vẳng sau lưng, giọng cò mồi của Cồn vẫn sang sảng:

— Nha sĩ Cù Vĩnh Viễn mua mười cuốn... Bác sĩ Trần Thập Tùng mua một cuốn ba trăm đô! Xin mời tác giả Vũ Hoành ký bản danh dự tặng bác sĩ Trần Thập Tùng...

Từ hôm gặp Hoành, Phan Trúc suy nghĩ lại và định ra cho mình một nguyên tắc mới. Ông bỏ hẳn nghề viết thuê cho ca sĩ. Ông muốn quay về với chỗ đứng của một nhà văn đàn anh. Viết tựa, viết bạt, điểm sách, giới thiệu các cây bút mới.... ông sẵn sàng nhận, bởi nó hợp với cương vị của ông. Mầm non văn nghệ có muốn trả tiền mặt, ông cũng không nhận nữa mà chỉ lấy thù lao bằng những bữa nhậu như hôm nay, vừa thanh tao vừa không mang tiếng.

Phan Trúc đi rồi, Cồn cũng nâng ly cà phê nốc cạn rồi lại quầy trả tiền và ra cửa. Chưa đến mười giờ, trở lại nhà Hồng lúc này thì quá sớm. Có bắt gặp Khang trong đó thì cũng chẳng thể kết luận rằng Khang sẽ ngủ lại. Gã quay về bàn,

ngồi xuống chỗ cũ và xin thêm bình trà nhâm nhi câu giờ. Cồn lại mở tờ báo biểu ra, dù không chủ tâm đọc bất cứ bài nào. Tình cờ gã dừng lại ở trang quảng cáo cuốn truyện dài *Giấc mơ* của Nguyễn Sa, có in lời Mai Thảo nhận xét bằng mấy hàng chữ đỏ thật đậm: "Với những sự thật một trăm phần trăm bởi được xây dựng hoàn toàn bằng tưởng tượng"!

Cồn đọc đi đọc lại hai ba lần câu văn hàm súc của Mai Thảo. Văn chương bây giờ làm khó để đọc giả quá! Cồn cố gắng "tưởng tượng" xem tại sao truyện của Nguyễn Sa hoàn toàn là sự thật chỉ vì nó là sản phẩm của "tưởng tượng" nhưng đành chịu, không hiểu nổi! Cồn mà viết câu đó thì thế nào cũng bị mắng là ngớ ngẩn. Nhưng Mai Thảo đã viết và nhất là Nguyễn Sa đã in lên bìa sách thì chắc chắn nó phải hay, không còn nghi ngờ gì nữa!

Nhà hàng chỉ còn mình Cồn. Chủ quán và nhân viên rục rịch thu dọn để đóng cửa. Cồn uống cạn tách trà trước khi bước ra. Gã đứng loay hoay một lúc trên thềm rồi chui vào xe, rồ máy, cho lăn bánh từ từ ra khỏi bãi đậu. Đã toan về nhà nằm nghỉ một lúc rồi quá nửa đêm mới chạy lại trước cửa nhà Hồng quan sát, nhưng đi được nửa đường, Cồn nóng ruột đổi ý, quay đầu về hướng cũ. Từ xa, Cồn đã thấy chiếc BMW vẫn lù lù đậu ở vị trí cũ. Gã tắt hết đèn, cho xe chạy rề rề sát ven đường, tính toán một lúc rồi dừng lại ở khoảng cách còn xa nhà Hồng chừng một trăm thước. Cồn tắt máy, xuống xe và rón rén bước lại.

Trong nhà còn đèn sáng nhưng bên ngoài, sân trước, sân sau đều chìm trong bóng tối. Tuy nhiên Cồn có nhắm mắt vẫn định được vị trí của từng khóm cây, từng lối đi lát gạch chạy quanh tường, từ cổng vô thẳng đến cái kho chứa đồ lật vật ở cuối vườn. Lý do là vì chính Cồn đã từng làm chủ căn nhà này khá lâu và chỉ mới bán lại cho Hoàng Tiến cách đây hai năm khi hai vợ chồng Cồn chính thức ly dị, phân chia tài sản. Cồn khom lưng men theo hông

nhà, đến bên chiếc cửa sổ phòng khách đã khép kín. Gã quay đầu đảo dác nhìn quanh rồi đứng thẳng lên, kiễng chân nhìn vào. Nhưng tấm màn trắng đục bên trong đã buông xuống, khiến Cồn chỉ thấy hai cái bóng thật mờ trên chiếc sofa kê sát vách đối diện chỗ Cồn đứng. Họ ngồi hay nằm, mặc quần áo hay khoả thân, Cồn đành chịu, không phân biệt được. Chỉ có một vị trí duy nhất mà từ đó Cồn có thể quan sát rõ trong phòng khách là chui vào garage. Bởi garage chung vách với phòng khách và ngày trước Cồn có khoan mấy cái lỗ để đóng kệ làm kho nhưng không dùng tới mà cũng chưa kịp bít lại. Tiếc rằng giờ này ai còn mở cửa nhà xe cho Cồn chui vô!

Cồn ngẫm nghĩ rồi đi vòng ra sau nhà, bọc sang phía bên kia, hy vọng nếu không nhìn rõ hơn từ cái cửa sổ ngay chỗ Hồng và Khang ngồi, thì ít ra cũng có thể nghe được những tiếng thì thầm tình tứ của họ để kết luận chắc chắn mà báo cáo với Hoàng Tiến ngày mai.

Nhưng Cồn vừa đến bên cửa sổ, chưa kịp kiễng chân-ngó vào thì con chó nhà hàng xóm bỗng gầm lên, sủa mấy tiếng thật lớn. Cồn hoảng hốt cầm đầu chạy lao ra sân trước, dẫm cả lên mấy bụi hoa đang mùa rục rở. Gã chui vào xe, ngồi thở. Nhìn lại căn nhà thì cả trong lẫn ngoài đều chìm trong bóng đen. Chắc hẳn khi vừa nghe tiếng chó sủa và tiếng chân chạy bên ngoài, Hồng vói tay tắt hết đèn để phòng kẻ gian. Cồn nhớ mang máng hình như lúc gã bỏ chạy, có tiếng hỏi: "*Who's that? Ai đó? Somebody out there?*" từ trong vọng ra hai ba lần. Gã nổ máy xe, lái vọt đi, mang theo nỗi buồn nặng trĩu. Về gần đến nhà, nỗi xúc động tan dần, gã mới thấy đau rát trên trán. Đưa tay lên sờ, Cồn thấy máu rịn ra khá nhiều. Gã nhớ lại lúc bỏ chạy, một nhánh ổi khá lớn đã đập vào mặt gã mà lúc đó vì sợ quá, Cồn không biết đau.

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị.v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

GIÁ ÁO TÚI CƠM

Hỏi: Cháu thường nghe người ta dùng những thành-ngữ sau đây mà cháu không biết viết chánh-tả sao cho đúng: "Những phường giá (hay vá?) áo túi cơm" và "ở giá" (hay vá?)

Theo *Việt-nam tân tự-diễn* của Thanh-Nghị và *Việt-nam tự-diễn* của ban Văn-học hội Khai Trí Tiến Đức khởi thảo, thì "những phường giá áo túi cơm là đúng", nhưng cháu nhớ mang-máng trong một tờ Làng Văn có một bài dùng vá. Chữ giá hay vá, tự nó có nghĩa gì?

Bảo Thoại
Edmonton

Đáp: Viết là "giá áo túi cơm", và "ở vá" là đúng. Hai chữ "giá" và "vá" này nghĩa hoàn-toàn khác nhau.

"Giá áo" là vật để máng áo. Phường "giá áo túi cơm" là những người vô-tích-sự, không ích-lợi gì cho gia-đình, xã-hội; tấm thân của họ cũng chỉ có giá-trị như một cái giá để mắc áo, hay một cái túi đựng cơm mà thôi.

Ở vá, là ở lẻ-loi một mình, độc thân (son vá). Tự điển Thanh Nghị

và Khai Trí Tiến Đức không ghi chữ "vá" này, vì là thổ-ngữ miền Nam, thời đó chưa phổ-biến ra Bắc. Cháu có thể xem ở *Tự-diễn Việt-nam* của Lê Văn Đức hay *Việt-nam quốc âm tự-vị* của Huỳnh Tịnh Của.

ÔNG ĐẠO DỪA

Hỏi: Cháu là công-nhân hợp-tác gốc miền Bắc, làm việc tại vùng Đông Đức cũ. Cháu đọc báo, thấy nhắc tới ông Đạo Dừa miền Nam và Còn Phụng ở Vĩnh-long, xin bác cho biết thêm về thân-thể và giáo-phái này, và lý-do tại sao nhà nước đã tiêu-diệt họ.

Nguyễn Minh
Đức quốc

Đáp: Ông Đạo Dừa tên là Nguyễn Thành Nam, sinh năm 1909 tại Kiến-hòa (Bến Tre), tốt-nghiep kỹ-sư Lý-Hóa tại Lyon, Pháp năm 1935. Về nước ông lập gia-đình, sinh được một người con gái rồi xuất-gia năm 1945. Ông lập phái Tịnh-độ cư-sĩ, phối-hợp giáo-lý nhà Phật và đạo Thiên Chúa; tọa thiền suốt ba năm trên một phiến đá dưới cột cờ, chỉ uống nước dừa mà sống nên tục gọi là ông Đạo Dừa.

Còn Phụng nằm ở giữa Mỹ-tho và Kiến-hòa (không phải ở Vĩnh-long), bày tượng Phật Thích-ca, tượng chúa Giê-su, thập-tự, chữ vạn, tượng thánh-nữ Maria và Phật bà Quán-Thế-Âm.

Sau 1975, ông Đạo Dừa bị cộng-sản bắt giam, vì trong một bài thuyết-pháp, ông chỉ-trích chính-phủ Hà-nội đã dùng bạo-lực để thống-nhất đất nước, chứ không thông qua giải-pháp hòa-bình mà ông hằng chủ-trương. Ông chết trong tù, và giáo-phái bị giải-tán, tín-đồ bị khủng-bố, Còn Phụng bị tịch-thu.

GIA-TÍNH TRIỀU MINH

Hỏi: 1. Trong *Kiều* có câu "Rằng năm Gia-tính triều Minh",

vậy năm Gia-tính là năm nào, và triều Minh vào thế-kỷ thứ mấy?

2. Câu *Kiều*: "Trong gang tấc lại cách mười quan-san" thuộc điển nào của Tàu? Quan-san đâu phải là đơn-vị đo-lường, mà sánh với gang tấc?

3. "Tiếc thay một đóa trà mi" hay "tiếc thay một đóa đồ mi"? Tôi có bốn cuốn *Kiều*, hai cuốn ghi là "trà mi" còn hai cuốn ghi là "đồ mi", biết tin ai đây, thời thì tin ông BC vậy, xin ông cho biết trong sách *Đoạn trường tân thanh* chính bản của Thanh-Tâm tài-nhân, tác-giả tả đoạn này ra sao?

Lê Thị Hòa
Toronto

Đáp: 1. Gia-tính là niên-hiệu triều Minh bên Tàu, (1522 - 1566) thuộc thế-kỷ 16.

2. Câu này ý dựa theo câu thơ cổ của Trung-hoa: "Tương cận tại chí xích, tương cách tại thiên-sơn." Quan san và thiên-sơn tuy đều không phải là đơn-vị đo-lường, nhưng được dùng để tạo cảm-giác xa-xôi, cách trở.

3. Hoa trà-mi và đồ-mi, cùng thuộc giống hồng, tương-tự như nhau, và chữ đồ với chữ trà cũng rất giống nhau.

Theo Đào Duy Anh, "đồ mi" đúng hơn là "trà-mi"; nhưng theo Bùi Khánh Diễm, thì là "trà-mi" (thơ cổ: "Khai đáo trà-mi hoa sự liễu" - mở đến hoa trà-mi thì việc hoa đã xong).

Trong truyện của Thanh-Tâm tài-nhân, tác-giả viết: "Hốt bị cuồng phong sậu vũ, khởi tri tích ngọc lân hương (vút gặp gió cuồng mưa mau, biết tiếc gì đến ngọc, thương gì đến hương!)"

CÓ BAO NHIÊU HÒN VỌNG-PHU?

Hỏi: Nhân bản tin đăng ở số 97, trang 5 *Làng Văn* về hòn Vọng-phu bị sét đánh, tôi có một số thắc-mắc nhờ ông soi sáng.

1. Về vị-trí:

Theo bản tin trên, Hòn Vọng-phu

ở vùng Lạng-sơn, Bắc Việt. Theo bài thơ thất ngôn của Tôn Thọ Tường, thì Hòn Vọng-phu lại ở biển Đông:

*Hòn đá ai đem đặt biển Đông
In hình nhi-nữ dạng ngồi trông.*

Bài thơ chỉ nói hòn Vọng-phu ở biển Đông, nhưng không nói rõ nơi nào.

Còn theo một bài thơ tôi học thuộc lòng từ thời tiểu-học, thì hòn Vọng-phu nằm ở giữa khoảng Ba Ngòi và Qui-nhơn:

*Đường hải-lộ từ Nam ra Bắc
Khởi Ba Ngòi sắp tới Qui-nhơn
Gặp-ghềnh đồi nổng chập-chùng
Trông xa chợt thấy một hòn núi xanh
Ngay giữa đỉnh hình nhân lộ vẻ
Tay ẩm bằng một trể hài-nhi
Đó là hòn núi Vọng-phu*

Vị-trí này (giữa Ba Ngòi và Qui-nhơn) được xác-định trong một quyển Địa-dư mà tôi học lúc ở Trung-học. Hòn Vọng-phu được ghi trên bản-đồ dưới tên "*Massif de la mère et l'enfant*" trong dãy Trường-sơn.

Như vậy, theo ông, ở trên lãnh-thổ Việt-nam, có mấy hòn núi mang tên "Vọng-phu"?

2. Về hình-thế:

Tôi nhớ có lần tôi xem tập ảnh của một người quen, thấy có chụp ảnh hòn Vọng-phu có dạng một người đàn bà đứng nhìn ra khơi. Trong bài thơ của Tôn Thọ Tường ghi trên, thì hình đá này ở tư-thế ngồi. Vậy thì có thể có hơn một hòn Vọng-phu tại Việt-nam.

3. Về sự tích:

Tôi có đọc qua sự tích về hòn Vọng-phu:

Thuở xưa, có hai anh em, anh trai em gái, mồ-côi cha mẹ. Một hôm đang cùng ăn mía ở nhà gần biển, có sự cãi-vã, rồi người anh nóng giận, sẵn cầm trên tay con dao róc mía, bỏ con dao lên đầu em gái. Thấy máu tuôn xối-xả và em gái té ra bất-tĩnh, người anh sợ quá bỏ trốn vì sợ tù-tội và nghĩ rằng em mình đã chết.

Sau một thời-gian lâu, anh ta tìm

trở lại làng cưới vợ, ngờ đâu lấy nhầm em gái của mình. Ăn ở với nhau có một đứa con, thấy vết sẹo trên đầu vợ trong lúc bà này đang chải tóc, mới hỏi vì sao, bà vợ mới kể lại chuyện xảy ra khi còn nhỏ.

Người anh kinh-hoàng, bỏ trốn đi một lần nữa, lần này thì đi luôn. Người vợ không hiểu căn do, cứ hàng ngày bỗng con lên núi ngó ra biển trông-đợi...

Còn trong bài nhạc của Lê Thương, lời ca ghi người chồng là một chinh-phu ra đi không có ngày về. Theo ông thì sự tích nào đúng với sách xưa?

Đáp: Theo chỗ BC được biết, ít nhất có tới 3 hòn Vọng-phu.

1. Vị-trí:

- Một hòn xưa nhất, nằm ở Đồng-đăng, Lạng-sơn. Ca-dao cổ có câu:

*Đồng-đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh.*

- Hòn Vọng-phu thứ hai nằm trên núi Nhồi, thuộc tỉnh Thanh-hóa.

- Hòn Vọng-phu thứ ba đúng như ông nói, nằm ở quận Khánh-duy, tỉnh Khánh-hòa (trước thuộc quận M'Drak, thuộc tỉnh Ban-mê-thuột), ngang khu Vạn-ninh. Người Thượng gọi là Cư H'Mú Mtiên, nghĩa là núi Mẹ Con (tên Pháp của hòn núi dịch theo nghĩa này). Núi cao 2051 mét, hình-dạng trông như người mẹ bỗng con, đứng trông ra ngoài biển như đang chờ đợi ai.

2. Về hình-thế:

Ngoài bài thơ *Vọng-phu thạch* của Tôn Thọ Tường, không thấy ai mô-tả hòn Vọng-phu ngồi, mà là tượng đứng bỗng con.

- Hòn Vọng-phu ở Đồng-đăng, Lạng-sơn tên là Tô Thị. Truyện kể rằng ngày xưa có một người con gái nhan-sắc mặn-mà, tên là Tô Thị. Nàng lấy chồng sinh con, một hôm người chồng đi vắng, đi mãi không về. Chiều chiều nàng bỗng con đứng trên gộp đá nhìn ra xa xa trông chồng, cứ chờ-đợi như thế mãi tới độ mồi-mòn, hóa đá.

Nguyễn Du có bài thơ viết về tượng đá này:

*Thạch da, nhân da, bỉ hà nhân
Độc lập sơn đầu thiên bách xuân
Vạn kiếp diêu vô vãn vũ mộng
Nhật trình lưu đắc cổ kim thân...
(Đá chẳng? Người chẳng? Đó là ai?)*

*Đứng sừng đầu non nghìn năm rồi
Muôn kiếp mây mưa không vương mộng*

Lòng son nay trước trọn bao đời).

- Hòn Vọng-phu ở Thanh-hóa là một chinh-phu chờ chồng đi đánh trận mãi không về.

- Hòn Vọng-phu ở Khánh-hòa, đúng với sự tích ông kể, người nàng chờ-đợi vừa là chồng, vừa chính là anh ruột của nàng. Bên Tàu cũng có núi Vọng-phu và cũng có sự-tích này.

TIẾT THANH-MINH

Hỏi: 1. Tiết Thanh-minh tảo-mộ được qui-định ngày tháng như thế nào? Hình như không cố-định?

2. Chữ "quí" trong "quí vị", "quí bạn", "quí quốc"... có nghĩa là gì? là "các", "những" hay là "quí trọng", "quí mến", hay là cả hai nghĩa luôn?

3. Xin phân-biệt về chữ quốc-ngữ của mình: âm Hán, chữ la-tinh, Hán-Việt, Nôm... là sao?

- Thủ-đo Trung-quốc là Bắc-kinh hay Bắc-bình?

- Viết là "Đặng Tiểu-bình" chứ không phải "Đặng Tiểu Bình", hóa ra Hoa-ngữ là ngôn-ngữ đa-âm chứ không phải đơn-âm?

- Trong ba chữ "danh, tự, tên", chữ nào là Hán-Việt, chữ nào Việt, chữ nào Hán, chữ nào Nôm?

*Lê Văn An
Montréal*

Đáp: 1. Trong Thanh-Tâm Tài-Nhan truyện: *Xuân-phân hậu thập ngũ nhật vi thanh-minh* (Sau tiết Xuân-phân 15 ngày là tiết Thanh-minh).

Xuân-phân xảy ra vào ngày 21 hoặc 22 tháng 3 dương-lịch, ngày và đêm dài bằng nhau.

Tiết Thanh-minh cố-dịnh theo dương-lịch (ngày 5 hoặc 6 tháng 4 dương-lịch), thay-đổi theo âm-lịch. Dùng dương-lịch đối-chiếu, sẽ tìm ra tiết Thanh-minh theo âm-lịch hàng năm.

2. "Quý" là tiếng tôn-xưng, có nghĩa là sang-trọng, vinh-hiến. Theo cung-cách Trung-hoa, khi gọi, hoặc nhắc tới những gì thuộc về người đang đối-thoại với mình thì tôn-xưng là "quí": quý huynh, quý đệ, quý hữu, quý quốc; khi nói về mình (ngoại-trừ những bậc trên trước của mình), thường xưng là "tê", "ngu": tê xá, ngu hạ,...

Chữ "quí" trong trường-hợp này được dùng như chữ "các", cũng là tiếng tôn-xưng, không có nghĩa là "những". Khi nói với nhiều người, cùng *quí* cả, thì dùng chữ "quí liệt vị". Thường thường, bạn nghe người ta nói "kính thưa *quí* vị", đó chính là "kính thưa *quí* liệt vị", nói tắt.

3. Chữ quốc-ngữ của mình ngày nay viết theo dạng mẫu-tự la-tinh, nghĩa là dùng mẫu-tự la-tinh để ký-âm tiếng Việt.

Tiếng Việt thì gồm hai thành-phần chính, là tiếng Nôm (những tiếng hoàn-toàn VN, như: ăn, uống, đi, đứng, máy bay, tên lửa, tàu ngầm) và tiếng Hán Việt (tiếng gốc Hán, đọc theo âm Việt: thực, ẩm, hành, lập, phi-cơ, hỏa-tiến, tiềm thủy đĩnh).

Ngoài ra, trong quốc-ngữ còn một số chữ gốc ngoại-quốc, như xà-phòng (hay xà-bông: *savon*), xích-lô (*cyclo*), cao-bồi (*cow-boy*), lì-xì (lợi thị), hên-xui (hung suy).

Hai chữ kể sau (lì-xì, hên xui) là dùng chữ quốc-ngữ ghi lại âm nói của tiếng Trung-hoa Quảng-đông.

Hai chữ trong ngoặc (lợi-thị, hung suy) là tiếng Hán Việt, gốc Trung-hoa nhưng đã sẵn âm Việt.

- Thủ-đô của Trung-hoa lục-địa là Bắc-kinh, phiên-âm quốc-tế (theo

âm quan-thoại) là Beijing.

- Trong ba chữ "Đặng Tiểu-bình", thì *Đặng* là họ, *Tiểu-bình* là tên kép. Đã là tên kép, chỉ cần viết hoa chữ đầu là đủ (thí-dụ: Việt-nam, Tây-ninh, Sài-gòn,...) Tương-tự, Trong phiên-âm quốc-tế, Đặng Tiểu-bình: Deng Xiaoping.

Không riêng gì tên, tất cả những tiếng kép đều có gạch nối: tự-do, hạnh-phúc, danh-từ, vô-hình-trung, nhân-cách-hóa,...

Trong tên riêng (Tiểu-bình, Trạch-đông, Gia-nã-đại,...) chỉ cần viết hoa chữ đầu; ngay cả họ kép cũng vậy: Lệnh-hồ Xung, Âu-dương Phong, Tư-mã Tương-như, Nguyễn-phước Anh,...

Đừng nhìn cái gạch nối và sự không viết hoa ở các chữ sau ấy mà cho rằng đó là ngôn-ngữ đa-âm.

-Trong "danh", "tự", "tên", thì *danh* và *tự* là tiếng Hán-Việt, còn *tên* là tiếng Nôm. *Danh* (*tên*), là tên gọi nói chung, thường do cha mẹ đặt. *Tự* là hiệu hoặc biệt hiệu, có khi do người trên (cha mẹ, thầy học) đặt, có khi do mình tự đặt lấy.

CHỮ QUỐC-NGỮ ĐIỆN-TÍN

Hỏi: Việc dùng các chữ /Z/, /W/, v.v. để thay cho các dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng:

1. Ai có sáng-kiến đó, và từ bao giờ?
2. Chữ gì dùng cho dấu nào?
3. Tiện và bất-tiện, và tại sao ngày nay không dùng nữa?

Nguyễn Thị Mai
Montréal

Đáp: 1. Đó là sáng-kiến của Sở PTT (Bưu-điện, Điện-tín và Điện báo) Sài-gòn, được hợp-thức-hóa bằng sắc-lệnh của chính-phủ vào khoảng 1936, gọi là chữ quốc-ngữ điện-tín. Loại chữ này chỉ được dùng trong điện-báo. Các chữ morse không có dấu giọng nên dễ đọc nhầm. Loại chữ quốc-ngữ điện-tín dùng chữ để thay dấu:

Thí-dụ:

S = dấu sắc (mas = má)

Q = dấu huyền (baq = bà)

Z = dấu hỏi (hoiz = hỏi)

X = dấu ngã (ngax = ngã)

J = dấu nặng (mej = mẹ)

Các dấu giọng được đặt phía sau chữ.

Ngoài ra, chữ W = thay dấu ư, ơ (uw = ư; ow = ơ)

AA = Â (aam = âm)

AW = Ẫ (aan = ăn)

DD = Đ (ddi = đi)

Nhowq loois vieets naayq, nhaan vieen buwu-ddiêeenj ddax tranhs dduwowcj laamq looix khi dichj cacs ddieenj-vawp ra loois chuwx thoong-thuwowngq.

Ngành truyền-tin quân-đội VNCH cũng đặt ra lối viết tương-tự như quốc-ngữ điện-tín, nhưng theo một qui-ước mới, giản-lược hơn.

NGOẠI-VĂN TRÊN LÀNG VĂN

Hỏi: Trên trang 1 báo *Làng Văn*, cháu thấy luôn luôn có câu "*published 12 times a year*" và đề ngày ra báo bằng tiếng Anh. Sau này ở trang 120 dưới chót, cháu lại thấy câu "*Lang Van is published monthly...*" Cháu không hiểu tại sao trong báo Việt lại phải đề chữ Anh như vậy.

Lê Văn Thành

Đáp: *Làng Văn* được hưởng qui-chế trả tiền bưu-điện Gia-nã-đại theo cước-phí hạng nhì, trong khi báo được chuyển theo hạng nhất. Qui-chế này chỉ áp-dụng cho các báo ra ít nhất 12 lần trong một năm, với điều-kiện bắt-buộc phải in rõ câu này trên trang nhất, và đề ngày tháng bằng Anh-văn để bưu-điện để kiểm-soát.

Sau này, *Làng Văn* xin thêm giấy phép để gửi báo theo lối tương-tự từ tiểu-bang New York, tới độc-giả cư-ngụ trong Hoa-kỳ. Bưu-điện Mỹ cũng đòi-hỏi phải in rõ hai hàng chữ cháu đọc thấy ở trang cuối, 120. Tất cả chỉ do thủ-tục bó-buộc mà thôi.

Sau Lớp Hỏa Mù

Nguyễn Hữu Nghĩa

QUA KHE HỖ... HỢP-LƯU

Cho tới nay, đúng 4 tháng sau ngày cánh giao-lưu với cộng-sản bị cộng-đồng người Việt tại Montréal lạnh-lùng đóng cửa, tấm màn bí-mật phủ-trùm lên nội-vụ đã được hé mở. Nguyên-nhân nào thúc-dẩy ông y-sĩ Trang Châu thò bút ký thông-cáo bệnh-vực những kẻ cầm loa văn-hóa cho VC đã được chính Kim Thi khai ra vanh-vách trên tờ *Hợp-lưu*. Trước nay nhiều người vẫn tưởng Trang Châu là chính-phạm gương dù tự-do ra che mưa cho những kẻ nối giáo cho giặc. Điều này không oan gì, nhưng còn thiếu sót. Sau lưng Trang Châu có động-cơ thúc-dẩy. Động-cơ đó, theo tờ *Hợp-lưu*, là nhà "mô-phạm" Võ Kỳ Điền, Tổng Thư-ký Văn Bút VNHN. Cả hai ông Trang Châu lẫn Võ Kỳ Điền xưa nay không phải cộng-sản, vậy sức đẩy sâu-xa và mãnh-liệt nào đã thôi-thức Võ Kỳ Điền phải thay-đổi quan-điểm, bỏ lập-trường cố-hữu?

Những thắc-mắc lớn-lao ấy đã được Kim Thi, xuyên qua khe hở *Hợp-lưu* giải-thích đầy-đủ:

"Ngày 7 tháng 7, 1992

"Vừa nhận được một "Thông-Cáo" của Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại lên tiếng "cực-lực phản-đối mọi thể-lực cưỡng-bức tự-

do sinh-hoạt, tự-do phát-biểu tư-tưởng của giới cầm bút Việt-Nam tại hải-ngoại." Có lẽ cũng như anh em *Hợp-Lưu*, giới văn-nghệ-sĩ trên khắp thế-giới sẽ vui khi đọc "Thông-Cáo" này...

...
"Nghe đâu thành-quả này phần lớn do nhà văn Võ Kỳ Điền chủ-xướng. Dù biết anh không đồng quan-điểm với *Hợp-Lưu*, nhưng thái-độ tích-cực này, của anh, khiến chúng tôi "hồ hởi". Qua mặt *Hợp-Lưu*, tôi tình-nguyện móc hết túi trên túi dưới, gom-góp tí tiền còm mua chai "cô-nhắc", để dành, đợi dịp nào anh ghé Cali, sẽ cùng nhau "chiến-đấu" một trận, gọi là tỏ lòng "bái-phục". Xử-sự như vậy coi có... ổn không người nhà văn khó tính Nguyễn Thị Hoàng Bắc, kẻ la-lối "sắt máu" nhất trong những ngày vừa qua?"

(trích *Hợp-lưu* số 6, trang 202)

Tại sao *Hợp-lưu* hứa đãi rượu ông Võ Kỳ Điền mà lại hỏi ... Hoàng Bắc rằng "xử sự như vậy có ổn không"? Cái ỡm-ờ của *Hợp-lưu* như một cách công-khai "tác-hợp" hai anh chị Hoàng Bắc & Võ Kỳ Điền, bạch-hóa mối liên-hệ tình-cảm riêng-tư trước công-luận. Báo *Hợp-lưu* số 6 ra vào tháng 8.92, tới nay đã ba tháng, cả hai ông Trang Châu lẫn Võ Kỳ Điền đều không hề lên tiếng cải-chính. Người ta bắt-buộc phải tin

những điều nói trên là sự thật: ông Châu bênh nhóm giao-lưu với CS, chống lại cộng-đồng, là do Võ Kỳ Điền xúi. Võ Kỳ Điền ép Trang Châu ký thông-cáo, vì bị Hoàng Bắc "la lối sắt máu". Tóm lại, cả lập-trường, quan-điểm, đường lối, điều-lệ của Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại đã được ông Tổng Thư-ký đặt hết dưới gót chân của một người đàn bà!

Các ông Trang Châu và Võ Kỳ Điền lúng-túng không tìm được câu trả lời thích-đáng về vụ thông-cáo bênh nhóm "giao-lưu hòa-hợp". Cánh *Hợp-lưu* há miệng mắc quai về vụ báo *Đất mới* công-khai bàn giao nhiệm-vụ. Cả hai nhóm bèn hợp sức tung hỏa mù, tận-lực khai-thác "bản fax của ông Chung" mong đánh lạc hướng dư-luận, cố ý chuyển chuyện lập-trường chính-trị sang chuyện cá-nhân, tình-cảm riêng-tư.

THƯ RIÊNG HAY THƯ RƠI

Sau khi báo *Hợp-lưu* phát-hành được vài tuần, tòa-soạn *Làng Văn* nhận được (qua máy fax) trang báo của *Hợp-lưu* tiết-lộ chuyện Hoàng Bắc & Võ Kỳ Điền ép Trang Châu, kèm theo một bức thư gửi Võ Kỳ Điền, nội-dung khuyên-bảo ông ta nên trở về với vợ con, đừng dây-dưa với Hoàng Bắc và *Hợp-lưu* nữa. Thư có đoạn viết như sau:

"Phước à (tên thật của Võ Kỳ Điền là Võ Tấn Phước),

"Đọc báo *Hợp-lưu*, ai cũng biết toa không cùng quan-điểm với *Hợp-lưu*, nhưng mà cái vụ thông-cáo thông-kiết lùm-xùm kỳ rồì là do toa chủ-xướng ép thằng Châu (Trang Châu) ký, để làm vừa lòng người đẹp Nguyễn Thị Hoàng Bắc "tình cũ không rủ cũng tới" của toa. Hôm ở Montréal, hai người xà-nẹo với nhau, không riêng gì Montréal mà cả bên Cali, bên D.C., ai cũng biết và cười. Bây giờ báo *Hợp-lưu* nói tách-bạch ra hết rồi nên moa phải có đôi lời

khuyến bảo toa.

Phước à, chuyện gia-đình, vợ con của mình là quý, nhất là còn tình còn nghĩa mấy mặt con. Còn cái thứ đàn bà con gái ngoài đường (người viết bài này tự ý bỏ một câu) thì toa rước về làm gì cho nhục! Vui-vẻ qua chút nghệ văn gừng như hôm nọ, anh em có biết cũng đàm tiếu với nhau chút thôi rồi bỏ qua. Rán mà giữa lấy gia-đình, đừng để vợ con buồn. Móa tình-cờ biết số fax riêng của toa nên viết mấy hàng dặn-dò, đọc xong bỏ đi, đừng để vợ toa nó thấy nó buồn tội-nghiệp. Nhớ ghé Trung Việt mua hết mấy chục tờ Hợp-lưu dấu đi, và viết thư biểu thẳng Khánh Trường đừng có đưa lên báo như vậy nữa. Nó khen toa mà nó hại toa. Nó nói là nó mua rượu dãi toa, để thưởng công toa đốc-thúc thẳng Châu ký thông-cáo, rồi hỏi như vậy Hoàng Bắc "chịu" chưa thì là như nó công-khai đăng chúc mừng hi-tấn vụ của toa và con Hoàng Bắc rồi. Kỳ thấy mẹ!

Chung."

Bức điện-thư tới tòa-soạn vào sáng ngày 17 tháng 8.

Ông Võ Kỳ Điền trước kia có tên trong danh-sách ban biên-tập Làng Văn, nhưng không làm việc tại tòa-soạn. Nghĩ rằng ông Chung hoặc gửi bản sao lá thư gửi cho Võ Kỳ Điền cùng bài báo Hợp-lưu liên-quan tới

chuyện riêng giữa Hoàng Bắc & Võ Kỳ Điền để tòa báo "khai-thác", hoặc cũng có thể ông Chung muốn nhờ tòa-soạn chuyển thư, như bao nhiêu bức thư nhờ chuyển cho các nhà văn, nhà thơ trước nay. Chính tay tôi đã fax bức thư của ông Chung và cả trang báo Hợp-lưu cho Võ Kỳ Điền, theo số fax trước đây ông ta đã gửi bài tự bạch 10 trang của Trang Châu cho các báo, thay vì gửi qua bưu-điện, vì sợ tới tay vợ ông. Tôi thật-thà nghĩ rằng đó là số fax riêng của Võ Kỳ Điền trong sổ; sau này mới biết đó không phải là số riêng của ông Võ Kỳ Điền, mà là số fax trong sổ làm của bà Duyên, vợ ông ta.

Tôi đã phạm hai điều làm lỗi.

Một là đoán sai số fax, vì không ngờ tới chuyện bà Duyên "dĩ công vi tư", lấy máy fax của sở làm, dùng vào chuyện riêng của chồng. Làm lỗi thứ hai, nặng hơn, là đã xem Võ Kỳ Điền là bạn, và nghĩ sai rằng bạn mình là người biết nghe lời phân-giải phải trái.

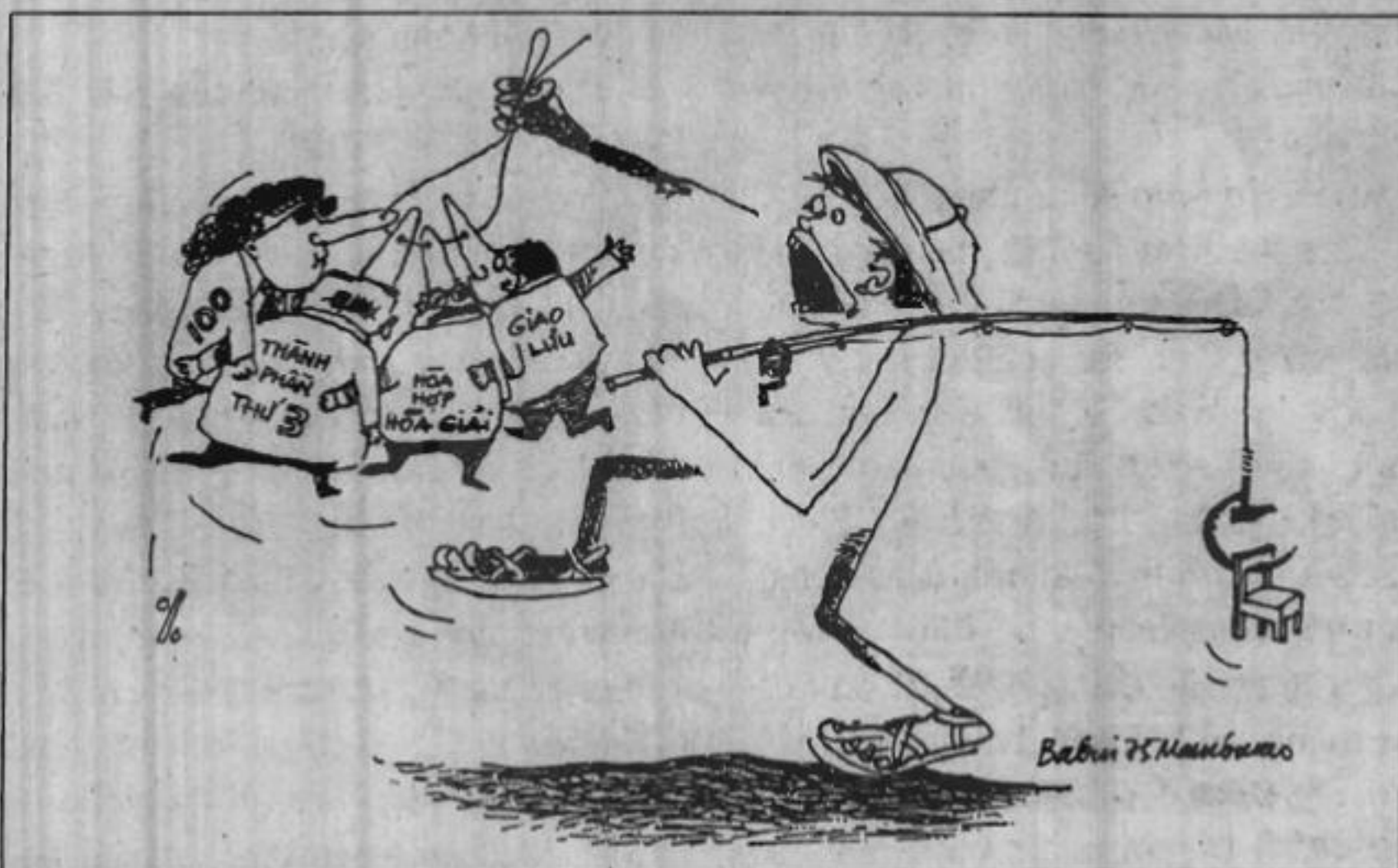
Tám năm trước, tôi đã phổ-biến các bài viết của Võ Kỳ Điền trên Làng Văn, đã xuất-bản tập truyện ngắn Kể đưa đường, đã nâng-đỡ cách riêng. Và mới trong tháng 4 năm nay, 1992, trong bữa cơm chung tại Montréal do đôi thi-sĩ Thuý Trang & Nguyễn Bá Dĩnh khoản-đãi, trước một số bạn-bè văn-nghe, tôi đã

thẳng-thắn trở cho Võ Kỳ Điền nhìn thấy sự sai-làm của ông về cách nhìn một số vấn-đề trong cuốn Kể đưa đường. Ông hiểu ra, nhìn nhận và cảm ơn trước mặt nhiều người. Cũng trong dịp này, Võ Kỳ Điền nói rằng, đọc đi đọc lại các bài phê-bình văn ông trong mấy năm nay, ông phải công-nhận nhận là bài viết của tôi chừng mực và xác-đáng nhất, dù rằng trước đó có lúc ông đã khó chịu vì lối viết "không vị tình" của tôi, ngay cả đối với một cuốn sách do chính tôi xuất-bản...

Nghĩ rằng Võ Kỳ Điền là người biết phục-thiện nên tôi đã chuyển thư của ông Chung một cách thoải-mái. Thực tình, đọc xong đoạn bài trên Hợp-lưu và nhìn ra sự lắt-léo trong vụ thông-cáo Trang Châu, chính tôi cũng đã định viết thư cho Võ Kỳ Điền, và nếu viết, tôi cũng viết những điều tương-tự như ông Chung đã viết. Lời-lẽ của bức thư rất chí tình: "chuyện gia-đình, vợ con của mình là quý," "còn tình còn nghĩa mấy mặt con", "rán giữ lấy gia-đình, đừng để vợ con buồn"...

Võ Kỳ Điền không đồng ý. Có lẽ ông không thấy vợ con là quý. Ông không lấy tình-nghĩa mấy mặt con làm trọng. Và ông cũng chẳng đếm-xỉa gì tới gia-đình. Thay vì nhận lỗi (nếu thấy có lỗi), hay yêu-cầu báo Hợp-lưu cải-chính (nếu báo này đặt điều vu-cáo), ông viết thư gửi các báo, chửi ông Chung là "mạ-ly, vu-khống, hèn-hạ, đê-tiện đáng phỉ-nhở", gọi đó là một lá "thư rơi" và tỏ ý nghi-ngờ Làng Văn đã "chế-biến" ra để "phá-hoại hạnh-phúc" gia-đình ông.

Thực ra, Võ Kỳ Điền đã dùng hai chữ "thư rơi" một cách khinh-suất. Một bức thư được gửi từ một người tới một người, đó là thư riêng. Bức điện thư của ông Chung gửi đến cá-nhân Võ Kỳ Điền qua tòa-soạn, chỉ là một cái thư riêng thông-thường như bao nhiêu thư nhờ chuyển khác. Một tờ truyền-đơn phát vu-vơ đây chợ, không minh danh người gửi lẫn



người nhận, mới gọi là "thư rơi". Cái thư do tòa báo chuyển rõ-ràng đề và gửi cho ông Võ Tấn Phước (tức Võ Kỳ Điền), và chỉ gửi riêng cho một mình ông mà thôi, có tên người gửi là Chung, không thể coi đó là "thư rơi" được.

Nếu bảo *Làng Văn* bịa ra bức thư ấy và muốn giấu tên, Võ Kỳ Điền vì mất bình-tĩnh, đã quên khuấy một chi-tiết vô-lý: tại sao tòa báo không mang ra máy fax công-cộng mà gửi, lại dùng chính máy của tòa-soạn. Thời-đại "display-phone" này, máy fax nào cũng hiện và in lại số điện-thoại của người gửi trong bản báo-cáo. Chỉ có người đăng-trí hạng nặng mới dùng máy riêng của mình để gửi "thư rơi", trong khi giá một con tem chỉ có 42 xu, và giá một bản fax công-cộng chỉ có 1 đồng. Công-khai chuyển thư cho Võ Kỳ Điền bằng chính máy của tòa-soạn, tất-nhiên

không có điều gì khuất-tất. Đã phê-bình sách, truyện Võ Kỳ Điền trên báo, đã chỉ-trích nặng-nề ban chấp-hành Văn Bút mà Võ Kỳ Điền làm tổng thư-ký, chúng tôi còn sợ bất cứ điều gì mà không nói thẳng? Nên nhớ, cái chuyện trên bục trong đầu kia chúng tôi không bịa, mà do chính báo *Hợp-lưu* mang ra giễu-cợt. Nếu có trách, phải trách cánh giao-lưu đã mang "hạnh-phúc gia-đình" của ông và danh-dự của hai bà ra làm trò đùa chứ!

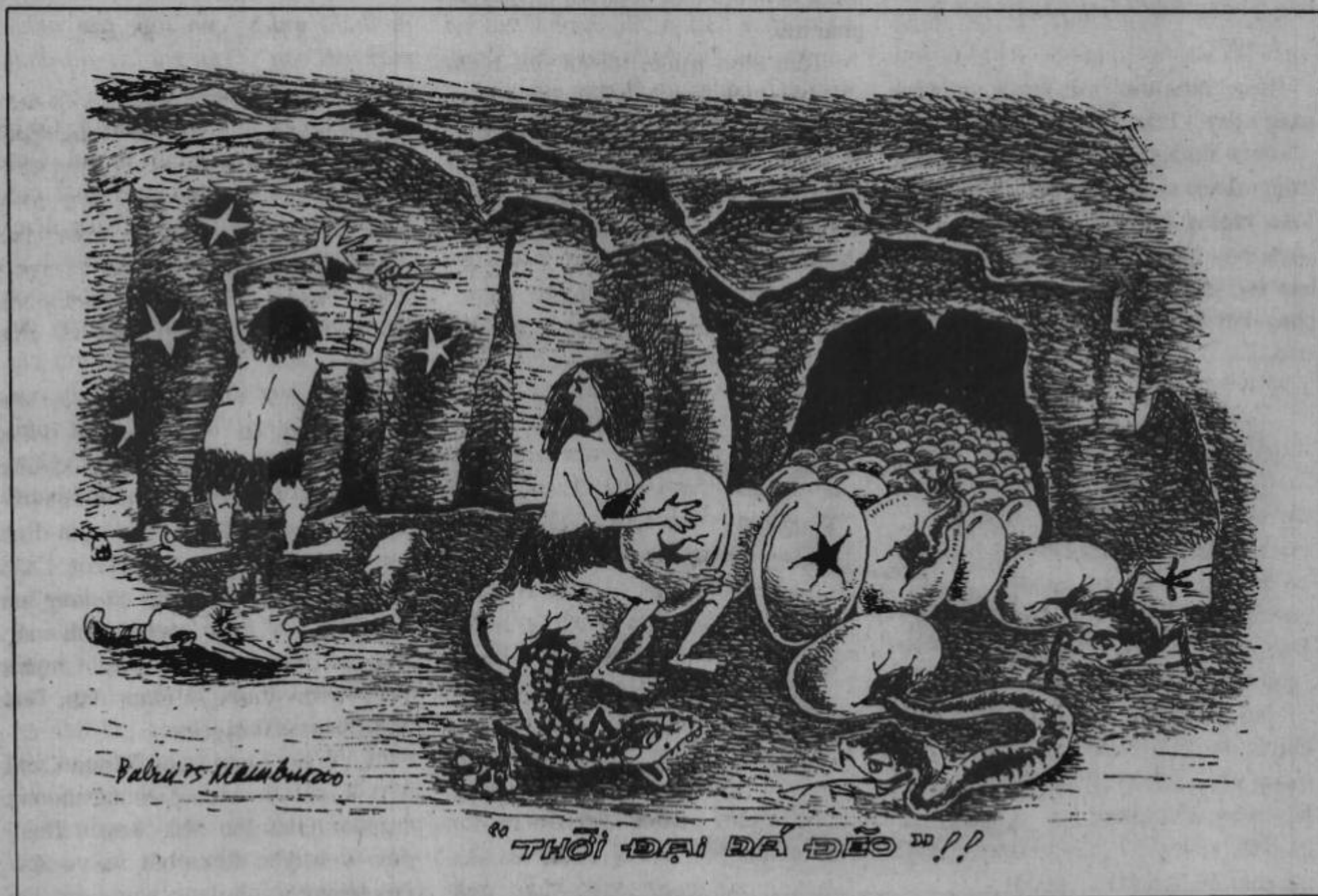
Võ Kỳ Điền cố-gắng tránh né mũi nhọn của vấn-đề. Vì không thể bảo rằng nội-dung bức thư căn-cứ vào một nguồn tin sai, ông đã tấn-công vào hình-thức của nó.

Trong hồ-sơ gửi cho các báo, kể cả tâm thư lẫn bài trả lời phỏng-vấn, Võ Kỳ Điền không hề nói rằng báo *Hợp-lưu* nói sai; mỗi lần nhắc tới Hoàng Bắc, ông còn một điều "cô",

hai điều "cô", mặc dù cô đã lập gia-đình, sắp có đầu rể, và năm nay đã gần 50 tuổi vàng. Chẳng những ông không bắt *Hợp-lưu* đính-chính giùm, mà còn nài-nỉ báo-chí khắp thế-giới đang trợn hồ-sơ liên-quan tới cuộc đời tình-ái của ông như một cách hãnh-diện khoe-khoang về cái số đào-hoa của mình.

Trong bài ông "Võ Bá Điền" phỏng-vấn ông bà "Võ Kỳ Điền", bà Duyên vợ ông Võ Kỳ Điền góp lời rằng chính bà cũng muốn công-khai-hóa bức thư của ông Chung trên các báo.

Bà Duyên có lý của bà. Bức thư của ông Chung có một đoạn khá dài lăng-mạ Nguyễn Thị Hoàng Bắc, người mà báo *Hợp-lưu* của nhóm Hoàng Bắc đã long-trọng "tác-hợp" cho Võ Kỳ Điền, chồng bà. Bà cần phải có một thái-độ nào đó để dần mặt đối-phương, và bức thư của ông



Chung đã được sử-dụng như một thứ vũ-khí.

Người ta nói, lập lại một câu chữ là chữ người ta một lần thứ hai. Bức thư của ông Chung mang những câu sỉ-nhục Hoàng Bắc, trong khi chỉ có vợ chồng bà hay, bà đã yêu-cầu báo-chí khắp thế-giới đăng lên hết cho cả năm châu cùng biết. Xét cho cùng, người tiếp tay phổ-biến những lời lăng-mạ Hoàng Bắc, không phải ai khác, mà chính là vợ chồng Võ Kỳ Điền. Thật là mỉa-mai! Nhóm giao-lưu với CS nhìn ra điều này và đã "bảo-vệ" người nhà bằng cách khi đăng lại hồ-sơ Võ Kỳ Điền gửi, họ đã bôi đen kín các lời phỉ-báng Hoàng Bắc; trong khi các báo khác nhận sao đăng vậy không sót chữ nào, hoặc chỉ gạch một đường thật mỏng, tuy gạch ngang mà còn rõ hơn gạch dưới!

Trong khi đó, về phía Nguyễn Thị Hoàng Bắc, qua bài "*Montréal: lại bên lở bên bồi*" đăng trên các báo "giao-lưu", đã không hề cải-chính nửa lời về mối quan-hệ riêng-tư với Võ Kỳ Điền mà *Hợp-lưu* đã công-bố trên mặt báo. Hoàng Bắc cũng chuyển hướng vấn-đề bằng cách úp mở trách-móc rằng "sau khi không còn viết cho một tờ báo ở Toronto, Canada, nữa, ông bà chủ báo bức mình viết thư cho một bạn văn ở California bảo rằng: 'Đạo này NTHB viết ít, viết chậm vì bận đi giết chồng người.'"

Tôi không nghĩ Hoàng Bắc muốn ám-chỉ *Làng Văn*.

Hoàng Bắc dù không còn cộng-tác với *Làng Văn*, nhưng cũng không có sự xích-mích nào. Tòa-soạn còn có quá nhiều chuyện phải lo, làm gì có thì giờ để mất tới chuyện Hoàng Bắc "giết chồng" người này, hay "giao-lưu" với người nọ.

Nếu Nguyễn Thị Hoàng Bắc ám-chỉ *Làng Văn*, chúng tôi yêu-cầu bà trong vòng 90 ngày (kể từ 1.11.92), hãy công-khai đăng lên báo bức thư bà nhắc trong bài. Nếu không, chúng tôi xem đó là một sự bịa đặt...

NHỮNG KẺ SANG SÔNG

Trở lại vấn-đề thư rơi, nguyên-tắc và cũng là châm ngôn xử thế của tòa-soạn là thẳng-thắn và công-bằng. Nếu thấy cần nói, chúng tôi đồng-đặc nói ngay trên mặt báo, dù điều này có thể làm méch lòng nhiều người. Thư rơi là tiếng nói của những người không có phương-tiện truyền-thông và không dám đối đầu. Trong khi đó, hàng tháng, cơ-sở *Làng Văn* với hai diễn-đàn (*Làng Văn* và *Chiến-sĩ Tự-do*) phổ-biến hàng chục ngàn số báo trên khắp thế-giới; đã dám nói, và có phương-tiện để nói, chúng tôi cần gì "thư rơi"!

Nhân đây, chúng tôi xin dài dòng một chút về mối liên-hệ giữa độc-giả, báo-chí và người viết.

Báo-chí là cây cầu nối liền người viết và người đọc. Muốn làm tròn nhiệm-vụ, cây cầu ấy phải bắc vững vào cả hai đầu, nghĩa là phải tựa vào cả độc-giả lẫn biên-tập-viên, đồng-thời cân-bằng với đường lối và lập-trường mà tờ báo đã đặt ra.

Cây cầu *Làng Văn* từ tháng 9.1984 đến nay luôn luôn cố-gắng làm tròn nhiệm-vụ của mình, không hề thay-đổi lập-trường quốc-gia dân-tộc và tôn-chỉ "văn dĩ tải đạo."

Ngoại-trừ một số văn-hữu gác bút vì lý-do sức-khoẻ, gia-đình... trong thời-gian hai năm gần đây, có một số người viết tuy vẫn sáng-tác, nhưng không thấy xuất-hiện trên *Làng Văn* nữa. Lý-do: chính-kiến. Trước khi có phong-trào văn-nghe phản-kháng theo lệnh Đảng, và đổi mới theo chỉ-thị do Nguyễn Văn Linh chủ-xướng, tất cả những người cầm bút "giao-lưu hòa hợp" hiện nay như Thụy Khuê, Khánh Trường, Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Trần Sa... đều đã từng cộng-tác với *Làng Văn*. Trong cơn bão lớn, tờ báo vẫn đứng thẳng, nhưng những người viết ấy đã rạp theo chiều gió, và bị cuốn xa dần. Với một số người viết khác ngà-

ngiêng, không lập-trường nhất-định, tòa-soạn đành khước-từ, sự hợp-tác. Hoặc bỏ làng, hoặc làng bỏ, tất cả đều do quan-điểm chính-trị, hoàn-toàn không vì hiềm-khích cá-nhân.

Đối với những người chạy về phía bên kia, tòa-soạn chỉ lảng-lặng bỏ tên họ ra khỏi ban biên-tập, không bình-phẩm. Không nói gì về thái-độ chính-trị đã đành, tòa-soạn còn tối kỵ nói đến đời tư: bà này lăng-nhăng, ông kia có con đi ăn cắp, chị nọ...

Trường-hợp Hoàng Bắc & Võ Kỳ Điền cũng vậy. Khi *Hợp-lưu* tiết-lộ rằng cái thông-cáo Trang Châu bênh cái đuôi đỏ kia chỉ là kết-quả của một vụ mái xùy, *Làng Văn* đã nhận được hàng chục bài phê-bình từ khắp nơi gửi về mà không khai-thác, chỉ gửi riêng cho Võ Kỳ Điền bức thư khuyên-can kia và "được" cả hai vợ chồng ông tung hồ-sơ đi khắp nơi, gán cho cái tiếng "thư rơi"!

TRỞ LẠI VẤN-ĐỀ

Trong cộng-đồng Việt-nam, nhiều người vẫn còn thói xấu hành-xử theo cảm-tính thay vì dùng lý-trí để xét-đoán. Họ không dám công-nhiên bày-tò lập-trường, thẳng-thắn bênh-vực ý-kiến mình, mà bẽ ngoéo sang chuyện cá-nhân, nường vào đám "hỏa-mù" để bán sê và chạy trốn.

Không để những kẻ làm lợi cho đối-phương lái vấn-đề sang hướng khác, hoặc nường khỏi mù để đào-tẩu, chúng tôi nghiêm-chỉnh đặt vấn-đề:

1. Lý-do tại sao ông Trang Châu, chủ-tịch Văn Bút, cho tới nay vẫn tránh-né, không minh-định lập-trường chính-trị của ông và ban chấp-hành đương-nhiệm Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại.

2. Yêu-cầu các ông Trang Châu, Võ Kỳ Điền bạch-hóa thành-phần thực-sự lãnh-đạo Văn Bút VNNH, theo tinh-thần đoạn bài dẫn thượng của *Hợp-lưu*. ○



đề tranh babui

Ông độc làm chi lắm hờ ông
Rắn con đừng tưởng chúng thành rồng
Mồm to tướng cũng mồm vong bản
Bút nhỏ con vốn bút giống giồng
Thế cuộc đã nghiêng trời lệch đất
Thời cơ đang lấp bể bồi sông
Ông vui cứ vẽ tranh châm chích
Nhưng quá cay thì cũng hóa ngồng.

nam chi thượng nhân

rõ lối anh đi

Chú y sĩ nhảy dù "rần rì"
Thơ thần dăm câu thể thống gì
Ngáp phải ruồi nhảy lên ghế độc
Bệnh nhằm người đánh mất lương tri
Lập lò thông cáo buôn danh vật
Lấp lửng bàng dân múa bút lì
Chú bảo mọi người "trong bóng tối"
Nhưng ta thấy rõ lối ai đi.

Bắt cá hai tay vốn lỗ thời
Tấm gương thể sự rõ ràng soi
Bá Thành, Tấn Mẫm không cơm cháo
Sô Viết, Đông Âu cũng rã rời
Mệnh nước — Bể bình minh rạng rỡ
Lòng dân — Trời phục quốc cuồng sôi
Bút cùn chớ vác theo chân đóm
Để Á hậu kia phải ngậm ngùi.

nam chi thượng nhân

văn nô, văn bút mì son một bè

Vài anh cầm bút hoạt đầu
Giao lưu nhất trí rủ nhau đội... quần
Đứa thì bốc ầu bốc nhằng
Đứa chui cửa hậu rồi rằng "hợp lưu"
Ca bài giao hợp một chiều
Nghêu ngao lạc điệu củ điều nhi nhô
Văn cùi văn bịnh văn nô
Trăm con khỉ đỏ hàm hồ phát loa
Đòi thay cờ bỏ quốc ca
Là thù hay bạn chúng ta biết rồi
Bà con tởm bọn lòn chui
Cà chua trứng thối nhất thời phục binh
Cung văn trốn nhủi hậu đình
Nhờ Trang đồng chí tận tình bao che
Trang hội chủ hét be be:
"Văn nô, văn bút một bè từ đây
Hễ ai đảo đảo bọn bay
Coi như phỉ nhổ mặt dầy của tao".

trần ngân tiêu

hội chủ múa võ tiều

Hội chủ ra oai thầy một chiêu
Quảng gà bác múa quảng ra tiều
Mang dao tu-bíp theo tà đạo
Vác bút văn nhân bợ hợp lưu
Đón gió xem ra mồm bác lớn
Hợp giao không khéo ấy bà teo
Văn nô, Văn bút son mì hả?
Con tướng con quan tớ cũng đeo.

trần ngân tiêu



giới-thiệu



TUYỂN TẬP "NHỚ HUẾ"

Ấn-phẩm đặc-biệt nhân Ngày nhớ Huế 30.8.92 tại Nam California, Hoa-kỳ, Võ Văn Tùng chủ-biên

Tuyển tập dày 208 trang không đề giá. Bài-vở gồm có thơ, văn, nhạc, biên-khảo của Thái Văn Kiểm, Lê Văn Lân, Nhã Ca, Bùi Bích Hà, Mai Kim Ngọc, Tôn-thất Tuệ, Nhất Tuấn, Nguyễn Huy Phước, Huy Phương, Hồ Trọng Khôi, Trịnh Lâm Ngân, Duy Khánh, Nguyễn Văn Hưng, v.v.

Liên-lạc: 9559 Bolsa Ave., Suite D, Westminster, CA 92683 USA.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT ĐỜI NGƯỜI ĐÀN BÀ

Biên-khảo của Đoàn Văn Thông, tập-trung tài-liệu về tướng-mệnh, chỉ tay, tâm-lý và diện-mạo người đàn bà. Cuốn sách lý-thú và cần thiết cho các bạn gái muốn tìm hiểu về chính mình; hữu-ích cho nam-giới để biết về cá-tính và cuộc đời nữ-giới.

Sách dày 324 trang giá 14 mỹ-kim (18 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

VẾT THƯƠNG VẪN MỞ

Tuyển tập truyện ngắn của Phùng Nhân, tác-giả xuất-bản tại Úc-đại-lợi, gồm 12 truyện ngắn.

Phùng Nhân sinh năm 1942 tại Bến-tre, hai lần đoạt giải khuyến-khích Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1990 và 1991-1992. Ông có đã thơ in từ Việt-nam, năm 1971,

cuốn *Tương-lai treo sợi chỉ* mạnh; và bây giờ, *Vết thương vẫn mở* là tập truyện đầu tay của ông.

Truyện của Phùng Nhân có cá-tính. Ông có cái nhìn sâu-sắc vào cuộc đời; văn-phong miền Nam dung-dị, không làm dáng và không trau-chuốt.

Vết thương vẫn mở dày 212 trang giá 13 mỹ-kim (17 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn (từ tháng 2.1993).

BAY VỀ ĐÂU ĐÓ Ở QUÊ-HƯƠNG

Tập thơ Trần Văn Lệ, Khánh Hà thực-hiện và xuất-bản tại San Jose, Hoa-kỳ.

Trần Văn Lệ, tên thật và cũng là bút-hiệu; bút-hiệu khác: Trần Mênh-Mông, Trần Trung Tá. Ông nguyên là giáo-sư trường Bùi Thị Xuân, Đà-lạt, nhập-ngũ khóa 24 Bộ-binh Thủ-đức, từng cộng-tác với các báo *Tiền-phong*, *Văn*, *Giao-diểm* (trước 1975). Tại hải-ngoại, ông cộng-tác với nhiều báo, trong đó có *Làng Văn*.

Bay về đâu đó ở quê-hương dày 118 trang khổ lớn giá 8 mỹ-kim. Liên-lạc: Ms. Quyên Nguyễn, 2008 Tobago Ave., San Jose, CA 95112, USA.



nhắn tin tị-nạn

Giá biểu: 10 mỹ-kim (12 gia-kim) mỗi mẫu nhắn tin. Đồng-bào tại

Giá biểu: 10 mỹ-kim (12 gia-kim) một mẫu nhắn tin. Miễn-phí cho đồng-bào tại các trại.

Thiếu-tá Cảnh-sát **LÊ VĂN THU**, sinh ngày 22.9.1944 tại Hà-nội, nhiệm-sở cuối-cùng: bộ Chỉ-huy CSQG Gò-vấp, Gia-định, vượt biên đường bộ sang Cao-miên đầu tháng 11.1988, đến nay không có tin-tức. Ai biết tin ông Thu, xin vui

lòng báo cho vợ con ông, theo địa-chỉ: **NGUYỄN THỊ CÚC**, MC: 607024, ID: 170630, Sungei Besi, Malaysia.

NGUYỄN LƯU TRỌNG QUYÊN, cựu học-sinh Nguyễn Gia Thiều (quận Tân-bình), muốn biết tin thầy cô và bạn-bè cũ, xin liên-lạc địa chỉ: 3681 Cape Code Ct., # 12, San Jose, CA 95117 hoặc điện thoại: (408) 246-1943.

Tìm các bạn cũ **TẠ THỊ CẨM TÚ**, **TẠ HỮU TRUNG** và **TẠ HỮU THI** trước ở 491/43 Nguyễn Đình Chiểu, Sài-gòn, cùng gia-đình, định-cư tại Hoa-kỳ năm 1991 qua chương-trình đoàn-tụ gia-đình. Xin liên-lạc: **DƯƠNG VINH LỘC**, tên thường gọi là Vinh, 9909 Waterview Rd., Raleigh, NC 27615, USA — ĐT: 919-870-9057.

Tìm các bạn **PHẠM HUY HOÀNG**, **QUÁCH TRUNG NAM** (anh của Quách Trung Việt) và **QUÁCH LÊ MỸ**, nguyên-quán Cái-bè, Mỹ-tho, hiện định-cư tại Gia-nã-đại; cùng các bạn **CHUNG MINH ĐẠT**, **LÊ BÌNH**, định-cư tại Hoa-kỳ, tất cả đều là học-sinh Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ-tho. Xin liên-lạc: **BÙI VĂN TY**, AS: 364001, BT: 1990, Galang II, JVA/VN Interpreter, P.O. Box 07 Tanjung Pinang 29112 Riau, Indonesia.

Chú **NGUYỄN THÁI VÂN** (còn cù hoa-sĩ **THÁI TUẤN**), trước thuộc Quân-y Thiết-giáp, xin liên-lạc với anh **PHẠM HẢO**, trước thuộc Quân-y Công-binh, địa-chỉ: 705 Nokomos Dr., San Jose, CA 95111, USA.

Tìm chị **CHỖN** và các cháu **HIẾU**, **CUÔNG**, **DUNG**, **ĐỨC** đã đoàn-tụ gia-đình tại Đức, trước sống với bà nội là **NGUYỄN THỊ HỒI** và chú Nguyễn Tiến Lợi tại số 302/9 Hoàng Hoa Thám, Bình-thạnh, sài-gòn. Xin liên-lạc **NGUYỄN THỌ PHƯỚC**, MC: 513031, ID: 166534, 16 Old Camp Sungei Besi, MRCS/TMS, Kuala Lumpur, Malaysia.

Tòa-soạn tặng báo độc-giả tặng tem GỬI BÁO SANG TRẠI CHO ĐỒNG BÀO TỊ NẠN

15 MỸ-KIM TIỀN TEM: MỘT NĂM BÁO TỊ-NẠN

- 15 mỹ-kim (18 gia-kim) cho một năm 12 số báo gửi bằng đường thủy.
- Gửi chi-phiếu về Làng Văn, kèm theo địa-chỉ thân-nhân của quý vị tại các trại tị-nạn ở Á-châu và Âu-châu. Nếu quý vị không có thân-nhân, tòa-soạn sẽ chọn một số đồng-bào đứng ra nhận báo để chuyển tay nhau đọc.
- Danh-sách tặng báo dưới đây sẽ đăng liên-tục cho đến số báo tháng 12.1992, sẽ bắt đầu năm báo mới.
- Quý đồng-bào nhận báo mỗi khi sắp rời trại đi định-cư xin giới-thiệu cho tòa-soạn một địa-chỉ mới để tránh mất báo.

GIÚP TEM GỬI BÁO CHO THÂN-NHÂN TẠI CÁC TRẠI TỊ-NẠN:

Kim Vân (Hoa-kỳ) tặng Vũ Công Minh (Nam-dương), Đào Thái Sơn (Nam-dương), Trần Thị Hồng Liên (Nam-dương), Phan Thu Thủy (Mã-lai); Nguyễn Phước Bảo Quý (Úc) tặng Nguyễn Văn Hoạt (Hương-cảng) và Trần Như Minh Nguyệt (Mã-lai); Võ Văn Hôn (Gia-nã-đại) tặng Võ Minh Châu (Thái-lan); Nguyễn Thanh Sơn (Pháp) tặng Nguyễn Thị Thu Cúc (Nam-dương); Vũ Kính (Toronto) tặng Phạm Đình Chiến (Mã-lai); Lê Văn Nhân Hậu tặng Hà Hoàng Tuấn (Nam-dương) và Thư-viện chùa Vạn Đức (Phi-luật-tân); D.T.N.Thanh (Úc) tặng Lê Thị Ngọc Sương (Thái-lan); Nguyễn Xuân Mai (CA) tặng Soeur Pascale Lê Thị Trilu (Phi-luật-tân); Ô. Thơm (BC) tặng Phạm Văn Huy (Phi-luật-tân); "Một người bạn" tặng Hoàng Thị Kim Huệ (Thái-lan); Trương Đình Tuấn (MB) tặng Trương Đình Tiến (Nam-dương); Thái Văn Trung Anh (Toronto) tặng Vũ Kiều Trinh (Mã-lai); Nguyễn Thị Trần Lục (Kanata) tặng Lại Quốc Thái (Mã-lai); BS Lương Thị Diệp (PQ) tặng Nguyễn Thị Thu Thủy (Mã-lai); Nguyễn Huy Phước (NJ) tặng Đỗ Thị Dung (Mã-lai); Trần Nhã (PQ) tặng Phan Thu Hà (Thái-lan); Lê Thanh Nam (MB) tặng Phan Tường Vân (Phi-luật-tân); Lâm Hoàng Dung (CA) tặng Nguyễn Văn Thịnh (Thái-lan); Vũ Mạnh Hùng (VA) tặng Hoàng Lương (Thái-lan); Nguyễn Tài Toàn (NJ) tặng Nguyễn Văn Rệp (Mã-lai); Ngọc Nhân tặng Bành Thị Ngọc Diệu (Hương-cảng); Nguyễn Phương (TX) Nguyễn Trâm Anh (Phi-luật-tân); Nguyễn

Thị Nga (Hoa-kỳ) tặng Nguyễn Thảo, Sungei Besi (Mã-lai);

ĐỘC-GIẢ GIÚP TEM, TÒA SOẠN TÌM NGƯỜI NHẬN

Lê Chi Mai (Hoa-kỳ) tặng Việt Kiili (Estonia), Hoàng Lê Minh (trại tị-nạn Đông Đức cũ), LM Jan Stuyt (Mã-lai); Phạm Xuân Thảo (Gia-nã-đại) tặng Hồ Lê Sinh (Thái-lan); Lê Ngọc Huệ (Đức) tặng Nguyễn Hùng Hậu (Nam-dương); Phùng Đình Hiếu tặng Thánh Thất Cao-Đài (Mã-lai); Kim Vân (Hoa-kỳ) tặng chùa Vạn Đức (Phi-luật-tân), LM Nguyễn Đức Hậu (Thái-lan), ĐĐ Thích Nguyên Đạt (Mã-lai), Trung-Tâm Mục-Vụ (Hương-cảng), Sour Pascale (Phi-luật-tân), LM Nguyễn Trọng Tước (Phi-luật-tân); Trương Thị Kim Anh (Na-uy) tặng Bùi Văn Hải (Mã-lai), Nguyễn Văn Liêu (Mã-lai), Đỗ Văn Khiêm (Mã-lai), Phan Như Nghĩa (Thái-lan), Võ Văn Quân (Nam-Dương) và Dương Trọng Hùng Duy (Thái-lan); Lê Thị Trúc (Úc) tặng Trần Văn Hiếu (Nam-dương); Hoàng Giao (AB) tặng Phạm Xuân Đức (Mã-lai); N.T. Khánh Hà (Na-uy) tặng Thư-viện trại Sungei Besi (Mã-lai); Trần Thị Hương (BC) tặng Nguyễn Văn Tài (Phi-luật-tân) và Nguyễn Hồng Hoàng (Nam-dương) 2 tờ mỗi kỳ; Trần Nguyễn (AB) tặng Boy Scout Office (Phi-luật-tân); M. Loan (CA) tặng Thư-viện trại Sungei Besi (Mã-lai); Photo Mỹ Lâm (Toronto) tặng ĐĐ Thích Nguyên Đạt (Mã-lai); Nguyễn Phước Thạnh (Ottawa) tặng Phạm Thị Tuyết (Mã-lai); Nguyễn Văn Thông (MA) tặng Nguyễn Văn Thanh (Mã-lai); Lâm Huệ Quân (BC) tặng Nguyễn Minh Khánh (Mã-lai); Nguyễn Thiện Sơn (VA) tặng Phạm Văn Cương (Mã-lai); BS Việt Thư (PQ) tặng cho 20 địa-chỉ: Nguyễn Công Trứ (Mã-lai); Hoàng Thị Hương (Mã-lai); Hoàng Thị Tuyết Nhung (Mã-lai); Vũ Thị Yên (Mã-lai); Trần Thị Hoàng Yến (Mã-lai); Quách Văn Hến (Thái-lan); Võ Quý Tánh (Mã-lai); Huỳnh Mạnh Tùng (Mã-lai); Trần Đức Dũng (Mã-lai); Đỗ Kim Khánh (Mã-lai); Trần Văn Hiếu (Nam-dương); Nguyễn Hồng Quang (Thái-lan); Trương Hồng Sơn (Mã-lai); Đào Quỳnh Nga (Tiệp-khắc); LM Nguyễn Quang Vinh (Phi-luật-tân); LM Nguyễn Trọng Tước (Phi-luật-tân); Nguyễn Thị Mỹ Liên (Mã-lai); Phạm Xuân Thanh (Phi-luật-tân); LM Nguyễn Đức Hậu (Thái-lan); Hà Như Sương (Đức); Thị-sĩ Đỗ Ngọc (MA) tặng 4 địa-chỉ: Transit Library (Thái-lan); Hội Người Việt Dongrek (Thái-lan); Trần Duy Đợi (Nam-dương); Phan Như Phước (Thái-lan); P. Vương (NY) tặng

Đặng Tú Lương (Phi-luật-tân); Nguyễn Đại Dương (Paris) tặng Trần Hòa Nhã (Mã-lai); Phan Thị Việt (Hoa-kỳ) tặng Thư-viện chùa Vạn Đức (Phi-luật-tân); Huỳnh Thúy Phương (Toronto) tặng Vũ Hoàng (Mã-lai); Nguyễn Khôi Việt (Paris) tặng Nguyễn Văn Khái (Mã-lai); Doãn Thị Ngọc Thanh (Úc) tặng Thư-viện Trung-tâm Palawan (Phi-luật-tân); Ngọc Duy (NC) tặng Nguyễn Tự Thành (Thái-lan) và Phan Đình Đức (Thái-lan), Nguyễn Mạnh Dạn (Mã-lai); Lê Thị Thắm-Vân (San Jose, Hoa-kỳ) tặng cho Phạm Hữu Tấn (Thái-lan); Dương Ngọc Hùng (Thái-lan), Quốc-Phong (Thái-lan), Phan Như Nghĩa (Thái-lan), LM Nguyễn Đức Hậu (Thái-lan); Thư-viện trại Sungei Besi (Mã-lai); Thị-sĩ Hồ Công Tâm (MA, Hoa-kỳ) tặng Thư-viện Palawan (Phi-luật-tân); Nguyễn Thị Mỹ (Québec, Gia-nã-đại) tặng Thạch Ngọc Toàn (Thái-lan); Thị-sĩ Việt Phương (Texas, Hoa-kỳ) tặng Phòng Thông-tin Gia-nã-đại (Sungei Besi, Mã-lai); Nguyễn Thu Không (CA, Hoa-kỳ) tặng phòng Thông-tin Gia-nã-đại (Sungei Besi, Mã-lai); Nhà văn Ngô Du Trung (Houston, Hoa-kỳ) tặng Nguyễn Thị Thúy (Thái-lan) và Hoài Việt (Hương-cảng);

XIN LƯU-Ý:

1. Trong thời-gian gần đây, phần lớn số báo gửi sang các trại Sungei Besi (Mã-lai) và Sikiew (Thái-lan) bị Lực-lượng An-ninh Mã và Thái giữ lại để kiểm-đuyệt rất lâu, nhiều người 6 tháng nay vẫn chưa được phát báo. Tòa-soạn đã khiếu-nại nhiều nơi, nhưng tình-trạng này chưa được cải-thiện đúng mức.

Xin quý đồng-bào mượn đọc tạm tại Phòng Thông-tin Gia-nã-đại (ở Sungei Besi) và Cộng-đoàn Cộng-giáo Sikiew.

2. Quý đồng-bào nào sắp rời trại đi định-cư, xin vui lòng thông-báo ngay cho tòa-soạn biết và giới-thiệu người nhận thay để báo khỏi bị trả về. Đa tạ.

CÁO LỖI

Vì nhiều bài vở ưu tiên cần đăng trước, loạt ký-sự công-tác Âu châu của Nguyễn Hữu Nghĩa tạm ngưng một kỳ. Xin tạ lỗi cùng quý độc giả.

XIN LƯU-Ý:

FUNKRUZ FUNLINE, Florida

— Xin vui lòng liên lạc tòa soạn, giải thích về mẫu nhân tin nhờ đăng. Tòa soạn đọc và có cảm tưởng như một thứ mật ngữ liên lạc nào đó! Mong tin.

MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH. rẻ . nhiều quyền-lợi khác

1.—Mua báo dài hạn:

Độc-giả mua báo dài hạn nhận được báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, bưu, chi-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại trả bằng gia-kim.

Độc-giả tại Hoa-kỳ trả bằng mỹ-kim.

Độc-giả ở các nước khác xin gửi bằng bưu-phiếu (mandat; postal money order mua tại bưu-điện, trả bằng gia-kim) hoặc ngân-phiếu quốc-tế (international money-order, trả bằng mỹ-kim). Muốn trả bằng chi-phiếu tiền địa-phương, xin đề tên người đại-diện Làng Văn tại địa-phương và gửi về địa-chỉ liên-hệ. Trong trường-hợp này, xin theo giá báo đã tính ra tiền địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại.... 40 gia-kim, thêm \$2.8 GST

Hoa-kỳ:đường bộ 45 mỹ-kim/máy bay 55 mỹ-kim

Các nước khác:đường thủy 45 mỹ-kim (hoặc 54 gia-kim)

máy bay: 75 mỹ-kim (hoặc 90 gia-kim)

Nếu trả bằng tiền địa-phương, gửi về các văn-phòng Làng Văn tại địa-phương, xin theo giá sau (số đầu là giá báo đường thủy, số sau là giá báo máy bay): Đức 80/130 Đức mã; Hòa-lan 90/150 gulden; Nhật 7 000/12 000 yen; Pháp 270/450 quan; Úc 65/110 úc kim.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên khoảng từ 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) tới 8 tuần (đường thủy, bộ) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu không nhận được báo, xin cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả dài hạn sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu nhãn địa-chỉ ngoài phong bì gửi báo, xin quý vị cắt nhãn này để dành, khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, gia-hạn báo, mua sách, đổi địa-chỉ, v.v.) xin gửi kèm để tránh nhầm-lẫn. Mã-số này gồm hai nhóm số: nhóm số thứ nhất là mã-số độc-giả, không bao giờ thay-đổi; nhóm số thứ hai là hạn báo của quý vị. Thí-dụ: 4536-100. Quý Độc-giả mới, hoặc độc-giả cũ vừa tái hạn, xin vui lòng kiểm-soát nhóm số này và thông-báo ngay cho tòa-soạn mọi sự sai sót, nếu có.

2.—Đổi địa-chỉ:

Mỗi khi đổi địa-chỉ, xin báo ngay cho tòa-soạn để tránh mất báo. Tòa-soạn không gửi bù các số bị trả về. Khi báo địa-chỉ mới, xin cho biết mã-số độc-giả, hoặc ít nhất, phải có địa-chỉ cũ.

3.—Mua báo cũ:

Giá báo cũ bằng giá báo hiện hành.

Bạn đọc muốn mua từ số 1, xin gửi tiền cho 8 năm báo. Tòa-soạn sẽ gửi một lúc từ số 1 cho tới số mới nhất, sau đó sẽ gửi hàng tháng cho đến khi hết hạn.

4.—Bài đăng báo:

Bài gửi cho Làng Văn xin đừng gửi cho báo khác và ngược lại. Ngoại trừ tin-tức và một số vấn-đề có tính-cách khẩn-cấp hay đấu-tranh, tòa-soạn không đăng bài trùng. Bài gửi đăng xin đánh máy, hoặc chép tay thật rõ-ràng. Bài không đăng không trả lại dù có kèm tem. Quý vị có bài đăng báo sẽ nhận được báo biểu, nhuận bút hay quà văn-ngệ, tùy mức độ đóng-góp.

5.—Quảng-cáo:

Có hai loại quảng-cáo trên Làng Văn: quảng-cáo quốc-tế (đi khắp nơi, kể cả Toronto) và quảng-cáo địa-phương (Toronto). Giá biểu áp-dụng chung cho quảng-cáo và chúc tụng cá nhân (chúc mừng, chia buồn, cáo-phó,...) trên ấn-bản quốc-tế như sau: 1 trang 200\$; 1/2 trang 110\$; 1/4 trang (tối-thiểu): 60\$. Các cơ-sở ngoài Toronto, xin gửi chi-phiếu kèm theo mẫu quảng-cáo. Tòa-soạn sẽ gửi tặng tờ báo có đăng mẫu quảng-cáo hay chúc tụng.

6.—Bản quyền:

Tất cả bài vở, tranh ảnh, quảng-cáo đăng trên Làng Văn thuộc quyền sở-hữu của Làng Văn of Canada Inc. Quyền này đã được đăng bạ đương-nhiên tại Thư-Viện Quốc-Gia Gia-nã-đại, Hội Bảo-Vệ Tác-Quyền Hoa-Kỳ và Tổ. Chức Đăng-Bộ Tác-Quyền Quốc-Tế (ICPA). Muốn trích đăng, xin liên-lạc trước với tòa-soạn Làng Văn và phải được thỏa-thuận bằng thư.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:

Địa-chỉ:

Mua.....năm, từ số.....kèm chi-phiếu.....

Chi-phiếu xin đề: "Làng Văn", địa-chỉ ở trang 1
(Dùng chi-phiếu: gửi thư thường. Tiền mặt: xin gửi bảo-đảm).

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:

để tặng cho:

Địa-chỉ:

Xin ghi: "Do.....lặng"

Kèm theo đây là chi-phiếu:.....\$, đề và gửi: "Làng Văn"

ĐỊA-PHƯƠNG:

VP "LÀNG VĂN" ÂU CHÂU:

Đại-diện tại Pháp:
Association Culturelle Loi 1901
Làng Văn (Village Littéraire):
Bách Thái Hà
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil
France
ĐT: 34-10-26-46

Đại-diện tại Đức:
Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
4600 Dortmund 1
Germany
ĐT: 656-949

Đại-diện tại Hòa-lan:
Hồ Thị Chiến
Lijster 77
1628 Am-Hoorn-NH
Holland
ĐT: 02290-31666

Đại-diện tại Anh-quốc:
Hoài Châu
19 Abdale Rd.
London W12 7ER
England

Đại-diện tại Na-uy:
Dương Kim
Kalbakkn 17
0953 Oslo 9
Norway
ĐT: 216-5607

VPLÀNG VĂNÚC-CHÂU:

Phạm Quang Ngọc
P.O. Box 198
Lakemba, NSW 2195
Australia
ĐT: (02) 758-2331

VP LÀNG VĂN Á CHÂU:

Đỗ Thông Minh
T 140 Tokyo-To
Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115
Japan
ĐT: (03) 799-1763

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

TRÊN ẤN-BẢN CANADA:

Bìa sau (hai màu):..... 300.00 gia-kim
Bìa trong (trước, hoặc sau):..... 200.00 gia-kim
Trang-trong:.....120.00 gia-kim
Nửa trang:..... 80.00 gia-kim
1/3 trang:..... 60.00 gia-kim
1/4 trang:..... 40.00 gia-kim
1/8 trang:..... 25.00 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN CÓ GIÁ ĐẶC-BIỆT

TRÊN ẤN BẢN QUỐC-TẾ (GỒM CẢ CANADA)

Nguyên trang trong:.....200 mỹ-kim
Nửa trang:..... 110 mỹ-kim
1/4 trang (tối-thiểu):.....60 mỹ-kim

thư đi tin lại

● Nguyễn Hương phụ-trách



NHẮN TIN CHUNG:

Bài vở cho *Làng Văn* số Xuân 1993, xin vui lòng bỏ vào thùng thư bưu-điện trước ngày 5.12.1992. Đa tạ.

Ông HUY KIỀU, Wichita — Xin ông cho biết *Giấc hoàng lương điện tử* phóng tác từ truyện nào, tác giả là ai. Kính.

DƯƠNG LI HƯƠNG, Québec — Đã nhận được các địa chỉ mới để “chuyển lửa”, cảm ơn em lắm.

Bệnh sao phải mổ, nghe hãi thế? Chúc em chóng bình phục. Mong tin.

Thi sĩ SONG HỒ, Houston — Đã nhận được bài thơ mới của ông, xin đa tạ. Sách tặng, đề như vậy được rồi. Nhà... Cung Vũ chỉ thực sự thích làm nhà... bếp, nấu nướng sắp xếp các trang báo sao cho “hợp khẩu”, vừa mắt quan viên là vui rồi. Hè sang năm, nếu ông lại sang Toronto, thế nào cũng phải uống với nhau một chén trà. Kính.

LÊ MINH HIẾN, BC — Truyện được lắm, cứ theo hướng đó mà chọn dịch, cả làng được nhờ. Xin lỗi vụ quên ghi tên tác giả bên cạnh các ô chữ. Từ nay sẽ nhớ. Đừng giận nghe. Thân.

Ông ĐẶNG TRẦN HUÂN, Cali — Ngoại trừ cuốn *Vietnamese Realities* của bộ Ngoại-giao đệ I Cộng hòa, cho tới nay *Làng Văn* không hề in lại một cuốn sách nào khác đã xuất bản trước 1975. Trong thư mục do *Làng Văn* phát hành, có một vài cuốn của ông, do các cơ sở khác tái bản. Với tình thân trong giới xuất bản, NH sẽ

nhắc họ liên lạc với ông để bàn về vấn đề tác quyền. Kính.

Thi sĩ HOÀNG PHONG LINH, Úc — Cảm ơn ông về bài thơ mới. Vì không thấy ghi là “gửi riêng cho *Làng Văn*”, nên sẽ phổ biến trên *Chiến Sĩ Tự Do*. Chúc ông và bữu quyến vạn an.

Ông LÊ LINH THẢO, Úc — Hôm ở Paris, nghe tin ông ốm nặng phải vào bệnh viện cứu cấp, mà không kịp tìm thăm, anh em cứ áy náy mãi. Nay thì *tám thân* (chưa) *lão* (đã) *nhược* về tới Sydney bình yên rồi, cũng mừng.

Tuy không cùng địa phương, nhưng cùng một hướng tiến, người làng cảm nhận và trân trọng tấm lòng của ông đối với những người bạn cùng chí hướng. Chúc ông khoẻ mạnh và vượt khó. Kính.

NGUYỄN VĂN, St. Paul — Đã nhận được ảnh, đẹp gái lắm. Coi chừng thằng cu của em giả vờ nhận lầm là “ảnh bố”, cốt chỉ để trêu mẹ cho vui. Gắng viết đều mới có cơ hội để tiến xa được. Thân.

Thi sĩ LÊ DÃ SỬ, Phần Lan — Bây giờ dọn về thủ đô, coi chừng “gió bụi đô thành” làm cho làn thơ đối nhịp thì uống lắm. Sẽ chuyển báo về Helsinki cho anh. Thân.

Ông UYÊN VŨ, Montréal — Ông cho rằng, kể từ 1990 trở đi, chế độ CSVN đã tự-do dân-chủ như thời ông Thiệu, thì NH cũng mừng cho sự lạc quan của ông. Vài du khách ở các nước giàu có, ghé chơi Việt Nam vài ngày theo lối “cưỡi ngựa xem hoa” cũng bảo thế. Chỉ có người dân cùng khổ trong nước,

nhất là những người không có thân nhân ở ngoại quốc tiếp tế, bầm dập trong chế độ mới hiểu rõ giá trị thực sự của loại “*hàng mẫu không bán*” tự do dân chủ đó. NH tin đồng bào trong nước hơn, và không thể quảng cáo hộ ông những điều mà cán bộ trong nước không ngớt kêu gào mỗi khi xách bị ra nước ngoài vận động ngoại viện.

NH trọng sự lưu tâm suy nghĩ của ông, song cách tốt nhất, theo thiện ý, là ông nên về ở hẳn trong nước hầu đi sát thực tế, rút ra được bài học tự do dân chủ cho chính mình.

Nhà văn NGUYỄN MẠNH AN DÂN, Mã Lai — Rất thông cảm với sự mỏi mệt của anh trong khi ngồi chờ kết quả thanh lọc. NH đồng ý với anh về điểm nhận xét giải VHNT *Làng Văn* 1991-1992. Tuy nhiên, làm việc tập thể, ý kiến của số đông vẫn có ưu thế hơn ý kiến cá nhân.

Bài thơ của cháu Hải Âu — với số tuổi 12 — được lắm. Hiện nay, người viết trẻ nhất của *Làng Văn* là cháu Phương Dung, 15 tuổi, ở Hamilton. Được thêm chừng mười cháu như Phương Dung và Hải Âu, NH yên tâm chuẩn bị dọn đường về... hưu được rồi! Thân.

Ông BUI MỸ, Montréal — Cảm ơn về danh hiệu “chiến hữu” ông gọi. Trong lúc nhiều người coi thái độ đầu hàng CS là “cấp tiến” và “nhân-đạo”, những còn ở lại trên chiến tuyến chẳng những là “chiến-hữu”, mà còn là anh em nữa. Bài tham luận của ông chứa đựng nhiều kinh nghiệm sống, giúp anh em rất nhiều trong sinh hoạt tư tưởng. Tuy không đăng được (vì dài quá và trùng với báo khác), tòa soạn cũng chụp ra nhiều bản, chuyển cho nhiều người cùng đọc. Kính.

EM BÉ BAY, Dortmund — Cảm ơn em bé đã giao phân nửa gia tư điền sản cho tòa soạn. Mai kia ăn nên làm ra, sẽ không quên ơn Em Bé. Hè sang năm, lại sang chơi chứ? Có phòng rộng gấp bốn lần phòng năm nọ, dành cho Em Bé đó.

Sẽ gửi lần hai số sách thiếu nhi và những sách Em Bé cần. Số sách gửi lần trước chắc đi luôn rồi! Thân.

Thi sĩ PHAN THỊNH, Monterey — Nhận được “chùm” lục bát, đã phân phát cho các bạn ta. Cháu Khải cảm ơn bác về cuốn sách. Bao giờ đi Iowa? Chúc vui. Thân.

Nhà văn NGUYỄN TU, Sydney — Xin vui lòng đừng gửi trùng bài với báo khác (như bài *Đáp số* đã đăng trên ĐL số 3.92).

Nhạc Sĩ PHẠM QUANG NGOC, Sydney — Đã nhận được cái ngân phiếu khá nặng, cảm ơn anh. Sẽ gửi sách theo yêu cầu. Chúc sáng tác hăng. Thăm chị và các cháu. Thân.

Thi sĩ VÂN NUƠNG, Sarlat — Đã nhận được thư chị cả, mừng thấy tinh-thần vẫn tráng kiện như xưa. Về tờ báo tuyên truyền giao lưu, biểu dai như đĩa (không nhận cũng không được) ấy, theo thiện ý, mỗi khi nhận được, chị lẳng ngay vào thùng giấy tái dụng là xong. Đó cũng là cách làm cho cánh trí vận hải ngoại mỗi tháng tốn thêm vài đồng tem cho chiến dịch chuyển... rác vào thùng!

Mong có dịp sang bãi kiến để học hỏi thêm, và tỏ lòng kính phục về lập trường và lòng yêu dân yêu nước của chị cả. Kính.

LÂM THÚY, MD — Đã chuyển thư hộ. Chúc bà sớm bắt được liên lạc với người thân. Bà có thể tìm mua thơ NTN tại nhà sách Alpha, Falls Church. Chen vào *Làng Văn* tuy khó, nhưng không phải là không làm được. Bằng chứng là đã có ba trong số bài bà gửi về được chọn. Mong sẽ được đọc thêm nhiều bài thơ khác. Mong tin.

Thi sĩ TÔ GIANG, BC — Về chuyện in thơ, ông tính như vậy cũng phải. Trong khi chờ đợi tới thứ tự ưu tiên, NH cho ông mượn đất làng làm nơi phổ biến. Quả có gặp đôi vợ chồng dễ mến Vũ Thái Hòa từ Troyes lên Paris thăm. Khi nào có dịp công tác bên miền Tây,

NH sẽ nhớ tới lời mời của ông bà mà mang cả “phái đoàn” tới quấy rầy một phen. Sẽ chuyển báo về địa chỉ mới. Kính.

Thi sĩ XUÂN TƯỚC, CO — Đã chuyển thư khen của đại sư ca cho đôi bạn Nguyễn Bá Đình & Thủy Trang. Đọc báo, thấy bài hay dở, có phản ứng liền như đại sư ca, thật là quý. Kính.

BẠCH LIÊN NUƠNG TỬ, Bergen — Chuyện ở thành Troyes, NH biết được là do “người ta” viết thư kể. Đọc qua rồi bỏ, ai bảo nương tử tò mò hỏi thêm để bị quở! Sẽ gửi ảnh. Thân.

Họa sĩ PHẠM THĂNG, AB — Đã nhận được chi phiếu của ông Khai Trí, cảm ơn sư ca nhắc nhở. Sẽ gửi *Xuôi dòng Cửu long* cùng với số báo kỳ này. Nhớ đừng quên bài Tết nhé. Thân kính.

VI AN LÊ QUỐC, Nhật Bản — Đồng ý là “bức tranh ông Đạt-ma ngó ớn quá”, nhưng vẽ lại cho dịu dàng thì còn gì là tinh thần Đạt-ma? Về tên gọi các nhân vật trong truyện Nhật, nên đọc theo âm Hán Việt (như Cung Bản Vũ Tàng,... Vi An Lê Quốc chẳng hạn), nghe gần gũi với phần lớn độc giả hơn là theo âm Nhật (như Miyamoto Musashi).

Về truyện, xin anh dịch thoát hơn một chút nữa. Khi nào đầy tập, sẽ in thành sách. Thân.

Anh TRẦN VĂN NHÃ, Sherbrooke — Cùng làm việc xã hội với nhau cả, cứ cảm ơn qua cảm ơn lại, nghe khách sáo quá! Đã nhận được bản báo cáo công tác và tài chánh của anh và ông Hoàng Gia Thành.

Hiện nay, báo lọt vào được hai trại Sikiew (Thái Lan) và Sungei Besi (Mã Lai) rất ít, phần lớn kẹt ở phòng kiểm duyệt của Lực Lượng An Ninh. Kính.

Thi sĩ D.H., San Jose — Đã đăng mẫu nhân tin cho ông kỳ này. Sẽ chuyển các bài thơ ông gửi cho người thực hiện tuyển tập về Lý Tống. Chúc viết đều. Kính.

Nhà văn ĐOÀN VĂN THÔNG, CA — Sách của anh, tòa soạn đã có đủ các tựa, do hai nhà Đại Nam và Văn Nghệ cung cấp. Để tiện số sách, NH xin vẫn lấy sách từ hai nhà phát hành này. Anh yên tâm, đang nào sách cũng tới tay độc giả. Kính.

PHƯƠNG DUNG, Hamilton — Bút hiệu Cung Vũ lấy từ hai nốt nhạc đầu và cuối trong ngũ âm *cung thương giốc chủy vũ* (ra cái điều có đầu có đuôi).

Mừng Phương Dung về nhà mới. Cô cũng sắp dọn về phía tây, gần Phương Dung thêm một tí, nhưng chưa gần đến độ trèo lên mái nhà đánh *morse* hay *sémaphore* cho nhau được. Rán viết đi cô nhỏ. Thân.

Thi sĩ VIỆT PHƯƠNG, TX — Buổi giao thời đảo điên này, điểm mặt quần hùng thấy còn người nào mừng người nấy. Trẻ mà vững như Việt Phương, thật đáng quý. Xem ảnh, thấy em hơi bơ phờ. Rán giữ sức khỏe mà đi đường trường, nhé. Đã nhận được chi phiếu, cảm ơn em. Thân.

Anh TRẦN ĐỨC DZŨNG, CA — Mừng anh đã thực sự thoát cũi xỏ lồng! Đã nhận được ngân khoản tài trợ của anh, cảm ơn lắm. Vừa mới chân ướt chân ráo tới nước tự do, đã vội gửi tiền về tiếp tế tòa soạn ngay, anh làm NH cảm động, nhưng áy náy. Đã gửi báo cho anh. Lần tiếp tế thứ hai, hãy thư thư, đợi ổn định mọi mặt xong đâu đó đã. Thân.

BÍCH THỦY, Na Uy — Sẽ gửi bù số 97 cho Bích Thủy. Cảm ơn đã cổ động báo nhà. Độc giả dài hạn tại Na Uy trong nửa năm trở lại đây tăng lên vù vù, chắc chắn có phần công lao của Bích Thủy đấy. Cho hỏi nhỏ chút: sao đổi tên hoài vậy? Thân.

NGUYỄN THẠCH ĐÀN, TX — Đọc địa chỉ mới của em, không thấy có số phòng. Vậy là nhà? Mua nhà? Nếu quả vậy thì NH chúc

mừng, gia đã yên, còn *thất* thì sao? Chúc vui. Thân.

VINH HẢO, CA — Đã có *Biển đời muôn thuở* rồi. Chị lấy sách qua nhà Văn Nghệ cho gọn sổ. Để các thầy vì yêu văn chương, quý bạn bè mà mang tội vọng ngữ thì không nên chút nào. Về quảng cáo, tặng cho em kỳ đầu. Từ kỳ thứ hai mới tính, và em có thể trả bằng sách. Cứ theo giá tổng phát hành 50% mà tính ra. Cách này có lẽ tiện cho em hơn, phải không? Muốn đăng mấy kỳ, gửi mẫu về tòa soạn và viết cho mấy chữ.

Vừa tìm ra mấy bài thơ của HVT và em, bị lẫn trong đồng thư cũ. Xin lỗi nghe. Sẽ gửi báo trúng giải của Hoàng Việt Thi về địa chỉ của em và Thông Niệm. Và sẽ không nhắc chuyện quét lá nữa. Thân.

Anh CAO XUÂN TỬ, Hòa Lan — Đã nhận được bài Tết, cảm ơn anh. Sẽ tiếp tục tặng báo cho anh từ 98 tới 109. Amsterdam mới chớm

lạnh, còn Toronto thì đã run cầm cập. Chúc anh vui vẻ, sáng tác mạnh. Thân.

Anh PHÙNG NHÂN, Úc Đại Lợi — Cảm ơn anh đã để ý chăm sóc tinh thần anh em bên này một cách nhiệt tình và chu đáo. Về *Vết thương vẫn mở*, xin anh gửi cho đợt đầu một thùng khoảng 50 cuốn bằng buru điện, đường thủy. Xin chèn thùng thật chặt và dán nhiều băng keo để tránh hư sách. Văn phòng *Làng Văn* tại Úc sẽ thanh toán tiền nong với anh sau.

Đã nhận được bản thảo cuốn truyện dài, đang đọc. Để tránh thất lạc, xin nhớ đừng bao giờ gửi bản duy nhất về tòa soạn. Chúc anh sáng tác mạnh.

Anh NGUYỄN NGUYỄN THANH, Bá Linh — Tìm tờ mở mấy ngày không thấy tập thơ anh nhắc trong thư. Xem lại sổ tay, không thấy ghi là đã nhận được. Hôm nào tiện, xin anh cho một bản

khác vậy, đừng phiền nhé!

Sẽ cố gắng gửi thêm báo cho *Tia sáng*. Có điều lúc này quỹ gửi báo biểu cho các bạn bên Đông Âu và vùng Đông Đức cũ có phần hạn chế. Khi nào có chút ngoại bổng, NH lại gửi thêm được dăm ba tờ, ngoài số báo thường-lệ. Chúc anh và các bạn giữ vững.

Anh chị HUỲNH HỮU CỬU, Cali — Đã nhận được tấm ảnh mới nhất chụp cùng sui gia, con và rể, trước tư dinh. Trông thật là mát mắt. Hôm nào sang Toronto thăm con gái, mời anh chị tạt ngang qua tệt xá. Kính.

NGỌC MINH, Paris — Em viết trong thư: "*Chị NH ơi, Em đọc Làng Văn chỉ thích nhất các bài trả lời của chị, cả nhà em ai cũng đọc rồi cười*" làm NH yên tâm hết sức. Mai kia thất nghiệp, ít ra mình cũng còn cái nghề ...chọc cười giúp bà con giải sầu!

Anh NGUYỄN MINH KHÁNH,



GIÁNG-SINH, NĂM MỚI, TẾT NGUYÊN ĐÁN,
TẶNG QUÀ GÌ THANH-LỊCH, TRANG-NHÃ NHẤT,
DÙNG ĐƯỢC TRỌN NĂM, GIỮ ĐƯỢC TRỌN ĐỜI?
— MỘT NĂM (12 SỐ) BÁO

làng văn

CHỈ CẦN ĐIỀN VÀ GỬI
PHIẾU TẶNG BÁO
Ở TRANG III
TÒA-SOẠN SẼ
LÀM CHU-TOÀN MỌI VIỆC
CHO QUÍ VỊ



VĂN BÚT CHÚC MỪNG

Chúng tôi vừa được tin

Văn-hữu VŨ XUÂN AN

Cựu Hải-quân Đại-tá QL/VNCH
Hội-viên Trung-Tâm Văn Bút VN / Ontario
Chủ-tịch Cộng-đồng Người Việt Ottawa-Hull
Chủ-tịch hội Chiến-sĩ Tự-do Ottawa

vừa đặc-cử Tổng Thư-ký Liên Hội Người Việt Canada,

Xin thành thực mừng văn-hữu Vũ Xuân An, thân chúc văn-hữu thành-công trong sứ-mạng mới.

Trung-Tâm Văn Bút VN / Ontario

Sungei Besi — Đã gửi ngân phiếu mới cho anh. Chương trình "Toà soạn tặng báo, độc giả tặng tem" chỉ áp dụng cho đồng bào ở các trại tị nạn, không áp dụng cho các đồng bào đã định cư tại các quốc gia tự do. Rất tiếc. Chúc anh sớm có kết quả thanh lọc. Thân.

ĐỖ KIM KHÁNH, Sungei Besi — Cảm ơn những lời khích lệ và khen tặng của em. Thư em có một câu làm cả tòa soạn mừng nhất: "đã nhận được báo tháng 8.92!" Mong rằng sau cơn mưa trời lại sáng, những người bạn Mã Lai sẽ thôi không ngăn báo vào trại nữa, để đồng bào được nhờ. Có sáng tác mới cứ gửi về. Thân.

Ông HUY PHƯƠNG, CA — Sẽ có thư riêng nói về chuyện bài vở. Ngoài ra, ông cứ gửi thư về làng, NH sẵn sàng chuyển hộ. Kính.

Thi sĩ HỒ CÔNG TÂM, MA — Anh ở xa mà nhìn rõ vấn đề như những đường chỉ trong lòng bàn tay của mình. Phục lắm! Đánh chủ không ai đánh chó, đồng ý với anh là cứ nắm cái gốc mà quật, cành lá gì cũng sẽ rơi tả hết. Kính.

CÚC VÀNG, VA — Đọc thư em, mới biết hiện nay tại Ba Tây có tới 70 người tị nạn định cư, kể cả 60 người tị nạn và 10 người đoàn tụ gia đình. Cảm ơn em đã sao chụp lại bài báo nói về ba thanh niên tị nạn lạc loài đăng trên *Làng Văn* kỳ trước, gửi sang Ba Tây cho các bạn của em để nhờ liên lạc giúp đỡ.

Rất thú vị về chi tiết em viết trong thư: "*Hiện tại người Việt tại Ba Tây làm ăn rất khá. Tất cả sống bằng nghề làm ví da cho phụ nữ, đóng sách bìa da và làm túi da, hầu hết có hăng và tiệm riêng để bán hàng của mình sản xuất, ở một khu gọi là 25 de Margo, São Paolo. Khu này chuyên bán sỉ, không bán lẻ.*"

"Dù là rất ít người Việt, nhưng người Việt ở Ba Tây thương nhau không thua gì ruột thịt. Lúc còn ở Ba Tây, tụi em đã tìm cách liên lạc và giúp đỡ được một số người Việt sinh sống tại Á-căn-đình."

Tòa soạn đã chuyển các địa chỉ em ghi trong thư cho ba người bạn ấy, để họ liên lạc, nhờ hướng dẫn và giúp đỡ. Cảm ơn em lần nữa.

Bà LÊ THỊ KIM, CA — Bà hỏi: "*Lúc Dương Thu Hương còn thịnh thời, được làng báo hải ngoại gọi tôn là nữ anh hùng dân tộc, là bà Nữ Oa tái thế, Làng Văn đã thắng cánh tả phá và vạch rõ tông tích cội nguồn cùng những âm mưu chính trị của bà ta cho đồng bào hải ngoại khỏi lầm lẫn. Làng Văn đã thắng, mặc dù chắc thương tích cũng nhiều do những người quốc gia không đồng quan điểm phản công. Nay thì mặt thật Dương Thu Hương càng lộ rõ là con người đề tiện, đánh đá qua bảy cái thơ tình tiền nhều nhảo qua lại với Bùi Duy Tâm. Tại sao Làng Văn không khai thác, nêu rõ những điểm lem nhem giữa những người chủ trương hoà hợp, giao lưu, ca ngợi Cộng sản để rồi bị chính thần tượng của họ vỗ vào mặt?*"

Cảm ơn bà đã quan tâm và ủng hộ trong "trận chiến" vừa qua. Nếu không được độc giả tin cậy và một số thân hữu kiên tâm hỗ trợ, *Làng Văn* trong cảnh tứ bề thọ địch, đã phải chật vật hơn nhiều mới giữ được tiếng nói của mình. Tòa soạn còn nợ tất cả một lời cảm ơn.

Bây giờ tới lúc hai họ Bùi, Dương tự vạch áo nhau ra cho mọi người xem lưng, NH thấy không nên đưa "cặp giao long trên đỉnh núi" và những chuyện "dưới nước, trên cạn" của họ vào làm lem nhem mấy trang báo của mình.

Làng Văn chỉ nhận xét, phê bình những gì thuộc về quan điểm chính trị, có liên hệ đến quốc gia, dân tộc; không để ý hay khai thác những chuyện loại "tình tiền tù tội" kiểu hai họ Dương-Bùi trên. Chuyện họ Dương tới đó là hết. Vấn đề hiện tại là phải khâu vá những vết thương chưa lành trong anh em, dọn dẹp, tái thiết những đổ vỡ không tránh được trong khi va chạm. Con đường trước mặt chưa hết chông gai. Phải tập trung được sức mạnh

để chuẩn bị cho trận kế! Kính.

Thi sĩ NGUYỄN VĂN NGỌC, CT — Cảm ơn sự tiếp tay phổ biến của anh. Nói chuyện với bọn đồ (đồ đầu hay đồ đuôi), NH cũng cảm thấy như "nước đổ đầu vịt", đúng như anh nói. Chắc có khi mình phải đun nước cho sôi lên mà đồ thì mới có kết quả! Thăm anh.

MUỖI ĐỒNG NAI, VA — Cảm ơn thi sĩ đã đáp lời sông núi. Ông hay muỗi gì cũng có chỗ diều dụng của nó. Nghe nói muỗi Năm Căn trong một đêm đốt chết được trâu cơ mà. Đã nhận được bài. Đừng sợ làng thiếu đất, chỉ lo mũi kim không đủ sắc để cắm vào da mặt... mo của đối tượng mà thôi. Kính.

KATHLEEN NGUYỄN, Ottawa — Đã nhận được 4 tập. Truyện khá hấp dẫn. Xin cho biết nguyên tác và tác giả, muốn in sách hay đăng báo. Mong tin.

Ông TĂNG ĐĂNG, AZ — Giá một năm 12 số báo cũ, bằng giá một năm báo mới (45 mỹ-kim, gửi đường thủy sang Mã Lai). Tòa soạn sẽ gửi hộ ông và không đảm bảo đảm sẽ tới đủ. Phải gửi bằng 12 phong bì riêng vì bưu điện Mã Lai không nhận chuyển bưu phẩm (gói) vào trại tị nạn, chưa kể còn bị "giam" lại để kiểm duyệt. Kính.

Ông NGUYỄN DUY CHÂU, Mã Lai — Xem lại, vẫn gửi báo đều cho ông. Chắc lại kẹt tại ban An ninh Mã Lai rồi! Đã khiếu nại đủ mọi cấp, đành phải chờ họ giải quyết vậy. Kính.

NGUYỄN THỊ THÚY, Thái Lan — Sẽ gửi báo cho em theo địa chỉ ghi trong thư. Hi vọng lọt được vào trại. Nhận được nhớ cho biết. Chúc em và các cháu may mắn.

Bà NGUYỄN THỊ CÚC, Mã Lai — Ký giả Hồ Ông hiện ở trại tị nạn Thái Lan, đã "đậu" thanh lọc và đang chờ ngày đi định cư tại Sydney, Úc. NH không rõ ông đi một mình hay có gia đình. Đã đăng mẫu nhân tin. Chúc bà may mắn.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Xin quý độc-giả có sau đây liên-lạc gấp với tòa-soạn để cập-nhật địa-chỉ, tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả về:

Hoàng Trung (Montréal); Võ Phúc (Florida);

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Lê Minh Hiến, Xuân Tước, Vi An, Hảo Thanh, Thúy Sơn, Đình Nguyên, Ngô Nguyên Dũng (2), Phương Dung, Bùi Tĩnh, Cao Xuân Tú, Trần Văn Tích (2), Ngô Du Trung, Doãn Thanh Hùng, Lê Văn Lân.

Thơ: Phan Thịnh (10), Việt Cường (2), Lê Thụy Vi, Trần Ngân Tiêu (5), Hoài Nam (4), Nguyễn Khanh (3), Vạn Giã, Tô Giang, Thu Ngân (4) Lâm Thúy (5), Kha Huyền, Phạm thị Thanh Bách (4),

Vân Nương (3), Trang Saigon (6), Trần Thùy Liên (2), KVN (4), Bình Phương (17), Cao Tiêu, Lê Dã Sử (4), Dương Ly Hương (4), Nguyễn Văn Ngọc (2), Việt Phương, Trần Thượng Chí, Phan Long Yên (2), Song Hồ, Huỳnh Liễu Ngạn, Trần Văn Lệ (8), Nguyễn Hải Hà, Phạm Quốc Chánh, Nguyễn Hồng Hoà, Văn Thành (4), Nam Chi Thượng Nhân (5), Cao Hoàng Nhân, Muối Đồng Nai (4), D.H (2), Quang Phong, T.T. Mây Trên Ngàn, An Viễn, Võ Đại Tôn, Quang Phục, Lê Vương Hải Âu, Hoài Việt (5).

Tranh: Ba búi.

Nhạc: Doãn Thanh Hùng.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Khi chén rượu (TVT), Thu xuân (NDT), Ai đem con sáo (NND), Lễ xưng tội đầu tiên (LMH), Năm Dậu văn học (TVT), Con suối mất ngủ (NND), Làng chợ Khô (TS), Con gà mái ở Cao

Lãnh (XT), Người thợ lặn miền Nam (BT), Cái điều thuốc lã (DTH), Lỗ thể (LVL).

Thơ: Trương phu (PT), Thương mấy độ mưa về (HLN), Bài mở sách cho thiên thu (SH), Giữa nhớ và quên (NHH), Thi điệp (CT), Tạ ơn em (TTL), Một chút tự do (KH), Đông hàn, Hoa xuân thì (VN), Người lái đò (LVHA), Tình xa dặm nhớ (TG), Tình hồ (VG), Trên lối mòn xưa (NK), Cố gắng (TNT), Gửi NTN, Hoa chanh, Còn thơm hương cũ thu nào (LT), Hạc lla xóm hạc, Nỗi niềm thơ gửi (VC), Bài không tên (MĐN), Nhấn ông lang họ Bùi (NVN), Cũng là thơ sáng (TVL), Mùa về (VP), Hội chủ mùa võ tiêu, Hội chủ nhả giám, Văn nô văn bút mĩ sơn một bề (TNT), Hồi chuông cứu quốc, Đại Đông Á, Nợ năm Ất Dậu, Rõ lối anh đi, Đề tranh Babui (NCTN), Thương thức (CHN).

Tranh: Babui.

CHIA BUỒN

Nhận được tin trẻ,

CỤ BÀ LÊ NGUYỄN BÁCH
khuê-danh LÊ THỊ TẢO
pháp-danh TÚY HƯƠNG

đã mệnh chung ngày 18 tháng 9 năm 1992 tại Victoria, Úc-đại-lợi, hưởng thọ 75 tuổi.

Chúng cháu xin thành-kính phân-ưu cùng cụ ông và tang quyến. Cầu chúc hương hồn cụ bà sớm về nơi an-lạc.

Trần Trọng Đạt,
vợ và các con, cháu.
Phùng Thị Nhâm,
chồng và các con, cháu.
Lê Thị Lạc,
và các con, cháu.

KHỐC BẠN

Nhận được tin,

BÁC-SĨ NGUYỄN VĂN THỊNH
cựu y-sĩ Quân-y Dù

đột-ngột từ-trần tại Connecticut ngày 23 tháng 9 năm 1992, hưởng dương 54 tuổi,

Thành thật chia buồn cùng tang-quyến. Cầu-nguyện cho linh-hồn anh sớm về nước Chúa.

Vợ chồng Nguyễn trùng Khánh
Vợ chồng Trần đức Tường
Vợ chồng Trần tử Huyền
Vợ chồng Phạm hữu Trác
Vợ chồng Nguyễn dũng Chí

PHÂN-ƯU

Hay tin buồn:

anh vợ của GS Đỗ Phan Hạnh là

Giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ

hội viên Văn Bút Hải Ngoại/TT Québec

đã tạ thế ngày 25.09.1992 tại Montréal,
thọ 58 tuổi,

Thành kính phân ưu cùng anh chị **Đỗ Phan Hạnh**
và tang quyến; cầu chúc linh hồn Giáo Sư Nguyễn
Khắc Ngữ sớm được về miền Vĩnh Cửu.

Gia-đình TRẦN MỘNG LÂM

PHÂN-ƯU

Hay tin buồn:

Giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ

hội viên Văn Bút Hải Ngoại/TT Québec

đã tạ thế ngày 25.09.1992 tại Montréal,
thọ 58 tuổi,

*Thành-kính phân-ưu cùng Trung-Tâm Văn
Bút VN / Québec và quý tang-quyển, cầu chúc
hương hồn văn-hữu sớm về nơi an-nghỉ.*

Trung-Tâm Văn Bút VN / Ontario

PHÂN ƯU

Được tin trẻ,

**Cố Ngoại Phê-rô
LÊ VĂN ĐỊNH**

Nguyên Thương-tá Hà-đông

Nguyên Chánh-án Tòa-án Đà-lạt

Cựu Luật-sư tòa Thượng-thẩm Sài-gòn

Nhạc-phụ của Bác-sĩ Nguyễn Hữu Tùng

đã mất-phần ngày 4 tháng 9 năm 1992 tại
Montréal, hưởng thọ 96 tuổi.

Chúng tôi chân-thành cầu nguyện hương-linh
Cố Ngoại sớm an-nhàn nơi nước Chúa. Xin chia
buồn cùng ông bà bác-sĩ Tùng và tang-quyển.

*Ông Bà Nguyễn Đức Bộ
và toàn gia đồng bái khắp*

*Thượng thọ việt cửu tuần, thế-gian hi-hữu
Nhâm Thân phùng bát nguyệt, thánh địa nhàn du*

CHIA BUỒN

Được tin trẻ,

Cụ Bà TRẦN THIỆN THUẦN
khuê danh NGÔ THỊ NHO

thân mẫu của thi-sĩ TRẦN THIỆN HIỆP đã
từ-trần tại Sài-gòn Việt-nam ngày 21 tháng 9
năm 1992, hưởng thọ 87 tuổi.

Xin thành kính chia buồn cùng anh chị Hiệp,
Hiền cùng quý tang quyến.

Vợ chồng Hà Huyền Chi

Vợ chồng Vũ Văn Hoa

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

CÁO LỖI

Làng Văn số 98, trang 115, cột phân-ưu cụ
Phê-rô Lê Văn Định, người sắp chữ ghi nhầm là
"Thượng-tá Hà-đông", xin sửa lại là Thương-tá
Hà-đông. Xin tạ lỗi cùng quý tang-quyển và BS
và bà Trần Văn Dũng.

Mua Hay Bán Xe Cũ? Đây Là Điều Bạn Phải Biết

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 10, 1992, thuế bán lẻ Ontario mà bạn phải trả khi mua xe du lịch cũ, xe "van", hay xe vận tải nhẹ qua tư nhân sẽ được dựa trên giá cao hơn giữa giá mua và giá bán sỉ trung bình. Giá bán sỉ trung bình được ấn định bằng cách dùng Cuốn Sách Đỏ của Gia-Nã-Đại (Canadian Red Book), một tiêu chuẩn nổi tiếng trong ngành bán xe cũ.

Thuế phải trả khi bạn đổi chủ quyền xe tại Drivers and Vehicles Licence Issuing Office (Văn Phòng Phát Bằng Xe và Bằng Lái Xe) địa phương. Vài sự thay đổi về chủ quyền, như các quà tặng giữa một số người được ấn định trong gia đình, được miễn thuế nếu có bằng chứng hợp pháp.

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 4, 1993, nếu bạn muốn bán xe của bạn qua tư nhân, bạn sẽ phải mua một tập sang nhượng xe và đưa tập này cho người mua, trước khi việc bán xe hoàn tất. Tập này sẽ có sẵn tại tất cả các Drivers and Vehicles Licence Issuing Offices (Văn Phòng Phát Bằng Xe và Bằng Lái Xe) và tại Bộ Giao Tế Thương Mại và Giới Tiêu Thụ (Ministry of Consumer and Commercial Relations). Những người tiêu thụ sẽ có lợi khi có chi tiết về lịch sử chiếc xe, các món nợ còn thiếu của chiếc xe và chi tiết về thuế bán lẻ.



Nếu bạn dự định mua hay bán xe cũ qua tư nhân và muốn có thêm tin tức, hãy gọi số điện thoại 1-800-263-7965 bằng tiếng Anh và 1-800-668-5821 bằng tiếng Pháp thôi. Hay là bạn có thể yêu cầu để có các cuốn sách nhỏ có tin tức. Chỉ cần gửi cho chúng tôi tờ phiếu "coupon", và chúng tôi sẽ gửi cho bạn tin tức **MIỄN PHÍ**.

 **Điện Thoại cho Người Điếc.** Hãy gọi số điện thoại 1-800-263-7776 (tiếng Anh & tiếng Pháp thôi).

Có, tôi muốn nhận thêm tin tức về **Chương Trình Thông Tin Về Xe Cũ (Used Vehicle Information Program)**.

Name: _____
(Tên)

Address: _____
(Địa chỉ)

City: _____ Postal Code: _____
(Thành phố) (Mã số bưu điện)

Send to: Ministry of Transportation
(Gửi đến) Communications and Public Education Branch
1st Floor, West Tower
1201 Wilson Avenue
Downview, Ontario
M3M 1J8

CHECK BOXES: (đánh dấu vào các ô)

☐ English/French ☐ Vietnamese

Chương Trình Thông Tin Về Xe Cũ
(Used Vehicle Information Program)

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui, anh chị BS NGUYỄN TRUNG TÍN, Toronto, sẽ làm lễ vu-quì cho ái-nữ

NGUYỄN HỒNG PHI PHƯỢNG

sánh duyên cùng cậu

TRƯƠNG MINH KHÁN

trưởng nam của ông bà TRƯƠNG MINH THẮNG, Việt-nam, hôn-lễ cử-hành ngày 28 tháng 11 năm 1992 tại Mississauga,

Xin chúc mừng anh chị Tín cùng hai họ, chúc các cháu Khán & Phi Phượng trăm năm hạnh-phúc.

*Vợ chồng Nguyễn Ngọc Ngạn
Vợ chồng Nguyễn Nghĩa*

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui, nhà văn NGUYỄN NGHĨA và bạn đời ĐẶNG NHUNG vừa cho chào đời tác-phẩm chung thứ ba, đặt tên là

NGUYỄN ĐẶNG KIM

nap bản tại Mississauga ngày 20.10.1992,

Văn-hữu bốn phương xin chúc mừng, và chúc cháu bé hay ăn chóng lớn mà cầm bút.

Đắc Trung	Vợ chồng Nguyễn Văn Ba
Vi-Vi Võ Hùng Kiệt	Hạ Trắng & Hà Huy Kinh
Ngô Ngọc Mỹ	Vợ chồng Lê Kim Sơn
Ngô Nguyên Dũng	Vợ chồng Trần Văn Dũng
Ngô Xuân Vinh	Vợ chồng Trần Mộng Lâm
Lâm Hào Dũng	Vợ chồng Thân-trọng An
Phan Thịnh	Trà Lũ và bà Trần Trung Lương
Lê Hữu Mục	Việt Chi và bà Nguyễn Hữu Quang
Lê Bạch Lựu	Vợ chồng Nguyễn Ngọc Ngạn
Đông Nghi	Thủy Trang và Nguyễn Bá Đình
Hồ Đắc Vũ	Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Đã phát-hành:

Phạm-hoàng Hộ

Cây cỏ Việtnam

Quyển II

Quyển II (cũng gồm 2 tập) dày 1174 trang, mô-tả vào 3420 loài của toàn cõi Việtnam, từ các loài Hoa-cánh-rơi đến Hoa-cánh-dính, từ các cây Đước, Vẹt, tiênphương mở rộng cõi-bờ, qua các loài trái ngon ngọt như Ôi, Nhãn, Xoài, Bưởi, Mít, Dẻ... giavị ngon như Húng, Tiatô... hoa đẹp như Trúcđào, đến các loài sống ở nước song vượt lên bờ trở bông như Rau-muống, loài bồ như Sâm, cailão hoàndồng như Hàthủô, trị huyếtáp cao như Bagat, đến loài trị ungthư như Dừa cạn...

Giá mỗi tập là 35 mỹkim hay 40 giakim. Có bán tại các nhà sách lớn và tại Làng-văn,

Tại Hoa-kỳ, có bán tại

Bác-sĩ Phạm-văn Hoàng
9625 Bolsa Avenue
Westminter, CA 92683
ĐT: (714) 531.8711

Quý vị đại-lý nên liên-lạc về

Phạm-thị Bạch-ngà
29 Palmerston
Mont-Royal, Que. H3P 1V1 Canada
ĐT và Fax: (514) 737.2142

SÁCH MỚI VỀ:

NỮ CHÚA HỒ BA BÉ

truyện dài Hoàng Ly

7,50MK - 10GK

SÔNG MỸ SÔNG VIỆT

truyện ngắn Huỳnh Hữu Cửu

6,50MK - 8,50GK

LINH MỤC NGƯỜI LÀ AI

truyện dài Lê Mộng Thường

17MK - 22GK

XẾP AL CAPONE III

truyện dài Lê Xuân Nhị

18MK - 23,50GK

TÌNH NGƯỜI BÊN KIA

CHIẾN TUYẾN

truyện dài

15MK - 19,50GK

DIỆP VỤ MÔI HỒNG

truyện dài Hùng Sơn

13MK - 17GK

VN TÔN GIÁO

CHÍNH TRỊ QUAN I VÀ II

trực thoại với Đỗ Mậu, nghị-luận

của LM Vũ Đình Hoạt

Giá mỗi tập: 24MK - 31GK

THÀNH ĐỒ GIÓ BỤI

truyện ngắn Nguyễn Văn Ba

12MK - 15,50GK

THĂNG NGỌ

truyện ngắn Nguyễn Hữu Trí.

12MK - 15,50GK

GIỌT NƯỚC MẮT THỦY-TINH

truyện ngắn Lê Thao Chuyên

12MK - 15,50GK

HỌC ANH VĂN

BẢNG THÀNH NGŨ

14MK - 18GK

TÌM PHẬT Ở ĐÀU

sách Phật học Minh Tâm

7MK - 9GK

KHÔNG TỬ

biên khảo Nguyễn Hiến Lê.

12MK - 15,50GK

TRUYỆN MIỀN NAM

biên khảo Võ Phiến

6MK - 8GK

NGHỀ LÀM VUA

truyện dài Lê Hằng

12MK - 15,50GK

GIẤC MƠ II

truyện dài Nguyễn Sa

12MK - 15,50GK

TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI

nghị luận văn học Đỗ Quý Toàn

14MK - 18GK

BIỂN ĐIỆN

truyện dài Túy Hồng

12MK - 15,50GK

TỬ VI TÂY PHƯƠNG

VÀ BÍ QUYẾT

12MK - 15,50GK

LÀNG XƯA PHỐ CŨ III

thơ văn nhiều tác giả

18MK - 23,50

HOA NẮNG TRÊN CAO

truyện dài Nguyễn Tư

10MK - 14GK

BẢY GIỜ NHẬT BẢN

BIẾT NÓI: KHÔNG

Nghị-luận Phạm Quốc Bảo

10MK - 13GK

GIÀN ĐÀU MƯA RUNG

truyện ngắn Nguyễn Đức Lập

12MK - 15,50GK

CÁ LỚN

truyện dài Đào Khanh

12MK - 15,50GK

GIÓ SÔNG HỒNG

truyện ngắn Linh Linh Ngọc

10MK - 22GK

VẮNG TIẾNG LOA XƯA

truyện ngắn Nguyệt Ánh

12MK - 15,50GK

ĐỨC MẸ NAM TỰ

sách Công-giáo

7MK - 9GK

MẸ TERESA

sách Công-giáo

7MK - 9GK

ANH MÙ VÀ ANH QUÊ

sách thiếu nhi bằng tranh màu,

song ngữ Việt Anh, Nguyễn

Ngọc Ngạn

15MK - 19,50GK

NÀNG NGUYÊN TIÊU

sách thiếu nhi bằng tranh màu,

song ngữ Việt Anh, Nguyễn

Ngọc Ngạn

15MK - 19,50GK

MÈO VÀ CHUỘT

sách thiếu nhi bằng tranh màu

song ngữ Việt Anh, Nguyễn

Ngọc Ngạn

15MK - 19,50GK

SÓNG LỪNG MAFIA

truyện dài Triệu Xuân

12MK - 15,50GK

TỰ HỌC TÂY BAN CẨM

SƠ CẤP

sách học đàn, Lê Thu

10MK - 13GK

XÂY DỰNG MỘT NƯỚC VN

HẬU CS

Khuất Nguyên Nguyễn Đình

Phùng

12MK - 15,50GK

TRIỆU NĂM TRƯỚC,

NGÀN NĂM SAU

Sách khoa-học thường-thức

Trần Hồng Văn

12MK - 15,50GK

CÂY TRÁI QUÊ MINH

Truyện xóm cũ, Nguyễn Văn

Ba & Huỳnh Hữu Cửu

10MK - 13GK

KHÔI SÚNG

Truyện dài, Phạm Kim Khôi

8MK - 10,50GK

2000 NGÀY ĐÊM

TRẦN-THỦ CỬ CHI

Ký-sự của Xuân Vũ

12MK - 15,50GK

BÓNG NGÀY QUA

Bút ký, Trần Sĩ Huân

12MK - 15,50GK

CHỚP MẮT MỘT THỜI

Truyện dài, Nhã Ca

14MK - 18GK

TÌM HỌC ANH-VĂN THỦ-VỊ

Chuẩn Tú Huệ Nguyễn

6MK - 8GK

TRUYỆN MIỆT VƯỜN

Truyện ngắn, Hồ Trường An

16MK - 21GK

TỘI ÁC TRÊN THẾ-GIỚI

Trần Kiêm Thêm

8MK - 10,50GK

NAM-KỶ LỤC TỈNH II

Huà Hoàn

13MK - 17GK

THƯ-TỪ GIAO-THIỆP

HÀNG NGÀY

7MK - 9GK

QUẢNG GÁNH LO ĐI

VÀ VUI SỐNG

Nguyễn Hiến Lê

7,50 - 10GK

BẢY BƯỚC ĐẾN

THÀNH-CÔNG

Nguyễn Hiến Lê

6,50MK - 8,50GK

BÍ-QUYẾT GÂY VỐN

LÀM GIÀU

Nguyễn Duy Hinh

6MK - 8GK

GIÚP CHỒNG THÀNH-CÔNG

Nguyễn Hiến Lê

6,50MK - 8,50GK

THUẬT LÃNH-ĐẠO

Hoàng Xuân Việt

10MK - 13GK

GÂY THIỆN CẢM

Hoàng Xuân Việt

6MK - 8GK

GIAI-THOẠI LÀNG NHỎ

Lăng Nhân

22MK - 28GK

CHƠI CHỮ

Lăng Nhân

8MK - 10,50GK

XÓM CẦU MỚI

Truyện dài, Nhất Linh

18MK - 23,50GK

KHOA XEM CHỈ TAY

5,50MK - 7,50GK

TỰ-DO ĐẦU TIÊN

VÀ CUỐI CÙNG

Krishnamurti, Phạm Công

Thiện

18MK - 23,50GK

ĐẶC-SAN SỬ-ĐỊA

HOÀNG-SA, TRƯỜNG-SA

Biên-khảo, nhiều tác-giả

13MK - 17GK

BỤI VÀ RÁC

Truyện dài, Nguyễn Xuân

Hoàng

13MK - 17GK

PHẬT HỌC VÀ KHÁI-LUẬN

Biên-khảo

20MK - 26GK

LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT

ĐỜI NGƯỜI ĐÀN BÀ

Biên-khảo

14MK - 18GK

HOA TÂM TƯ

Thơ Song Hương

8MK - 10GK

THẠCH KIẾM 4

Truyện dài Tự Tính

15MK - 19,50GK

TÌNH NGƯỜI

Tuyển-tập truyện ngắn hay

nhất của Na-uy, Dương Kim

tuyển dịch

10MK - 13GK

CÁP MẮT QUAY LẠI

Truyện ngắn Nguyễn Đức Lập

12MK - 15,50GK

• **Độc-giả dài hạn Làng Văn có mã-số) được bớt 10% khi mua sách và băng nhạc do Làng Văn phát-hành.**

• **Giá sách và băng trên đây bao gồm cả cước-phí đường thủy, bộ) và thuế dịch-vật (cho độc-giả cư-ngụ trong Gia-nã-đại).**

• **Thư-từ, chỉ-phiếu xin đồ và gửi về:**

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Stn. 'W'

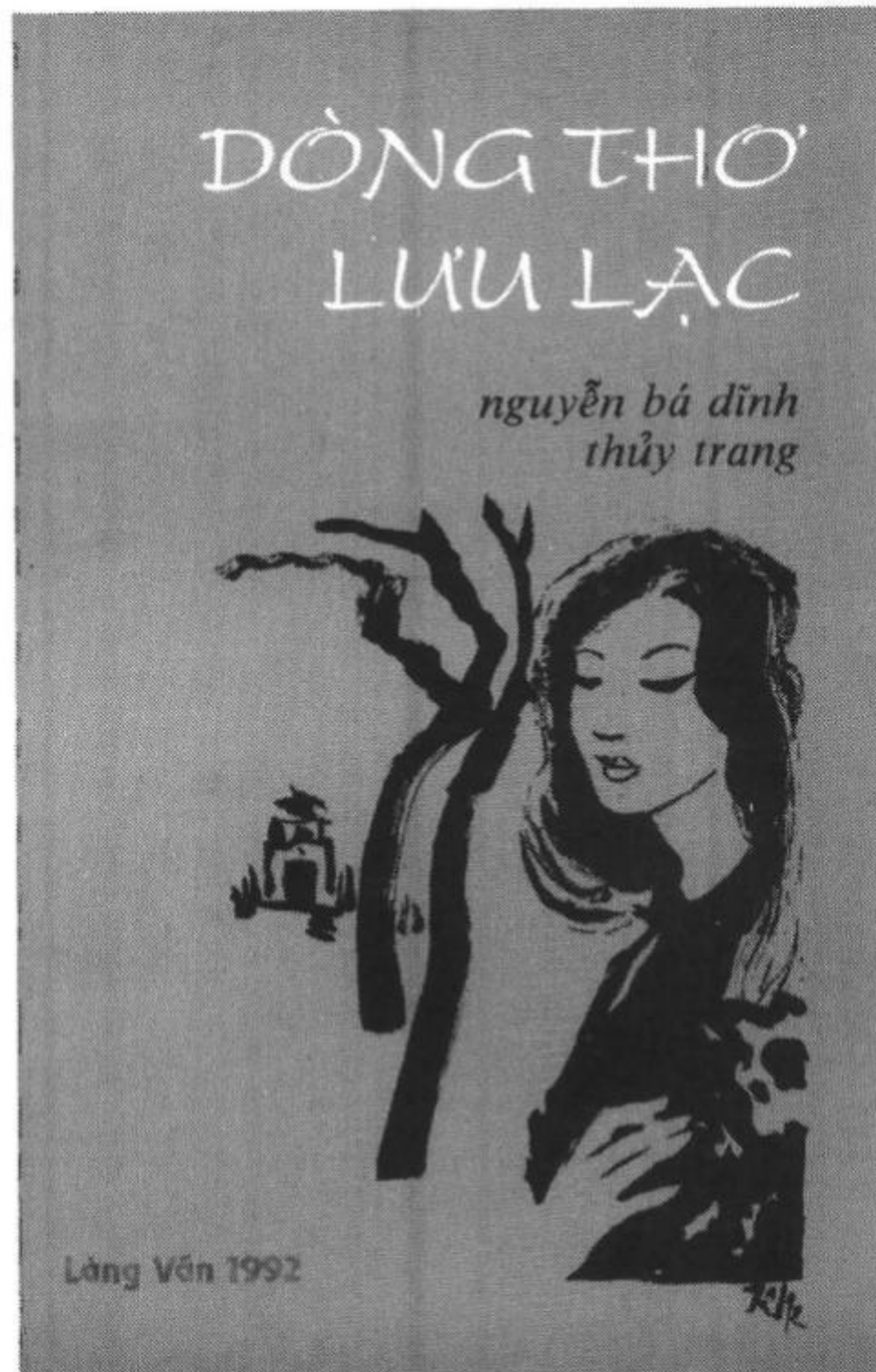
Toronto, ON

M6M 5B9 - Canada

LANG VAN IS PUBLISHED MONTHLY, SECOND CLASS POSTAGE PAID
LEWISTON, NY 14092 - U.S.P.S. #008728

Đã phát-hành khắp nơi:

Tập thơ thứ hai của Bá Dĩnh và Thuỷ Trang



Giá 8 mỹ-kim (10 gia-kim)

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada

Đã phát-hành khắp nơi,

cung vũ
nguyệt bạch



LÀNG VĂN

Giá 10 mỹ-kim (12 gia-kim - 80 quan Pháp - 15 úc kim)

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada
Tel. (416) 249-4195 - Fax: (416) 240-0342